TS. ĐỖ THỊ VÂN HƯƠNG

PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI CÁC ĐẢO VEN BỜ VIỆT NAM

(XÉT TRƯỜNG HỢP ĐẢO QUAN LẠN VÀ ĐẢO LÝ SƠN)

(Sách chuyên khảo)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

TS. Đỗ Thị Vân Hương

PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI CÁC ĐẢO VEN BỜ VIỆT NAM
(XÉT TRƯỜNG HỢP ĐẢO QUAN LẠN VÀ ĐẢO LÝ SƠN)

(Sách chuyên khảo)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
NĂM 2025

LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, ngành du lịch đóng vai trò quan trọng, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần bảo tồn di sản văn hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy sự phát triển bền vững tại các địa phương. Trong số các loại hình du lịch, du lịch biển đảo tại Việt Nam phát triển như một lĩnh vực đầy tiềm năng nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức trong việc đảm bảo sự phát triển bền vững về môi trường, kinh tế và xã hội.

Các đảo ven bờ Việt Nam, với vị trí chiến lược, hệ sinh thái phong phú, tài nguyên thiên nhiên và nhân văn đặc sắc, đang thu hút sự quan tâm từ du khách trong và ngoài nước. Hiện nay, du lịch biển đảo được nhận định như một động lực quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Với trên 3.000 hòn đảo lớn nhỏ cùng đường bờ biển trải dài khoảng 3.260km, nước ta sở hữu nguồn tài nguyên du lịch biển đảo phong phú, đa dạng, mang giá trị cả về sinh thái, văn hóa và lịch sử. Tuy nhiên, trong bối cảnh biến đổi khí hậu, gia tăng dân số và áp lực từ khai thác du lịch đại trà, bài toán đặt ra cho Việt Nam không chỉ phát triển du lịch, mà còn phát triển du lịch một cách bền vững – đặc biệt tại khu vực đảo ven bờ, nơi ranh giới giữa bảo tồn và khai thác đang trở nên khó khăn. Cuốn sách chuyên khảo *"Phát triển du lịch bền vững tại các đảo ven bờ Việt Nam – Xét trường hợp đảo Quan Lạn và đảo Lý Sơn"* được xây dựng nhằm góp phần lý giải từ góc nhìn học thuật kết hợp thực tiễn, qua lăng kính phân tích đa chiều về tiềm năng, hiện trạng, định hướng phát triển du lịch tại hai đảo ven bờ.

Đảo Quan Lạn (tỉnh Quảng Ninh) với vẻ đẹp hoang sơ, những bãi biển nguyên vẹn và đời sống cộng đồng giàu bản sắc, hiện đang trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển du lịch. Quan Lạn là minh chứng sống động cho một điểm đến giàu tiềm năng nhưng có nhiều cơ hội để thiết lập chiến lược khai thác hợp lý, hài hòa giữa phát triển và bảo tồn. Ngược lại, đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi), với tên gọi "vương quốc tỏi" và hệ thống di sản văn hóa – địa chất phong phú, đã trở thành điểm đến du lịch nổi bật, thu hút du khách trong những năm gần đây. Tuy nhiên, tốc độ phát triển ngành du lịch nhanh

chóng tại Lý Sơn cũng kéo theo những hệ lụy về môi trường, không gian sống và áp lực lên hạ tầng – cho thấy những giới hạn nếu phát triển thiếu bền vững. Địa bàn hai đảo ở hai trạng thái phát triển khác nhau – một đang khởi đầu phát triển du lịch, một đang ở giai đoạn phát triển nhanh. Do đó, nội dung cuốn sách không chỉ mang tính đối sánh, mà còn gợi mở những bài học kinh nghiệm, những giải pháp quản lý du lịch tại các đảo ven bờ Việt Nam. Đây là cơ sở để nghiên cứu, đánh giá và đề xuất các mô hình phát triển du lịch biển đảo Việt Nam theo hướng bền vững, toàn diện, có trách nhiệm.

Cuốn sách chuyên khảo ra đời nhằm cung cấp một cách tiếp cận đa chiều, liên ngành, phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, đào tạo và tham vấn phát triển du lịch. Sách được biên soạn hướng đến đối tượng là sinh viên chuyên ngành du lịch, quản lý tài nguyên, phát triển bền vững, cũng như những học giả quan tâm đến lĩnh vực phát triển bền vững du lịch biển đảo.

Sách gồm bốn chương, kết hợp giữa lý luận nền tảng và phân tích thực tiễn cụ thể:

Chương 1: Tổng quan về phát triển du lịch biển đảo bền vững – giới thiệu các khái niệm như du lịch biển đảo, sản phẩm du lịch, du lịch bền vững; đồng thời khái quát hệ thống đảo và huyện đảo ven bờ Việt Nam trong mối tương quan với điều kiện phát triển du lịch.

Chương 2: Đặc điểm hệ thống đảo, các đảo ven bờ và hiện trạng phát triển du lịch các đảo ven bờ Việt Nam – trong đó, hệ thống đảo, các đảo ven bờ Việt Nam phân bố từ tỉnh Quảng Ninh đến tỉnh Kiên Giang được thể hiện. Bên cạnh đó, tài nguyên, loại hình, sản phẩm và hiên trạng phát triển du lịch một số đảo ven bờ được phân tích trong nội dung chương.

Chương 3: Hiện trạng phát triển bền vững du lịch biển đảo – nghiên cứu trường hợp đảo Quan Lạn và đảo Lý Sơn. Nội dung chương tập trung phân tích chi tiết tiềm năng, hiện trạng phát triển du lịch, cơ sở hạ tầng, sản phẩm du lịch, và đánh giá mức độ bền vững tại hai đảo đại diện. Việc sử dụng công cụ phân tích SWOT giúp làm rõ những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển du lịch tại từng địa phương.

Chương 4: Một số giải pháp phát triển bền vững du lịch biển đảo, các đảo ven bờ Việt Nam – đưa ra định hướng chiến lược, giải pháp cụ thể cho phát triển du lịch bền vững tại vùng biển đảo, các đảo ven bờ, xét

trường hợp đảo Quan Lạn và Lý Sơn đến năm 2030, tầm nhìn 2045; đồng thời đề xuất các giải pháp khuyến nghị áp dụng cho các đảo ven bờ khác của Việt Nam.

Phần Kết luận và Kiến nghị tổng hợp những phát hiện chính và đưa ra các khuyến nghị thiết thực, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch biển đảo bền vững gắn với bảo tồn tài nguyên, sinh kế và nâng cao đời sống cộng đồng địa phương.

Cuốn sách không chỉ là tài liệu học tập và nghiên cứu hữu ích, mà còn góp phần định hướng chiến lược phát triển bền vững du lịch đảo, phù hợp với chủ trương phát triển xanh, bao trùm và có trách nhiệm Việt Nam trong tương lai.

Trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả!

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 12
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN ĐẢO BỀN VỮNG 17
1.1. Các khái niệm 17
1.1.1. Du lịch biển đảo 17
1.1.2. Sản phẩm du lịch 17
1.1.3. Đặc trưng sản phẩm du lịch và sản phẩm du lịch biển đảo 18
1.2. Du lịch bền vững và phát triển du lịch bền vững 23
1.2.1. Lý luận chung về phát triển du lịch bền vững 24
1.2.2. Vai trò của phát triển du lịch bền vững 32
1.3. Kinh nghiệm từ một số mô hình phát triển du lịch bền vững trên thế giới và Việt Nam 43
1.3.1. Một số mô hình phát triển du lịch biển đảo định hướng bền vững 43
1.3.2. Kinh nghiệm cho phát triển du lịch bền vững khu vực đảo ven bờ Việt Nam 47
CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM HỆ THỐNG ĐẢO, CÁC ĐẢO VEN BỜ VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHU VỰC ĐẢO VEN BỜ VIỆT NAM 49
2.1. Khái quát về hệ thống đảo và huyện đảo ven bờ Việt Nam 49
2.1.1. Điều kiện tự nhiên 50
2.1.2. Vị thế và tài nguyên thiên nhiên 54
2.1.3. Các huyện đảo của Việt Nam 56
2.2. Tài nguyên du lịch của khu vực đảo ven bờ 57

2.3. Loại hình và sản phẩm du lịch biển đảo khu vực đảo ven bờ Việt Nam 68
2.3.1. Loại hình du lịch biển đảo khu vực đảo ven bờ Việt Nam.....69
2.3.2. Sản phẩm du lịch biển đảo khu vực đảo ven bờ Việt Nam 71
CHƯƠNG 3. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐẢO QUAN LẠN VÀ ĐẢO LÝ SƠN 80
3.1. Tiềm năng, hiện trạng phát triển du lịch đảo Quan Lạn, tỉnh Quảng Ninh 80
3.1.1. Vị trí địa lý.....80
3.1.2. Tài nguyên du lịch.....80
3.1.3. Hiện trạng phát triển du lịch tại đảo Quan Lạn 83
3.2. Tiềm năng, hiện trạng phát triển du lịch đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.....99
3.2.1. Ví trí địa lý.....99
3.2.2. Tài nguyên du lịch đảo Lý Sơn 100
3.2.3. Hiện trạng phát triển du lịch đảo Lý Sơn 109
3.3. Sử dụng ma trận SWOT đánh giá tiềm năng phát triển du lịch đảo 114
3.3.1 Trường hợp đảo Quan Lạn 114
3.3.2. Trường hợp đảo Lý Sơn 118
3.4. Đánh giá mức độ bền vững du lịch đảo Quan Lạn và đảo Lý Sơn..... 123
3.4.1. Hiện trạng phát triện du lịch bền vững của ngành du lịch tại 2 đảo 123
3.4.2. Đánh giá tổng hợp thực trạng phát triển du lịch Đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn theo các tiêu chí đánh giá PTDLBV.....142
CHƯƠNG 4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH BIỂN ĐẢO, CÁC ĐẢO VEN BỜ VIỆT NAM.....148
4.1. Cơ sở và định hướng đề xuất giải pháp.....148
4.1.1. Chiến lược phát triển du lịch biển đảo Việt Nam.....148

4.1.2. Định hướng phát triển chủ yếu 149
4.1.3. Một số định hướng khác 152
4.2. Một số định hướng cơ bản phát triển DLBV đảo Quan Lạn, tỉnh Quảng Ninh và đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi 154
4.2.1. Một số định hướng cơ bản phát triển du lịch bền vững đảo Quan Lạn 154
4.2.2. Định hướng phát triển du lịch bền vững đảo Lý Sơn 158
4.3. Đề xuất một số giải pháp phát triển bền vững du lịch các đảo ven bờ Việt Nam 161
TÀI LIỆU THAM KHẢO 178
PHỤ LỤC 187

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tiêu chí đánh giá mức độ PTDLBV đảo dưới góc độ kinh tế.....40
Bảng 1.2. Tiêu chí đánh giá mức độ PTDLBV đảo dưới góc độ xã hội.....40
Bảng 1.3. Tiêu chí đánh giá mức độ PTDLBV đảo dưới góc độ môi trường.....41
Bảng 2.1. Các nhóm đảo phân chia theo diện tích.....50
Bảng 2.2. Số lượng và diện tích hệ thống đảo ven bờ Việt Nam theo các vùng.....50
Bảng 2.3. Phân loại 84 đảo có diện tích ≥ 1 km^2 theo diện tích và vùng phân bố.....51
Bảng 2.4 Lượng khách nội địa, quốc tế đến một số đảo lớn ven biển Việt Nam giai đoạn 2015 – 2019.....77
Bảng 2.5. Tổng thu từ du lịch tại một số đảo lớn ven biển Việt Nam.....78
giai đoạn 2015 – 2019.....78
Bảng 3.1. Lượng khách nội địa, quốc tế đến đảo Lý Sơn giai đoạn 2015 – 2023.....112
Bảng 3.2. Phân tích SWOT đánh giá về HĐDL trên đảo Quan Lạn.....115
Bảng 3.3. Phân tích SWOT đánh giá về hoạt động du lịch trên đảo Lý Sơn.....119

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Phát triển DLBV đảm bảo hài hòa 3 khía cạnh: xã hội, kinh tế và môi trường.....26

DANH MỤC CÁC TỪ, CỤM TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt		Nghĩa đầy đủ
BĐKH	:	Biến đổi khí hậu
CSLT	:	Cơ sở lưu trú
CSVC	:	Cơ sở vật chất
CSVCKT	:	Cơ sở vật chất kỹ thuật
DLBV	:	Du lịch bền vững
DLST	:	Du lịch sinh thái
ĐVHC	:	Đơn vị hành chính
KT-XH	:	Kinh tế - xã hội
KDL	:	Khách du lịch
LHDL	:	Loại hình du lịch
PTBV	:	Phát triển bền vững
PTDL	:	Phát triển du lịch
PTDLBV	:	Phát triển du lịch bền vững
PTKT	:	Phát triển kinh tế
SPDL	:	Sản phẩm du lịch

MỞ ĐẦU

Du lịch là ngành kinh tế phát triển nhanh, đang trở thành một trong những ngành kinh tế hàng đầu của nhiều địa phương và quốc gia trên thế giới. Đối với nước ta, Đảng và Nhà nước xác định vai trò quan trọng của du lịch trong nền kinh tế quốc dân, khẳng định mục tiêu phát triển du lịch (PTDL) trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhất quán, xuyên suốt từ nhiều năm qua để đạt được mục tiêu này.

Việt Nam là một trong số ít quốc gia có nhiều lợi thế về tài nguyên biển. Với trên 3.260km đường bờ biển, hơn 1 triệu km^2 vùng đặc quyền kinh tế biển (gấp 3 lần diện tích đất liền) cùng với gần 3.000 đảo ven bờ, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Việt Nam có hệ thống tài nguyên du lịch biển phong phú để phát triển ngành du lịch gắn với biển. Biển Việt Nam dài, đẹp, lại chứa đựng nhiều nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng với trữ lượng, quy mô thuộc loại khá, cho phép phát triển nhiều lĩnh vực kinh tế biển. Trong vùng biển này, bên cạnh tiềm năng lớn về hải sản, có nhiều vũng, vịnh, hang động, dạng địa hình, văn hóa truyền thống trên đảo, bãi tắm…, là điều kiện thuận lợi để PTDL biển, đảo.

Nằm trong vịnh Bắc Bộ, đảo Quan Lạn thuộc vùng vịnh Bái Tử Long, đây là tuyến đảo phía ngoài cùng của vịnh Bắc Bộ, toàn đảo có diện tích 11 km². Trên đảo có 2 xã thuộc tỉnh Quảng Ninh, đó là xã Quan Lạn và xã Minh Châu. Đảo Quan Lạn (Quảng Ninh) được biết đến là điểm du lịch biển đẹp, hấp dẫn du khách bởi không gian trong xanh khoáng đạt, cảnh quan nguyên sơ, trong lành. Trên đảo còn có nhiều di tích văn hóa, lịch sử ghi dấu những chiến công hiển hách của cha ông trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Đảo cách Hà Nội 195km, cách TP Hạ Long (Quảng Ninh) 55km đường biển. Hiện nay, nét hoang sơ và bình dị của đảo Quan Lan đã thu hút khách du lịch (KDL) đến tham quan.

Đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) còn gọi là Cù Lao Ré, cách cửa biển Sa Kỳ thuộc xã Bình Châu hơn 14 hải lý (tương đương 30km). Đảo Lý Sơn có diện tích khoảng 10km²; với 3 xã An Vĩnh, An Hải và đảo bé An Bình. Nhờ sự kiến tạo của tự nhiên mà Lý Sơn là nơi có nhiều thắng cảnh nổi tiếng như:

Chùa Hang, Chùa Đục, Hang Câu, Cổng Tò Vò, Hòn Mù Cu, bãi Sau của đảo bé An Bình, đặc biệt là hai miệng núi lửa Giếng Tiền, Thới Lới... Với cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp này, Lý Sơn đang được nhiều du khách trong và ngoài nước chọn làm điểm đến du lịch. Vẻ đẹp hoang sơ, những cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, rạng ngầm, Lý Sơn là nơi có những kiến tạo địa chất độc đáo từ sự hòa quyện giữa núi, biển và hoạt động phun trào của núi lửa cách đây hàng triệu năm. Đây cũng là hòn đảo giàu bản sắc văn hóa, tình người mộc mạc và vùng phụ cận trở thành Công viên địa chất toàn cầu.

Bên cạnh đó, Lý Sơn còn là nơi hội tụ của những di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng; ba lớp cư dân Sa Huỳnh - Chămpa - Việt đã gắn bó chặt chẽ với sự hình thành và phát triển của đơn vị. Tất cả những tiềm năng, thế mạnh sẵn có trên đảo đã và đang được khơi dậy, phát huy để Lý Sơn thúc đẩy phát triển văn hóa - du lịch trong thời kỳ đổi mới.

Hiện nay, đảo Quan Lạn do số lượng khách tham quan chưa nhiều nên những tác động về mặt tài nguyên, môi trường chưa biểu hiện rõ. Trong khi, với sự phát triển du lịch nhanh chóng, đảo Lý Sơn xuất hiệu nhiều vấn đề cần giải quyết. Trên thực tế, sản phẩm du lịch đảo Quan Lạn, đảo Lý Sơn vẫn còn thiếu và yếu, nhất là các dịch vụ lưu trú, các hoạt động vui chơi ngoài trời. Tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn chưa được xử lý triệt để, hệ thống giao thông thủy, giao thông đường bộ hạn chế; thiếu các bãi tắm được đầu tư bài bản; các điểm di tích được xếp hạng di tích quốc gia, điểm tham quan du lịch còn thiếu, thiếu đội ngũ thuyết minh viên hướng dẫn, giới thiệu cho du khách… Việc khai thác tài nguyên và PTDL tại hai đảo còn nhiều hạn chế, chưa thực sự hiệu quả… Để giải quyết các vấn đề trên, phát triển bền vững du lịch biển, đảo tại Quan Lạn và Lý Sơn trong thời gian tới là việc làm cấp thiết, hiệu quả, bền vững và có trách nhiệm.

Nhận thức được những tiềm năng, lợi ích do du lịch đem lại, một số đảo ven bờ trong đó đảo Quan Lạn, đảo Lý Sơn đã có nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp cụ thể đẩy mạnh phát triển du lịch. Nhiều năm qua, lượng KDL liên tục tăng trưởng với tốc độ khá, doanh thu, giá trị tăng thêm đạt mức tăng trưởng cao; cơ sở vật chất (CSVC) phát triển; vốn đầu tư cho du lịch tăng đều qua các năm, theo hướng đẩy mạnh xã hội hoá…

Xét chung, so với tiềm năng, sự phát triển của du lịch của các đảo ven bờ Việt Nam nói chung, đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn nói riêng chưa đạt được

mức tương xứng và còn nhiều hạn chế đáng kể, thể hiện trên các mặt: Chất lượng, tính đa dạng của sản phẩm du lịch (SPDL), chất lượng và tính đồng bộ của hệ thống CSVC, chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch, công tác quản lý hoạt động du lịch,… Đặc biệt, từ góc độ phát triển bền vững, hoạt động du lịch (HĐDL) một số đảo ven bờ đang bộc lộ những vấn đề đáng quan tâm: Tăng trưởng của ngành du lịch chưa vững chắc; tốc độ, mức độ ổn định của tăng trưởng du lịch, HĐDL gây không ít tác động tiêu cực tới TNDL, tới môi trường tự nhiên, xã hội, tới việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể; một số ngoại ứng tiêu cực từ du lịch tới cộng đồng… Những hạn chế, yếu kém trên ảnh hưởng trực tiếp đến PTDL của một số đảo ven bờ cả trước mắt cũng như về lâu dài.

Bởi vậy cần thiết nghiên cứu phát triển du lịch bền vững tại các đảo ven bờ Việt Nam (xét trường hợp đảo Quan Lạn và đảo Lý Sơn) để xác lập cơ sở khoa học phát triển bền vững du lịch biển, đảo tại đảo Quan Lạn và đảo Lý Sơn trên quan điểm PTBV.

Nội dung cuốn sách tiếp cận trên quan điểm hệ thống, tổng hợp, quan điểm lãnh thổ, quan điểm lịch sử, quan điểm phát triển bền vững. Trong đó, quan điểm hệ thống-tổng hợp giữ vai trò chủ đạo ở việc lựa chọn phương pháp (các phương pháp đánh giá tổng hợp) và nội dung đánh giá (phân tích tổng hợp hiện trạng PTDL tại địa phương); lựa chọn các tiêu chí, chỉ tiêu và trọng số đánh giá trên cơ sở phân tích tổng hợp các yếu tố về tự nhiên, nhân văn. Quan điểm lãnh thổ nhằm xác định không gian nghiên cứu, phạm vi các thể tổng hợp ĐLTN, loại dạng TNDL và thể hiện chúng trên bản đồ. Quan điểm lịch sử cho rằng phải xem xét, đánh giá các sự vật, hiện tượng trong quá trình biến đổi và phát triển. Lựa chọn các LHDL và điểm du lịch dựa trên phân tích hiện trạng phát triển, nhu cầu và xu thế phát triển trong tương lai. Đây cũng là cơ sở để đưa ra định hướng sử dụng hợp lý TNDL theo các loại hình du lịch (LHDL) và không gian lãnh thổ nghiên cứu. Quan điểm Phát triển bền vững chi phối việc định hướng và đề xuất các giải pháp phát triển từng LHDL, từng điểm du lịch, bố trí không gian PTDL.

Về tiếp cận đánh giá sự phát triển bền vững trong du lịch. Để đánh giá tính bền vững của các HĐDL, cần phải có những phương thức thích hợp. Những phương thức này, một mặt để đo sự thành công của công tác điều hành, quản lý du lịch, mặt khác xây dựng hệ thống cảnh báo giúp cho các nhà quản lý phát hiện sớm tình trạng lâm nguy của một điểm du lịch để đề

xuất những giải pháp cụ thể, kịp thời và hiệu quả, nhất là với khu vực đảo ven bờ - khu vực có tính nhạy cảm cao trong PTDL.

Hiện nay các phương thức đánh giá tính bền vững của du lịch có nhiều cách khác nhau: Đánh giá tính bền vững dựa vào sức chứa; Đánh giá theo phương pháp PRA (participatory rapid appraisal – đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng) dựa vào bộ chỉ tiêu của tổ chức du lịch thế giới (UNWTO), bộ tiêu chí phát triển bền vững của Việt Nam.

Nội dung chuyên sâu của cuốn sách là kết quả của việc vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu:

- *Phương pháp thu thập, phân tích và xử lí số liệu:* Đây là phương pháp tương đối quan trọng trong quá trình nghiên cứu, những thông tin, báo cáo, số liệu, tài liệu có liên quan... đều được thu thập, cập nhật từ các nguồn khác nhau và được phân loại theo từng mục tiêu sử dụng đối với từng nội dung cụ thể; sau đó tiến hành xử lí, phân tích để rút ra những kết luận cần thiết và làm cơ sở cho những nhận định kết quả nghiên cứu.

- *Phương pháp thực địa:* Phương pháp khảo sát thực địa nhằm thu thập, hoàn chỉnh tài liệu và kiểm chứng kết quả nghiên cứu so với thực tiễn.

- *Phương pháp điều tra, phỏng vấn:* được áp dụng khi lấy thông tin khảo sát về đánh giá mức độ, hiệu quả kinh tế du lịch tại các đảo, lấy ý kiến các doanh nghiệp du lịch; lấy ý kiến khách du lịch, ý kiến người dân địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Số lượng mẫu được tính theo công thức Slovin (1984): $n = N/(1+ N.e^2)$. Trong đó: n là quy mô mẫu; N là tổng thể; chọn khoảng tin cậy 95%, mức sai lệch cho phép là e = 5%. Tổng số KDL tại thời điểm điều tra khoảng 1500 khách. Từ đó, có kết quả số mẫu cần điều tra là 315. Để đảm bảo tránh sai số, tổng số phiếu được điều tra là 320 phiếu. Thực hiện bằng bảng hỏi với 320 phiếu, phỏng vấn ngẫu nhiên đối với KDL tại 2 đảo: các địa điểm điều tra gồm bãi tắm Minh Châu, Đình Quan Lạn (đảo Quan Lạn); Chùa Đục, Hang Câu, Chùa Hang, khu vực Thạch cổng Tò Vò, Nhà trưng bày đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải, Đảo Bé (khu vực đảo Lý Sơn) để tiến hành phân tích, xác nhận các SPDL xanh của huyện đảo. Thời gian khảo sát tiến hành từ tháng 3 - tháng 7/2022, hình thức khảo sát online và trực tiếp. Số phiếu điều tra KDL tại đảo Quan Lạn là 120 phiếu, tại đảo Lý Sơn là 200 phiếu do năm 2022, lượng KDL mùa cao điểm tại đảo Lý Sơn cao hơn ở

Quan Lạn.

Với cộng đồng dân cư 2 đảo Quan Lạn và Lý Sơn, 100 người dân sinh sống tại mỗi đảo được lựa chọn phỏng vấn ngẫu nhiên, tương ứng 100 phiếu/mỗi đảo. Trong đó với Đảo Quan Lạn, phiếu phỏng vấn gồm 60 phiếu điều tra tại xã Quan Lạn và 40 phiếu điều tra tại xã Minh Châu (do số dân ở xã Quan Lạn lớn hơn ở Minh Châu); phiếu điều tra tại đảo Lý Sơn gồm 90 phiếu điều tra lại đảo lớn Lý Sơn và 10 phiếu ở đảo bé.

Phương pháp phỏng vấn sâu được tác giả tiến hành thực hiện với 06 cán bộ quản lý văn hoá của 2 huyện đảo, 10 cán bộ quản lý doanh nghiệp du lịch và trao đổi trực tiếp với người dân địa phương nhằm xác định định hướng, nhu cầu phát triển SPDL xanh của đảo.

- *Phương pháp đánh giá*:

Quy trình đánh giá được tiến hành theo 3 bước: xây dựng thang đánh giá, đánh giá riêng và đánh giá tổng hợp.

Xây dựng thang đánh giá:

Là bước quan trọng và quyết định nhất tới kết quả đánh giá. Thang đánh giá riêng được xây dựng qua các bước sau:

- Lựa chọn các tiêu chí đánh giá: lựa chọn phụ thuộc nhiều vào đối tượng và mục đích đánh giá. Đây là bước khá cấp thiết và phức tạp.

- Xác định các bậc (mức) đánh giá: Mức đánh giá qua 3, 4 hoặc 5 bậc từ cao xuống thấp, từ tốt đến xấu, ứng với các mức độ thuận lợi khác nhau. Tuy nhiên, với mục đích đánh giá phục vụ PTDL thì không có yếu tố nào ở mức không thuận lợi mà chỉ ở các mức độ thuận lợi nhiều hay ít. Thang chỉ tiêu thường được sử dụng là thang 4 bậc: Rất hấp dẫn: 4 điểm; khá hấp dẫn 3 điểm, bình thường: 2 điểm, Kém hấp dẫn: 1 điểm// Rất tốt: 4 điểm; Tốt 3 điểm, Khá tốt: 2 điểm, Không tốt: 1 điểm// Rất cao: 4 điểm; Cao 3 điểm, Trung bình: 2 điểm, Thấp: 1 điểm. Tuy nhiên có thang 5 bậc.

- Lựa chọn chỉ tiêu đánh giá: Việc xác định các chỉ tiêu cụ thể ứng với mỗi bậc có tính chất định lượng để so sánh các kết quả đánh giá với nhau.

- Xác định trọng số của chỉ tiêu: Xác định dựa theo phương pháp ma trận và phương pháp chuyên gia. Các chỉ tiêu quan trọng xuất hiện nhiều lần có trọng số là 3 và giảm dần theo mức độ quan trọng.

Đánh giá riêng:

Nội dung này được tiến hành với từng yếu tố đánh giá. Điểm đánh giá riêng của từng yếu tố là điểm của chỉ tiêu đó ứng với thang đánh giá nhân với trọng số của yếu tố đó. Như vậy, điểm đánh giá riêng cao nhất của một yếu tố với bậc cao nhất và có hệ số cao nhất (ví dụ là 3 trong 3 hệ số 1, 2, 3) là 4 x 3 = 12. Còn điểm đánh giá riêng thấp nhất là các bậc thấp nhất của các yếu tố có hệ số thấp sẽ là: 1 x 1= 1.

Mức đánh giá điểm theo tiêu chí theo từng thang điểm và phần trăm:

STT	Thang điểm/phần trăm	Cao (C)	Khá cao (KC)	Trung bình (TB)	Khá Thấp (T)	thấp (RT)
1	%	100≥C>80	80≥KC>60	60≥TB>40	40≥T>20	20≥RT>0
2	4	4≥C>3	3≥KC>2	2≥TB>1	1≥T>0	
3	5	5≥C>4	4≥KC>3	3≥TB>2	2≥T>1	1≥RT>0

Chú thích:C: cao, KC: khá cao, TB: trung bình, KT: khá thấp, T: Thấp, RT: rất thấp

- *Phương pháp SWOT (Strengths, Weaknesses; Opportunities, Threats)* được sử dụng để phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức dựa trên hiện trạng PTDL của khu vực nghiên cứu và kết quả phân tích đánh giá TNDL, tiềm năng và hiện trạng PTBV du lịch địa phương. Kết quả phân tích SWOT là cơ sở trong việc đưa ra những định hướng và giải pháp khai thác tốt lợi thế TNDL của đảo, góp phần PTDL hướng tới mục tiêu PTDLBV tại các đảo ven bờ của Việt Nam.

- *Phương pháp chuyên gia*: được áp dụng khi lấy ý kiến tư vấn của các chủ doanh nghiệp, truyền thông, các chuyên gia nghiên cứu và PTDL, các nhà du lịch học… phục vụ việc xây dựng SPDL đặc thù; xác định LHDL xanh bền vững;

Dựa trên các phương pháp nghiên cứu, kết quả thể hiện trong nội dung cuốn sách được xác định, có tính khoa học, chuyên sâu, phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu của sinh viên, học viên các ngành học thuộc lĩnh vực Du lịch, Địa lý, Tài nguyên và Môi trường.

Chương 1
TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN ĐẢO BỀN VỮNG

1.1. Các khái niệm

1.1.1. Du lịch biển đảo

Du lịch có nhiều loại hình khác nhau, dựa trên đặc điểm tài nguyên, sự phân bố… du lịch được chia thành nhiều loại hình như: du lịch miền núi, du lịch đô thị, du lịch đồng quê, du lịch biển đảo… Từ đặc điểm đó, có thể hiểu rằng: du lịch biển đảo là LHDL được phát triển dựa trên những tiềm năng về biển đảo, diễn ra trong các vùng có tài nguyên về biển đảo hướng tới thỏa mãn nhu cầu của con người về nghỉ dưỡng biển đảo, tham quan, vui chơi giải trí, tắm biển, nghiên cứu, học tập… tại khu vực bờ biển, ven biển, vịnh biển và đảo.

1.1.2. Sản phẩm du lịch

Sản phẩm du lịch là một thuật ngữ có nhiều quan niệm định nghĩa và cũng được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Các khái niệm về SPDL đa dạng tùy theo các hướng tiếp cận khác nhau. SPDL là một khái niệm rộng, là tổng thể các yếu tố hữu hình hoặc vô hình, kết hợp với nhau, tạo thành các SPDL hoàn chỉnh, làm thỏa mãn nhu cầu cho du khách trong HĐDL. SPDL là các dịch vụ, hàng hóa cung cấp cho du khách, được tạo nên bởi sự kết hợp của việc khai thác các yếu tố tự nhiên, xã hội với việc sử dụng các nguồn lực: cơ sở vật chất kỹ thuật (CSVCKT) và lao động tại một cơ sở, một vùng hay một quốc gia nào đó. SPDL là tập hợp các dịch vụ cần thiết để thỏa mãn nhu cầu của KDL trong chuyến đi du lịch.

Có thể thấy rằng, SPDL luôn là mối quan tâm của không chỉ KDL mà cả các nhà quản lý, kinh doanh và cộng đồng địa phương. Nói tới SPDL là nói tới các dịch vụ (hoặc hàng hóa như đồ lưu niệm…) có thể đem bán cho du khách. SPDL có nhiều hướng tiếp cận khác nhau và được hiểu ở nhiều phạm vi khác nhau: Ở phạm vi điểm đến, SPDL được gắn liền với một điểm đến cụ thể, đó là: biển, đảo, núi, sông, hồ, di tích, danh thắng, công trình, lễ

hội, làng nghề… phục vụ cho nhu cầu của KDL. Ở phạm vi dịch vụ, SPDL được gắn liền với những dịch vụ cụ thể, đó là những dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận chuyển, tham quan, vui chơi giải trí, mua sắm, các dịch vụ bổ sung khác… Ở phạm vi của tour, SPDL được gắn liền với những sản phẩm cụ thể, đó là những chương trình du lịch, nhưng dịch vụ trọn gói hoặc từng phần bán ra phù hợp với nhu cầu của KDL…

Như vậy, SPDL được hiểu là các TNDL, dịch vụ du lịch, hàng hóa và tiện nghi cung ứng cho du khách, là tổng thể những yếu tố có thể trông thấy hoặc không trông thấy được, do các cá nhân, tổ chức kinh doanh du lịch cung cấp để phục vụ, thỏa mãn những nhu cầu của các đối tượng du khách khác nhau; phù hợp với những tiêu chí nghề nghiệp theo thông lệ quốc tế đồng thời chứa đựng những giá trị đặc trưng bản địa; đáp ứng và làm thỏa mãn các mục tiêu KT-XH đối với các cá nhân, tổ chức, địa phương nơi đang diễn ra các hoạt động kinh doanh du lịch.

SPDL biển đảo là các TNDL và dịch vụ du lịch, hàng hóa, tiện nghi cung ứng cho KDL, được xây dựng, phát triển dựa trên cơ sở các vùng có tiềm năng về biển đảo. Từ đó, khu vực biển đảo hình thành các SPDL mang đặc trưng và màu sắc riêng chỉ có thể hình thành và phát triển ở vùng biển đảo nhằm hướng tới thỏa mãn nhu cầu của con người về vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, tham quan, tắm biển, lặn biển, nghiên cứu... Cũng như các SPDL khác, SPDL biển đảo là tập hợp các dịch vụ nhằm thỏa mãn các nhu cầu của KDL. Tuy nhiên, SPDL biển đảo có những đặc trưng riêng bởi những đặc thù của TNDL biển đảo. Du lịch biển đảo còn có tính chất mùa vụ rõ rệt, phụ thuộc vào thời tiết, nhiệt độ…

1.1.3. Đặc trưng sản phẩm du lịch và sản phẩm du lịch biển đảo

1.1.3.1. Những yếu tố cấu thành sản phẩm du lịch

Cũng như tất cả các sản phẩm khác, SPDL gồm nhiều yếu tố kết hợp với nhau để đáp ứng cho thị trường, thỏa mãn tối đa nhu cầu của du khách. SPDL bao gồm những yếu tố cơ bản sau:

- Tài nguyên thiên nhiên: khí hậu, cảnh quan, núi rừng, biển đảo, sông, suối, hồ, thác…

- Tài nguyên nhân văn, các di sản văn hóa, các công trình kiến trúc nghệ thuật, di tích lịch sử, phong tục tập quán, lễ hội, làng nghề…

- CSVCKT phục vụ ngành du lịch: nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí…

- Hệ thống phương tiện giao thông phục vụ du lịch: máy bay, tàu lửa, xe ô tô, tàu thuyền…

- Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch: hệ thống giao thông, điện, nước, bưu chính viễn thông, y tế…

- Môi trường kinh tế và xã hội: giá cả liên quan đến du lịch, an toàn xã hội, trình độ dân trí, văn minh đô thị…

1.1.3.2. Đặc điểm của SPDL

Sản phẩm du lịch mang đặc tính nhìn thấy được và không nhìn thấy được. Các yếu tố nhìn thấy được, chủ yếu là: tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, phương tiện vận chuyển, đặc sản, hàng lưu niệm… Và các yếu tố không nhìn thấy được bao gồm: các dịch vụ du lịch; các yếu tố tâm lý… SPDL mang tính đa dạng của các bên tham gia: thông thường, SPDL có nhiều yếu tố cấu thành như: cơ sở hạ tầng, CSVCKT, các loại dịch vụ…

Sản phẩm du lịch mang tính đặc thù: SPDL không thể tồn kho; SPDL đòi hỏi phải có sự tham gia của du khách để tồn tại, là điều kiện cần thiết để thực hiện dịch vụ; tính không co giãn của cung so với cầu; SPDL không di chuyển đến thị trường tiêu thụ.

1.1.3.3. Các điều kiện phát triển du lịch biển đảo

Du lịch biển đảo là một LHDL đang phát triển ở những nơi có tài nguyên biển đảo, đã và đang mang lại hiệu quả kinh tế cao cho ngành du lịch, góp phần tạo ra sự đa dạng trong LHDL. Không chỉ vậy, du lịch biển đảo còn góp phần giúp tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho người dân ven biển, bảo vệ phát triển môi trường bền vững. Du lịch biển đảo hiện đang chiếm tỉ trọng lớn hoạt động của ngành du lịch. Để du lịch phát triển nhanh và bền vững, cần phải xác định du lịch biển đảo là bước đột phá để PTKT biển và là một trong những định hướng quan trọng góp phần thúc đẩy PTKT cũng như bảo vệ chủ quyền quốc gia [24].

Để xây dựng các SPDL biển đảo, cần phải có những điều kiện cụ thể:

Điều kiện cung (để xây dựng sản phẩm phù hợp với điều kiện tài nguyên), điều kiện cầu (để xây dựng những sản phẩm đáp ứng nhu cầu của KDL).

a. Điều kiện cung

Để xây dựng những SPDL biển đảo phù hợp với điều kiện tài nguyên và đáp ứng nhu cầu đa dạng của KDL, ngoài những yếu tố về hệ thống dịch vụ du lịch cần phải dựa vào yếu tố chính là TNDL biển đảo. Đây là yếu tố tiên quyết để hình thành nên những SPDL biển đảo đặc trưng của từng vùng miền.

- TNDL biển đảo: Điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, lịch sử, văn hoá... đã tạo nên tiềm năng du lịch biển đảo phong phú, đa dạng bao gồm cả TNDL biển đảo tự nhiên và tài nguyên văn hóa biển đảo. Những nơi có điều kiện thuận lợi với bờ biển dài và sạch, nhiều đảo, quần đảo, vịnh biển đẹp, các hang động tuyệt đẹp, nhiều công trình kiến trúc cổ, nhiều nét văn hóa đặc trưng, nhiều làng nghề, lễ hội miền biển đặc sắc… là những điều kiện thuận lợi để PTDL biển đảo. Trong các vùng biển đảo, bên cạnh tiềm năng lớn về hải sản, rong biển, khoáng sản, dầu mỏ, còn có nhiều vũng, vịnh, hang động trên đảo, bãi tắm… tạo ra những nét đặc trưng riêng, thu hút KDL thích khám phá đại dương, tham quan, học tập và tìm hiểu hiểu… đó là điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng các SPDL biển, đảo.

- Cơ sở hạ tầng, CSVCKT, dịch vụ, môi trường: Bên cạnh TNDL biển đảo, cơ sở hạ tầng và CSVCKT, dịch vụ, môi trường… đã góp phần vào việc hoàn thiện những SPDL phong phú, tạo nên sự an toàn, hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm để phục vụ KDL về nhu cầu du lịch biển đảo. Hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ và ngày càng hoàn thiện của hệ thống mạng lưới giao thông như: đường bộ (quốc lộ chính, đường ven biển, cửa khẩu), đường sắt, đường hàng không (các sân bay quốc tế lớn), đặc biệt là đường thủy (những cảng biển lớn),…và quá trình đầu tư, sự phát triển của các đô thị ven biển là những điều kiện thuận lợi cho việc PTDL biển đảo. CSVCKT du lịch hiện nay như hệ thống cơ sở lưu trú (CSLT) ven biển (khách sạn, khu nghỉ dưỡng) cũng được đầu tư phát triển. Các CSLT vùng biển đảo không ngừng tăng lên về số lượng và chất lượng. Vùng ven biển hiện nay chủ yếu tập trung: phát triển các khu nghỉ dưỡng quốc tế tiêu chuẩn cao cấp; hệ thống nhà hàng phục vụ ăn uống đa dạng với nhiều loại hình ẩm

thực đặc trưng vùng biển đảo phong phú và chất lượng (chủ yếu là nhà hàng hải sản); các khu vui chơi giải trí đẳng cấp quốc tế với nhiều hình thức vui chơi giải trí trên cạn, trên mặt nước, dưới nước, trong lòng biển ngày càng đa dạng hơn… đó là những động lực để thúc đẩy phát triển đa dạng các SPDL biển đảo. Hệ thống thông tin liên lạc, điện, nước, cơ sở y tế và các CSVC khác cũng được đầu tư, nâng cấp nhằm giúp cho du lịch biển đảo có những điều kiện thuận lợi trong quá trình phát triển.

- Giá cả dịch vụ du lịch: Giá cả giữ một vai trò thiết yếu trong kinh doanh du lịch và quyết định vòng đời của SPDL. Việc áp dụng chính sách về giá trong các cơ sở kinh doanh du lịch, đưa đến cho cơ sở những điều kiện mới, những nhân tố mới để mở rộng SPDL của mình. Việc hình thành giá cả của SPDL chịu sự tác động của nhiều yếu tố như: luật pháp và chính sách quản lý của nhà nước; những yêu cầu bắt buộc về thị trường du lịch; đặc tính của TNDL; chất lượng SPDL; cơ cấu chi phí của sản phẩm; sự tác động của các chính sách khác trong marketing… Bên cạnh đó, giá cả SPDL còn chịu sự tác động của yếu tố bắt buộc về thị trường đó là quan hệ cung – cầu, mức độ cạnh tranh trên thị trường, hai yếu tố này sẽ điều chỉnh mức giá trên thị trường. Đó là mức giá để lựa chọn xác định chính sách giá cho phù hợp.

- Nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực để PTDL biển đảo là lao động trong du lịch bao gồm lao động trực tiếp và lao động gián tiếp. Lao động trực tiếp là số lao động làm trong các công ty lữ hành, khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí và các cơ sở dịch vụ khác. Lao động gián tiếp là lao động có liên quan đến ngành du lịch. Với mục đích tạo ra nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề cao trong HĐDL, cần khuyến khích đào tạo và chuyển giao kỹ năng tại chỗ; thu hút chuyên gia, nhân tài, nghệ nhân trong và ngoài nước phục vụ cho đào tạo du lịch biển đảo; tăng cường chuẩn hóa kỹ năng, chương trình đào tạo; đẩy mạnh thẩm định, công nhận kỹ năng; tạo điều kiện di chuyển, chuyển đổi nghề nghiệp; hình thành mã ngành đào tạo du lịch ở các cấp đào tạo; sử dụng phí dịch vụ vào việc đào tạo và phát triển nhân lực.

- Chính sách quản lý, quảng bá, xúc tiến du lịch biển đảo: Chính sách PTDL biển đảo cần phải đầu tư tập trung cho các khu du lịch biển đảo trọng điểm quốc gia có sức cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế, đặc biệt ưu tiên những vùng có thế mạnh về tài nguyên biển đảo, với những ưu đãi bằng

các công cụ tài chính, thu hút nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ trực tiếp của nhà nước về cơ sở hạ tầng, phát triển sản phẩm…

Chính sách đầu tư phát triển SPDL biển đảo đặc trưng vùng, quốc gia có sức cạnh tranh khu vực và quốc tế: tăng cường nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược sản phẩm; khuyến khích sản phẩm mới có tính chiến lược; hỗ trợ xây dựng và quảng bá thương hiệu du lịch vùng, thương hiệu quốc gia, sản phẩm đặc trưng; liên kết khai thác giá trị văn hóa, sinh thái và những TNDL nổi bật của vùng, quốc gia.

Chính sách bảo vệ môi trường tại các khu, tuyến điểm, cơ sở dịch vụ du lịch biển đảo: áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường; kiểm tra xử lý vi phạm về môi trường du lịch; kiểm định, đánh giá, tôn vinh những thương hiệu, nhãn hiệu du lịch "xanh"; xây dựng nếp sống văn minh du lịch…

Chính sách về xúc tiến quảng bá tại các thị trường trọng điểm: tăng cường nghiên cứu thị trường, phân đoạn các thị trường mục tiêu; hỗ trợ về tài chính đối với thị trường trọng điểm; liên kết, tập trung nguồn lực trong và ngoài nước cho xúc tiến quảng bá tại thị trường trọng điểm; quảng bá những thương hiệu mạnh theo phân đoạn thị trường trọng điểm; hình thành các kênh quảng bá toàn cầu đối với những thị trường trọng điểm (văn phòng đại diện du lịch, thông tin đại chúng toàn cầu); chiến dịch quảng bá tại các thị trường trọng điểm.

Chính sách PTDL biển đảo cộng đồng: Khuyến khích, hỗ trợ phát triển các LHDL dựa vào cộng đồng, du lịch sinh thái (DLST) biển đảo, du lịch làng quê biển đảo, làng nghề truyền thống; tăng cường năng lực tham gia của động đồng; tuyên truyền nâng cao nhận thức, hướng dẫn kỹ thuật; hỗ trợ trang thiết bị cơ bản cho cộng đồng, phát triển mô hình nghỉ tại nhà dân (homestay); tăng cường trách nhiệm kinh tế, chia sẻ lợi ích với cộng đồng; hỗ trợ xúc tiến quảng bá du lịch cộng đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề sang làm du lịch ở các vùng biển đảo.

b. Điều kiện cầu

Thành phần khách phong phú, bao gồm khách quốc tế và khách nội địa. Họ có những đặc điểm khác nhau về nghề nghiệp, nơi ở, mục đích, quan tâm đến các SPDL biển đảo cũng khác nhau… Từ đó hình thành nên những nhu cầu khác nhau về dịch vụ du lịch. Vì vậy, chúng ta phải xây dựng và

hoàn thiện những SPDL biển đảo dựa trên các yếu tố về nhu cầu, sở thích và khả năng thanh toán của KDL.

- Nhu cầu, sở thích của KDL: Trong những năm gần đây, du lịch biển đảo đã thu hút số lượng lớn KDL, chiếm tỉ trọng lớn trong ngành du lịch nói chung. Nguyên nhân chính là do: nhu cầu sử dụng SPDL biển đảo của KDL tăng cao, các khu du lịch biển đảo cao cấp có sức hấp dẫn khách nghỉ dưỡng theo mùa. Các SPDL biển đảo ngày càng phát triển, các khu nghỉ dưỡng cao cấp được đầu tư, dịch vụ phong phú, chất lượng và mới lạ. Các công trình vui chơi giải trí vùng ven biển được đầu tư lớn với các khu vui chơi giải trí đẳng cấp quốc tế với các trò chơi giải trí phù hợp với mọi đối tượng KDL. Đặc biệt các hoạt động văn hóa như lễ hội, làng nghề miền biển đảo mang một sắc màu đặc trưng riêng vô cùng phong phú tạo nên sức hút lớn cho du khách. Du lịch biển đảo thu hút KDL quanh năm, đặc biệt vào mùa hè, các tháng 7, tháng 8, tháng 9 trong năm (mùa nghỉ đông của các nước Châu Âu, nên KDL thường đến những vùng biển nhiệt đới để tránh đông). Khách du lịch đến các vùng biển đảo theo nhiều LHDL: Du lịch nghỉ dưỡng biển đảo, du lịch thể thao biển đảo, du lịch lặn ngắm san hô, du lịch văn hóa vùng biển đảo, DLST biển đảo, du lịch tàu biển, du lịch nghiên cứu hệ sinh thái biển đảo… Bên cạnh đó, KDL còn kết hợp đi du lịch với đầu tư, kinh doanh và PTKT tại các vùng ven biển…

- Khả năng thanh toán của KDL: Những SPDL biển đảo được đầu tư với sự đa dạng về loại hình, phong phú về hoạt động, chất lượng dịch vụ luôn hoàn thiện và được nâng cao… sẽ là những yếu tố quan trọng để tăng thời gian lưu trú của KDL cũng như tăng khả năng thanh toán của khách trong quá trình du lịch đến các vùng biển đảo. Khả năng thanh toán phụ thuộc vào từng đối tượng KDL như: độ tuổi, nghề nghiệp, giới tính và nguồn gốc của KDL… Mỗi một KDL có nhu cầu chi tiêu khác nhau. Tuy nhiên, khi đi du lịch tại các vùng biển đảo, những sản phẩm được KDL thường xuyên lựa chọn là: những dịch vụ cho nhu cầu nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí vùng biển đảo, những mặt hàng lưu niệm, những sản phẩm mang đặc trưng riêng của biển đảo, đặc sản ẩm thực cũng là những sản phẩm thu hút KDL chi tiêu nhiều nhất khi đến các vùng biển đảo.

1.2. Du lịch bền vững và phát triển du lịch bền vững

1.2.1. Lý luận chung về phát triển du lịch bền vững

1.2.1.1. Khái niệm về du lịch, du lịch bền vững

a. Khái niệm du lịch

Theo Tổ chức Du lịch Thế giới viết tắt là UNWTO (World Tourism Organization) năm 1994, du lịch được định nghĩa: "Là một tập hợp các hoạt động, dịch vụ đa dạng, liên quan đến việc di chuyển tạm thời của con người ra khỏi nơi ở thường xuyên nhằm mục đích tiêu khiển, nghỉ ngơi, dưỡng sức…và nhìn chung là vì những lý do không phải để kiếm sống" [86].

Trong Luật du lịch Việt Nam (ban hành năm 2017), khoản 1, điều 3 định nghĩa: "Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong thời gian không quá 1 năm liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí, tìm hiểu, khám phá TNDL hoặc kết hợp với mục đích hợp pháp khác" [28]. Trong điều kiện nước ta hiện nay thì quan niệm này được công nhận và phổ biến rộng rãi.

b. Khái niệm về du lịch bền vững

Khái niệm PTDLBV mới xuất hiện gần đây. Theo định nghĩa của Tổ chức Du lịch Thế giới đưa ra tại Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên hiệp quốc tại Rio de Janeiro năm 1992 "DLBV là việc phát triển các HĐDL nhằm đáp ứng các nhu cầu của hiện tại của KDL và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn, tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển HĐDL trong tương lai. DLBV sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thỏa mãn các nhu cầu về KT-XH, thẩm mỹ của con người trong đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống của con người".

Cho đến nay đa số ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch và các lĩnh vực liên quan khác ở Việt Nam đều cho rằng: "Phát triển DLBV là hoạt động khai thác có quản lý các giá trị tự nhiên và nhân văn nhằm thỏa mãn các nhu cầu đa dạng của KDL, có quan tâm đến các lợi ích kinh tế dài hạn trong khi vẫn đảm bảo sự đóng góp cho bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên, duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa để phát triển HĐDL trong tương lai; cho công tác bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao mức sống

của cộng đồng địa phương". Đây cũng là khái niệm mà tác giả sử dụng để làm căn cứ thực hiện nghiên cứu.

DLBV là du lịch giúp giảm thiểu các chi phí, nâng cao tối đa các lợi ích của du lịch cho môi trường tự nhiên, cộng đồng địa phương và có thể được thực hiện lâu dài nhưng không ảnh hưởng xấu đến nguồn lợi mà ngành phụ thuộc.

Du lịch có thể mang những lợi ích đến cho các cộng đồng địa phương, các điểm du lịch thông qua việc tạo ra các lợi tức và tuyển dụng. Tuy nhiên, du lịch cũng có thể đe dọa đến nguồn lợi của các điểm du lịch bằng cách huỷ hoại các sinh cảnh sống, xáo trộn đời sống hoang dã, tác động đến chất lượng nước, đe doạ cộng đồng địa phương do việc phát triển quá mức, đông đúc và phá vỡ các giá trị văn hoá. Thêm vào đó, du lịch đại chúng thường hạn chế việc mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương. Ngược lại, DLBV được lập kế hoạch một cách cẩn trọng để mang những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn văn hoá địa phương, bảo vệ tài nguyên, môi trường tự nhiên.

Các bên liên quan có những mối quan tâm hoặc gắn liền với những quyết định được đưa ra – nên được tham gia vào tất cả các giai đoạn trong quá trình lập kế hoạch cho bất kỳ nỗ lực quản lý nào của điểm du lịch, bao gồm DLBV bên trong và xung quanh các điểm du lịch. Các bên liên quan bao gồm các thành viên cộng đồng địa phương, chính quyền, tổ chức phi chính phủ cũng như ngành du lịch, du khách và nhiều nhóm khác.

c. Các đặc điểm chính của DLBV

Đặc điểm chính của DLBV bao gồm:

- Thân thiện với môi trường: DLBV ít gây tác động tới nguồn lợi tự nhiên và các khu du lịch nói riêng; giúp giảm thiểu các ảnh hưởng có hại đến môi trường (động thực vật, các sinh cảnh sống, nguồn lợi sống, sử dụng năng lượng và ô nhiễm…) và cố gắng bảo vệ, mang lại lợi ích cho môi trường.

- Gần gũi về kinh tế, xã hội: DLBV không gây hại đến các cấu trúc xã hội hoặc văn hóa của cộng đồng nơi diễn ra hoạt động. Thay vào đó, hoạt động này giúp du khách và người dân tôn trọng văn hóa và truyền thống địa phương. DLBV khuyến khích các bên liên quan (các cá nhân, cộng đồng,

nhà điều hành tour, và quản lý chính quyền) thực thi DLBV trong tất cả các giai đoạn: lập kế hoạch, triển khai hoạt động du lịch, giám sát, giáo dục...

- Có kinh tế: Việc phát triển DLBV sẽ đóng góp về mặt kinh tế, tạo ra việc làm, công bằng về thu nhập, ổn định, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương. DLBV giúp huy động đồng thời sự tham gia của các bên liên quan phát triển du lịch và tạo giá trị kinh tế.

1.2.1.2. Phát triển du lịch bền vững

a. Khái niệm phát triển du lịch bền vững

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, vì vậy bản thân sự phát triển của du lịch đòi hỏi phải có sự PTBV chung của xã hội và ngược lại. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), các chỉ số cơ bản đo lường tính cạnh tranh của ngành du lịch một quốc gia gồm có: đóng góp của du lịch vào GDP, thu nhập từ KDL inbound theo từng thị trường, thời gian lưu trú qua đêm, giá trị xuất khẩu dịch vụ du lịch, năng suất lao động, sức mua và giá cả dịch vụ du lịch, thủ tục thị thực nhập cảnh, tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, tài nguyên văn hóa, mức độ thỏa mãn của du khách, và chương trình hành động của ngành du lịch. Ngoài ra, một số chỉ số phụ như: mức độ đa dạng hóa thị trường, nguồn nhân lực, mức độ kết nối hàng không và các phương tiện khác, phân bổ ngân sách chính phủ dành cho ngành du lịch, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch...

Hình 1.1. Phát triển DLBV đảm bảo hài hòa 3 khía cạnh: xã hội, kinh tế và môi trường [26]

Tóm lại, sự phát triển bền vững của ngành du lịch là quá trình hình thành, phát triển, tăng trưởng mọi mặt của toàn lĩnh vực du lịch, bao gồm sự tăng trưởng về quy mô, số lượng và đồng thời nâng cao chất lượng của các HĐDL. Sự phát triển của ngành du lịch thường được đánh giá qua các chỉ số chính như: số điểm du lịch, hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch phát triển, số lượng lao động du lịch tăng và có trình độ chuyên môn tăng, tốc độ tăng trưởng khách, tốc độ tăng trưởng số ngày khách, tốc độ tăng trưởng doanh thu du lịch, đóng góp của du lịch vào cơ cấu GDP... Vì vậy, PTDL định hướng bền vững bản chất cũng là PTDLBV.

Theo định nghĩa của Tổ chức Du lịch Thế giới - UNWTO (tại Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên hiệp quốc tại Rio de Janeiro năm 1992): DLBV là việc phát triển du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của KDL và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển HĐDL trong tương lai. DLBV sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thỏa mãn các nhu cầu về KT-XH, thẩm mỹ của con người trong đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống của con người.

Theo tổ chức du lịch thế giới (UNWTO): "PTDLBV là việc phát triển các HĐDL nhằm đáp ứng nhu cầu về hiện tại của du khách, người dân bản địa, trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho PTDL trong tương lai". PTDLBV là đáp ứng đầy đủ nhất, tiện nghi nhất các nhu cầu của KDL, tạo sức hút du khách đến các vùng, điểm du lịch ngày nay đồng thời bảo vệ và nâng cao chất lượng cho tương lai [87].

Tại Việt Nam, theo Luật Du lịch năm 2017: "PTDLBV là sự PTDL đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia HĐDL, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai" [28].

PTDLBV gồm 3 nội dung cơ bản sau:

(1) Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế du lịch cao hợp lý, ổn định, liên tục

Tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch cần được xác định ở mức độ phù hợp, căn cứ vào các điều kiện thực tế, để đáp ứng yêu cầu thúc đẩy tăng

trưởng của ngành du lịch, đồng thời không tạo nên áp lực đòi hỏi phải đổi lại bằng sự suy giảm tài nguyên và môi trường du lịch. Theo đó, tăng trưởng của ngành kinh tế du lịch không vượt quá khả năng tái tạo của nguồn tài nguyên, khả năng chịu đựng của CSVC ngành du lịch và sức chứa xã hội ở địa phương để đáp ứng nhu cầu của KDL ngày càng tốt hơn, sản phẩm du lịch ngày càng thỏa mãn nhu cầu của du khách. Tăng trưởng du lịch bền vững cần dựa vào chiến lược: ưu tiên nâng cao chất lượng nguồn khách hơn là theo đuổi thuần túy số lượng KDL.

PTDLBV giúp thúc đẩy PTKT của địa phương trên nhiều khía cạnh: thúc đẩy sự gia tăng về quy mô của nền kinh tế, tạo ra sự đa dạng hóa của các hoạt động kinh tế cũng như ổn định và mở rộng nguồn thu cho ngân sách từ thuế và các dịch vụ khác do chính quyền cung cấp. Đứng trên góc độ quản lý nhà nước, việc tăng nguồn thu cho ngân sách bằng cách hướng tới việc PTDLBV là một trong những động lực lớn khuyến khích chính quyền địa phương đầu tư phát triển hạ tầng như đường giao thông, bệnh viện, viễn thông, năng lượng... tại địa phương, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ công và môi trường sống của người dân bản địa.

(2) Thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa bản địa

Quá trình PTDLBV sẽ khuyến khích, thu hút và tạo việc làm cho lao động địa phương trực tiếp tham gia vào các HĐDL, đồng thời tạo tác động lan tỏa, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực kinh tế khác phát triển, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần cho mọi người dân trong cộng đồng địa phương. Nói cách khác, du lịch có thể mang lại hiệu ứng phát triển bao trùm.

PTDLBV tạo nhu cầu, điều kiện và đồng thời cũng đặt ra mục tiêu bảo đảm sự khai thác, sử dụng hiệu quả và hợp lý các giá trị văn hóa bản địa, di sản văn hóa, nguồn lực tài nguyên nhân văn của địa phương để có thể duy trì được sự bền vững, tính đặc sắc trong dài hạn. Với việc mở rộng thị trường KDL, trong đó cơ cấu KDL quốc tế ngày càng đa dạng, hình ảnh tốt đẹp của địa phương, của quốc gia cũng được quảng bá, lan tỏa ra thế giới, từ đó tạo thuận lợi cho việc mở rộng, thúc đẩy phát triển các quan hệ giao

thương, hợp tác quốc tế. Du lịch nói chung và du lịch bền vững nói riêng còn là cầu nối để du khách và người dân bản địa thấu hiểu lẫn nhau. Việc này giúp cho du khách có những trải nghiệm lý thú trong quá trình du lịch và khám phá các nét văn hóa đặc sắc và con người tại địa phương; đồng thời người dân địa phương cũng qua việc tiếp xúc với KDL để tìm hiểu thêm về văn hóa ở các vùng miền hoặc quốc gia khác nhau, qua đó làm giàu thêm cho phong tục, tập quán của mình.

(3) Bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái, phát triển các tài nguyên có khả năng tái sinh

Điều này bao gồm cả hai khía cạnh: giữ gìn, bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái trong HĐDL; giữ gìn, bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái để tạo tiền đề, điều kiện cho du lịch PTBV. Một trong các tiêu chí lớn nhất để đánh giá tính bền vững trong PTDLBV tại một địa phương chính là việc bảo tồn, duy trì nguồn tài nguyên sinh thái và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của con người trong quá trình thực hiện HĐDL lên môi trường. PTDLBV phải bảo đảm được rằng các tài nguyên du lịch của địa phương như các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, giá trị văn hóa… không bị tác động tiêu cực, không gây ra hao hụt các giá trị nguyên bản hay tác động xấu cho việc khai thác chúng trong lâu dài.

Để PTDLBV cho quốc gia nói chung và địa phương nói riêng, cần lên kế hoạch chi tiết để giải quyết những vấn đề cụ thể. Những nguyên tắc này dựa trên nguyên tắc cân bằng giữa lợi ích hiện tại và lợi ích tương lai, cân bằng giữa phát triển trong ngắn hạn và dài hạn nhằm bảo đảm việc PTDLBV là hiệu quả, bền vững, tránh xảy ra tình trạng hao hụt, lãng phí các nguồn lực phát triển. Theo đó, cần có những giải pháp đặc biệt để quản lý việc khai thác tài nguyên phù hợp, tránh xảy ra tình trạng khai thác quá mức làm hao hụt hoặc phá hủy hoàn toàn những nguồn tài nguyên du lịch quý giá. Đồng thời, cần tích cực đầu tư trở lại bằng nguồn thu từ du lịch cho công tác bảo vệ tài nguyên, phát triển các tài nguyên du lịch có khả năng tái sinh và bảo vệ môi trường. Đây cũng là khái niệm mà nhóm tác giả sử dụng để làm căn cứ thực hiện nghiên cứu về PTDLBV.

1.2.1.3. Mục tiêu và nguyên tắc phát triển DLBV

Theo Cục Du lịch quốc gia Việt Nam, có 12 mục tiêu trong chương trình của DLBV [17] bao gồm:

- Hiệu quả kinh tế: Đảm bảo tính hiệu quả kinh tế và tính cạnh tranh để các doanh nghiệp, các điểm du lịch có khả năng tiếp tục phát triển phồn thịnh và đạt lợi nhuận lâu dài.

- Sự phồn thịnh cho địa phương: Tăng tối đa đóng góp của du lịch đối với sự phát triển thịnh vượng của nền kinh tế địa phương tại các điểm du lịch, khu du lịch; bao gồm phần tiêu dùng của KDL được giữ lại tại địa phương.

- Chất lượng việc làm: Tăng cường số lượng, chất lượng việc làm tại địa phương do ngành du lịch tạo ra, không có sự phân biệt đối xử về giới và các mặt khác.

- Công bằng xã hội: Cần có sự phân phối lại lợi ích kinh tế, xã hội thu được từ HĐDL một cách công bằng và rộng rãi cho tất cả những người trong cộng đồng tham gia làm du lịch.

- Sự thỏa mãn của KDL: Cung cấp những dịch vụ an toàn, chất lượng cao, thỏa mãn đầy đầy đủ nhu cầu của du khách, không phân biệt đối xử về giới, chủng tộc, thu nhập cũng như các mặt khác.

- Khả năng kiểm soát của địa phương: Thu hút, trao quyền cho cộng đồng địa phương xây dựng kế hoạch và đề ra các quyết định về quản lý, PTDL, có sự tham khảo tư vấn của các bên liên quan.

- An sinh cộng đồng: Duy trì và tăng cường chất lượng cuộc sống của người dân địa phương, bao gồm cơ cấu tổ chức xã hội, cách tiếp cận các nguồn tài nguyên, hệ thống hỗ trợ đời sống, tránh làm suy thoái và khai thác quá mức môi trường cũng như xã hội dưới mọi hình thức.

- Đa dạng văn hóa: Tôn trọng và tăng cường giá trị các di sản lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống, những bản sắc riêng biệt của cộng đồng dân cư địa phương tại các điểm du lịch.

- Thống nhất về tự nhiên: Duy trì và nâng cao chất lượng cảnh quan, kể cả ở nông thôn cũng như thành thị, tránh để môi trường xuống cấp.

- Đa dạng sinh học: Hỗ trợ phát triển, bảo vệ và giảm thiểu thiệt hại việc bảo tồn khu vực tự nhiên, môi trường sống, sinh vật hoang dã.

- Hiệu quả của các nguồn lực: Giảm thiểu mức sử dụng những nguồn tài nguyên quý hiếm hoặc không thể tái tạo được trong việc phát triển, triển khai các cơ sở, phương tiện và dịch vụ du lịch.

- Môi trường trong lành: Giảm thiểu ô nhiễm không khí, nước, đất, rác thải từ du khách và các hãng du lịch.

* Các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững:

Để đạt được mục tiêu PTDLBV, chúng ta cần triển khai thực hiện tốt 10 nguyên tắc PTDLBV [16]:

Nguyên tắc 1: Khai thác, sử dụng nguồn lực một cách bền vững: Việc bảo tồn, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, văn hóa và xã hội là hết sức cần thiết. Chính điều này sẽ khiến cho việc kinh doanh du lịch phát triển lâu dài.

Nguyên tắc 2: Giảm sự tiêu thụ quá mức tài nguyên và giảm thiểu chất thải: Việc giảm tiêu thụ quá mức tài nguyên như nước, năng lượng và giảm chất thải ra môi trường sẽ tránh được những chi phí tốn kém cho việc hồi phục tổn hại về môi trường, đóng góp cho chất lượng của du lịch.

Nguyên tắc 3: Duy trì tính đa dạng (đa dạng thiên nhiên, đa dạng xã hội và đa dạng văn hóa): Việc duy trì và tăng cường tính đa dạng của thiên nhiên, văn hóa, xã hội là yếu tố cốt yếu cho du lịch PTBV lâu dài, là chỗ dựa sinh tồn của ngành du lịch.

Nguyên tắc 4: PTDL phải đặt trong quy hoạch phát triển tổng thể KT-XH: Hợp nhất PTDL vào trong khuôn khổ quy hoạch chiến lược PTKT - xã hội cấp quốc gia và địa phương, việc tiến hành đánh giá tác động môi trường sẽ tăng khả năng tồn tại lâu dài của ngành Du lịch.

Nguyên tắc 5: PTDL phải hỗ trợ kinh tế địa phương phát triển: Ngành du lịch hỗ trợ các hoạt động kinh tế của địa phương, có tính đến giá trị, chi phí về môi trường, giúp bảo vệ và phát triển kinh tế địa phương, vừa tránh được tổn hại về môi trường.

Nguyên tắc 6: thu hút được sự tham gia của cộng đồng địa phương: Việc tham gia của cộng đồng địa phương vào HĐDL sẽ không chỉ mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương và môi trường mà còn nâng cao chất lượng phục vụ du lịch.

Nguyên tắc 7: Lấy ý kiến quần chúng và các đối tượng có liên quan: Việc trao đổi, thảo luận giữa ngành du lịch và cộng đồng địa phương, các tổ chức, cơ quan liên quan khác nhau là rất cần thiết nhằm cùng nhau giải tỏa các mâu thuẫn tiềm ẩn về quyền lợi.

Nguyên tắc 8: Chú trọng công tác đào tạo nguồn lực: Việc đào tạo nguồn nhân lực trong đó có lồng ghép vấn đề PTDLBV vào thực tiễn công việc, kết hợp tuyển dụng lao động địa phương ở mọi cấp sẽ làm tăng các SPDL.

Nguyên tắc 9: Tiếp thị du lịch một cách có trách nhiệm: Việc tiếp thị, cung cấp cho KDL những thông tin đầy đủ và có trách nhiệm sẽ nâng cao sự tôn trọng của du khách đối với môi trường tự nhiên, văn hóa, xã hội ở nơi tham quan, đồng thời gia tăng sự hài lòng của du khách với điểm du lịch.

- Nguyên tắc 10: Coi trọng công tác nghiên cứu: Tiếp tục nghiên cứu và giám sát các HĐDL thông qua việc sử dụng, phân tích có hiệu quả các số liệu là rất cần thiết để giúp cho việc giải quyết những vấn đề tồn đọng, mang lại lợi ích cho các điểm tham quan, cho ngành Du lịch, cho khách hàng.

1.2.1.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững

Nhân tố ảnh hưởng tới sự PTBV trong HĐDL bao gồm [51]:

** Phát triển cơ sở hạ tầng*

Cơ sở hạ tầng bao gồm hệ thống đường xá, nhà ga, sân bay, bến cảng, đường sắt, hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống cấp thoát nước, mạng lưới điện... Cơ sở hạ tầng phát triển sẽ là đòn bẩy thúc đẩy các hoạt động kinh tế xã hội nói chung và ngành Du lịch nói riêng. Đối với ngành Du lịch, đây là yếu tố tiền đề đảm bảo cho du khách tiếp cận dễ dàng với các điểm du lịch, thỏa mãn được nhu cầu thông tin liên lạc và các nhu cầu khác trong chuyến đi. Trong các yếu tố hạ tầng, hệ thống giao thông là yếu tố quan trọng nhất cho sự phát triển của du lịch, giúp đảm bảo an toàn, tiện nghi cho

KDL, cung cấp dịch vụ vận tải với chi phí thấp hơn, tăng tốc độ vận chuyển, tiết kiệm được thời gian đi lại, kéo dài thời gian lưu trú và du lịch đến những vùng xa xôi.

Nếu điều kiện về cơ sở hạ tầng đảm bảo, chất lượng, sẽ thuận lợi cho việc xây dựng và thực hiện PTBV du lịch. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng có vai trò thúc đẩy hoạt động PTBV du lịch dưới góc độ: cho phép PTDLBV ở những vùng sâu, vùng xa; phân phối dòng khách, hỗ trợ giảm tải cho các điểm du lịch truyền thống, đồng thời khắc phục tính mùa vụ trong du lịch,... Rõ ràng, cơ sở hạ tầng và PTBV du lịch có mối quan hệ mật thiết, hệ thống cơ sở hạ tầng luôn là một căn cứ quan trọng cho công tác xây dựng và thực hiện PTBV du lịch địa phương.

** Phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật ngành Du lịch*

Hệ thống CSVCKT du lịch được tạo ra lại là yếu tố quan trọng tác động đến mức độ thỏa mãn nhu cầu của du khách bởi chức năng và tính tiện ích của nó. Con người bằng sức lao động của mình sử dụng CSVCKT để khai thác các giá trị của tài nguyên du lịch tạo ra dịch vụ/hàng hoá cung ứng cho du khách. Ngoài yếu tố tài nguyên thì tính đa dạng, phong phú, hiện đại, hấp dẫn của CSVCKT cũng tạo nên tính đa dạng, phong phú và hấp dẫn của dịch vụ du lịch. Một quốc gia, một doanh nghiệp muốn PTDLBV tốt phải có hệ thống CSVCKT tốt. Cho nên, trình độ phát triển của CSVCKT du lịch là điều kiện, đồng thời cũng là sự thể hiện trình độ PTDLBV của một địa phương hay một đất nước.

** Tài nguyên du lịch*

Tài nguyên du lịch là điều kiện, là yếu tố đầu vào quan trọng của HĐDL, đồng thời cũng là yếu tố tác động đến PTBV du lịch. Số lượng, chủng loại, cơ cấu, mức độ đa dạng, vị trí, khả năng khai thác có tác động trực tiếp và rất lớn đến việc xác định định hướng, mục tiêu phát triển, lựa chọn sản phẩm du lịch đặc trưng, xác định các giải pháp PTDLBV; đến hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng phát triển của du lịch theo hướng tương ứng.

Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản, là một nguồn lực quan trọng để tạo ra sản phẩm du lịch. Quy mô và khả năng phát triển của ngành du lịch, điểm

du lịch phụ thuộc vào số lượng chất lượng, sự kết hợp các loại tài nguyên. Quy mô lớn, chất lượng cao, tài nguyên du lịch giá trị sẽ giúp điểm du lịch hấp dẫn, thu hút du khách, mở rộng và phát triển thị trường.

** Phát triển đào tạo nguồn nhân lực*

Du lịch là ngành đòi hỏi nguồn lao động lớn, đa dạng về trình độ do tính chất đặc điểm của ngành có mức độ cơ giới hóa thấp, có đối tượng phục vụ là khách hàng với nhu cầu đa dạng. Trong ngành Du lịch, phần lớn lao động tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, tham gia thực hiện các công việc nhằm đạt được những mục tiêu của đơn vị. Chất lượng dịch vụ được cung cấp cho khách hàng không chỉ phụ thuộc vào trình độ, kỹ năng tay nghề của người lao động mà còn phụ thuộc vào thái độ làm việc. Chính vì vậy, các doanh nghiệp du lịch muốn tồn tại và phát triển trong điều kiện cạnh tranh gay gắt, cần phải nhận thức rõ vai trò đội ngũ lao động. Nguồn nhân lực lao động du lịch cần thiết có kiến thức sâu rộng, giỏi tay nghề và thực hiện tốt yêu cầu đạo đức nghề nghiệp.

Thực tế cho thấy, số lượng lao động ngành Du lịch qua các năm tăng theo sự phát triển của ngành nhưng vẫn chưa đảm bảo cho PTDLBV một cách bền vững. Nhiều bộ phận vẫn còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng. Tỷ lệ lao động sử dụng được ngoại ngữ khá thấp. Tư duy và kỹ năng làm du lịch của người lao động còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp… Do đó, PTDLBV cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực.

** Năng lực và trình độ tổ chức quản lí ngành Du lịch*

Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng: quy hoạch ngành Du lịch để từ đó có sự đầu tư theo lộ trình; đảm bảo đầu tư hiệu quả, phân bổ nguồn lực hợp lý cho từng giai đoạn; lựa chọn phát triển đúng hướng các dự án đầu tư… Chú trọng đến công tác bảo tồn, duy tu các công trình văn hóa; ban hành các quy định, cơ chế chính sách khuyến khích tham gia của các bên liên quan. Ưu tiên chính sách đối với những dự án có các giải pháp khả thi nhằm giảm thiểu tác động của du lịch đến môi trường; tạo cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông, thông tin và dịch vụ tài chính thuận lợi, hiện đại đáp ứng ngày càng cao cho du khách, đây cũng là điều kiện hỗ trợ cần thiết cho việc thu hút đầu tư PTDLBV; xã hội hóa trong việc tạo sản phẩm du lịch nhằm

mang lại chất lượng, giá cả đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo sản phẩm du lịch độc đáo để tăng lợi thế cạnh tranh trong du lịch; tập trung vào công tác thông tin, tuyên truyền.

Các cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò cân đối mọi nguồn lực để hướng sự phát triển của du lịch đạt đến các mục tiêu bền vững. Do đó, trình độ tổ chức quản lí ngành du lịch là nhân tố ảnh hưởng lớn đến việc PTBV du lịch, với một đường lối chính sách nhất định có thể kìm hãm hay thúc đẩy PTBV du lịch.

** Chất lượng dịch vụ du lịch*

Thực tế cho thấy, chất lượng dịch vụ du lịch là một trong những yếu tố quan trọng để giúp du lịch PTBV, là yếu tố then chốt tạo nên uy tín, thương hiệu không chỉ cho các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch mà còn cho cả ngành Du lịch của quốc gia và địa phương. Việc chuẩn hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch giúp các doanh nghiệp đảm bảo chất lượng phục vụ, quảng bá hình ảnh điểm du lịch đến du khách, nhà cung cấp dịch vụ. Từ đó, PTDL góp phần gia tăng thời gian lưu trú, tăng mức chi tiêu, tăng nguồn thu ngoại tệ từ du lịch. Xa hơn, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch giúp quảng bá hình ảnh điểm đến, bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực thích ứng ngành du lịch và trực tiếp nâng cao mức độ hài lòng của KDL, năng lực cạnh tranh cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, từ đó giúp ngành du lịch PTBV.

** Sự tham gia của cộng đồng trong PTBV du lịch*

Sự tham gia của cộng đồng vào các HĐDL đóng vai trò quan trọng của du lịch PTBV. Sự tham gia này là hết sức cần thiết và không thể thiếu, bao gồm: (1) Cư dân địa phương; (2) Các cơ sở kinh doanh du lịch; (3) Khách du lịch.

Cư dân địa phương: Du lịch không chỉ tác động kinh tế mà còn tác động đến cuộc sống, truyền thống và văn hóa cũng như sinh kế của cộng đồng dân cư. Các thành viên cộng đồng dân cư đóng vai trò quan trọng, là nguồn lao động trực tiếp hoặc gián tiếp PTDLBV.

Trong quá trình hoạch định về PTDLBV, cần thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương. Cộng đồng địa phương thực hiện bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm tính bền vững khi khai thác, thực hiện và PTDL. Cần thiết

lập, duy trì mối quan hệ cộng đồng dân cư trong quá trình triển khai HĐDL, xác định rõ mục đích, lợi ích người dân nhận được khi PTDL; đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ đến cộng đồng địa phương để người dân tham gia trong nhiều HĐDL.

Khách du lịch: KDL là một chủ thể quan trọng trong các mối quan hệ du lịch, được hoạt động quản lý, kinh doanh du lịch hướng đến. Bằng việc tiêu dùng và chi trả cho sản phẩm du lịch, du khách chính là người tạo nên thu nhập du lịch. Là một bên trong quan hệ cung - cầu du lịch, tổng hợp nhu cầu của KDL chính là yếu tố khách quan, thúc đẩy hình thành, phát triển hệ thống kinh doanh, sản xuất và cung ứng hàng hóa, dịch vụ, quản lý du lịch, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội cho HĐDL.

Là người tiêu dùng các sản phẩm du lịch, trực tiếp tác động đến tài nguyên du lịch và tương tác với cộng đồng dân cư tại điểm đến, yếu tố trách nhiệm của KDL có tác động, ảnh hưởng quan trọng đến PTBV du lịch. Chiều hướng tác động tùy thuộc vào mức độ trách nhiệm, thái độ và hành vi ứng xử của du khách với tài nguyên du lịch, với cộng đồng dân bản địa khi tiêu dùng sản phẩm.

Các cơ sở kinh doanh du lịch: Trong kinh doanh du lịch, các cơ sở kinh doanh khai thác, sử dụng tài nguyên du lịch, các nguồn lực khác để tạo nên hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhu cầu của du khách và thu về lợi nhuận. Do đó, hoạt động của cơ sở kinh doanh du lịch trực tiếp góp phần tạo nên doanh thu, giá trị tăng thêm của ngành Du lịch, đồng thời cũng tác động trực tiếp đến tài nguyên du lịch, đến môi trường tự nhiên - xã hội cũng như đến cộng đồng dân cư nơi có HĐDL. Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm sẽ có ý thức sử dụng hiệu quả, hợp lý tài nguyên và các nguồn lực du lịch khác để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững du lịch, chia sẻ lợi ích với cộng đồng, đóng góp cho giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo ở địa phương, bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch. Ngược lại, nếu cơ sở thiếu ý thức trách nhiệm, các nguồn lực trong đó có tài nguyên du lịch có thể bị khai thác, sử dụng lãng phí hoặc quá mức, phải biến đổi đáp ứng mục tiêu lợi nhuận, lợi ích cộng đồng bị bỏ qua, công tác xử lí chất thải, bảo vệ môi trường bị xem nhẹ để tiết giảm chi phí, từ đó không đảm bảo thực hiện PTBV du lịch.

Các yếu tố tác động khác: Các yếu tố khác như sự suy thoái và khả năng phục hồi kinh tế thế giới, nguy cơ suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu toàn cầu, tương quan chính trị giữa các quốc gia, vấn đề tôn giáo và sắc tộc, chủ nghĩa khủng bố…; các yếu tố tự nhiên bất thường như thiên tai, dịch bệnh… cũng có tác động, ảnh hưởng lớn đến khả năng và sự phát triển của du lịch bền vững theo hướng thuận lợi hay khó khăn, tương ứng với những diễn biến của các yếu tố đó. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu toàn cầu diễn ra ngày càng nhanh, những yếu tố này có tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến PTDLBV. Cần tính toán đầy đủ khi xây dựng các mục tiêu, định hướng các giải pháp cụ thể khi thực thi du lịch phục vụ mục tiêu phát triển du lịch bền vững.

1.2.1.5. Bộ tiêu chí phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững

Hiện nay, lý thuyết PTBV đang được các quốc gia, các tổ chức quốc tế và khu vực quan tâm nghiên cứu, phát triển thành hệ thống lý luận vừa có tính toàn cầu, tính quốc gia, vừa mang tính địa phương. Các chương trình PTBV đã được thực hiện từ cấp độ cộng đồng, ở hầu hết các nước đang phát triển trên thế giới, với những chỉ tiêu, mục tiêu định lượng giúp đánh giá chất lượng cuộc sống và tiến bộ đáp ứng yêu cầu bền vững. Tuy nhiên việc đưa ra được bộ tiêu chí để "đo lường" sự PTBV trên phạm vi cả nước cũng như tại các địa phương vẫn chưa đạt được sự thống nhất, đang được tiếp tục nghiên cứu và đề xuất. Bộ tiêu chí PTBV có thể phản ánh các khía cạnh khác nhau như:

(1) Các chỉ tiêu trạng thái (phản ánh trạng thái của hệ thống KT-XH tại một thời điểm nào đó);

(2) Các chỉ tiêu mục tiêu (bao gồm các chỉ tiêu phản ánh trạng thái mong muốn trong tương lai);

(3) Các chỉ tiêu áp lực (bao gồm các chỉ tiêu phản ánh áp lực trực tiếp tới các vấn đề môi trường như tiếng ồn, khí thải CO2);

(4) Các chỉ tiêu động lực (phản ánh các áp lực lên môi trường do phát triển công nghiệp, tăng dân số…)

(5) Các chỉ tiêu ảnh hưởng (phản ánh các tác động đến sự thay đổi trạng thái) và các chỉ tiêu hưởng ứng (phản ánh nỗ lực của xã hội cũng giải quyết các vấn đề đặt ra).

Đến nay đã có nhiều hệ thống tiêu chí, chỉ tiêu được đề xuất, bảo đảm phản ánh tổng hòa nhiều tiêu chí thành phần. Xét về mặt nội dung, bộ tiêu chí cần bao gồm ít nhất 5 khía cạnh KT-XH, môi trường, văn hóa (bao gồm cả các vấn đề phát triển con người) và thể chế làm "thước đo" cho PTBV. Điều quan trọng là các khía cạnh này phải liên kết với nhau như một thể thống nhất mới bảo đảm PTBV. Khâu gắn kết đó được bảo đảm chính là hệ thống thể chế được xây dựng mang tính hệ thống và thực thi nghiêm chỉnh, nhất là khi nhiều tác động đến PTBV khó mà đánh giá trong một thời gian ngắn.

Bộ chỉ tiêu PTBV của Liên Hiệp Quốc xác định theo các chủ đề trên bốn lĩnh vực, với 58 chỉ tiêu bền vững về mặt xã hội (6 chủ đề với 19 chỉ tiêu), bền vững về môi trường: bao gồm 7 chủ đề với 19 tiêu chí; bền vững kinh tế bao gồm 2 chủ đề với 14 chỉ tiêu. Thể chế PTBV gồm 2 chủ đề khung thể chế và năng lực thể chế, được cụ thể hóa thành 6 chỉ tiêu.

Việt Nam đã ban hành lộ trình thực hiện 17 mục tiêu PTBV đến năm 2030 quy định tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV, gồm: (1) Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi; (2) Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững; (3) Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi; (4) Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người; (5) Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền, tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái; (6) Đảm bảo đầy đủ, quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người; (7) Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người; (8) Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người; (9) Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới; (10) Giảm bất bình đẳng trong xã hội; (11) Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống, làm việc an toàn, phân bổ hợp

lý dân cư và lao động theo vùng; (12) Đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững; (13) Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu (BĐKH) và thiên tai; (14) Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để PTBV; (15) Bảo vệ và phát triển rừng bền vững; bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái; chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất; (16) Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự PTBV, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp; (17) Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự PTBV.

** Đề xuất bộ tiêu chí đánh giá phát triển DLBV tại đảo Quan Lạn và đảo Lý Sơn*

Các nghiên cứu về lý luận và thực tiễn đều chỉ ra rằng ba trụ cột lớn của PTDLBV là KT-XH, môi trường. Trạng thái bền vững phải được tạo nên từ sự phát triển đồng đều ở cả ba khía cạnh, đặc biệt chú trọng đến các vấn đề xã hội và môi trường, các tiêu chí về PTDLBV cũng được hình thành từ cơ sở quan điểm trên. Tuy nhiên, đánh giá trạng thái PTBV của một điểm du lịch cụ thể là không dễ dàng bởi chưa thực sự có một bộ tiêu chí nào được coi là chuẩn mực trong việc đánh giá tính bền vững của du lịch, hơn nữa vấn đề phát triển ở các điểm du lịch khác nhau là không giống nhau, thậm chí hoàn toàn khác nhau do các đặc điểm về tự nhiên - văn hóa - xã hội, LHDL, định hướng phát triển… Vì vậy, các tiêu chí được xây dựng không chỉ dựa trên tổng hợp quan điểm lý luận, mà còn phải quan tâm đến các yếu tố thực tiễn tại địa bàn nghiên cứu. Nhận thức được vấn đề trên, bộ tiêu chí đánh giá PTDLBV tại Quan Lạn (gồm qua ba bước: Tổng hợp các tiêu chí phù hợp từ các nghiên cứu trước; điều tra địa bàn nghiên cứu để phát hiện và bổ sung; và tham vấn chuyên gia xác định bộ tiêu chí chính thức) đã được đề xuất.

- Xác định tiêu chí đánh giá PTDLBV tại đảo Quan Lạn và đảo Lý Sơn

Dựa trên tình hình thực tế của địa phương và định hướng PTDLBV, các tiêu chí lựa chọn đánh giá PTBV được xác định là:

Bảng 1.1. Tiêu chí đánh giá mức độ PTDLBV đảo dưới góc độ kinh tế

1. Chỉ số về thu nhập du lịch và tỷ trọng du lịch trong cơ cấu kinh tế
1.1. Tốc độ tăng trưởng doanh thu du lịch
1.2. Tốc độ tăng tỷ trọng du lịch trong cơ cấu kinh tế địa phương
2. Chỉ số về khách du lịch
2.1. Tốc độ tăng trưởng lượng khách du lịch
2.2. Tốc độ tăng mức chi tiêu trung bình
2.3. Tốc độ tăng số ngày lưu trú trung bình
2.4. Tỷ lệ khách du lịch quay trở lại
2.5. Tỷ lệ hài lòng của du khách du lịch
3. Tính trách nhiệm trong hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch
3.1. Mức độ chính xác của thông tin quảng bá so với thực tế
3.2. Tỷ lệ hiện diện trong các sự kiện truyền thông Du lịch
4. Chất lượng nguồn lao động du lịch được nâng lên
4.1. Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia vào các khoá đào tạo
4.2. Tốc độ gia tăng lực lượng lao động tham gia các khoá đào tạo hàng năm
5. Đầu tư cho du lịch
5.1. Tổng lượng vốn đầu tư cho du lịch
5.2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư cho du lịch

Bảng 1.2. Tiêu chí đánh giá mức độ PTDLBV đảo dưới góc độ xã hội

1. Tốc độ phát triển các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ
1.1. Tốc độ phát triển các cơ sở kinh doanh vận chuyển
1.2. Tốc phát triển các cơ sở kinh doanh lưu trú
1.3. Tốc độ phát triển các cơ sở kinh doanh ăn uống
2. Mức độ hài lòng của cộng đồng địa phương đối với HĐDL
2.1. Tỷ lệ công đồng địa phương có tham gia xây dựng, đóng góp ý kiến và giám sát thực hiện các dự án đầu tư, PTDL tại địa phương
2.2. Mức độ hài lòng chung của cộng đồng địa phương đối với HĐDL
3. Tạo việc làm cho người dân địa phương
3.1. Tỷ lệ việc làm trong ngành du lịch danh cho người dân địa phương trên tổng số lao động địa phương

3.2. Tốc độ tăng tỷ lệ việc làm trong du lịch
4. Về công tác đảm bảo an toàn, an ninh trật tự, an toàn xã hội
4.1. Các rủi ro về sức khoẻ (bệnh tật, tai nạn) do du lịch đối với du khách
4.2. Số lượng các vụ trộm cắp, cướp giật liên quan đến khách du lịch
4.3. Số lượng các hiện tượng ăn xin, bán hàng rong đeo bám, giành giật khách du lịch
5. Mức độ hài lòng của cộng đồng địa phương đối với hoạt động du lịch

Bảng 1.3. Tiêu chí đánh giá mức độ PTDLBV đảo dưới góc độ môi trường

1. Tỷ lệ các khu, điểm du lịch được đầu tư tôn tạo và bảo tồn
2. Tỷ lệ các khu, điểm du lịch được quy hoạch
3. Tỷ lệ đóng góp từ thu nhập du lịch cho công tác bảo tồn, phát triển tài nguyên và bảo vệ môi trường
4. Quản lý và hạn chế các áp lực lên môi trường tại các khu, điểm du lịch
4.1. Tỷ lệ các khu, điểm du lịch có bản quy định nội quy tham quan, bảo vệ môi trường
4.2. Tỷ lệ các khu, điểm du lịch có thu gom rác thải hàng ngày
4.3. Tỷ lệ các khu, điểm du lịch có giới hạn sức chứa khách du lịch
4.4. Tỷ lệ các khu, điểm du lịch có thùng đựng rác chuẩn
4.5. Tỷ lệ các cơ sở lưu trú có hệ thống thu gom và xử lý chất thải đạt chuẩn
4.6. Lượng nước sử dụng trung bình tính trên mỗi du khách một ngày đêm nghỉ ở cơ sở lưu trú (lít)
4.7. Chất lượng môi trường (nước sạch, không khí, rác thải, tiếng ồn…) tại các khu, điểm du lịch
5. Ý thức bảo vệ môi trường
5.1. Du khách có ý thức trong tham gia bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên và PTDL
5.2. Cư dân địa phương có ý thức trong tham gia bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên và PTDL
5.3. Các cơ sở kinh doanh du lịch có ý thức trong tham gia bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên và PTDL (đánh giá chéo)

Nguồn: Tác giả tổng hợp

1.2.2. Vai trò của phát triển du lịch bền vững vùng đảo

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, phát triển du lịch bền vững không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam – một quốc gia có đường bờ biển dài và hệ thống đảo ven bờ phong phú. Đối với Việt Nam, du lịch bền vững là công cụ chiến lược để hiện thực hóa mục tiêu phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. Phát triển du lịch theo hướng bền vững giúp đa dạng hóa nguồn thu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ khai thác tài nguyên thô sang kinh tế tri thức và dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

Đặc biệt, tại khu vực đảo ven bờ, nơi hội tụ các giá trị sinh thái, văn hóa, lịch sử độc đáo nhưng cũng rất nhạy cảm với tác động môi trường, phát triển du lịch bền vững là cách thức hiệu quả để cân bằng giữa khai thác và bảo tồn. Với đặc điểm dân cư ít, cơ sở hạ tầng còn hạn chế và dễ tổn thương trước thiên tai, các đảo ven bờ rất cần một mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, tôn trọng sức chịu tải của hệ sinh thái và giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống. Đây cũng là vùng có vai trò quan trọng về an ninh – quốc phòng, do đó, việc nâng cao đời sống người dân thông qua du lịch không chỉ giúp phát triển kinh tế địa phương mà còn củng cố, bảo vệ vùng đảo.

Phát triển du lịch bền vững đóng vai trò then chốt, đặc biệt đối với các khu vực biển đảo và vùng đảo ven bờ. Đây là một trong những động lực quan trọng góp phần vào tăng trưởng kinh tế bền vững của địa phương và quốc gia. Doanh thu từ ngành du lịch ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế địa phương, đồng thời tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực đến các ngành có liên quan như nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và thương mại. Sự phát triển của du lịch bền vững còn thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa, với tỷ trọng dịch vụ gia tăng và sự đổi mới, nâng cao hiệu quả của các ngành kinh tế khác. Bên cạnh đó, du lịch phát triển kéo theo sự đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, giao thông, cơ sở lưu trú và các tiện ích công cộng theo hướng hiện đại và thân thiện với môi trường.

Về mặt xã hội, du lịch bền vững có vai trò tích cực trong việc góp phần ổn định chính trị - xã hội và thúc đẩy tiến bộ xã hội. Việc bảo tồn và

phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương gắn liền với hoạt động du lịch không chỉ làm phong phú sản phẩm du lịch mà còn tăng cường niềm tự hào và sự gắn bó của cộng đồng cư dân. Các địa phương có chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch hợp lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và người dân tham gia hiệu quả vào hoạt động du lịch, từ đó mở rộng cơ hội việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo và cải thiện sinh kế cho người dân bản địa. Đồng thời, du lịch bền vững còn góp phần giữ vững an ninh quốc phòng tại các khu vực trọng yếu như vùng biển đảo.

Về mặt môi trường, phát triển du lịch bền vững đặt ra yêu cầu nghiêm túc trong công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống. Hoạt động du lịch chỉ có thể duy trì lâu dài nếu đi đôi với gìn giữ môi trường cảnh quan, đảm bảo sự trong lành và hài hòa của hệ sinh thái. Nguồn thu từ du lịch cần được tái đầu tư một cách hợp lý vào công tác bảo tồn tài nguyên và cải tạo môi trường, góp phần phát triển và tái tạo các nguồn lực phục vụ du lịch.

Cuối cùng, du lịch bền vững góp phần nâng cao năng lực hội nhập quốc tế của địa phương và đất nước. Việc mở rộng thị trường, đa dạng hóa cơ cấu khách du lịch quốc tế không chỉ mang lại cơ hội phát triển kinh tế mà còn đòi hỏi sự nâng cao về năng lực quản lý, chất lượng dịch vụ và nhận thức hội nhập ở mọi cấp, mọi ngành. Thông qua du lịch bền vững, hình ảnh địa phương và quốc gia được quảng bá rộng rãi, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, mở rộng các mối quan hệ hợp tác, giao lưu văn hóa và kinh tế một cách toàn diện và sâu rộng.

1.3. Kinh nghiệm từ một số mô hình phát triển du lịch bền vững trên thế giới và Việt Nam

1.3.1. Một số mô hình phát triển du lịch biển đảo định hướng bền vững

a. Mô hình du lịch bền vững tại quần đảo Galápagos (Ecuador)

Quần đảo Galápagos là một trong những điểm đến thu hút khách du lịch khắp thế giới. Nằm cách bờ biển Ecuador hơn 1.000 km, quần đảo gồm 19 hòn đảo chính, hàng chục đảo đá nhỏ, nổi bật với hệ sinh thái nguyên sơ và vô số loài động – thực vật chỉ có ở đây. Trong những năm gần đây, ưu tiên việc phát triển du lịch bền vững, quần đảo đã thực thi các giải pháp:

- Kiểm soát sức chịu tải: Từ năm 1984, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Galápagos áp dụng phương pháp xác định sức chịu tải riêng cho từng điểm tham quan (như bãi biển, lộ trình đi bộ), thay vì giới hạn tổng lượt khách. Mỗi điểm được tính toán dựa trên diện tích, nhạy cảm sinh thái và khả năng phục hồi của hệ sinh thái địa phương.

- Quy hoạch phân vùng du lịch: Hệ thống phân vùng 6 hạng mục từ "vùng phục vụ du khách thông thường" đến "vùng hoang dã nghiêm ngặt". Mỗi phân vùng quy định chặt chẽ hoạt động được phép (có hay không có hướng dẫn viên, số lượng khách tối đa, loại phương tiện di chuyển) nhằm bảo đảm tác động trực tiếp của con người không vượt ngưỡng cho phép.

- Phí môi trường và tái đầu tư: Du khách quốc tế phải trả phí nhập cảnh (User Fee), hiện khoảng 100 USD/người, được đưa vào Quỹ Bảo tồn Galápagos để phục hồi rạn san hô, mua trang thiết bị giám sát và tài trợ các chương trình nghiên cứu khoa học.

- Mở rộng Vùng biển bảo tồn: Năm 2022, Ecuador cam kết mở rộng Vùng bảo tồn biển từ 138.000 km² lên gần 200.000 km², thiết lập "hành lang sinh học" kết nối với Costa Rica và tăng cường tuần tra biển bằng lực lượng cảnh sát biển chuyên trách.

- Định hướng phát triển du lịch sinh thái, trong đó chính quyền địa phương thông qua mô hình với 4 thành tố: quản trị minh bạch, tham vấn cộng đồng, giám sát môi trường liên tục, quy hoạch phát triển du lịch, trở thành khung chính sách bắt buộc cho mọi dự án du lịch mới và thực thi các hoạt động du lịch.

b. Mô hình du lịch bền vững tại Maldives

Maldives nằm phía tây nam Ấn Độ, là một quốc gia nhỏ nhất châu Á và nằm trong mười quốc gia nhỏ nhất thế giới với gần 1,200 hòn đảo san hô lớn nhỏ tạo thành ở phía Nam Ấn Độ, thuộc Ấn Độ Dương. Trong số đó, khoảng 200 hòn đảo là có người địa phương sinh sống. Maldives được mệnh danh là thiên đường du lịch của thế giới.

Maldives nằm phía tây nam Ấn Độ với 1.192 đảo san hô tập trung thành 26 nhóm đảo, trong đó khoảng 200 đảo có người sinh sống. Maldives là thiên đường của những những bãi biển tuyệt đẹp. Các khu nghỉ dưỡng tách biệt với những dịch vụ hoàn hảo từ nghỉ ngơi đến ăn uống. Nơi đây có

đủ mọi hoạt động hấp dẫn cho một ngày thư giãn: tập yoga bên hồ bơi, massage, tắm nắng, bơi lội, lặn biển ngắm san hô ngay khu vực quanh resort các dịch vụ ăn uống. Trong quá trình phát triển du lịch, định hướng phát triển bền vững, khu vực đã xác định:

- Chú trọng chất lượng hơn số lượng: Maldives tập trung phát triển resort cao cấp trên các đảo riêng biệt, giới hạn số lượng khách, ưu tiên chi tiêu cao để giảm áp lực hạ tầng và tối đa hóa lợi ích kinh tế lưu lại địa phương.

- Thành lập Horsburgh Atoll Tourism Alliance (HATA) là tổ chức quản lý cộng đồng đầu tiên tại Maldives. Tổ chức này có nhiệm vụ kết nối chính quyền đảo, các khu nghỉ dưỡng, doanh nghiệp du lịch nhỏ để xây dựng chiến lược phát triển bền vững dựa trên ưu tiên bảo tồn môi trường, lợi ích kinh tế và chất lượng trải nghiệm.

- Hình thành các khu nghỉ dưỡng (resort) điển hình, thân thiện môi trường như:

+ Resort Soneva Jani (Noonu Atoll) sử dụng hệ thống điện mặt trời, hệ thống xử lý, tái chế nước thải, hạn chế nhựa dùng một lần và phát triển san hô nhân tạo ngay trong khu vực lưu trú.

+ Resort Four Seasons Resort Kuda Huraa, cho phép du khách tham gia hoạt động bảo vệ san hô, tăng cường phục hồi rạn san hô và giáo dục bảo vệ môi trường.

- Thực thi kế hoạch hành động khí hậu du lịch 2024–2030: Maldives triển khai "Tourism Climate Action Plan" bao gồm mục tiêu giảm 45 % phát thải Carbon, tăng 30% điện tái tạo trong lĩnh vực du lịch và áp dụng chuẩn ISO 21401 cho 80% cơ sở lưu trú đến năm 2030.

- Thúc đẩy du lịch cộng đồng và trải nghiệm bản địa: Các dự án lưu trú cộng đồng khuyến khích du khách tham gia hoạt động đánh bắt cá, chế biến thủ công mỹ nghệ, góp phần phân bổ lợi ích kinh tế đến nhóm dễ tổn thương và gìn giữ văn hóa truyền thống.

c. Phát triển du lịch ở đảo Nami (Hàn Quốc)

Đảo Nami thuộc thành phố Chuncheon, Hàn Quốc. Hòn đảo này thực tế đã từng có nhiều thành công về mặt kinh tế trong hoạt động du lịch suốt hơn 20 năm. Tuy nhiên, do các yếu tố văn hóa và môi trường ít được chú

trọng trong quá trình khai thác, tổ chức du lịch, đến năm 1990, môi trường du lịch trên đảo suy thoái nghiêm trọng, lượng khách theo đó cũng suy giảm nhanh chóng. Năm 2002, Nami tiến hành cải tạo lại môi trường sinh thái và khôi phục hình ảnh du lịch của đảo với nhiều biện pháp cụ thể:

+ Phục hồi hệ sinh thái: Ban quản lý đảo đã tiến hành một loạt các hoạt động cải thiện môi trường sinh thái như xử lý việc chôn lấp rác thải bất hợp pháp; quy hoạch lại diện tích cây xanh, thả các thú tự nhiên bị nuôi nhốt để tái tạo lại môi trường sống tự nhiên vốn có của đảo. Tổ chức cho khách cũng như cộng đồng địa phương tham gia các hoạt động trồng cây, trồng rừng và gắn biển tên. Xây dựng trung tâm tái chế rác thải cho mục đích cải tạo môi trường. Quan trọng hơn, đảo đã thành công trong việc tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường và đưa văn hóa tái chế trở thành biểu tượng được ghi nhận.

+ Phát triển văn hóa: Một chiến lược bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc đã được xây dựng và thực hiện. Nhiều khu vực, tòa nhà được chuyển đổi mục đích sử dụng để mở rộng không gian văn hóa và nghệ thuật, giúp du khách có cơ hội khám phá, trải nghiệm nghệ thuật dân gian truyền thống của địa phương.

+ Huy động sự tham gia của cộng đồng: Thu hút cộng đồng bản địa tham gia các hoạt động văn hóa, lễ hội, cung cấp hàng lưu niệm thủ công phục vụ du khách; chú trọng vai trò của cộng đồng trong các hoạt động bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Hợp tác, liên kết phát triển du lịch, tăng cường quảng bá: Tạo không gian để nhiều tổ chức quốc tế sử dụng cho các sự kiện thường xuyên như trại hè, sân chơi văn hóa...; xây dựng và nỗ lực mở rộng mạng lưới liên kết quốc tế; tích cực quảng bá du lịch bằng nhiều hình thức như đăng cai sự kiện, hỗ trợ sản xuất các bộ phim ăn khách với bối cảnh trên đảo, thực hiện nhiều sáng kiến quảng bá độc đáo khác. Những nỗ lực tái tạo lại môi trường du lịch đã đưa Nami trở lại vị trí vốn có là một trong những điểm du lịch tiêu biểu của Hàn Quốc. Số khách du lịch gia tăng hàng năm và quan trọng hơn, các khảo sát của đảo cho thấy, hầu hết du khách đều hài lòng, có mong muốn quay trở lại, cộng đồng địa phương cũng được chia sẻ lợi ích tích cực từ du lịch, môi trường sinh thái, văn hóa địa phương tiếp tục được bảo vệ bền vững.

1.3.2. Kinh nghiệm cho phát triển du lịch bền vững khu vực đảo ven bờ Việt Nam

Bài học từ một số mô hình phát triển du lịch bền vững cho thấy:

- Để du lịch phát triển bền vững tại các khu vực biển đảo ven bờ, đồng thời với việc khai thác tài nguyên du lịch, các địa phương cần có các giải pháp bảo vệ, tôn tạo các tài nguyên du lịch như cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên vùng biển, các công trình và di sản văn hóa của địa phương…, chú trọng thực thi các giải pháp bảo vệ và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Xây dựng sản phẩm du lịch xanh, du lịch bền vững, gia tăng tính trải nghiệm và giáo dục bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên, bảo tồn văn hóa.

- Các mô hình du lịch bền vững tại khu vực đảo ven bờ đều dựa trên quy hoạch hợp lý của địa phương. Quy hoạch phát triển du lịch bền vững phải trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững; phân tích, đánh giá đúng tiềm năng, hiện trạng tài nguyên du lịch, các nguồn lực phát triển du lịch; luận chứng phù hợp các phương án phát triển du lịch bền vững, cân đối giữa các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường và phải có tính ổn định lâu dài. Có sự triển khai nghiêm túc, nhất quán, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch.

- Để phát triển du lịch bền vững, các khu vực đảo ven bờ cần thu hút được các nhà đầu tư có tiềm lực và có chiến lược phát triển du lịch dài hạn.

- Vai trò, quyền lợi, trách nhiệm của cộng đồng dân cư địa phương liên quan đến tài nguyên du lịch cần được đảm bảo đầy đủ, nghiêm túc và tích cực. Cộng đồng nơi có điểm du lịch phải được tham gia, được ghi nhận ý kiến trong quá trình xây dựng quy hoạch, xây dựng các chính sách về du lịch có liên quan trực tiếp đến cộng đồng; được bảo đảm các quyền lợi cả trong quá trình xây dựng và thực hiện các dự án du lịch (được bồi thường thỏa đáng khi bị ảnh hưởng, được hỗ trợ, tạo điều kiện về sinh kế, ổn định cuộc sống); được ưu tiên khi tham gia tuyển dụng lao động cho các hoạt động du lịch trên địa bàn, được tham gia và chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch, được đảm bảo môi trường sống bằng hoặc tốt hơn so với trước khi có

hoạt động du lịch trên địa bàn; có trách nhiệm trực tiếp góp phần bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái, bảo vệ các giá trị văn hóa bản địa.

- Liên kết, hợp tác để xây dựng chuỗi các dịch vụ có chất lượng hợp lý từ vui chơi giải trí, nghỉ ngơi, ăn uống… tại các khu du lịch tập trung để thu hút khách du lịch và tăng thu nhập từ các dịch vụ đó cho địa phương, doanh nghiệp.

- Chú trọng quảng bá, tuyên truyền những sản phẩm, địa danh nổi tiếng có thương hiệu của du lịch địa phương là giải pháp quan trọng để thu hút khách du lịch bền vững.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM HỆ THỐNG ĐẢO, CÁC ĐẢO VEN BỜ VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHU VỰC ĐẢO VEN BỜ VIỆT NAM

2.1. Khái quát về hệ thống đảo và huyện đảo ven bờ Việt Nam

Hệ thống đảo ven bờ phân bố trên thềm lục địa từ biên giới phía bắc tại tỉnh Quảng Ninh cho đến biên giới phía tây nam tại tỉnh Kiên Giang. Số lượng các ĐVB được thống kê theo hải đồ tỷ lệ 1/25.000 và 1/100.000 là 2.773 đảo với tổng diện tích 1.721 km² [1]. Các ĐVB phân bố không đồng đều, tập trung nhiều nhất ở ven bờ Bắc Bộ 2.321 đảo, chiếm tới 83,7% tổng số đảo và 48,9% tổng diện tích đảo. Ven bờ Bắc Trung Bộ có ít đảo nhất, chỉ đạt 2% tổng số đảo và 0,83% tổng diện tích các đảo. Ven bờ Nam Trung Bộ và Nam Bộ có giá trị tương đương nhau về số lượng đảo (khoảng 7%) nhưng về mặt diện tích thì các ĐVB Nam Bộ lại gần tương đương với Bắc Bộ, chiếm 40,3% tổng diện tích các đảo, còn các ĐVB Nam Trung Bộ chỉ chiếm 10%.

Về mặt hành chính, Việt Nam đã thành lập các huyện đảo ven biển thuộc các tỉnh và thành phố; trong đó có 2 huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm xa bờ, còn lại 10 huyện đảo nằm ven bờ.

Chú thích: Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 9/5/2025, Chính phủ đã thông qua hồ sơ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025. Theo đề án sắp xếp, chậm nhất ngày 15/8, ĐVHC cấp xã mới sẽ chính thức đi vào hoạt động. Trong đó, các huyện đảo, thành phố đảo sẽ chuyển thành ĐVHC cấp xã có tên gọi là đặc khu. Hiện tại, cả nước có 11 huyện đảo, tương ứng 11 đặc khu gồm: Vân Đồn, Cô Tô, Cát Hải, Trường Sa, Hoàng Sa, Phú Quý, Kiên Hải, Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ, Lý Sơn, Côn Đảo và 1 thành phố đảo Phú Quốc. Riêng đối với thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, cấp có thẩm quyền đã đồng ý chủ trương tách xã Thổ Châu thuộc thành phố Phú Quốc để thành lập 1 huyện riêng, vì thế nghiên cứu thành lập 2 đặc khu: Phú Quốc và Thổ Châu. Như vậy, cả nước sẽ có 13 đặc khu.

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

a. Số đảo nhiều, diện tích nhỏ và phân bố rộng

Bảng 2.1. Các nhóm đảo phân chia theo diện tích

Nhóm đảo theo diện tích (km^2)	Số đảo trong nhóm	Tỷ lệ trên tổng số đảo (%)	Tổng diện tích của nhóm (km^2)	Tỷ lệ trên tổng diện tích các đảo (%)
< 0,001	284	10,24	0,1129	0,01
0,001-0,005	685	24,70	1,6161	0,10
0,005-0,01	418	15,07	2,7909	0,16
0,01-0,05	779	28,10	17,6136	1,02
0,05-0,1	209	7,54	14,5312	0,84
0,1-0,5	266	9,59	52,8745	3,07
0,5-1	48	1,73	34,7793	2,02
1-5	51	1,84	121,6281	7,07
5-10	9	0,32	61,5910	3,58
10-50	19	0,69	375,6273	21,83
50-100	2	0,07	133,7727	7,77
> 100	3	0,11	903,9378	52,53
Tổng cộng	2773	100	1720,8754	100

Nguồn: Đề tài KT. 03. 12 [1]

Bảng 2.2. Số lượng và diện tích hệ thống đảo ven bờ Việt Nam theo các vùng

Toàn hệ thống đảo						Các đảo có diện tích ≥ 1 km^2			
TT	Vùng	Số đảo	%	Diện tích (km^2)	%	Số đảo	%	Diện tích (km^2)	%
I	Bắc Bộ	2321	83,70	841,157	48,88	50	59,5	761,191	47,68
II	Bắc Trung Bộ	57	2,06	14,248	0,83	3	3,6	9,424	0,59
III	Nam Trung Bộ	200	7,21	172,002	9,99	16	19,0	153,542	9,61
IV	Nam Bộ	195	7,01	693,469	40,30	15	17,9	672,400	42,12
	Tổng	2773	100	1720,875	100	84	100	1596,557	100

Nguồn: Đề tài KT. 03. 12 [1]

Hệ thống đảo ven bờ (ĐVB) là tập hợp các đảo, cụm đảo, quần đảo phân bố trên thềm lục địa, kể từ sát bờ ra đến những đảo xa nhất là Bạch Long Vỹ, Hòn Hải, Bầy Cạnh, Thổ Chu, Quan Lạn. Theo kết quả thống kê chưa đầy đủ của đề tài KT - 03 - 12 [1], hệ thống ĐVB gồm 2.773 đảo với tổng diện tích 1.720km^2 (Bảng 2.1). Trong số đó có 84 đảo có diện tích trên 1km^2 với tổng diện tích 1.596 km^2 (92,7%), có 24 đảo trên 10km^2 và 3 đảo trên 100km^2, còn lại là các đảo rất nhỏ.

Đảo phân bố suốt từ tây vịnh Bắc Bộ đến đông vịnh Thái Lan nhưng chủ yếu tập trung ở vùng biển ven bờ Bắc Bộ và ven bờ Nam Bộ (Bảng 2.2). Các tỉnh có nhiều đảo nhất là Quảng Ninh (74,94%), Hải Phòng (8,76%), Kiên Giang (5,73%), Khánh Hoà (3,82%).

Bảng 2.3. Phân loại 84 đảo có diện tích ≥ 1 km^2 theo diện tích và vùng phân bố

Số đảo theo diện tích			Số đảo theo diện tích và vùng						
Diện tích (km^2)	Số đảo	Tỷ lệ %	Loại diện tích (km^2)	Số đảo phân bố theo vùng				Chung cả nước	
				Ven bờ Bắc Bộ	Ven bờ Bắc Trung Bộ	Ven bờ Nam Trung Bộ	Ven bờ Nam Bộ	Số đảo	Tỷ lệ % so với tổng 84 đảo
> 100	3	3,6	> 100	2	0	0	1	3	3,6
100-20	7	8,3	> 20	6	0	2	2	10	11,8
20-10	14	16,7	> 10	16	0	5	3	24	28,5
10-5	9	10,7	> 5	21	0	5	7	33	39,2
5-1	51	60,7	> 1	50 (59,5%)	3 (3,6%)	16 (19,0%)	15 (17,9%)	84	100
Cộng:	84	100							

Nguồn: Đề tài KT. 03. 12 [1]

Diễn giải bảng 2.3

33 đảo có diện tích từ trung bình trở lên (> 5km^2)	3 đảo (> 100km^2): Phú Quốc (583 km^2), Cái Bầu (190 km^2), Cát Bà (163km^2)
	7 đảo (20-100km^2): Trà Bản (76,4 km^2), Côn Đảo (57,4 km^2), Hòn Bà I (45,2 km^2), Hòn Tre I (38,4 km^2), Vĩnh Thực (32,6 km^2), Đồng Rui (32,3 km^2), Ba Mùn (Cao Lô) (23,4 km^2).
	14 đảo (10-20km^2): Phú Quý (18,0km^2), Thanh Lân (16,8km^2), Cái Lim (Trà Ngọ) (16,1km^2), Vạn Cảnh (16,1km^2), Đình Vũ (15,8km^2), Quán Lạn (Cảnh Cước) (15,7km^2), Cô Tô (15,6km^2), Cù Lao Chàm (15,0km^2), Cái Chiên (14,0km^2), Đống Chén (13,6km^2), Ngọc Vừng (12,0km^2), Hòn Rái (11,5km^2), Thẻ Vàng (11,1km^2), Lý Sơn (10,0km^2).
	9 đảo (5-10km^2):Thổ Chu (9,9km^2), Hà Loan (8,2km^2), Sâu Nam (7,4km^2), Bẩy Cạnh (7,2km^2), Phượng Hoàng (6,3km^2), Hòn Bà II (6,1km^2), Còng (Quả Soài) (5,5km^2), Cống Nưa (5,5km^2), Nam Du (5,5km^2)
51 đảo nhỏ (1-5km^2)	14 đảo (3 - 5km^2): Hòn Khoai (4,96km^2), Hòn Mê (4,86km^2), Hang Trại (4,6km^2), Chàng Tây (Trần) (4,5km^2), Lão Vọng (4,3km^2), Vạn Vược (3,9km^2), Mang (3,8km^2), Bình Ba (3,7km^2), Cù Lao Xanh (3,5km^2), Minh Hoà (Hòn Nghệ) (3,5km^2), Hòn Thơm (3,5km^2), Hòn Tre II (3,4km^2), Chàng Ngọ (3,2km^2), Bồ Hòn (3,1km^2)
	37 đảo (1-3km^2): Tuần Châu, Cô Tô con, Bạch Long Vỹ, Cồn Cỏ, Hòn Mun....

Nguồn: Đề tài KT. 03. 12 [1]

Để phát triển, các đảo cần phải có một diện tích đủ lớn. Trong 84 đảo có diện tích trên 1km^2, có 33 đảo diện tích trên 5km^2 (lớn và trung bình) và 51 đảo còn lại (60,7%) là các đảo nhỏ (1 - 5km^2). Chúng chủ yếu phân bố nhiều ở ven bờ Bắc Bộ (59,5%), tiếp đó là ven bờ Nam Trung Bộ và Nam Bộ (Bảng 2.3).

b. Điều kiện tự nhiên đa dạng

Hệ thống đảo ven bờ nằm trên thềm lục địa, là rìa của lục địa bị lún chìm, mang đặc điểm địa chất của các vùng lục địa kế cận. Chúng được cấu tạo bởi các đá có nguồn gốc, tuổi và đặc điểm thạch học khác nhau. Nếu như các đảo ven bờ Bắc Bộ cấu tạo bởi các đá nguồn gốc trầm tích thì các đảo ven bờ Trung Bộ có nguồn gốc chủ yếu là các đá macma xâm nhập

và phun trào, trong khi các đảo ven bờ Nam Bộ cấu tạo bởi cả đá trầm tích, đá macma. Trong Neogen - Đệ tứ hoạt động bazan mạnh mẽ ở vùng biển Trung Bộ đã tạo ra một loạt các đảo có nguồn gốc núi lửa: Cồn Cỏ, Lý Sơn, Phú Quý...

Địa hình các đảo chủ yếu là đồi núi thấp với sườn dốc 15-35°. Có 8 đảo có độ cao trên 400m, còn phổ biến là độ cao 100 - 200m. Quan sát thấy có mối quan hệ thuận giữa độ cao và độ lớn của đảo, nhưng tách thành hai loại riêng biệt: đảo đá trầm tích, đảo đá magma (đảo đá magma có độ cao lớn hơn đảo đá trầm tích tương ứng về diện tích). Tuyệt đại đa số các đảo đang chịu quá trình phá huỷ (bóc mòn, mài mòn) mạnh mẽ, nhất là các đảo nhỏ và rất nhỏ.

Các kiểu địa hình phổ biến nhất của hệ thống ĐVB là địa hình núi thấp trên đá vôi, trên đá bazan, đá granit và trên các đá trầm tích có thế nằm khác nhau. Các đảo ven bờ hiện nay vào giai đoạn trước Đệ tứ chủ yếu thuộc về chế độ lục địa, có xen kẽ với điều kiện biển nông ở từng khu vực. Trong Đệ tứ chúng trở thành các đảo biển thực thụ; tuy nhiên trong những thời kỳ biển rút (thuộc thời kỳ băng hà) chúng lại trở thành những đồi núi sót nổi trên mặt đồng bằng bóc mòn - tích tụ ven biển.

Ngoài đất cát và đất mặn hạn chế, trên các đảo ven bờ chủ yếu là các loại đất feralit trên các vỏ phong hoá của đá vôi, đá bazan, đá sa diệp thạch, đá granit, trên sản phẩm dốc tụ. Tầng đất trên đảo mỏng, thường xuyên bị rửa trôi, nghèo chất dinh dưỡng, trừ đất hình thành trên đá bazan.

Khí hậu của các đảo ven bờ điều hoà hơn so với lục địa kế cận, đồng thời cũng phân hoá theo các vùng biển. Nhìn chung chế độ nhiệt và bức xạ tăng dần từ bắc vào nam; gió mùa Đông Bắc, sương mù, bão ảnh hưởng nhiều đến các đảo ven bờ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Lượng mưa và độ ẩm không khí trên các đảo ven bờ Nam Trung Bộ thấp hơn các vùng đảo khác. Nhận thấy mức độ thuận lợi của điều kiện khí hậu cho các hoạt động kinh tế tăng dần từ vùng biển ven bờ phía bắc đến vùng biển phía nam.

Nước mặt trên Hệ thống ĐVB rất hạn chế; chỉ có các đảo lớn và trung bình mới gặp khe suối với nước chảy thường xuyên hoặc định kỳ. Số đảo có nước mặt thường xuyên ngày càng ít đi do lớp phủ rừng bị mất.

Chế độ hải văn quanh các đảo ven bờ phân hoá theo các vùng khí hậu và theo mùa. Sóng có độ cao từ 1-2m đến 2-3m, khi bão có thể đạt 6-7m. HTĐVB nằm trong các vùng biển có đủ 4 loại thuỷ triều (nhật triều đều và không đều, bán nhật triều đều và không đều), có độ cao từ dưới 1m đến 3-4m. Dòng chảy biển ven bờ các đảo phụ thuộc vào mùa gió, vào địa hình bờ và đáy biển, thường mùa đông có hướng Đông Bắc, mùa hè hướng Tây Nam. Nhiệt độ tầng mặt của nước biển ven bờ tăng dần từ bắc vào nam, nhất là vào mùa đông. Biên độ nhiệt năm giảm từ bắc (1- 4^oC ở Cô Tô) đến nam (1-3^oC ở Phú Quốc). Độ mặn vùng biển ven bờ thay đổi theo mùa, trung bình năm đạt 25-$30^o/_{oo}$. Độ mặn lớn ở quanh các đảo miền Trung (30-$34^o/_{oo}$) và Nam Bộ (30-$31^o/_{oo}$).

Rừng các loại trên HTĐVB còn chiếm khoảng 40% diện tích đất tự nhiên, được bảo vệ tốt trên các đảo là Vườn quốc gia hoặc khu bảo tồn thiên nhiên như Ba Mùn, Cát Bà, Cù Lao Chàm, Côn Đảo, Hòn Khoai, Phú Quốc... còn lại đều đã bị khai thác quá mức (Ngọc Vừng, Lý Sơn, Phú Quý...). Thảm thực vật trên các đảo Nam Bộ có yếu tố khác biệt với các đảo ven bờ Bắc Bộ với nhiều loài đặc hữu.

2.1.2. Vị thế và tài nguyên thiên nhiên

a. Vị thế quan trọng

Hệ thống ĐVB Việt Nam có vị thế đặc biệt quan trọng về mặt chính trị và cả về KT-XH, chúng là nền tảng pháp lý vững chắc để vạch đường cơ sở, để tính chiều rộng lãnh hải (bên trong đường cơ sở là vùng nội thuỷ với chủ quyền tuyệt đối như trên đất liền của đất nước), cũng là cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền quốc gia trên biển và thềm lục địa.

Hệ thống ĐVB còn là hệ thống tiền đồn vững chắc từ xa trên biển giữ gìn an ninh và bảo vệ đất nước, là địa bàn thuận lợi phục vụ khai thác tài nguyên biển (hải sản, dầu khí, du lịch biển đảo…), dịch vụ biển (giao thông, cứu hộ...), là cầu nối phát huy thế mạnh của dải ven biển để tiến ra đại dương, là cửa ngõ giao lưu với nước ngoài. Đặc biệt một số đảo trong hệ thống ĐVB còn là vị trí trung chuyển từ đất liền nối với các đảo, quần đảo khơi xa Hoàng Sa và Trường Sa.

b. Tài nguyên đa dạng nhưng dễ bị thương tổn

Trên hệ thống ĐVB, các dạng tài nguyên khoáng sản, đất, nước là hạn chế trong khi đó tài nguyên sinh vật và du lịch lại là một thế mạnh.

Các đảo ven bờ nằm gần các bồn trũng có triển vọng dầu khí như các bồn (bể) Sông Hồng, Phú Khánh, Cửu Long, Nam Côn Sơn, Thổ Chu - Mã Lai,... Trên hệ thống ĐVB có khoảng 30 loại hình khoáng sản, trong đó nhóm khoáng sản cháy (than) có giá trị kinh tế hơn cả; vật liệu xây dựng phong phú; ngoài ra còn có cát thuỷ tinh, cao lanh...

Quỹ đất trên đảo hạn hẹp, độ phì kém, tầng mỏng. Đất có khả năng cho nông nghiệp chiếm khoảng 20% đất tự nhiên. Hiện còn khoảng gần 50% đất tự nhiên chưa sử dụng (trảng cỏ, cây bụi, đá lộ...). Nước ngọt là tài nguyên quan trọng đối với hệ thống ĐVB nhưng trữ lượng không nhiều và phần lớn các đảo đều gặp khó khăn về nước, nhất là vào mùa khô.

Thực vật trên đảo trước hết có giá trị khoa học cao với 8 loài đặc hữu ở Côn Đảo và Phú Quốc. Trên các đảo ven bờ Bắc Bộ có trên 800 loài với 23 loài cây quý hiếm, các đảo ven bờ Nam Bộ có trên 1300 loài với 20 loài quý hiếm. Trên đảo có nhiều cây lấy gỗ, cây thuốc, cây ăn quả, cây cảnh, cây thức ăn cho người và gia súc. Nhưng giá trị quan trọng nhất của thảm thực vật trên đảo chính là vai trò bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ tài nguyên đất và nước của đảo.

Động vật hoang dã trên đảo tuy đa dạng nhưng đã bị giảm sút nghiêm trọng do bị săn bắt và thu hẹp địa bàn sống. Có 41 loài đã ghi vào Sách đỏ Việt Nam [1], có nhiều loài đặc hữu như Voọc đầu trắng ở Cát Bà, Vượn tay trắng ở Phú Quốc, Sóc đen ở Côn Đảo... Có loài cho lợi ích kinh tế đáng kể như tổ yến hàng. Giá trị lớn nhất của động vật hoang dã trên đảo chính là về nguồn gen và đa dạng sinh học của chúng.

Sinh vật trên bãi triều và vùng biển quanh đảo phong phú, có giá trị kinh tế cao. Ngoài các sinh vật phù du, có hàng trăm loài động vật đáy (bào ngư, trai ngọc, ốc nón, hải sâm...) san hô, rong biển, với nhiều bãi tôm, cá, mực có mật độ lớn, trữ lượng cao. Nhìn chung, nguồn lợi sinh vật vùng triều của các đảo ven bờ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ phong phú hơn vùng triều phía nam, ngược lại nguồn lợi về cá, tôm, mực vùng biển ven đảo phía nam lại phong phú hơn.

Tài nguyên du lịch, nhất là tài nguyên DLST của hệ thống ĐVB có giá trị cao do ưu thế đặc biệt về cảnh quan đa dạng, khí hậu trong lành, thế giới động thực vật phong phú, đặc thù địa chất - địa mạo độc đáo. Vùng du lịch biển đảo Bắc Bộ nổi tiếng với các nhóm đảo thuộc Vịnh Hạ Long - Cát Bà - một Di sản thiên nhiên thế giới về cảnh quan và địa chất - địa mạo, vịnh Bái Tử Long, quần đảo Cát Bà (với các Vườn quốc gia - khu dự trữ sinh quyển), vùng đảo Cô Tô, Trà Bản, Ngọc Vừng... Vùng biển Trung Bộ có các cụm đảo Hòn Mê, Cồn Cỏ, các đảo trong vịnh Văn Phong, Nha Trang, Cam Ranh (Hòn Lớn, Mỹ Giang, Hòn Tre, Hòn Yến, Hòn Mun...) cũng như Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Phú Quý... Ở vùng biển Nam Bộ tiềm năng du lịch lớn thuộc về cụm đảo Côn Đảo, Phú Quốc (các vườn quốc gia), Hòn Khoai, Thổ Chu, Nam Du… Các SPDL của hệ thống ĐVB phong phú, từ tham quan thắng cảnh, tìm hiểu các hệ sinh thái động thực vật, đến giải trí, thể thao, thám hiểm hoặc nghỉ dưỡng, nghiên cứu khoa học (sinh học, địa chất - địa mạo).

2.1.3. Các huyện đảo của Việt Nam

Việt Nam là quốc gia biển có đường bờ biển trải dài hơn 3.260 km từ Bắc tới Nam, gần 3.000 hòn đảo lớn nhỏ khác nhau và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Hệ thống hải đảo ven biển Việt Nam Việt Nam thuộc 21 tỉnh, thành phố giáp biển, với 12 huyện đảo, thành phố đảo, trong thời gian tới sẽ tương ứng với 13 đặc khu. Cũng cần ghi nhận rằng, trong hệ thống đảo ven biển Việt Nam, ngoài 12 huyện đảo kể trên, còn có hơn 85 xã đảo, 1 phường đảo và hàng trăm đảo khác trực thuộc các đơn vị hành chính trên bờ. Các huyện đảo thuộc 4 tỉnh: Quảng Ninh (Cô Tô, Vân Đồn), Hải Phòng (Bạch Long Vĩ, Cát Hải), Quảng Trị (Cồn Cỏ), Đà Nẵng (Hoàng Sa), Quảng Ngãi (Lý Sơn), Lâm Đồng (Phú Quý), Khánh Hòa (Trường Sa), TP.HCM (Côn Đảo) và Kiên Giang (Kiên Hải, Phú Quốc, Thổ Châu).

Các huyện đảo tập trung ở vùng biển phía Bắc (4 huyện đảo), phía Nam (3 huyện đảo) và phân tán ở vùng biển miền Trung (5 huyện đảo), với quy mô, dân số khác nhau. Lớn nhất là huyện đảo Phú Quốc, với 593,1 km² và 180.000 người. Nhỏ nhất là hai đảo Bạch Long Vỹ và Cồn Cỏ (mới thành lập tháng 10-2004), diện tích mỗi đảo chỉ hơn 2 km².

Theo quy mô các huyện đảo ven biển có thể chia thành 4 nhóm:

- Nhóm các huyện đảo ven biển: Phú Quốc (539,1 km²), Vân Đồn (551,3 km²), Cát Hải (323,1 km²).

- Nhóm huyện đảo ven biển có diện tích khá lớn: Côn Đảo (75,2 km²), Cô Tô (46,2 km²).

- Nhóm các huyện đảo ven biển có diện tích trung bình là: Kiên Hải (27,9 km²), Phú Quý (16,0 km²), Lý Sơn (10,0 km²).

- Các đảo nhỏ ven biển Bạch Long Vỹ (4,5 km²), Cồn Cỏ (4,0 km²).

Cũng cần lưu ý là có sự khác nhau đáng kể về số liệu diện tích các huyện đảo, theo tài liệu thống kê và theo thực đo trên bản đồ. Diện tích huyện đảo Bạch Long Vỹ theo Cục Thống kê Hải Phòng là 4,5 km^2, thực đo trên bản đồ chỉ 2,2 km^2, huyện đảo Cồn Cỏ cũng vậy. Ngược lại, huyện đảo Phú Quý, theo số liệu thống kê có 16,0km^2 (số liệu trước đây là 32 km^2) nhưng theo đo trên bản đồ có diện tích khoảng 18km^2. Tổng diện tích các huyện đảo là 1651,3 km^2 theo số liệu thống kê và 1348,9km^2 theo số liệu đo đạc trên bản đồ, chênh nhau đến trên 300km^2, là một con số quá lớn đối với các đảo.

Tổng dân số trung bình năm 2023 trên 12 huyện đảo là khoảng trên 367.390.000 người, trong đó mật độ cao nhất là ở Lý Sơn với 2134 người/km^2. Mật độ nhỏ nhất thuộc khu vực đảo Cồn Cỏ 181 người/km^2. Quá trình gia tăng dân số ở 1 số đảo gia tăng nhanh, chủ yếu thuộc về các huyện đảo lớn đang có nền kinh tế phát triển mạnh nên có sức thu hút người đến kinh doanh, sản xuất (Phú Quốc, Vân Đồn, Phú Quý). Có 2 địa điểm có dân số giảm đi là Kiên Hải và Cát Hải.

2.2. Tài nguyên du lịch của khu vực đảo ven bờ

a. Tài nguyên du lịch từ các giá trị tự nhiên

Do phân bố ở đai nhiệt đới gió mùa, với đặc trưng về các điều kiện khí hậu, cùng với các quá trình phong hóa, rửa trôi, xâm thực, tích tụ... hệ thống đảo ven bờ Việt Nam đã có được một tập hợp các di sản địa mạo và cảnh quan nhiệt đới vô cùng phong phú, tạo nên nguồn TNDL quý giá, đó là:

Khí hậu vùng biển đảo ôn hòa, thuận lợi cho cho việc tắm biển và nghỉ dưỡng quanh năm đối với các đảo, quần đảo (riêng các tỉnh phía Bắc do

có mùa đông lạnh nên chủ yếu diễn ra trong các tháng mùa hè). Nhờ nhiệt độ nước biển ấm, sóng, dòng chảy, gió ven đảo thuận lợi cho các hoạt động thể thao mạo hiểm, lướt sóng, nhảy dù mặt nước, lặn biển… Một số đảo có điều kiện tự nhiên thích hợp cho nghỉ ngơi, dưỡng bệnh, phục hồi sức khỏe với không khí mát mẻ như Cù Lao Chàm, Côn Đảo, Phú Quốc ở các độ cao trên 300 m.

Bãi biển trên nhiều đảo ven bờ đẹp, nổi tiếng, thuận lợi cho du lịch nghỉ dưỡng tắm biển, như: bãi biển Hồng Vàn, Vàn Chải, Nam Hải (đảo Cô Tô); Cát Cò, Cát Dứa (đảo Cát Bà); Bãi Dù, Bãi Cửa Hang, Bãi Lăng, Bãi Láng, Bãi Phủ (đảo Phú Quý); các bãi Giếng Ngự, Bãi Khem, Bãi Sao, Bãi Vòng, Bãi Thơm, Rạch Tràm, Vũng Bầu, Cửa Cạn, Bãi Dài, Gành Dầu (đảo Phú Quốc)… Cảnh quan nhiều vịnh, đảo đã nổi tiếng như vịnh Tiên Yên - Hà Cối, vịnh Bái Tử Long, vịnh Hạ Long, vịnh Nha Trang, vịnh Lăng Cô và vịnh Thuận Yên (Hà Tiên)... Trong đó vịnh Hạ Long 2 lần được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới; ngày 16/9/2023 quần thể vịnh Hạ Long - quần đảo Cát Bà (thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ninh và TP Hải Phòng) là di sản thiên nhiên thế giới vịnh biển Nha Trang được công nhận là một trong số 29 vịnh biển đẹp nhất của câu lạc bộ các vịnh biển đẹp nhất thế giới.

Cảnh quan núi đảo, đảo karst nhiệt đới phân bố trong vịnh Bái Tử Long, Hạ Long, Cát Bà, Hà Tiên, với các dạng địa hình nón, tháp và các ngấn mài mòn trên vách đảo;

Cảnh quan núi, đồi đảo trên các đá trầm tích: Cái Bầu, Vĩnh Thực, Cô Tô, Thanh Lam, Bạch Long Vĩ, Phú Quốc, Thổ Chu…

Cảnh quan đảo núi lửa: Cồn Cỏ, Lý Sơn, Phú Quý; cảnh quan đảo đá xâm nhập: Cù Lao Chàm, Cù Lao Xanh, Côn Sơn, Hòn Khoai;

Cảnh quan các bờ đảo mài mòn: vách bờ Vĩnh Thực, Thanh Lam, Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Hòn Khoai, Thổ Chu, Phú Quốc… cảnh quan các bờ đảo vũng vịnh: vũng Cô Tô, vụng Quan Lạn, vịnh Lan Hạ (bờ đảo Cát Bà), vịnh Côn Sơn;

Cảnh quan các hang động: hang Đầu Gỗ, động Thiên Cung (trên đảo Đầu Gỗ), hang Sửng Sốt (trên đảo Bồ Hòn); hang Quân Y, Trung Trang, Hoa Cương, hang Luồn… (trên đảo Cát Bà).

Cảnh quan các tùng, áng, hồ trên núi trong khu vực karst Hạ Long, Cát Bà: Áng Thảm, Áng Vẹm…

Thế giới sinh vật vùng đảo biển ven bờ phong phú với 3 khu dự trữ sinh quyển thế giới là Cát Bà, Cù Lao Chàm và Kiên Giang (vùng biển đảo Phú Quốc là vùng lõi của khu dự trữ); các Vườn Quốc gia Bái Tử Long, Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc, cùng với 12 khu quy hoạch bảo tồn biển quốc gia: (1) Cô Tô - Đảo Trần/Quảng Ninh; (2) Vườn quốc gia Bái Tử Long/Quảng Ninh, (3) Cát Bà/Hải Phòng, (4) khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ/Hải Phòng, (5) Cồn Cỏ/Quảng Trị, (6) Cù Lao Chàm/Đà Nẵng, (7) Lý Sơn/Quảng Ngãi, (8) Núi Chúa/Ninh Thuận, (9) Hòn Cau/Đà Lạt, (10) Côn Đảo/Bà Rịa - Vũng Tàu, (11) Vịnh Nha Trang (Hòn Mun)/Khánh Hòa, (12) Phú Quốc/Kiên Giang (khu bảo tồn biển Phú Quốc hiện nay đã sát nhập vào vườn Quốc gia Phú Quốc) với đặc trưng đa dạng sinh học cao, nhiều loài động thực vật đặc hữu, quý hiếm, nguồn lợi sinh vật dồi dào là cơ sở cho bảo tồn, phát triển nghề hải sản và cho phát triển ngành du lịch - sinh thái biển đảo đầy triển vọng.

Bên cạnh đó, hệ sinh thái thảm cỏ biển: Theo số liệu thống kê sử dụng công nghệ viễn thám, diện tích thảm cỏ biển ven bờ Việt Nam vào khoảng 17.000 ha, phân bố rải rác trong các vịnh, ven các đảo và trong các đầm phá. Dẫn liệu thống kê của Nguyễn Văn Tiến (2013), tổng diện tích thảm cỏ biển của Việt Nam là 18.130 ha. Diện tích cỏ biển lớn nhất là ở vùng nước nông khu vực đảo Phú Quốc (trên 10,000ha) với 9 loài. Bãi cỏ biển có thể thuần loại, chỉ có một loài phát triển, hoặc là một tập hợp loài. Cỏ biển có khi phát triển thành những bãi cỏ biển lớn từ 101000ha ở ven bờ, ven đảo. Hệ sinh thái san hô: Trong vùng biển Việt Nam, có thể phân biệt bốn vùng phân bố san hô chính: Vùng san hô quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; Vùng san hô ven biển miền Trung và các đảo Đông Nam Bộ; Vùng san hô phía tây vịnh Bắc Bộ; và Vùng san hô biển Tây Nam Bộ. Trong các hệ sinh thái biển quan trọng, hệ sinh thái rạn san hô được ví như là "rừng mưa nhiệt đới ở dưới biển" và cũng là HST dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu. Theo dẫn liệu của Nguyễn Văn Long và Võ Sĩ Tuấn (2014), tổng diện tích rạn san hô ở vùng biển Việt Nam là 13.355 ha, phần lớn lượng san hô tập trung ở vùng nước quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa và vùng ven biển miền trung.

b. Tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn của hệ thống đảo ven bờ cũng phong phú, đa dạng bao gồm các công trình kiến trúc cổ, di tích lịch sử, văn hóa, di chỉ khảo cổ, lễ hội dân gian và văn hóa ẩm thực vùng miền.

Các công trình kiến trúc, di tích lịch sử - văn hóa, khảo cổ có tượng đài và khu di tích đền thờ Bác Hồ trên đảo Cô Tô; thương cảng Vân Đồn (trên vùng biển đảo Quan Lạn) cảng ngoại thương đầu tiên của Việt Nam được xây dựng từ thời Lý (1149) đã tồn tại qua các triều đại Lý, Trần, Lê; đền thờ Lý Anh Tông, chùa Cái Bầu trên đảo Cái Bầu; di chỉ khảo cổ (Ngọc Vừng, Soi Nhụ, Hà Giắt) đặc sắc ở vùng đảo Vân Đồn; chùa Quan Lạn, miếu Quan Lạn, đền thờ Trần Khánh Dư trên đảo Quan Lạn; di chỉ Cái Bèo, Hiền Hào, đình Hoàng Châu, miếu Văn Chấn, bia đá chùa Gia Lộc… trên đảo Cát Bà và Cát Hải; hệ thống công trình đá xếp nằm dọc theo các sườn núi và hơn 20 công trình kiến trúc cổ gồm đình, lăng miếu, chùa, giếng cổ của người Chăm, người Việt trên Cù Lao Chàm; chùa Hang, chùa Đục, An Long Đình, di chỉ văn hóa Chăm Pa, Sa Huỳnh ở suối Chình, xóm Ốc, Nhà trưng bày Bảo tàng hải đội Hoàng Sa, và nhiều di tích khác trên đảo Lý Sơn; chùa Linh Quang, Vạn An Thạnh, Linh Sơn Tự, đèn biển… trên đảo Phú Quý; Nhà tù Côn Đảo (hệ thống các khu nhà lao, chuồng cọp, chuồng bò, hầm xay lúa), nghĩa trang Hàng Dương, mộ anh hùng liệt sĩ Võ Thị Sáu trên đảo Côn Sơn; Nhà tù Phú Quốc, đền thờ anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực, đền Dinh Cậu… trên đảo Phú Quốc.

Các lễ hội văn hoá và dân gian: lễ hội Quan Lạn (18/6 âm lịch) trên đảo Quan Lạn vừa kỷ niệm chiến thắng giặc Nguyên Mông năm 1288 và chiến công của Trần Khánh Dư (một danh tướng của nhà Trần) vừa là lễ hội cầu ngư của cư dân vùng biển; Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa, lễ hội đình làng An Hải trên đảo Lý Sơn; các lễ hội Đình thần Dương Đông, thần Cửa Cạn, thần An Thới, đình Ô Nam Hải và lễ hội Thủy Long Thánh Mẫu trên đảo Phú Quốc.

Văn hóa ẩm thực vùng miền có món ăn đặc sản tu hài, sò huyết, hàu, bào ngư vùng biển Vân Đồn, Cát Bà; hải sâm, ốc vú nàng, mực, tôm, cua, cầu gai ở Lý Sơn; cua huỳnh đế, cá mú đỏ hấp gừng, gỏi ốc, mực một nắng,

cá thu, dông, tôm hùm vùng biển Phú Quý; tôm hùm, vẹm xanh vùng biển đảo Bình Ba (Cam Ranh).

Các ngành nghề đặc sắc trên đảo cũng là TNDL mà du khách thường tham quan, đó là: nghề chế biến nước mắm với các nhà thùng, vườn tiêu trên đảo Phú Quốc; trang trại nuôi dê, nuôi ong lấy mật trên đảo Cát Bà; nghề lồng bè nuôi cá, hàu, ngọc trai trên các vùng biển đảo Vân Đồn, Hạ Long, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc; hay các làng nghề thủ công mỹ nghệ từ sản phẩm biển trên các đảo Lý Sơn, Côn Đảo, Phú Quốc…

c. Đặc điểm tài nguyên du lịch một số quần đảo ven bờ

Trên thực tế, với vị trí trải dài từ bắc vào Nam, tiềm năng du lịch của các đảo đa dạng, mang dấu án riêng theo từng đơn vị:

Đảo Vĩnh Thực

Tiềm năng du lịch có khả năng khai thác của đảo Vĩnh Thực chính là các bãi biển dài, phẳng, sạch cát trắng, mịn, không pha lẫn các vỏ sò sinh vật và dạng địa hình thềm biển khá bằng phẳng có diện tích rộng ở phía nam của đảo thuận lợi cho xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch. Vĩnh Thực tuy không xa bờ nhưng cảnh quan thiên nhiên còn giữ được vẻ hoang sơ, lại gần với Trà Cổ - khu du lịch với bãi tắm Trà Cổ nổi tiếng hàng năm thu hút lượng lớn KDL trong và ngoài nước. Vĩnh Thực cũng gần với Tp. Móng Cái, Trung tâm kinh tế cửa khẩu vùng Đông Bắc của Tổ quốc nơi giao lưu buôn bán sầm uất với Trung Quốc. Tất cả những yếu tố thuận lợi trên là động lực và tiềm năng để đảo Vĩnh Thực kêu gọi đầu tư PTDL.

Vùng đảo Vân Đồn

Vùng đảo Vân Đồn với hơn 300 hòn đảo lớn nhỏ phân bố trong vịnh Bái Tử Long và vùng phụ cận, trong đó lớn nhất là đảo Cái Bầu thuộc Khu kinh tế Vân Đồn. Vùng đảo Vân Đồn nổi tiếng là nơi có phong cảnh thiên nhiên thơ mộng, hữu tình với những hòn đảo đẹp (hòn Đũa, hòn Thiên Nga). Trên nhiều đảo có những bãi biển đẹp như Sơn Hào, Minh Châu, Quan Lạn, Ngọc Vừng với cát trắng, phẳng mịn, dài vài kilômét, rộng 100 - 200 m, độ sâu vừa phải, nước trong phù hợp cho tắm biển, nghỉ dưỡng và được đánh giá là những bãi tắm đẹp nhất của vùng biển Bắc Bộ. Vùng đảo này còn là nơi lưu giữ nhiều di tích lịch sử và khảo cổ nổi tiếng như đền thờ Trần Khánh Dư, chùa Quan Lạn (đảo Quan Lạn); đền thờ vua Lý Anh Tông, thiền

viện Cái Bầu (đảo Cái Bầu); khu mộ cổ thôn Đá Bạc (đảo Minh Châu); thương cảng Vân Đồn, khu DLST nghỉ dưỡng tiện nghi Mai Quyền (trên đảo Cái Bầu), khu DLST Vân Hải (trên đảo Quan Lạn)… nhiều loại hải sản quý như tôm he, tu hài, sá sùng, mực ống, hàu là những TNDL hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước.

Quần đảo Cô Tô

Quần đảo Cô Tô với trên 50 đảo lớn nhỏ nằm xa bờ còn giữ được nhiều nét nguyên sơ của tự nhiên, nước biển sạch, môi trường trong lành, cảnh quan núi đảo, bờ bãi, vũng vịnh đẹp, hệ sinh thái đa dạng thuận lợi cho du lịch tắm biển, DLST, nghỉ dưỡng. Cô Tô có nhiều bãi biển đẹp như Hồng Vàn, Vàn Chải, Nam Hải; hồ Trường Xuân; bãi đá Voòng Si, cánh rừng nguyên sinh trên cát; hòn Sư Tử, hòn Cá Chép, hòn Chim Sẻ và hòn Mâm Xôi; có khu bảo tồn biển Cô Tô với sự đa dạng phong phú của rạn san hô và các loài sinh vật biển. Trên đảo Cô Tô còn có tượng đài và khu di tích Đền thờ Bác Hồ ghi dấu ấn ngày Bác ra thăm đảo (9/5/1961) cùng các lễ hội, văn hóa ẩm thực… là những tài nguyên và tiềm năng cho phát triển nhiều LHDL đặc sắc, khác biệt có ưu thế và sức cạnh tranh cao. Đặc biệt, Cô Tô có thể là điểm dừng chân của các tầu du lịch vượt đại dương từ các nước trong khu vực Đông Á và cả ngoài khu vực ghé qua (du lịch tham quan, mua sắm, hàng lưu niệm, …).

Các đảo thuộc vịnh Hạ Long

Tiềm năng du lịch của các đảo thuộc vịnh Hạ Long nói riêng và cả vịnh Hạ Long nói vùng phụ cận, trong đó lớn nhất là đảo Cái Bầu thuộc Khu kinh tế Vân Đồn. Vùng đảo Vân Đồn nổi tiếng là nơi có phong cảnh thiên nhiên thơ mộng, hữu tình với những hòn đảo đẹp (hòn Đũa, hòn Thiên Nga). Trên nhiều đảo có những bãi biển đẹp như Sơn Hào, Minh Châu, Quan Lạn, Ngọc Vừng với cát trắng, phẳng mịn, dài vài kilômét, rộng 100 - 200 m, độ sâu vừa phải, nước trong phù hợp cho tắm biển, nghỉ dưỡng và được đánh giá là những bãi tắm đẹp nhất của vùng biển Bắc Bộ. Vùng đảo này còn là nơi lưu giữ nhiều di tích lịch sử và khảo cổ nổi tiếng như đền thờ Trần Khánh Dư, chùa Quan Lạn (đảo Quan Lạn); đền thờ vua Lý Anh Tông, thiền viện Cái Bầu (đảo Cái Bầu); khu mộ cổ thôn Đá Bạc (đảo Minh Châu); thương cảng Vân Đồn, khu DLST nghỉ dưỡng tiện nghi

Mai Quyền (trên đảo Cái Bầu), khu DLST Vân Hải (trên đảo Quan Lạn) …nhiều loại hải sản quý như tôm he, tu hài, sá sùng, mực ống, hàu là những TNDL hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước.

Quần đảo Cô Tô

Quần đảo Cô Tô với trên 50 đảo lớn nhỏ nằm xa bờ còn giữ được nhiều nét nguyên sơ của tự nhiên, nước biển sạch, môi trường trong lành, cảnh quan núi đảo, bờ bãi, vũng vịnh đẹp, hệ sinh thái đa dạng thuận lợi cho du lịch tắm biển, DLST, nghỉ dưỡng. Cô Tô có nhiều bãi biển đẹp như Hồng Vàn, Vàn Chải, Nam Hải; hồ Trường Xuân; bãi đá Voòng Si, cánh rừng chõi nguyên sinh trên cát; hòn Sư Tử, hòn Cá Chép, hòn Chim Sẻ và hòn Mâm Xôi; có khu bảo tồn biển Cô Tô với sự đa dạng phong phú của rạn san hô và các loài sinh vật biển. Trên đảo Cô Tô còn có tượng đài và khu di tích Đền thờ Bác Hồ ghi dấu ấn ngày Bác ra thăm đảo (9/5/1961) cùng các lễ hội, văn hóa ẩm thực… là những tài nguyên và tiềm năng cho phát triển nhiều LHDL đặc sắc, khác biệt có ưu thế và sức cạnh tranh cao. Đặc biệt, Cô Tô có thể là điểm dừng chân của các tầu du lịch vượt đại dương từ các nước trong khu vực Đông Á và cả ngoài khu vực ghé qua (du lịch tham quan, mua sắm, hàng lưu niệm,…).

Quần đảo Cát Bà

Quần đảo Cát Bà gồm đảo Cát Bà rộng 153 km² và trên 300 hòn đảo nhỏ khác. Là đảo đá vôi lớn nhất và đảo lớn thứ 3 trong hệ thống đảo Việt Nam với TNDL phong phú. Trên các đảo có gần 100 bãi cát kích thước khác nhau, phổ biến là các bãi nhỏ dài trên dưới 100 m, rộng 15 - 30 m; trong đó nổi tiếng là các bãi Cát Cò I, Cát Cò II, Cát Cò III, Cát Dứa, bãi Tây Tắm, bãi Cát Tiên… cát trắng, nước trong xanh, độ mặn lý tưởng cho tắm biển, nghỉ dưỡng. Cùng với đó là cảnh quan của quần đảo với các dạng địa hình karst độc đáo như nón, tháp, ngấn nước biển trên vách đá vôi, hang động,tùng, áng, suối nước nóng… Giá trị đặc biệt của quần đảo Cát Bà cho PTDL sinh thái chính là sự đa dạng sinh học bởi nơi đây là Vườn quốc gia, Khu dự trữ sinh quyển thế giới, Khu bảo tồn biển Cát Bà lưu giữ nhiều giá trị tài nguyên quý giá. Đó là các rạn san hô, thảm cỏ biển, các loài cá san hô, rừng nguyên sinh nhiệt đới trên núi đá vôi, Voọc đầu trắng Cát Bà (nằm trong danh sách loài linh trưởng có nguy cơ tuyệt chủng trên thế giới) cùng

nhiều loài thú quý hiếm như mèo rừng, khỉ đuôi vàng, khỉ đuôi lợn, khỉ mặt đỏ, nai, hoẵng, sơn dương, cầy nhông…

Đảo Cù Lao Chàm

Thiên nhiên đã ban tặng Cù Lao Chàm các TNDL địa mạo quý giá, đó là các bãi biển thoải với nền cát mịn, sạch, nằm xen giữa các mỏm nhô đá với những nét chạm trổ độc đáo, các vách đá kỳ vĩ, khối đá đa dạng về hình thể và đặc biệt là hang Yến trên các bờ vách đá dốc. Cù Lao Chàm đa dạng về các loài của ngành thực vật bậc cao và các loài động vật. Đáng chú ý ở đây là nhóm cây cảnh với sự phong phú của tuế và lan huyết nhung tía. Vùng biển ven bờ quanh đảo Cù Lao Chàm gồm các hệ sinh thái vùng triều, hệ sinh thái rạn san hô đa dạng và phong phú các giống, loài sinh vật biển. Trong đó hệ sinh thái rạn san hô là sản phẩm của vùng biển nhiệt đới và cũng điển hình ở đảo Cù Lao Chàm. Tại đây có thể mở hướng du lịch lặn biển hoặc trang bị tàu có kính để quan sát san hô. Với lợi thế về tiềm năng tự nhiên cho PTDL, nếu được đầu tư trong tương lai gần Cù Lao Chàm xứng đáng trở thành một trung tâm DLST biển - đảo và dịch vụ thương mại tầm quốc gia, quốc tế; là điểm đón KDL trong nước và quốc tế khi đến với Huế, Đà Nẵng, Hội An, thánh địa Mỹ Sơn.

Đảo Lý Sơn

Tiềm năng cho PTDL của cụm đảo Lý Sơn lớn và đặc sắc với các dạng địa hình núi lửa như nón-phễu núi lửa, nón chóp núi lửa; các dạng địa hình do biển cả tác động vào khối đá núi lửa tạo nhiều thắng cảnh nổi tiếng, độc đáo. Đó là cầu thiên nhiên được gọi là "Cổng Tò Vò" phân bố ở mỏm tây bắc đảo; là các hang lớn, hốc ngầm với thắng cảnh Chùa Hang và Hang Câu nổi tiếng. Vùng biển quanh đảo Lý Sơn có tính đa dạng sinh học cao với các hệ sinh thái điển hình như rạn san hô, rong biển, cỏ biển, cá biển … được quy hoạch thành Khu bảo tồn biển Lý Sơn có diện tích 7.925 ha (trong đó có 7.113 ha mặt nước biển) cũng là nguồn tài nguyên to lớn cần được khai thác cho PTDL. Các giá trị di tích lịch sử, văn hóa cũng phong phú. Trên một diện tích hẹp không đầy 10 km² của đảo phân bố đậm đặc các di tích lịch sử - văn hóa (với 24 di tích kiến trúc tôn giáo gồm đình, chùa, đền, miếu) trong đó có 4 di tích kiến trúc được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia là đình An Hải, Chùa Hang, Âm Linh Tự và Mộ lính Đội

Hoàng Sa. Ở nơi đây có lăng thờ bộ xương cá voi (cá Ông) - một tín ngưỡng phổ biến của cư dân đới bờ biển, có "Nhà trưng bày Bảo tàng hải đội Hoàng Sa kiêm quản Trường Sa" mới được xây dựng và chính thức mở cửa đón khách từ tháng 1/2010. Ngoài ra, trên đảo Lý Sơn còn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa phi vật thể, với nhiều lễ hội truyền thống như Lễ hội đua thuyền, Lễ tế tiền hiền, Lễ tế thần, Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa cùng nhiều bài ca dân gian, nhiều truyền thuyết độc đáo và ly kỳ. Trong lòng đất Lý Sơn còn ẩn chứa nhiều di chỉ văn hóa Sa Huỳnh, văn hóa Chăm Pa đã được các nhà khảo cổ học khai quật. Bên cạnh đó thì ẩm thực cũng là một trong những nét văn hóa độc đáo và đặc sắc của Lý Sơn với các loại rượu vú (hải sâm), ốc, mực, tôm, cua, cá… Tất cả những tài nguyên này thể hiện tiềm năng du lịch cần được khai thác để Lý Sơn phát triển.

Đảo Phú Quý

Trên đảo có nhiều bãi biển đẹp, như: bãi Dù, bãi Cửa Hang, bãi Lăng, bãi Láng, bãi Phủ, Doi Dừa thuận lợi cho tắm biển và nghỉ dưỡng. Cảnh quan tự nhiên trên núi Cao Cát với các cột đá cấu tạo bởi lớp đá trầm tích phun trào còn sót lại sau quá trình bóc mòn, dấu tích còn khá nguyên vẹn của miệng núi lửa Cao Cát, hay vách đứng dạng tường thành ở sườn phía đông nam núi Cao Cát tạo nên cảnh quan hùng vĩ, là những điểm hấp dẫn du khách khám phá. Trên đảo Phú Quý còn có 6 ngôi chùa: Linh Quang, Liên Hoa, Linh Sơn, Linh Bửu, Mỹ Quang và Thạch Lâm nằm tựa trên sườn núi hay ở chân núi. Chùa Linh Quang được Bộ Văn hóa công nhận di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1996 là một trong những ngôi chùa cổ nhất của tỉnh Bình Thuận có tuổi 250 năm còn lưu giữ nhiều sắc phong, nhiều tượng Phật quý và là ngôi chùa tiêu biểu về các lĩnh vực lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, Phật giáo ở trên đảo Phú Quý. Vạn An Thạnh (Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia) nằm trên thềm cát trắng sát cạnh bờ biển thuộc làng Triều Dương, xã Tam Thanh, được xây dựng hoàn chỉnh năm Tân Sửu 1781 theo lối kiến trúc dân gian của người Việt như dạng đình làng trong đất liền. Các kiến trúc chính gồm chính điện, nhà Tiền hiền, Võ ca là nơi thờ thần Nam Hải, đến nay còn lưu giữ gần 100 bộ xương cốt (gồm cá voi, rùa da). Có thể nói các chùa trên đảo Phú Quý đều là những điểm du khách có thể dừng chân vãn

cảnh và tìm hiểu, khám phá các giá trị nghệ thuật dân gian. Phú Quý còn có nhiều món ẩm thực riêng của mình phục vụ du khách như cua Huỳnh Đế, cá mú đỏ hấp gừng, gỏi ốc, mực một nắng, dông, tôm hùm.

Cụm đảo Hòn Tre (Khánh Hòa)

Nằm án ngữ vịnh Nha Trang (là một trong số 29 vịnh trên thế giới được Câu lạc bộ các vịnh đẹp nhất trên thế giới xếp hạng và chính thức công nhận vào tháng 7/2003 và còn là thắng cảnh của Việt Nam), cụm đảo Hòn Tre mang trong mình nhiều giá trị TNDL phong phú. Đó là các cảnh quan thiên nhiên, bãi tắm hoang sơ và nhân tạo tuyệt đẹp ở hòn Miều, hòn Mun, hòn Tre, hòn Tằm… các hệ sinh vật biển phong phú đa dạng với nhiều loại san hô, rong biển, các loại cá sống trong rạn san hô với đủ màu sắc trở thành điểm tham quan du lịch lặn biển lý thú.

Quần đảo Côn Đảo

Côn Đảo có hơn 20 bãi tắm đẹp với cát trắng, nước biển trong xanh ấm áp quanh năm, quy mô, vị trí hướng khác nhau phù hợp với các loại hình tắm biển và thể thao mặt biển. Địa hình Côn Đảo được cấu tạo bởi đá magma tạo sườn dốc có thể tổ chức nhiều loại hình thể thao mạo hiểm như leo núi, vượt thác …

Côn Đảo với Vườn quốc gia rộng tới 15.043 ha (trong đó phần trên đảo là 6.043 ha, phần biển là 9.000 ha) nổi tiếng về sự giàu có và đa dạng của tài nguyên sinh vật cả trên cạn, dưới biển vào loại bậc nhất nước ta. Với tính đa dạng sinh học cao về các loại động thực vật trên cạn, về đa dạng các loài san hô cùng hệ sinh thái rừng ngập mặn, cỏ biển đã tạo nên một môi trường thuận lợi cho sinh sản, ươm giống và bảo tồn các loài sinh vật biển. Nơi đây bắt gặp các loài thú biển quý hiếm như bò biển (Dugong), là bãi đẻ trứng của một số loài rùa biển. Côn Đảo còn có di tích hệ thống nhà tù được gọi là "địa ngục trần gian", nơi giam giữ các chiến sĩ cách mạng và bảo tàng Côn Đảo, nơi lưu giữ những hiện vật, di sản văn hóa, lịch sử lâu dài của dân tộc Việt Nam.

Đảo Phú Quốc

Tài nguyên phục vụ cho PTDL của đảo Phú Quốc phong phú, đa dạng, nhiều chủng loại với địa hình bờ biển, bãi tắm, vách mài mòn, địa hình

đồng bằng, thung lũng suối, đồi sót, các dãy núi thấp, hệ sinh thái rừng nhiệt đới, hệ sinh thái vùng triều và biển nông ven bờ… và các di tích lịch sử văn hóa. Phú Quốc có địa hình núi đơn nghiêng đặc trưng, độc đáo phân bố rộng được xem như là một di sản địa mạo về dạng địa hình độc đáo liên quan đến cấu trúc địa chất và kiến tạo trẻ. Có bờ biển dài trên 150 km với các dạng địa hình bờ tạo nhiều thắng cảnh như các bãi đá đổ, khối đá, tháp đá, các vũng mài mòn, mài mòn, tích tụ, nhiều bãi biển cát trắng trải dài quanh suốt các bờ lõm của đảo; đó là các bãi Giếng Ngự, bãi Khem, bãi Sao, bãi Vòng, bãi Thơm, Rạch Tràm, Rạch Vẹm, bãi Vũng Bầu, bãi Cửa Cạn, bãi Dài, Gành Dầu… tạo điều kiện thuận lợi cho sự hình thành một tổ hợp các khu du lịch tắm biển, nghĩ dưỡng. Phú Quốc có mảng rừng nguyên sinh rộng lớn và có tính đa dạng sinh học cao ở phía bắc đảo. Vườn Quốc gia Phú Quốc với diện tích lên tới 31.422 ha (lớn nhất trong các vườn quốc gia đảo biển) là nơi lưu giữ và bảo tồn nhiều loài sinh vật quý hiếm như Chồn bay, Voọc mông trắng, Vượn má trắng, Gấu chó, Cá Sấu nước ngọt, Đồi mồi, Vích, Rùa da, Cá Cúi (Dugong), cá Heo… cùng với rạn san hô, thảm cỏ biển rộng hơn 200 ha phát triển tốt ở quần đảo An Thới đóng vai trò to lớn cho PTDL sinh thái, lặn biển, nghỉ dưỡng và nghiên cứu khoa học.

Các di tích lịch sử văn hóa trên đảo Phú Quốc không nhiều, song đều mang dấu ấn lịch sử, truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam như: đền Dinh Cậu (thời Chúa Nguyễn) ở cửa rạch Dương Đông, đền thờ Nguyễn Trung Trực (thời chống Pháp), nhà tù Phú Quốc (thời chống Pháp và chống Mỹ) cùng với đó là các danh thắng khác như chùa Hùng Long Tự, suối Đá Bàn, suối Tranh cùng nhiều lễ hội truyền thống tổ chức hàng năm như các Lễ hội Đình thần Dương Đông, Đình thần Cửa Cạn, Đình thần An Thới, Đình Ô Bổn, Đình Ô Nam Hải, Thủy Long Thánh Mẫu… là những điểm tham quan du lịch hết sức lý thú. Ngoài ra, Phú Quốc còn có các nhà thùng nước mắm, xưởng chế biến rượu sim, vườn tiêu, các cơ sở nuôi cấy ngọc trai … cũng là những địa chỉ hấp dẫn du khách. Có thể thấy tiềm năng du lịch đã tạo cho Phú Quốc trở thành một Trung tâm DLST và nghỉ dưỡng lớn mang tầm quy mô quốc gia và quốc tế.

Các yếu tố làm nên ưu thế to lớn của du lịch đảo biển ven bờ gồm tính đa dạng của cảnh quan, thắng cảnh, đặc thù nổi bật về địa chất - địa mạo, phong phú về nguồn gen, giống cây con (các Vườn Quốc gia, khu bảo tồn

thiên nhiên) và sinh vật biển (công viên biển). Vịnh Hạ Long được công nhận Di sản thiên nhiên thế giới chính là nhờ cảnh quan karst nhiệt đới và đặc trưng địa chất - địa mạo có ý nghĩa toàn cầu của các đảo trong vịnh. Ngoài ra các ĐVB còn có điều kiện khí hậu thuận lợi, môi trường trong sạch, đa dạng các LHDL. Một yếu tố quan trọng để phát huy tiềm năng du lịch các đảo ven bờ là khả năng liên kết chặt chẽ với các trung tâm và các tuyến du lịch lớn đã hình thành ở trên bờ, tạo thành với chúng một thể thống nhất. Nhiều ĐVB có điều kiện thuận lợi để tạo mối liên kết chặt chẽ với các trung tâm du lịch lớn như Hạ Long, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Hội An, Nha Trang, Vũng Tàu, Rạch Giá, Hà Tiên …[46].

Tiềm năng du lịch đảo - biển còn gắn liền với việc bảo tồn thiên nhiên trên đảo: các thảm thực vật còn được bảo vệ tốt trên đảo (Cát Bà, Trà Bản, Côn Đảo, Bẩy Cạnh, Thổ Chu, Phú Quốc ...) sẽ là những vốn quý cho PTDL - sinh thái, bảo vệ môi trường và nguồn nước ngọt trên đảo.

Tiềm năng to lớn về du lịch thuộc về các huyện đảo Phú Quốc, Vân Đồn, Cát Hải, Côn Đảo và tiếp đến là Cô Tô, Lý Sơn, Kiên Hải.

2.3. Loại hình và sản phẩm du lịch biển đảo khu vực đảo ven bờ Việt Nam

Một yếu tố quan trọng khác đóng vai trò quan trọng trong PTDL đó là vấn đề cơ sở hạ tầng du lịch, quản lý du lịch và mối liên kết giữa các đảo với các trung tâm du lịch lớn ven biển.

Nhiều đảo có điều kiện thuận lợi liên kết với các trung tâm du lịch lớn ven biển và các trung tâm này trở thành động lực để các đảo phát triển tiềm năng du lịch, như đảo Vĩnh Thực gắn với Móng Cái - Trà Cổ; các đảo thuộc vịnh Bái Tử Long, Hạ Long (Ngọc Vừng, Quan Lạn, Trà Bản, Cô Tô, Thanh Lam, Tuần Châu …) gắn với Khu kinh tế Vân Đồn và Tp. Hạ Long; Cát Bà với Tp. Hải Phòng; Cù Lao Chàm với Tp. Đà Nẵng, Hội An; Hòn Tre, Hòn Lớn với Tp. Nha Trang; Côn Đảo với Bà Rịa - Vũng Tàu; Phú Quốc, quần đảo Bà Lụa, Hòn Rái, Nam Du với Tp. Rạch Giá và thị xã Hà Tiên. Côn Đảo, Phú Quốc còn có điều kiện gắn trực tiếp với Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Cần Thơ bằng đường hàng không.

Khó khăn của các đảo xa bờ là không có điện lưới quốc gia, nhiều đảo nhỏ gần bờ nhưng số dân ít nên hạn chế về đầu tư. Chính điều này đã

làm cho giá du lịch còn cao (đặc biệt là giá thuê phòng), làm giảm lượng du khách cũng như giảm thời gian lưu trú.

2.3.1. Loại hình du lịch biển đảo khu vực đảo ven bờ Việt Nam

Cũng nhờ tiềm năng du lịch phong phú đã tạo cho hệ thống đảo ven bờ Việt Nam nhiều LHDL đặc sắc và hấp dẫn: tắm biển kết hợp nghỉ dưỡng; DLST; du lịch thể thao (nhảy dù mặt biển, lướt ván, đua thuyền); du lịch lặn biển (ngắm rạn san hô, quần hệ cá rạn san hô); du lịch thương mại, hội nghị, hội thảo; du lịch lễ hội; du lịch khoa học và thưởng thức các món ăn đặc sản vùng biển đảo.

Du lịch tắm biển, nghỉ dưỡng, thể thao tập trung nhiều ở các đảo có bãi tắm đẹp, cơ sở hạ tầng du lịch tốt như Quan Lạn, Cô Tô, Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc …, song hoạt động này có tính thời vụ cao, chủ yếu vào các tháng mùa hè.

Du lịch sinh thái kết hợp nghiên cứu khoa học và tham quan lễ hội, di tích lịch sử - văn hóa phát triển mạnh tại các đảo Cái Bầu, Cát Bà, Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc, Hòn Khoai;

Du lịch thương mại, hội nghị, hội thảo diễn ra tại các trung tâm du lịch lớn như Tuần Châu, Cát Bà, Hòn Tre (Khánh Hòa), Phú Quốc;

Du lịch lặn biển kết hợp nghiên cứu khoa học hiện đang phát triển mạnh tại các đảo có hệ thống các Khu bảo tồn biển như Cô Tô, Cát Bà, Cù Lao Chàm, Hòn Mun, Côn Đảo, Phú Quốc;

Ngoài ra, LHDL cuối tuần kết hợp với vui chơi giải trí đang phát triển mạnh tại các đảo Vân Đồn, Cô Tô, Cát Bà, Hòn Tre (Khánh Hòa), Phú Quốc, rất nhiều đảo nhỏ ven bờ khác ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Nhờ những ưu thế về tiềm năng du lịch và đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch tốt, mà trong thời gian qua du lịch biển đảo cũng đã phát triển mạnh trên một số đảo (Cái Bầu, Cô Tô, Quan Lạn, Cát Bà, Tuần Châu, Hòn Tre, Côn Đảo, Phú Quốc …) và là địa chỉ, điểm đến hấp dẫn ngày càng thu hút KDL trong, ngoài nước. Minh chứng cho điều này có thể thấy qua con số thống kê đầy ấn tượng. Nếu như năm 2005, toàn hệ thống đảo ven bờ thu hút khoảng trên 400 ngàn lượt KDL (trong đó có khoảng 50 ngàn lượt khách quốc tế) thì năm 2019, con số này đã tăng lên 9.504 ngàn lượt người (1.515 ngàn lượt khách quốc tế), đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 23,9 %/năm (riêng khách

quốc tế tăng 32,3%/năm), trong đó riêng đảo Phú Quốc đã đón 4 triệu lượt khách, với 600.000 lượt khách quốc tế, đảo Cát Bà là 2,7 triệu lượt khách, Côn Đảo là 400 nghìn lượt khách ... Tuy nhiên, hiện nay du lịch mới phát triển mạnh ở các đảo Tuần Châu, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quốc, Hòn Tre (Khánh Hòa). Riêng các đảo hàng năm thu hút hơn 80% lượng KDL quốc tế và trên 60% lượng KDL nội địa của toàn hệ thống đảo ven bờ và doanh thu du lịch chiếm tới trên 90% tổng doanh thu du lịch từ đảo.

Đặc biệt các đảo đã được đầu tư mạnh như khu du lịch và giải trí quốc tế Tuần Châu trên đảo Tuần Châu, khu du lịch Cát Bà, khu du lịch Hòn Ngọc Việt (Vinpearl) trên đảo Hòn Tre đã trở thành những trung tâm du lịch biển đảo lớn của cả nước, huyện đảo Vân Đồn, Phú Quốc xây dựng thành đặc khu kinh tế, được nhiều KDL trong nước và quốc tế biết đến, bởi nơi đây không chỉ có các HĐDL thông thường mà còn là nơi tổ chức nhiều sự kiện mang tầm quốc gia, quốc tế như các cuộc thi hoa hậu Việt Nam, hoa hậu thế giới người Việt, hoa hậu Hoàn Vũ… Hiện tại các huyện đảo Vân Đồn, Cát Bà, Phú Quốc và Côn Đảo cũng đang được đầu tư mạnh mẽ và trong thời gian không xa sẽ trở thành các trung tâm du lịch Quốc tế và xứng đáng là những đảo ngọc của Việt Nam.

Cùng với gia tăng KDL, trong những năm gần đây cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch trên các đảo cũng được tăng lên nhanh chóng. Bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, đặc biệt là nguồn vốn của Chương trình Biển Đông - Hải đảo, trong thời gian qua cơ sở hạ tầng nhiều đảo đã được cải thiện đáng kể đáp ứng nhu cầu nâng cao đời sống dân cư trên đảo và phục vụ du lịch. Một số khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đã, đang được xây dựng ở các khu du lịch lớn: Cát Bà, Hòn Tre, Côn Đảo và Phú Quốc, … Nhiều đảo đã đầu tư nâng cấp bến cảng và trang bị các phương tiện thủy mới (tàu cao tốc) phục vụ PTDL như Cô Tô, Quan Lạn, Ngọc Vừng, Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo và Phú Quốc. Nhiều đảo lớn đã được đầu tư hệ thống điện lưới quốc gia như Cái Bầu, Cát Bà, Trà Bản, Cô Tô, Thanh Lam, Quan Lạn, Ngọc Vừng, Lý Sơn, Hòn Tre và Phú Quốc hay nâng cấp mở rộng sân bay cũ (Côn Đảo), xây dựng cảng hàng không mới (Phú Quốc) góp phần PTKT biển đảo, đồng thời phục vụ PTDL.

Thực tế cho thấy mặc dù những năm qua du lịch đảo phát triển nhanh cả về lượng khách, doanh thu, cơ sở hạ tầng song quy mô còn nhỏ bé so với những tiềm năng vốn có và vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Du lịch mới phát triển ở một số đảo gần bờ như Tuần Châu, Cái Bầu, Cát Bà, Cù Lao Chàm, Hòn Tre … gắn với các trung tâm du lịch ven biển của các khu vực Hạ Long, Hải Phòng, Hội An, Nha Trang; Hoặc ở các đảo có điều kiện đi lại thuận lợi bằng máy bay như Côn Đảo và Phú Quốc; Còn nhiều đảo có tiềm năng du lịch lớn nhưng chưa phát huy được hiệu quả như Vĩnh Thực, Cô Tô, Ngọc Vừng, Lý Sơn, Phú Quý, Thổ Chu, Hòn Khoai và Hòn Rái, ...

Các loại hình HĐDL nói chung còn đơn điệu, nghèo nàn (chủ yếu là tham quan và tắm biển); chưa tạo ra được các SPDL độc đáo, thiếu các cơ sở vui chơi, giải trí, chất lượng phục vụ thấp... Điều này hạn chế đến việc thu hút KDL.

SPDL chưa nhiều, chưa phát huy được thế mạnh về SPDL đặc trưng của các vùng đảo dẫn đến bị trùng lặp và chồng chéo. Giá cả du lịch đắt đỏ chưa thu hút được lượng khách nội địa.

2.3.2. Sản phẩm du lịch biển đảo khu vực đảo ven bờ Việt Nam

Dựa trên những đặc điểm, phân bố, sự đa dạng và những đặc trưng riêng biệt của TNDL lịch biển đảo, và với mục đích tạo ra sự đa dạng, phong phú cho các SPDL và KDL sẽ có những lựa chọn cho phù hợp với khả năng, độ tuổi, sở thích của mình khi tham gia vào các sản phẩm đó. Vì vậy, những SPDL biển đảo được chia thành từng nhóm sản sản phẩm sau:

a. Du lịch nghỉ dưỡng biển đảo

Du lịch nghỉ dưỡng biển đảo là một SPDL được hình thành dựa trên các TNDL dịch vụ du lịch, hàng hóa và tiện nghi cung ứng cho KDL, nhằm thỏa mãn nhu cầu của KDL về nghĩ dưỡng, tắm biển, vui chơi giải trí, tham quan… tại các vùng biển đảo. Du lịch nghỉ dưỡng biển đảo là những hoạt động tắm biển, nghỉ dưỡng nhằm khôi phục lại sức khỏe của con người, tận dụng bầu không khí trong lành, khí hậu dễ chịu và phong cảnh đẹp trên các bãi tắm đẹp, các hòn đảo xinh đẹp trên các vịnh biển… sẽ làm cho du khách cảm thấy thoải mái, thư giãn và phục hồi sức khoẻ sau một thời gian làm việc căng thẳng. Địa điểm yêu thích với du khách thường là nơi có khí hậu trong lành, mát mẻ, phong cảnh đẹp ven biển và trên đảo... Du lịch nghỉ

dưỡng biển đảo là một trong những hoạt động phổ biến rộng rãi trên các vùng có tài nguyên về biển đảo và cũng là một trong những sản phẩm chủ đạo của du lịch biển đảo hiện nay. Để phục vụ cho du lịch nghỉ dưỡng biển đảo, cần phải có những khu nghỉ dưỡng được đầu tư hoàn thiện, hệ thống bãi tắm được quy hoạch an toàn, có những bãi cát đẹp, bãi biển sạch, hệ thống tắm nước ngọt phục vụ KDL sau khi tắm biển, CSVC tiện nghi như: nơi thư giãn, nghỉ ngơi, ăn uống, vui chơi giải trí… đáp ứng và phục vụ nhu cầu KDL.

b. Du lịch văn hóa vùng biển đảo

Du lịch văn hóa biển đảo là một SPDL được hình thành dựa trên các TNDL và dịch vụ du lịch, hàng hóa, tiện nghi cung ứng cho KDL, nhằm thỏa mãn nhu cầu của KDL về nhu cầu tìm hiểu, tham quan, vui chơi giải trí qua các hoạt động như: lễ hội, tìm hiểu các nền văn hóa, di tích lịch sử, ẩm thực, làng nghề, phong tục tập quán… tại các vùng biển đảo. Văn hóa vùng biển đảo được hiểu là hệ thống các giá trị do con người sáng tạo ra và tích lũy được trong quá trình tồn tại gắn bó với biển (bao gồm những di sản văn hóa hữu thể và di sản văn hóa phi vật thể). Văn hóa vùng biển đảo phản ánh những giá trị được đúc rút từ các hoạt động sản xuất gắn liền với biển, có đóng góp quan trọng đối với KT-XH, được truyền từ đời này sang đời khác. Từ đó, những SPDL được tạo ra phục vụ cho nhu cầu của KDL có nhu cầu đến các vùng biển đảo. Văn hóa vùng biển đảo có vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng thương hiệu và PTDL biển. Những di tích lịch sử, công trình kiến trúc, tập quán, nghi thức, lễ hội, cách thức ứng xử của cộng đồng, phong cách ẩm thực, quy trình công nghệ làm nghề truyền thống... là một trong những nhiên liệu đầu vào quan trọng để tạo ra sản phẩm, dịch vụ du lịch biển.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phát huy những giá trị tích cực của văn hóa vùng biển đảo sẽ tạo những điểm nhấn, những dấu ấn đậm nét, những giá trị to lớn đối với việc xây dựng thương hiệu và PTDL biển. Di sản văn hóa vùng biển đảo tạo ra môi trường cho du lịch biển phát triển, là yếu tố quan trọng trong việc xác định quy mô, thể loại, chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh doanh du lịch vùng biển đảo nhất định. Đây là nền tảng để du lịch biển tạo ra những sản phẩm đặc trưng, độc đáo, hấp dẫn, quyến rũ đối với du khách. Dựa trên tính đa dạng, phong phú của các di tích, di sản,

của những nền văn minh xa xưa và của các dân tộc tạo ra sức hấp dẫn độc đáo trên các vùng biển đảo và trên những mối quan tâm của KDL có thể tạo ra nhiều SPDL đa dạng phục vụ khách. Những nền văn hoá khác nhau vùng ven biển thu hút các KDL có khả năng chi tiêu. Các SPDL có thể được xây dựng quanh năm. Các điểm di tích lịch sử biển đảo có thể gắn trong các SPDL chuyên đề… Để phục vụ cho du lịch văn hóa vùng biển đảo, những địa phương ven biển đảo phải có những nền văn hóa lâu đời, những hoạt động văn hóa phong phú, và có những nét đặc trưng riêng để thu hút KDL, những lễ hội mang đậm sắc màu miền biển đảo, những làng nghề truyền thống đặc trưng của biển đảo, những người dân hiền hòa, mến khách… để đáp ứng và phục vụ nhu cầu tham quan, tìm hiểu văn hóa của KDL.

c. Du lịch sinh thái biển đảo

Du lịch sinh thái biển đảo là SPDL dựa vào thiên nhiên và văn hoá bản địa vùng biển đảo gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn, PTBV với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương. DLST biển đảo là hoạt động nhằm thỏa mãn du khách về tìm hiểu các hệ sinh thái tự nhiên và văn hóa bản địa vùng biển đảo. DLST biển đưa du khách đến tìm hiểu, tham quan những khu vực đảo núi, vịnh, vụng áng hoang sơ, các bãi biển, các vùng biển có dải san hô ngầm quí hiếm. Địa điểm tổ chức thường là vùng biển đảo tương đối hoang sơ, có phong cảnh đẹp, văn hóa biển đảo bản địa gần như được bảo tồn nguyên vẹn: như các bãi biển, các vũng, vịnh, các đảo, các khu dự trữ sinh quyển…

d. Du lịch lặn biển ngắm san hô

Du lịch lặn biển ngắm san hô là một SPDL được hình thành dựa trên các TNDL và dịch vụ du lịch, hàng hóa và tiện nghi cung ứng cho KDL, nhằm thỏa mãn nhu cầu của KDL về lặn ngắm san hô, lặn biển, tắm biển, vui chơi giải trí, tham quan, học tập và khám phá đại dương… tại các vùng biển đảo. Du lịch lặn biển ngắm san hô là một trong những SPDL "hạng sang" của LHDL biển đảo hiện nay. Lặn ngắm san hô là du khách được lựa chọn ở những vùng biển đảo thuận lợi, có mực nước sâu, trong xanh, sạch sẽ với môi trường biển đảo tốt để lặn biển khám phá đại dương và tận mắt ngắm những rạn san hô lộng lẫy, những hệ sinh vật biển phong phú, đa dạng. Du lịch lặn biển ngắm san hô có hai hoạt động chính là: *(i)* Ngắm san

hô: KDL tham gia loại hình này tại những khu vực vịnh biển an toàn, độ sâu từ 1,0m đến 1,5m, có thể ngắm san hô qua phương tiện như tàu đáy kính, những phương tiện chuyên dụng, hoặc bơi ngắm san hô ở những khu vực nước cạn, có những rạn san hô gần bờ biển. *(ii)* Lặn biển ngắm san hô: KDL tham gia loại hình này cần phải có những trang thiết bị chuyên dụng (bình dưỡng khi, kính lặn, ống thở, trang phục…) để lặn sâu xuống lòng biển và khám phá đại dương với những rạn san hô cùng hệ sinh vật biển phong phú. Để phục vụ cho du lịch lặn biển ngắm san hô, các vùng biển đảo cần có những rạn san hô đa dạng, an toàn, hệ sinh vật biển phong phú… nơi có những vùng biển trong xanh, CSVCKT tiện nghi như: tàu, thuyền, trang thiết bị chuyên dụng, huấn luyện viên… đáp ứng và phục vụ nhu cầu ngắm san hô của KDL.

e. Du lịch thể thao biển đảo

Du lịch thể thao biển đảo là một SPDL được hình thành dựa trên các TNDL và dịch vụ du lịch, hàng hóa và tiện nghi cung ứng cho KDL, nhằm thỏa mãn nhu cầu của KDL về nhu cầu thể thao trên biển, vui chơi giải trí như: bóng chuyền bãi biển, kéo dù, lướt ván, chèo thuyền kayak, vận động biển… tại các vùng biển đảo.

Du lịch thể thao biển đảo có các hoạt động chính là: Hoạt động thể thao giải trí trên biển liên quan đến các hoạt động thể thao sử dụng nhiều nguồn nước khác nhau bờ biển, vịnh biển, đảo... Vài môn thể thao biển phổ biến nhất như là chèo thuyền, canoeing, câu cá, thuyền buồm, lặn và lặn khí tài, lướt song, ván buồm. Các hoạt động trên biển yêu cầu phải có các phương tiện là thuyền máy, ca nô, dù lượn, thuyền buồm và các vật dụng cần thiết cho các dịch vụ giải trí khác.

Hoạt động thể thao trên cạn tập trung vào khu vực bãi biển như các hoạt động biển, bóng đá, bóng chuyền, đi bộ, chạy bộ, thả diều… và các hoạt động vui chơi giải trí... Hoạt động trong lòng biển như: bơi lặn, lặn với ống thở, lặn khí tài và lướt sóng, phải có những phương tiện hỗ trợ như bình oxy, trang phục lặn, thyền kayak, ca nô…

Du lịch thể thao biển đảo được xem là một hoạt động có lợi cho thể chất và tinh thần đó là thi đấu, giải trí hay vui vẻ, được sử dụng môi trường biển làm nền tảng, với mục đích phụ vụ cho KDL, nhằm thỏa mãn nhu cầu

tham gia một số môn thể thao của du khách, mà các môn thể thao đó chỉ có thể có ở các vùng biển đảo. Để phục vụ cho du lịch thể thao biển đảo, các vùng biển đảo cần phải có những bãi biển đẹp, an toàn, mực nước biển phù hợp với các hoạt động thể thao… CSVCKT tiện nghi như: ca nô, dù bay, thuyền kayak, trang thiết bị chuyên dụng, huấn luyện viên, lực lượng cứu hộ, đáp ứng và phục vụ nhu cầu thể thao biển đảo của KDL.

g. Các sản phẩm du lịch biển đảo khác

Bên cạnh các SPDL biển đảo trên, với nguồn TNDL biển đảo phong phú tạo nên những SPDL biển đảo khác nhằm tạo ra sự đa dạng cho SPDL và đáp ứng nhu cầu của KDL.

Du lịch học tập nghiên cứu biển đảo là một hành trình kết hợp giữa học tập, nghiên cứu và du lịch tại vùng biển đảo của du khách. SPDL này ngày càng phổ biến, do nhu cầu kết hợp lý luận và thực tiễn, học đi đôi với hành. Đặc biệt là sinh viên thuộc các ngành địa lý, lịch sử, văn hóa, môi trường… được tổ chức đi nghiên cứu thực địa. Địa điểm đến là những nơi có đối tượng phù hợp với nội dung học tập như vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển, các di tích lịch sử văn hóa, các lễ hội, làng nghề… tại những khu vực biển đảo.

Du lịch tàu biển là SPDL được dựa vào tàu du lịch hay tàu du hành, dùng trên những chuyến du ngoạn, vừa để đưa khách đến những thắng cảnh, và vừa để khách hưởng ngoạn các dịch vụ, tiện nghi trên tàu. Sản phẩm này phát triển ở những nới có những cảng biển lớn, đặc biệt có lợi thế về bờ biển với nhiều di tích thiên nhiên, di sản văn hóa…

** Đánh giá chung về các sản phẩm du lịch biển đảo*

Có thể thấy rằng, với lợi thế về tự nhiên, văn hóa nên vùng biển đảo hiện nay có nhiều lợi thế và đầy đủ những tiềm năng, cũng như lợi thế để xây dựng, phát triển các SPDL biển đảo đặc đa dạng, phục vụ và đáp ứng nhu cầu của KDL.

- Đánh giá về TNDL biển đảo

TNDL vùng biển đảo Việt Nam đa dạng phong phú, đan xen nhau, có thể phát triển nhiều SPDL biển đảo khác nhau: du lịch tắm biển, lặn biển ngắm san hô, thể thao biển đảo, văn hóa vùng biển đảo, nghỉ dưỡng biển, ẩm

thực biển đảo, tham quan sinh thái biển đảo, và khả năng liên kết với các SPDL khác trên địa bàn để tạo ra sức hút lớn đối với KDL.

- Đánh giá về cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, dịch vụ, môi trường…

Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật dịch vụ du lịch của vùng biển đảo hiện nay đang được đầu tư cho PTDL biển đảo nói riêng, du lịch nói chung và liên kết mở rộng với các khu vực khác bằng nhiều hệ thống giao thông đa dạng như: đường sắt, đường bộ, đường hàng không, đường thủy... Hệ thống thông tin cùng với các yếu tố hạ tầng cơ sở ngày càng được cải thiện và phát triển nhanh chóng đã tạo điều kiện thuận lợi cho PTDL biển đảo.

- Đánh giá về chất lượng SPDL

Có thể thấy rằng, vùng biển đảo với lợi thế từ môi trường thiên nhiên và xã hội đã hội tụ những tiềm năng, những lợi thế, có thể phát huy nội lực để hình thành, phát triển các quần thể du lịch biển đảo và ven biển lớn, đa dạng, hiện đại, tầm cỡ quốc gia với nhiều loại hình hấp dẫn có sức cạnh tranh về các SPDL.

Những năm gần đây, triển khai chính sách đổi mới nền kinh tế của Đảng và Nhà nước, du lịch tại một số đảo lớn ven biển Việt Nam đã có những bước phát triển với tốc độ khá nhanh thể hiện qua một số chỉ tiêu cơ bản tại bảng 2.4, 2.5:

Bảng 2.4. Lượng khách nội địa, quốc tế đến một số đảo lớn ven biển Việt Nam giai đoạn 2015 – 2019.

Đơn vị tính: lượt khách

Tên đảo/huyện đảo; Chỉ tiêu về khách	2015		2016		2017		2018		2019		2023	
	Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế
Cô Tô	180.000	575	270.000	676	301.000	2.054	240.000	4.541	288.000	4.200	320.000	2.100
Vân Đồn	681.100	11.900	887.000	13.000	1.032.000	18.000	1.130.000	20.000	1.259.400	25.600	1.300.000	-
Bạch Long Vĩ	3.000	200	3.500	270	4.000	360	4.500	450	5.000	550	1.352	-
Cát Bà	1.215.600	352.400	1.336.800	385.200	1.682.500	477.500	1.942.000	608.000	2.109.500	700.500	3.000.000	1.056.680
Cồn Cỏ	500	–	713	–	1.900	–	4.130	–	6.120	16	8.681	-
Cù Lao Chàm	327.539	73.392	336.690	94.645	323.361	86.043	352.609	62.976	352.208	75.352	215.274	46.457
Lý Sơn	94.430	557	163.969	933	204.979	1.221	229.089	1.231	260.000	15.000	170.000	2.000
Phú Quý	2.157	43	7.000	50	16.400	200	18.989	511	41.600	700	166.500	3.600
Côn Đảo	105.347	28.915	136.942	30.005	212.737	31.197	254.155	32.016	344.848	33.722	586.000	17.000
Phú Quốc	1.442.245	195.466	2.383.879	267.439	2.64.851	318.544	3.481.572	535.193	4.434.769	671.896	5.400.000	521.322
Tổng cộng	4.086.555	663.711	5.639.248	792.463	3.972.981	935.305	7.927.922	1.265.473	9.504.183	1.515.273	10.879.807	1.649.159

(Nguồn: Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh – Phòng Văn hóa thông tin các huyện đảo)

Bảng 2.5. Tổng thu từ du lịch tại một số đảo lớn ven biển Việt Nam giai đoạn 2015 – 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên đảo	2015	2016	2017	2018	2019	2023
Cô Tô	300.000	350.000	482.000	498.000	700.000	800
Vân Đồn	540.000	760.000	890.000	1.455.000	1.752.000	3.690
Bạch Long Vĩ	200	250	300	350	450	460
Cát Bà	769.000	874.000	1.250.000	1.384.000	1.805.000	3.040,8
Cồn Cỏ	550	855	2.280	4.956	7.344	13,5
Cù Lao Chàm	12.117	13.971	25.441	27.167	28.750	3500
Lý Sơn	11.440	18.139	22.682	27.638	35.000	3200
Phú Quý	4.620	15.510	38.180	46.800	105.750	118,73
Côn Đảo	584.563	802.233	1.165.916	1.317.236	1.556.000	2088
Phú Quốc	650.000	700.000	7.706.000	12.271.000	14.560.000	15.440,92
TỔNG SỐ	2.974.490	3.681.958	11.782.799	17.466.147	21.187.294	

(Nguồn: Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh – Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện đảo)

Tuy nhiên, bên cạnh những chuyển biến tích cực, việc PTDL tại các đảo ven biển Việt Nam chưa tương xứng với tiềm năng vốn có, với những nét đặc sắc, khác biệt, chưa đáp ứng nhu cầu, xu hướng trong bối cảnh ngắn – dài hạn, đồng thời tồn tại không ít hạn chế như: việc khai thác còn mang tính chất tự phát, manh mún, chưa đồng đều, "mạnh đảo nào, đảo ấy làm"; hệ thống cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ; SPDL và các dịch vụ bổ sung, bổ trợ ở nhiều nơi còn nghèo nàn; công tác xúc tiến quảng bá còn yếu; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; ngoài ra còn tồn tại việc tranh chấp không gian lãnh thổ của một số ngành kinh tế khác nhau trong quá trình khai thác gây ra các hệ lụy về môi trường và nguy cơ phát triển thiếu bền vững, hiệu quả…

Chương 3
HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐẢO QUAN LẠN VÀ ĐẢO LÝ SƠN

3.1. Tiềm năng, hiện trạng phát triển du lịch đảo Quan Lạn, tỉnh Quảng Ninh

3.1.1. Vị trí địa lý

Đảo Quan Lạn (hay còn có các tên gọi khác là đảo Cảnh Cước, đảo Cao Lô) nằm trong Vịnh Bái Tử Long. Đảo thuộc cụm đảo vịnh Bái Tử Long, có tọa độ địa lý 20° 53'04'' vĩ độ bắc, 107° 30'42'' kinh độ đông. Đảo gồm hai xã Quan Lạn, Minh Châu với 5 thôn và một phần diện tích đảo thuộc địa phận vườn quốc gia Bái Tử Long. Quan Lạn là một đảo thuộc huyện đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam. Xã Quan Lạn có diện tích 7,0 km², có hai xã là Quan Lạn và Minh Châu, 2 xã này cách nhau khoảng hơn 10km, địa hình của đảo khá bằng phẳng, thuận tiện cho việc di chuyển trên đảo, với chiều dài chỉ khoảng 20km bề rộng hẹp, chỗ hẹp nhất tại bãi biển Cồn Trụi chỉ khoảng 100m. Khoảng cách giữa trung tâm xã Quan Lạn đến xã Minh Châu xấp xỉ 12km, với khoảng cách giữa các xã và diện tích đảo không quá lớn, KDL có thể dễ dàng khám phá hết những địa điểm đẹp của Quan Lạn Đảo có vị trí quan trọng về mặt an ninh - quốc phòng và phát triển kinh tế biển.

Đảo Quan Lạn như một vòng cung ôm lấy rìa phía đông của vịnh Bái Tử Long, đây là tuyến đảo phía ngoài cùng của vịnh Bắc Bộ. Chính điều này khiến đảo Quan Lạn trở thành bức bình phong vững vàng ngăn sóng biển, che chắn cho Vân Đồn, giúp Vân Đồn trở thành nơi neo đậu tàu thuyền thuận tiện và an toàn.

3.1.2. Tài nguyên du lịch

3.1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

** Địa chất, địa hình*

Đảo có địa hình đồi núi – hải đảo đa dạng, phân dị mạnh với độ cao trung bình khoảng 40m so với mực nước biển. Hình thái chủ yếu của địa

hình là đồi núi thấp, đảo đá vôi và một phần nhỏ diện tích có kiểu địa hình đồng bằng ven biển. Ven chân đảo xuất hiện nhiều vụng, bãi triều đất bùn, bãi cát hẹp, bãi đá rộng 15 – 20m, kín gió thuận lợi cho việc neo đậu tàu thuyền. Dưới tác động của biển cả, trên bờ đảo Quan Lạn đã hình thành nhiều mũi đá, vách đá, hang động cảnh quan hấp dẫn thu hút KDL như: bãi Đá Trời, cồn Chân Tiên, hang Bà Sáng, hang Vòi Voi [34,36].

Eo gió Gót Beo: Eo gió cách trung tâm đảo Quan Lạn 10km, là một đỉnh núi hướng thẳng ra biển. Nơi đây vẫn giữ nguyên vẹn vẻ hoang sơ, bình yên hùng vĩ mà tạo hóa ban tặng cho đảo. Tuy nhiên, đường đến eo gió chưa được tu sửa gập ghềnh, khó di chuyển.

Đảo Quan Lạn là nơi phân bố của hệ thống bãi cát biển sạch, cát mịn dài hàng kilômét, điển hình như bãi Nhãng Rìa, Bể Thích, Chương Nẹp, bãi Giữa… rất thuận lợi cho du lịch tắm biển, xây dựng khu resort nghỉ dưỡng. Phía trên các bãi tắm là rừng trâm tự nhiên thuận lợi trên 100 tuổi, bao bọc lấy bãi biển, phù hợp cho việc phát triển các hoạt động du lịch như cắm trại, nghiên cứu khoa học, nghỉ dưỡng…

** Khí hậu*

Đảo Quan Lạn nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa. Từ tháng 3 đến tháng 8, gió đông nam từ biển thổi vào mát mẻ, nhiệt độ trung bình năm 22,8°C, cao nhất 37,3°C và thấp nhất 4,6°C. Vì vậy, du lịch tắm biển, tham quan tại đảo chủ yếu sầm uất vào mùa hè từ tháng 4 đến tháng 6, 7 dương lịch.

** Thủy văn*

Kết quả quan trắc của dự án Quy hoạch bảo vệ Môi trường huyện đảo Vân Đồn, tại một số điểm thuộc xã Quan Lạn cho thấy: nhiệt độ nước biển dao động từ 16°C - 21°C vào mùa đông, 24°C - 30°C vào mùa hè, nằm trong mức khá phù hợp để phát triển các LHDL dưới nước. Với điều kiện dòng chảy vừa phải (0,1 – 0,2 m/s), nhiệt độ nước biển trung bình năm là 25,1°C… đều rất thuận lợi cho tắm biển, lặn biển, thể thao dưới nước.

Các bãi tắm tự nhiên: Minh Châu, Cồn Khơi, Sơn Hào, Quan Lạn nằm dọc theo chiều dài đảo, mỗi bãi tắm mang một nét tự nhiên riêng biệt nhưng đều có chung đặc điểm là đẹp hoang sơ, chưa bị tác động nhiều của

các yếu tố nhân tạo. Trong số các bãi tắm này, bãi tắm Minh Châu từng nằm trong danh sách 10 bãi biển đẹp nhất Việt Nam.

** Tài nguyên sinh vật*

Tại đảo Quan Lạn có hệ sinh thái rừng ngập mặn với quy mô khoảng 30 ha có vai trò điều hòa khí hậu, tham gia kiến tạo bảo vệ cảnh quan ven bờ, chống xói mòn bờ biển, bảo vệ hệ thống đê ven bờ, hạn chế những cơn bão lớn quét qua dây…

Hệ sinh thái vùng triều phân bố chủ yếu tại xã Minh Châu, nơi đây tập trung nhiều loại hải sản có giá trị kinh tế như: cá song, cầu gai, hải sâm, trai ngọc và đặc biệt là sá sùng.

Nhìn chung TNDL tự nhiên của Quan Lạn khá phong phú, hấp dẫn. Tuy nhiên để có thể trở thành các điểm du lịch hấp dẫn và mang lại doanh thu cao, đóng góp vào kinh tế cho người dân, đảo cần được đầu tư, quan tâm đúng mức của các cấp chính quyền. Đặc biệt, cơ sở hạ tầng và giao thông cần được đầu tư để tăng khả năng tiếp cận cho du khách [47].

3.1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa

Quan Lạn với tổng số dân 3.931 người, mật độ dân số khá cao 58 người/km² tại xã Quan Lạn và 20 người/ km² tại xã Minh Châu (năm 2023). So với xã Ngọc Vừng và Bản Sen đảo Vân Hải thì đảo Quan Lạn có mật độ dân số đông hơn bởi nơi đây trước kia từng là thương cảng nổi tiếng của Vân Đồn.

Toàn đảo có 9 dân tộc anh em sinh sống gồm: Kinh, Hoa, Tày, Sán Dìu, Sán Chỉ, Mường, Cao Lan, Nùng, Dao. Trong đó chủ yếu là dân tộc Kinh có 3857 người, chiếm 98,12% dân số; dân tộc khác có 74 người, chiếm 1,88% dân số.

Lao động: Số lao động trong độ tuổi trên đảo Quan Lạn là 2371 người. Về cơ cấu lao động: số lao động tham gia vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 87%; thương mại, dịch vụ chiếm 12,5%; các ngành nghề khác là 0,5%. Tỷ lệ lao động được qua đào tạo là: 664 người chiếm 27,97%, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo là: 1707 người chiếm 72,03%. Nhìn chung, chất lượng và trình độ lao động được chuyên môn hóa trên đảo còn thấp. Số lượng lao động chiếm 52,5% tổng số người, nhưng số đã qua đào tạo chỉ chiếm tỷ lệ 17,97% lực lượng lao động toàn đảo.

Với lịch sử phát triển lâu đời, Quan Lạn đang lưu giữ trong mình những giá trị du lịch nhân văn đặc sắc.

Di tích lịch sử: từ thế kỷ XI, Quan Lạn đã trở thành thương cảng sầm uất và thịnh vượng của Vân Đồn. Hiện nay, trên đảo vẫn còn lưu giữ những di tích của Bến thuyền cổ như bến Cái Làng, bến Cống Cái thuộc xã Quan Lạn và bến Con Quy xã Minh Châu. Di chỉ còn lại của các bến thuyền cổ là mảnh gốm, bát đĩa từ thời Đường – Tống của Trung Quốc, tiền Việt từ thời Lý, Trần và Lê. Đình Quan Lạn là ngôi đình cổ nhất tỉnh Quảng Ninh, là ngôi đình duy nhất còn thờ vua Lý Anh Tông được xây dựng từ thế kỷ XVIII với kiến trúc cổ. Bên cạnh đó, đảo còn là nơi ghi dấu chiến thắng của vị thành hoàng Trần Khánh Dự tại đền thờ Trần Khánh Dư thuộc xóm Thái Hòa xã Quan Lạn và di tích dòng sông Mang lịch sử.

Lễ hội: lễ hội đình Quan Lạn còn gọi lễ hội đua bơi Quan Lạn vừa là kỷ niệm chiến thắng đánh quân Nguyên Mông của tướng Trần Khánh Dư, vừa là ngày hội cầu được mùa của cư dân vùng biển. Lễ hội diễn ra từ ngày 10 đến ngày 20 tháng 6 âm lịch hàng năm tại khu vực trung tâm thương cảng Vân Đồn.

3.1.3. Hiện trạng phát triển du lịch tại đảo Quan Lạn

Hiện trạng du lịch đảo Quan Lạn đã đạt được thành công nhất định như lượng KDL tăng liên tục qua các năm, hệ thống hạ tầng được quan tâm, người dân địa phương bước đầu được hưởng lợi từ các HĐDL địa phương.

** Khả năng tiếp cận điểm du lịch*

Từ Hà Nội, du khách có thể lựa chọn xe buýt xuất phát từ bến Mỹ Đình đến Cái Rồng hoặc sử dụng xe khách chạy tuyến Hà Đông – Mỹ Đình – Vân Đồn. Việc đi lại giữa đất liền với đảo Quan Lạn ngày càng thuận tiện, ngoài tàu gỗ đi từ Hòn Gai, Cái Rồng ra Quạn Lạn thì từ tháng 3 năm 2009 du khách có thể di chuyển bằng tàu cao tốc tại điểm xuất phát Cái Rồng ra đảo với thời gian hơn 45 phút - 1 giờ.

Trong phạm vi đảo Quan Lạn có ba bến tàu phục vụ cho giao thương đi lại của KDL, người dân địa phương là bến tàu gần miếu Đồng Hồ, bến tàu gần sông Mang (nối đảo Quan Lạn và đảo Trà Bản) và cảng cát Nam Hải đưa du khách đi tham quan bãi Minh Châu. Bên cạnh đó, đảo đã đầu tư hệ thống tàu cao tốc, 5 tàu chở khách đi các xã trong đảo Quan Lạn cùng

phương tiện vận chuyển đường bộ như xe lam (xe túc túc), xe điện, xe ôm và xe buýt. Với du khách ưa thích tuyến du lịch tham quan dã ngoại Quan Lạn – Minh Châu – Sơn Hào – Yến Hải thì xe điện sẽ là phương tiện hữu ích.

** Cơ sở hạ tầng – vật chất phục vụ du lịch*

Du lịch đảo Quan Lạn đang trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển nên cơ sở hạ tầng – vật chất kỹ thuật còn nhiều bất cập như: số lượng CSLT, cơ sở ăn uống đạt tiêu chuẩn chưa nhiều, dịch vụ vui chơi giải trí gần như chưa có và chất lượng dịch vụ còn hạn chế. Cơ sở kinh doanh lưu trú và công ty DLST: năm 2024, trên đảo có 72 cơ sở kinh doanh lưu trú, trong số có 63% số cơ sở tập trung tại bãi Vân Hải, trung tâm xã Quan Lạn và hơn 30 cơ sở tập trung tại xã Minh Châu. Chất lượng CSLT còn thấp, 50% trong số đó chưa được xếp hạng, chủ yếu là nhà nghỉ bình dân với công suất sử dụng buồng phòng đạt 48% (tập trung các tháng mùa hè). Hiện nay, số CSLT với quy mô 20 buồng chỉ có 4 cơ sở là Vân Hải Đỏ resort (80 phòng), Grandpearl Quan Lạn (56 phòng) khách sạn Lepont Minh Châu (36 phòng), khách sạn Ann (21 phòng) và nhà nghỉ Ngân Hà (22 phòng). Hiện nay, tại Quan Lạn có Angsana Quan Lạn Hạ Long Bay Resort (Angsana Quan Lan Ha Long Bay Resort) là khu nghĩ dưỡng hải đảo quốc tế đầu tiên, duy nhất tại cửa ngõ Vịnh Hạ Long với 2km đường bờ biển. Bên cạnh đó, dịch vụ "homestay" là hình thức ngủ tại nhà dân cũng đã thu hút được lượng du khách nhất định vào mùa hè đặc biệt là khách quốc tế, nhưng các cơ sở còn tự phát gây khó khăn cho thống kê và kiểm duyệt chất lượng.

Angsana Quan Lạn - Hạ Long Bay Hotel & Resort

Angsana Quan Lan là một trong những resort nổi bật của thương hiệu Angsana tại Việt Nam. Tọa lạc trên đảo Quan Lạn, thuộc huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, resort này mang đến những trải nghiệm nghỉ dưỡng đẳng cấp trong khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp. Resort có hoạt động thú vị chờ đón bạn tới khám phá, từ những bữa ăn được chuẩn bị tỉ mỉ để tôn vinh hương vị Việt, đến trải nghiệm tắm khoáng chữa lành tại Angsana Spa.

Vị Trí Của Resort

Angsana Quan Lan nằm trên một trong những hòn đảo đẹp nhất của Vịnh Bái Tử Long, cách thành phố Hạ Long khoảng 50km về phía Đông. Đảo Quan Lạn nổi tiếng với những bãi biển cát trắng mịn màng, những ngọn núi

hùng vĩ được bao phủ bởi thảm thực vật xanh tươi, và những vách đá hùng vĩ nhô ra từ lòng biển xanh ngọc. Vị trí độc đáo của resort mang lại cho du khách cảm giác như được "lạc" vào một thiên đường riêng biệt, hoàn toàn tách biệt với thế giới bên ngoài. Tuy nhiên, resort vẫn dễ dàng kết nối với các điểm tham quan nổi tiếng khác trên đảo như Hang Vai, Chợ Quan Lạn, Bãi Trại, và những điểm ngắm cảnh tuyệt đẹp.

Với tổng diện tích lên đến 70 hecta, Angsana Quan Lạn sở hữu không gian thoáng đãng, mát mẻ và mang sắc màu trong lành, dịu dàng. Đây là một khu nghỉ dưỡng biển đảo đầu tiên tại Quảng Ninh mang thương hiệu quốc tế.

Hiện tại, không gian Angsana Quan Lạn có đến 156 phòng nghỉ với chất lượng cao hướng vườn/vịnh hoặc biển, chia làm các hạng phòng: Bayview Room, Ocean View Room, Junior Suite, Angsana One Bedroom Suite cùng với 40 biệt thự biển với vẻ đẹp lãng mạn. Mỗi không gian được thiết kế với phong cách gần gũi và mộc mạc, mang dấu ấn của thủ công truyền thống vào trong kiến trúc tổng thể của căn phòng.

Bên cạnh những dấu ấn kể trên, Angsana Quan Lạn còn là nơi tổng hợp nhiều tiện ích trải nghiệm đặc biệt với không gian spa thoải mái cùng loạt địa điểm trải nghiệm các bộ môn thể thao năng động như bơi lội, chơi golf, trượt dây.

Angsana Quan Lạn với vẻ đẹp mỹ miều cùng không gian nhẹ nhàng, thanh bình sẽ là một điểm hẹn hấp dẫn mà bạn nên khám phá khi du lịch Hạ Long. Vẻ đẹp trong lành cùng thiên nhiên hiền hòa nơi đây sẽ là nơi mà bạn cảm nhận được sự bình yên, dễ chịu, tránh xa sự nhộn nhịp, ồn ã và khói bụi thành phố.

Phát triển dịch vụ nói chung hay du lịch nói riêng theo hướng bền vững đang dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện đảo Vân Đồn với cơ chế chính sách thu hút đầu tư DLST cởi mở hơn. Trên đảo đã có 4 doanh nghiệp đầu tư PTDL sinh thái là Công ty Vân Hải, Công ty VIT Hạ Long, Công ty Việt Mỹ, Công ty TNHH Vân Hải Xanh. Cơ sở hạ tầng khác và những khó khăn: do nằm xa đất liền, năm 2024 đảo Quan Lạn đã có điện lưới quốc gia. Tuy nhiên, vào thời gian cao điểm du lịch (thời điểm Quan Lạn và Minh Châu đón lượng khách du lịch lớn), trên đảo vẫn thiếu điện,

hiện tượng cắt điện vẫn xảy ra. Chỉ có khoảng 30% các khách sạn ở Quan Lạn, Minh Châu có hệ thống máy nổ có thể cung cấp nguồn điện đủ chạy điều hòa; còn lại lượng điện chỉ đủ dùng cho quạt và điện thắp sáng. Ngoài ra, dù ở nơi có thế mạnh về cảnh quan thiên nhiên để phát triển du lịch nhưng từ nhiều năm nay người dân 2 đơn vị hành chính: Quan Lạn, Minh Châu vẫn chưa có nước sạch để sinh hoạt, kinh doanh, gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống. Nguồn nước sinh hoạt hàng ngày vẫn chủ yếu là nước mưa, nước giếng khoan không đảm bảo vệ sinh, còn nước sạch để nấu ăn, kinh doanh dịch vụ du lịch thì người dân phải mua với giá cao 100.000đ/m^3. Nhất là vào thời điểm mùa hè khi có đông khách du lịch ra đảo thì nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt càng lớn.

** Loại hình và tuyến du lịch*

Loại hình du lịch: dựa trên lợi thế nhiều bãi biển đẹp vẫn còn nguyên sơ, các LHDL được khai thác phổ biến tại địa phương là du lịch tắm biển, nghỉ dưỡng tại bãi Sơn Hào, bãi VIP của xã Quan Lạn. Du khách có thể đắm mình trên các bãi biển cát trắng tinh, không in dấu chân như bãi Chương Nẹp, bãi Nhẵng Rìa,…Tham gia HĐDL tham quan, khám phá các điểm du lịch tự nhiên như hệ sinh thái rừng Trâm, bãi rùa đẻ trứng, tìm hiểu giá trị du lịch nhân văn đặc sắc tại đình Quan Lạn, đền thờ Trần Khánh Dư và lễ hội diễn ra tại đây. Tuyến du lịch: hiện nay, các tuyến du lịch tổ chức trong xã Quan Lạn và Minh Châu khá ngắn, đơn điệu, nên chưa thu hút KDL tham gia. Nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh du lịch, các tuyến du lịch liên kết giữa Quan Lạn, Minh Châu với một số điểm du lịch khác đã được triển khai. Ví dụ như:

- Tuyến 1: Hạ Long – Ngọc Vừng – Quan Lạn – Minh Châu – Vườn quốc gia (VQG) Bái Tử Long – Hạ Long (3 ngày 2 đêm).

- Tuyến 2: Cái Rồng – Soi Nhụ - Minh Châu – Cái Lim – Cái Rồng (1 ngày).

- Tuyến 3: Cái Rồng – Trà Thần – Cái Lim – Cái Đẻ - Minh Châu – Quan Lạn – Soi Nhụ - Cái Rồng (2 ngày 1 đêm).

** Các điểm du lịch hấp dẫn*

Đảo Quan Lạn với lịch sử phát triển lâu đời, với nghề chính là đánh bắt hải sản, buôn bán đã tạo nên lịch sử và truyền thống văn hóa thông qua

các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội mang đậm nét văn hóa của người dân bản địa. Quan Lạn đang lưu giữ trong mình những giá trị du lịch nhân văn đặc sắc. Di tích lịch sử: từ thế kỷ XI, Quan Lạn đã trở thành thương cảng sầm uất và thịnh vượng của Vân Đồn.

Thương cảng cổ Vân Đồn: Được thành lập vào năm 1149, dưới thời vua Lý Anh Tông. Đây được xem là một trung tâm thương mại có quy mô lớn, một khu vực có vị trí quân sự chiến lược gắn liền với quá trình đấu tranh bảo vệ Tổ quốc và xây dựng, phát triển đất nước của dân tộc ta trong lịch sử. Thương cảng cổ Vân Đồn không phải là một bến cảng với những cầu tàu nối tiếp trên một vũng biển như hiện nay mà gồm nhiều bến thuyền phân bố trên chiều dài hàng chục km từ Nam lên Bắc: Bến Cái Làng, bến Công Cái, bến Con Quy.

Đình Quan Lạn là ngôi đình cổ nhất tỉnh Quảng Ninh, là ngôi đình duy nhất còn thờ vua Lý Anh Tông được xây dựng từ thế kỷ XVIII với kiến trúc cổ. Đình đã được Bộ Văn Hoá (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật cấp Quốc gia tại Quyết định số 575/VH - QĐ, ngày 14/7/1990 của Bộ Văn hóa.

Chùa Quan Lạn nằm cạnh đình Quan Lạn. Chùa có tên chính là Linh Quang tự. Hiện nay chùa còn lưu giữ được đầy đủ hệ thống tượng phật có giá trị điêu khắc mang đậm phong cách thời Nguyễn, các bức hoành phi, câu đối, sắc phong của vua Thành Thái (1889) phong cho mẫu Liễu Hạnh. Đảo Quan Lạn còn có 2 đền: đền Cậu bé cửa Đông và đền Trần Khánh Dư – người có công lao to lớn trong việc bao vây vùng biển biên ải Đông Bắc của tổ quốc.

Quan Lạn có bốn ngôi miếu, đó là miếu Cao Sơn, miếu Đức Ông, miếu Sao Ỏn và miếu Đồng Hồ. Miếu Sao Ỏn và miếu Đức Ông, Miếu Đồng Hồ là nơi thờ ba anh em tướng lĩnh họ Phạm đã tham gia chiến đấu trong trận đánh giặc Nguyên Mông thế kỷ XIII và các ông đã hy sinh ngay trên vùng biển Quan Lạn. Đó là 3 ông: Phạm Công Chính (là người anh cả), Phạm Thuần Dụng và Phạm Quý Công. Ba ông là người Vân Đồn và là ba vị tướng của Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư, có công đánh giặc phương Bắc. Xác của ba ông đã trôi dạt vào bờ ở ba nơi: Sao Ỏn, Đồng Hồ, Bến Đình như vị trí miếu thờ ba ông ngày nay.

Miếu Cao Sơn Được lập tại một gồ núi cộc ở xóm ruộng (nay là thôn Thái Hòa, xã Quan Lạn). Nghiên cứu dấu tích xung quanh ngôi miếu ngày nay, có thể đưa ra nhận định rằng, miếu có thể được lập nên từ khi cư dân ở thương cảng Cái Làng chuyển về, ban đầu miếu được dựng bằng gỗ, lợp cỏ tranh, hoặc cây giàng - một loại cây sẵn có ở các khu rừng, núi tại địa phương. Đây là nơi mà cuối năm, hoặc đầu năm mới, dân làng thường đến cầu bình an. Cũng là nơi ngư dân, trước mỗi chuyến ra khơi đều đến đây, thắp hương cầu cho chuyến đánh bắt được nhiều cá tôm, hải sản.

Nghè thờ nhân huệ vương Trần Khánh Dư Nghè là một công trình kiến trúc độc đáo có mối quan hệ chặt chẽ với trong đời sống tinh thần của cư dân địa phương. Đối với cư dân trên làng đảo Nghè còn là nơi diễn ra các hoạt động đại sự trong năm, đặc biệt là ngày rước sắc Đức thánh Trần Khánh Dư trong Lễ hội truyền thống Vân Đồn lịch sử. (ông cũng được gọi là Thành Hoàng làng). Đây là một công trình kiến trúc, được bài trí sắp xếp bố cục độc đáo dựa trên kết cấu ngôi đền cũ tại khu Thương cảng cổ Vân Đồn. Đây là công trình được tôn thờ trọng vọng có mối quan hệ gắn bó mật thiết trong đời sống tinh thần của cư dân địa phương trong các ngày đại sự diễn ra trong năm, đặc biệt là ngày rước sắc Đức thánh Trần Nghè và Đình Quan Lạn, đám rước Đức thánh Trần từ Nghè về Đình trong Lễ hội truyền thống Vân Đồn lịch sử.

Đền thờ Vân Hải Ngôi đền này thờ vọng Đức Thánh Trần (Trần Triều Hiển Thánh). Để nhớ ơn những người đã hy sinh trong cuộc thủy chiến trên sông Mang vào năm 1288.

Một số nhà cổ ở Quan Lạn: Một trong những ngôi nhà cổ này là ngôi nhà của gia đình bà Vũ Thị Dược và ông Nguyễn Văn Di ở thôn Thái Hoà, xã Quan Lạn. Ông Di cho biết, ngôi nhà được xây từ năm 1918 và được gia đình ông mua lại vào năm 1989. Qua thời gian gần 100 năm nhưng nhiều phần của ngôi nhà vẫn giữ được vẻ bền đẹp theo thời gian. Mặc dù đã được sửa chữa, nâng cấp nhiều nhưng ngôi nhà vẫn mang nhiều nét cổ độc đáo và những kiến trúc đẹp cổ xưa. Điều đặc biệt là những ngôi nhà có tuổi khoảng 100 năm này xây bằng đá với mật mía, các loại gỗ quý đến nay vẫn bền vững với thời gian.

Nằm lặng im giữa những ngôi nhà mái bằng và khu khách sạn sầm uất mọc lên san sát tại trung tâm xã Quan Lạn là ngôi nhà cổ màu trắng thuộc sở hữu của vợ chồng cụ Vũ Thị Dược, Nguyễn Văn Di ở thôn Thái Hòa. Ngôi nhà được xây dựng từ năm 1918, ban đầu thuộc sở hữu của cụ chánh Đạt và được gia đình cụ Dược mua lại vào năm 1989. Nhìn từ xa, ngôi nhà giản dị song lại khác biệt hoàn toàn với những nhà ống xung quanh bởi lối kiến trúc cổ. Ngôi nhà được xây hoàn toàn bằng đá và vữa được làm từ mật mía trộn vôi với phụ gia. Bước vào ngôi nhà như bước vào một dòng thời gian khác, những năm đầu thế kỷ 20. Nhà được xây theo kết cấu tứ trụ 5 gian, 2 chái, gồm 4 cột gỗ lim to và cao hơn 7m. Nhiều hoành phi câu đối bằng chữ Hán Nôm.

Hiện nay có 11 ngôi nhà cổ tại Quan Lạn, ngôi nhà màu trắng của gia đình cụ Dược là ngôi nhà cao nhất và cũng là ngôi nhà còn giữ được nhiều nét nguyên bản, từ hiên nhà mang phong cách kiến trúc Pháp tới các gian phòng bên Đông và bên Tây.

- Nghề truyền thống đặc trưng của vùng đảo Quan Lạn:

Nghề Sá Sùng (người dân Quan Lạn gọi là nghề đào mồi) là một nghề truyền thống của người dân trên đảo Quan Lạn, nghề được lưu truyền từ xưa, các cụ để lại hay còn được gọi là nghề "*mẹ truyền con nối*". Nghề khai thác sá sùng có một tính chất riêng biệt đó là phụ thuộc vào mùa màng và con nước đặc biệt hơn là chỉ có người phụ nữ mới làm được nghề này. Hàng ngày vào buổi chiều cường nước cạn chị em phụ nữ (chiếm khoảng 70-80%) trên đảo lại cùng nhau ra các bãi triều trên toàn tuyến đảo để đào sá sùng. Vào ban ngày nếu khi thời tiết đẹp trời "*không mưa, không gió*" chị em có thể kiếm từ 1-2kg/người/ngày cho thu nhập khoảng từ 300-600nghìn/người/ngày, có những chị đào giỏi có thể kiếm được từ 500-1triệu/người/ngày thậm chí có thể cao hơn.

Sá sùng từ biển đem về để làm ra một sản phẩm tươi ngon, bổ dưỡng theo đúng hương vị làng quê và có giá trị kinh tế cao

Lễ hội đình Quan Lạn còn được gọi là lễ hội đua bơi Quan Lạn vừa là kỷ niệm chiến thắng đánh quân Nguyên Mông của tướng Trần Khánh Dư, vừa là ngày hội cầu được mùa của cư dân vùng biển. Lễ hội diễn ra từ

ngày 10 đến ngày 20 tháng 6 âm lịch hàng năm thường được tổ chức tại bến Đình Quan Lạn, gần Đình Quan Lạn cổ kính.

Ngoài ra, hàng năm trên đảo Quan Lạn người dân còn tổ chức một số lễ hội khác như: Lễ Cầu Gió: được tổ chức tại bến nước trước cửa đình làng, hàng năm tại Quan Lạn vào trung tuần tháng 3 âm lịch. Lễ Cầu Bình vào tháng giêng (6 -1 âm lịch), Hội Chùa vào hè (14 - 4 âm lịch), Hội Chùa ra hè (15-7 âm lịch), Cầu an (kháp ấn, 25-12 âm lịch).

Về các giá trị tự nhiên, đảo Quan Lạn – Minh Châu có hệ sinh thái ổn định, hoang sơ, môi trường không khí trong lành, đặc biệt có nhiều bãi cát đẹp. Trong đó, bãi biển Sơn Hào là bãi tắm du lịch, nằm trong quy hoạch PTDL huyện đảo Vân Đồn đến năm 2030, với định hướng phát triển đảo thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển chất lượng cao. Nơi đây với dải cát trắng mịn, nước biển trong xanh, những rặng phi lao cao vút tự nhiên và hoang sơ là điểm đến hấp dẫn du khách thập phương. Từ tiềm năng này, những năm qua, Công ty Viglacera Vân Hải đã tổ chức các dịch vụ nghỉ dưỡng biển, ăn uống, lưu trú và vui chơi giải trí khác… Ngoài ra còn có các HĐDL cộng đồng trải nghiệm như: Trồng rau, đánh bắt thủy hải sản… tìm hiểu văn hóa biển đảo đặc sắc vùng Đông Bắc.

Kể đến đảo Quan Lạn – Minh Châu còn phải kể đến rừng Trâm, bãi tắm Minh Châu là tổng thể không gian với đặc trưng quần thể rừng trâm hàng trăm năm tuổi, có diện tích trên 14ha chạy dọc bên cồn cát trắng cạnh bãi tắm Minh Châu. Bãi biển Minh Châu trải dài khoảng 2km, có bờ thoải, bãi cát trắng mịn và sạch, sóng nhỏ phù hợp cho việc tổ chức các hoạt động thể thao như bóng đá, bóng chuyền, kéo co hay trượt cát…

- Bãi triều:

Trên toàn tuyến đảo Quan Lạn với chiều dài tới khoảng 20km, có vô số bãi. Bãi "Chương Dồ" một cái tên khá lý thú, đối với cư dân làng đảo đây là một ngư trường lớn quen thuộc, hàng năm cung cấp một lượng lớn nguồn lợi thuỷ hải sản như: Tôm, cua, Cá, Mực, Ghẹ, Tu Hài, Ngao, Hến,...cho nhân dân nơi đây. Hàng năm, sản lượng đánh bắt tại nơi này khoảng 50-70 tấn để phục vụ nhu cầu đời sống, chế biến và buôn bán, phát triển dịch vụ du lịch.

Cư dân làng đảo thường dựa vào lịch thuỷ triều để theo dõi trước khi đi đánh bắt thuỷ hải sản, vào buổi triều cường rút sâu nhất "mực nước đạt

0,0" là lúc triều cường thấp nhất, "Chương Dồ" sẽ lộ diện một chương cát soải dài nối liền từ chân núi Gót ra bên ngoài tới gần Hòn Sồng, Hòn Gội ở phía trước khoảng 6-7km, chiều rộng nhất có đoạn khoảng 1-2km. Ở đây có một nguồn lợi lớn thuỷ hải sản ký sinh dưới mặt đất như: Sá Sùng, Ngao, Hầu, Tu Hài, Sò, Điệp, Kéo, Mai...luôn ẩn mình để chờ cơ nước lên xuống để tìm kiếm thức ăn duy trì sự sống. Khi thuỷ triều dâng lên cao toàn bồ bề mặt chương phủ kín là môi trường thuận lợi để những loài hải sản như: Tôm, cua, cá, mực, ghẹ,…tìm kiếm thức ăn trên bề mặt chương tạo thành một hệ sinh thế tuần hoàn để phát triển theo quy luật của tự nhiên.

- *Bãi đá trời – Cồn Chân Tiên*

Sơn Hào vốn nổi tiếng là một bãi tắm đẹp với bãi cát tự nhiên dài, nước biển trong xanh, mát. Điều mà ít người biết, nằm gần khuôn viên của bãi tắm tuyệt đẹp này là một bãi đá đặc biệt với nhiều truyền thuyết đẹp người dân đảo vẫn truyền tai nhau.

Đó là" Bãi Đá Trời" một bãi đá tròn, nơi tập trung vô số phiến, viên đá to nhỏ với mật độ cao. Dù nhiều màu sắc, nhiều kích cỡ nhưng điều đặc biệt là các viên đá trong bãi đều có hình tròn hoặc bầu dục, bề mặt nhẵn nhụi, nhiều màu sắc. Theo người dân địa phương, bãi đá này được hình thành là do sóng biển vỗ bờ bào mòn bấy lâu nay. Vẻ đẹp của bãi còn được thể hiện qua lưu truyền dân gian về dấu tích tượng Thiên Lôi và bàn chân tiên để lại khi xuống trần gian tham quan cảnh đẹp nơi đây.

- Đồi cát pha lê: Tuyến đảo Quan Lạn – Minh Châu được tạo bởi 2 dòng chảy cửa Mai và cửa Đối vì vậy thiên nhiên đã ban tặng cho nơi đây những đồi cát trắng thuỷ tinh tuyệt đẹp và thơ mộng. Nằm ngay phía trên bãi Sơn Hào chính là đồi cát tuyệt đẹp này. Du khách có thể lưu lại ở đây những tấm hình thơ mộng hay những tấm hình cưới đầy ý nghĩa…

- *Eo Gió Gót Beo (Bãi Gót)*

Nằm ở thôn Yến Hải, cách trung tâm xã Quan Lạn chừng 8km, đỉnh đồi Eo Gió là nơi được nhiều du khách lựa chọn ghé thăm trên hành trình du lịch khám phá những điểm đến mới và an toàn. Đỉnh đồi Eo Gió thoai thoải có độ cao không quá lớn với cao điểm là 3 đỉnh đồi nhô ra, tạo thành 3 điểm ngắm cảnh, chụp ảnh tự nhiên cho du khách. Từ đỉnh đồi phóng tầm mắt ra xa du khách sẽ bao trọn được vẻ đẹp của bãi biển cát trắng trải dài ngút tầm

mắt, ngắm những con sóng đuổi nhau xô bờ và thấp thoáng những chiếc thuyền đánh cá của ngư dân.

Eo Gió là tên gọi mà người dân địa phương đặt cho đỉnh đồi này. Không ai biết có từ bao giờ. Cái tên được đặt theo đặc điểm địa hình, một eo đất nhô ra biển, tạo thành điểm ngắm cảnh tự nhiên quanh năm luôn ầm ào tiếng sóng. Đỉnh đồi Eo Gió là điểm đến hoang sơ, chưa có bất cứ tác động nào từ con người, có chăng chỉ là dấu chân của những đoàn khách đến rồi đi. Từ đỉnh đồi Eo Gió, du khách cũng có thể đi bộ xuống bãi Chương Dồ mà người dân địa phương vẫn hay cào ngao, bắt quéo.

Nếu muốn cùng người dân địa phương trải nghiệm làm ngư dân, bạn nên chọn thời điểm sáng sớm, vì thời điểm đó nắng chưa gắt, thủy triều thấp, để trơ ra cả trên bề mặt đất toàn là quéo. Loài nhuyễn thể thân mềm, vỏ nâu đen, đặc biệt ngon khi nướng mỡ hành. Ngoài ra người dân địa phương cũng hay dùng quéo để nấu cháo hoặc luộc chấm mắm. Những con quéo nằm nhô cả lớp vỏ lên khỏi mặt cát. Vì thế, việc bắt quéo hết sức dễ dàng, du khách chỉ cần một đôi gang tay, đi theo những mạch nước để tránh bị lún rồi chỉ việc chọn một nơi nhiều quéo để bắt quéo.

Bãi rùa: Bãi Cồn Trụi hay còn gọi bãi rùa nằm bên trái bãi Minh Châu là nơi sinh đẻ của rùa. Trước đây bãi là nơi khám phá độc đáo của du khách nhưng do sự ảnh hưởng và phát triển của môi trường, sự săn bắt biến nơi này thành vùng bãi hoang.

Bãi Nhánh Rìa: Nằm khuất sau mũi Đầu Cào ở phía tay phải bãi Minh Châu, ở đây yên tĩnh, khung cảnh cát và đá tạo nên điểm nhấn cho sự lãng mạn cảnh vật.

Bãi Biển Cồn Khởi: Nước Bãi Biển Cồn Khởi, Quan Lạn trong xanh đến mức có thể nhìn thấy đáy, thấy cát trắng dưới chân êm ái. Sóng biển ở Bãi Biển Cồn Khởi, Quan Lạn cũng không ồn ào, dữ dội mà chỉ mơn man, đủ để bạn cảm nhận về biển.

Rừng Trâm: Trên đảo có một khu rừng trâm hàng trăm năm tuổi mà từ lâu đã đi vào huyền thoại như thần mộc của người dân nơi đây. Theo người dân trong xã Minh Châu, rừng trâm được những thế hệ người đầu tiên đặt chân lên đảo trồng. Không một ai kể cả những người già trong làng biết rõ nguồn gốc, sự hình thành của rừng trâm. Trong làng lưu truyền câu

chuyện về việc rừng trâm đã che chắn cho làng chài trước một trận bão lớn những năm 1945. Dù bị tàn phá, xơ xác sau bão nhưng rừng trâm đã kịp hồi sinh mạnh mẽ xanh tươi trở lại, đơm hoa kết trái dịp cuối năm cứu người dân qua nạn đói hoành hành thời điểm đó.

Rừng trâm Minh Châu có diện tích khoảng 14 ha, chạy dọc bên cồn cát trắng cạnh bãi tắm Minh Châu. Thật đặc biệt khi rừng trâm chỉ mọc tập trung, gắn kết với nhau thành một quần thể, một dải dài ven biển ôm lấy làng chài. Trâm là loại cây thân gỗ to, khả năng tái sinh tốt, có thể mọc nhiều nhánh đan xen với nhau.

- Bãi tắm: Quan Lạn được biết đến với những bãi tắm đẹp, hấp dẫn như bãi Quan Lạn, Sơn Hào và Minh Châu. Do nằm khá xa đất liền nên các bãi tắm ở đây còn hoang sơ, nước biển trong vắt, bờ cát trắng mịn trải dài bên những rặng phi lao xanh ngắt tạo không gian khoáng đạt với bầu không khí mát mẻ, trong lành. Nếu như bãi Sơn Hào gây ấn tượng bởi những con sóng to thì bãi Minh Châu lại êm đềm, phẳng lặng, nước trong vắt. Bãi Quan Lạn được nhiều du khách ưa thích bởi cảnh quan thơ mộng dọc con đường đi đến bãi tắm.

+ Bãi Tắm Minh Châu

Chỉ cách bãi tắm Quan Lạn khoảng 15km, Bãi biển Minh Châu được mệnh danh là viên ngọc sáng của du lịch Quảng Ninh. Bãi biển Minh Châu nổi bật với vẻ đẹp trinh nguyên vốn có của tự nhiên, với bãi cát trắng mềm mịn như nhung, biển rộng mênh mông với nước trong vắt. Bất kỳ du khách nào đến với tour du lịch Quan Lạn đều không thể bỏ qua điểm đến biển Minh Châu để thả thân mình vào làn nước biển xanh trong mát lành, nhẹ nhàng, thư thái dạo bộ trên bờ cát mịn và tuyệt vời khi ngắm toàn cảnh thiên nhiên bãi biển Minh Châu xinh đẹp, đẹp từng khoảnh khắc.

+ Bãi tắm Sơn Hào

Sơn Hào là bãi tắm đẹp, hoàn toàn tự nhiên với dải cát dài khoảng 3km, nước biển trong xanh, cảnh quan thơ mộng, hữu tình. Lãng mạn và yên bình là cảm giác của không ít du khách khi đến tham quan tắm biển ở bãi Sơn Hào, một điểm đến tuyệt đẹp nằm giữa vùng biển Vân Đồn còn giữ được vẻ nguyên sơ, thơ mộng của cảnh quan

** Sản phẩm du lịch*

Các SPDL chủ yếu đang được khai thác hiện nay là du lịch văn hóa và du lịch nghỉ dưỡng biển. Với lợi thế về các khu vực tự nhiên còn hoang sơ, thích hợp cho việc tổ chức các hoạt động DLST, tìm hiểu, nghiên cứu, nâng cao nhận thức và kiến thức về tài nguyên, môi trường biển đảo. Ngoài ra, các hình thức du lịch văn hóa đang được phát triển. Du khách đến Quan Lạn vào dịp tháng 6 sẽ được tham gia lễ hội truyền thống của người dân nơi đây.

• *Tour du lịch của Ban du lịch sinh thái cộng đồng*:

- Trong khuôn khổ hợp tác dự án tăng trưởng xanh giữa tỉnh Quảng Ninh và tổ chức JICA của Nhật Bản, Quan Lạn được lựa chọn là địa bàn thì điểm thực hiện các hoạt động thúc đẩy DLST. Dự án đã thành lập ban DLST cộng đồng (DLSTCĐ) tại Quan Lạn và xây dựng được 2 tour du lịch hành trình khám phá:

- Tour lịch sử văn hóa hào hùng đảo Quan Lạn: trong thời gian một ngày, du khách được tham quan, nghe thuyết minh về các địa điểm đình làng, chùa Linh Quang Tự, cảng Con Quy, và trải nghiệm chèo thuyền Rồng trên sông Mang.

- Tour trải nghiệm một ngày làm ngư dân: lịch trình từ điểm xuất phát đến nhà ngư dân, bãi triều, trải nghiệm đánh cá, đến xưởng chế biến và thưởng thức món ăn truyền thống. Tuy nhiên hiện nay, các tour du lịch này vẫn đang ở trong giai đoạn thử nghiệm và chưa được nhiều du khách biết đến, đặc biệt là du khách nước ngoài.

** Khách du lịch tại đảo Quan Lạn*

Khách du lịch đến Quan Lạn chủ yếu là khách nội địa từ những vùng lân cận như: Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Hà Nội… Khách đến chủ yếu vào mùa hè, có mức chi tiêu trung bình như thanh niên, KDL phượt, sinh viên, học sinh, giáo viên. Một số công ty, doanh nghiệp, trường học… cũng thường xuyên tổ chức các tour du lịch tại Quan Lạn với mục đích khám phá, tham quan và nghỉ dưỡng. Quan Lạn đón một lượng du khách quốc tế khá khiêm tốn. Tuy nhiên, qua điều tra cho thấy thị trường KDL quốc tế đến đảo Quan Lạn tương đối đa dạng bao gồm cả các du khách mang quốc tịch châu Âu, Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, châu Mỹ…

Theo thống kê của Phòng Kinh tế Vân Đồn: khi khai thác những tuyến du lịch liên kết, lượng KDL đến xã Quan Lạn ngày càng tăng, năm 2013 lượng khách tới Quan Lạn là 18.500 lượt, khách nội địa tăng 22% và khách quốc tế tăng 26% so với cùng kỳ năm 2012 [36]. Cũng tương tự, lượng KDL đến xã Minh Châu năm 2010 chỉ đạt 4.500 lượt, năm 2013 con số này đã tăng 4,6 lần. Năm 2018 tổng số lượng KDL đến đảo Quan Lạn đạt 2.300 lượt trong đó KDL quốc tế là 800 lượt. Năm 2024, tổng lượng khách du lịch đến Quan Lạn đạt 135.150 lượt; trong đó, khách nước ngoài đạt 526 lượt. Tổng doanh thu từ du lịch, dịch vụ đạt 230 tỷ đồng.

Số ngày lưu trú của khách quốc tế ở Quan Lạn trung bình từ 1,5-2 ngày. Đối với KDL nội địa thời gian lưu trú còn thấp hơn, từ 1-1,5 ngày. Thời gian lưu trú cho thấy rõ chất lượng phục vụ du lịch còn hạn chế; thời gian lưu trú ngắn cũng có nghĩa là dịch vụ, SPDL còn nghèo nàn, tuyến điểm tham quan ít, không có điểm mới, nên chưa kéo dài được thời gian lưu trú.

** Lao động trong lĩnh vực du lịch*

Nguồn lao động đối với du lịch Quan Lạn hiện nay cần được quan tâm cả về số lượng, chất lượng. Số lượng lao động trong ngành du lịch đã qua đào tạo nghiệp vụ còn rất ít, đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên, công tác đào tạo hướng dẫn viên du lịch là người địa phương chưa được quan tâm, số hướng dẫn viên có kiến thức về DLST hầu như không có. Chính quyền địa phương và các ngành chức năng chưa có một quy chế hoạt động cho đội ngũ hướng dẫn viên tự do. Vì vậy gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý cũng như làm ảnh hưởng đến du khách. Qua khảo sát thực tế đội ngũ cán bộ, công nhân viên làm công tác quản lý về lĩnh vực du lịch nói chung và DLST nói riêng thì công tác đào tạo về nghiệp vụ du lịch chưa được quan tâm đúng mức. Hiện nay đội ngũ cán bộ làm công tác du lịch tại Quan Lạn có được từ hai nguồn: lao động hoạt động về du lịch được đào tạo chuyên môn du lịch và lao động từ các lĩnh vực hoạt động khác chuyển sang. Nhóm được đào tạo nghiệp vụ du lịch: trình độ sơ cấp là 26% tổng số lao động ngành du lịch, trung cấp là 25%, đại học và cao đẳng chiếm tỷ lệ 4%; Nhóm từ các lĩnh vực khác chuyển sang HĐDL, trình độ sơ cấp chiếm 16% tổng số lao động ngành du lịch, trung cấp chiếm 17%, đại học và cao đẳng chiếm 12%. Điều

này chứng tỏ trình độ của khối kinh doanh du lịch tại Quan Lạn chưa thể phù hợp với những đòi hỏi, yêu cầu của ngành du lịch hiện nay.

Quan Lạn là địa phương có tiềm năng lớn về du lịch, nhưng với trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ còn thấp (đạt trình độ đại học, cao đẳng đang tham gia HĐDL tính cả lao động được đào tạo chuyên môn du lịch và chuyên môn khác chỉ chiếm 16%), như thế sẽ không đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi hiện nay của ngành du lịch. Địa phương cần có kế hoạch đầu tư, cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, đào tạo hướng dẫn viên du lịch để nâng cao hơn nữa chất lượng của SPDL, đáp yêu cầu phát triển của du lịch Quan Lạn trong tương lai

** Cơ sở hạ tầng và CSVCKT phục vụ du lịch tại đảo Quan Lạn*

Với sự quan tâm đầu tư cho các tuyến đảo, đường giao thông đến với Minh Châu – Quan Lạn giờ đây khá thuận lợi. Việc kết nối với đảo đều bằng đường thuỷ. Trên đảo có 3 bến thuyền du lịch: Bến tàu khách Minh Châu, bến tàu khách Quan Lạn và bến tàu khách Tân Lập thuộc xã Quan Lạn.

Tàu cao tốc: tàu cao tốc có giá vé từ 150.000 - 200.000VNĐ/ người/ chuyến và lịch trình hàng ngày bắt đầu từ khoảng 6 giờ - 16 giờ. Chưa đầy một tiếng đồng hồ khách du lịch có thể đặt chân lên đảo Quan Lạn.

Tàu gỗ: Đối với tàu gỗ, giá vé tàu sẽ là 60.000 – 100.000 VNĐ/ người/ chuyến. Lịch trình hàng ngày 1 đến 2 chuyến vào 7 giờ sáng và 11 giờ sáng. Tất nhiên là thời gian di chuyển sẽ lâu hơn tàu cao tốc và tương đương 2 tiếng đồng hồ để mới lên đến đảo.

Trên đảo, du khách có thể lựa chọn phương tiện di chuyển là xe tuk tuk, xe điện hay thuê xe máy.

Về giao thông: Việc đi lại giữa đất liền với đảo Quan Lạn ngày càng thuận tiện. Từ năm 2009, du khách có thể di chuyển bằng tàu cao tốc, siêu tốc tại điểm xuất phát Cái Rồng ra đảo với thời gian 50 phút - 70 phút. Trên đảo cơ bản đã có hệ thống đường bộ được trải nhựa, bê tông hóa khá thuận lợi cho việc di chuyển của du khách bằng ô tô, xe máy, xe đạp, xe điện.

Về Hệ thống điện, nước và thông tin liên lạc: Hiện nay, công ty điện lực Quảng Ninh đã chính thức đóng điện đường dây 22 kV dài 24 km và 10 trạm biến áp 22/0,4 kV đưa điện lưới ra hai khu vực Quan Lạn và Minh Châu thuộc huyện đảo Vân Đồn, Quảng Ninh. Bên cạnh đó, với chính sách

của ủy ban xã Quan Lạn đã cải thiện được nguồn nước trên đảo, bước đầu cung cấp đủ nước cho người dân trên đảo. Hệ thống điện, nước cung cấp cho các hộ kinh doanh du lịch đã cải thiện phần nào nhu cầu cho HĐDL tại đảo, đời sống người dân được nâng lên.

Về cơ sở y tế: Để đảm bảo sức khoẻ cho người dân địa phương cùng KDL, đặc biệt trong những trường hợp gặp sự cố trong quá trình đi du lịch, ủy ban nhân dân đảo Quan Lạn đã cho xây dựng trạm xá y tế. Trạm xá mở cửa 24/24 giờ phục vụ người dân cùng KDL. Điều này, đã góp phần giúp cư dân bản địa cùng KDL thêm yên tâm khi tới Quan Lạn để du lịch.

Về cơ sở phục vụ lưu trú : Hiện trên đảo có khoảng 100 cơ sở kinh doanh lưu trú, với trên 1.300 phòng nghỉ, trong đó khoảng 2/3 cơ sở tập trung tại bãi biển Vân Hải, trung tâm xã Quan Lạn và số còn lại là tại xã Minh Châu. Tính đến thời điểm hiện tại đã có 43 cơ sở được Sở Văn hóa Thể thao và du lịch, Phòng Văn hóa huyện đảo Vân Đồn thẩm định xếp hàng lưu trú du lịch chiếm 44,15%, trong đó có 5 khách sạn đạt 2 sao đã xếp hạng. Công suất sử dụng phòng theo mùa 4 tháng mùa hè bình quân đạt 65%. Chất lượng CSLT còn thấp, 50% trong số đó chưa được xếp hạng, chủ yếu là nhà nghỉ bình dân với công suất sử dụng buồng phòng đạt 63% (tập trung các tháng mùa hè). Hiện nay, số CSLT với quy mô 20 buồng chỉ có 4 cơ sở là Vân Hải Đỏ resort (80 phòng), khách sạn Lepont Minh Châu (36 phòng), khách sạn Ann (21 phòng) và nhà nghỉ Ngân Hà (22 phòng). Bên cạnh đó, dịch vụ "homestay" là hình thức ngủ tại nhà dân cũng đã thu hút được lượng du khách nhất định vào mùa hè đặc biệt là khách quốc tế. Tuy nhiên, các cơ sở lưu trú này tự phát, gây khó khăn cho thống kê và kiểm duyệt chất lượng.

Hệ thống dịch vụ bổ sung: Trên đảo Quan Lạn hiện nay chưa có cửa hàng chuyên nghiệp phục vụ nhu cầu của người dân và du khách nên người dân chủ yếu là tự cung tự cấp hoặc mua hàng được vận chuyển từ đất liền ra đảo. Tại đảo, ngoài các gian hàng bán các loại hải sản khô, bán các đồ lưu niệm được làm từ các vỏ ngao, sò, ốc, hến, ngọc trai… và các cơ sở bán đặc sản địa phương.

Nhìn chung, đảo Quan Lạn đã được nâng cấp cơ sở hạ tầng, CSVCKT tương đối hoàn chỉnh. Tuy nhiên, trong bối cảnh PTDL mang tính

chất lâu dài có tính chiến lược, hệ thống cơ sở hạ tầng, CSVCKT cần được đầu tư mạnh mẽ hơn nữa để đảm bảo Quan Lạn có thể đón được nhiều luợt khách quốc tế và nội địa hàng năm.

Đảo đang triển khai thí điểm 2 tuyến phố đi bộ nằm trong khu vực trung tâm 2 xã trong vòng 2 năm. Tuyến phố đi bộ khi được xây dựng sẽ đón khoảng 1.500 lượt khách/ngày. Qua đó, cung cấp thêm cho người dân, du khách thông tin về điểm đến; phát huy nét giá trị văn hóa đặc sắc; phát huy tiềm năng về du lịch, thương mại, dịch vụ; tạo động lực để các hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình phù hợp thị trường; phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng cao của du khách và người dân.

Tại Quan Lạn, tuyến phố đi bộ nằm trên địa bàn 4 thôn với chiều dài 640m. Khu vực này có khoảng 50 CSLT, với tổng số 470 phòng và 50 cơ sở dịch vụ. Tại xã Minh Châu, tuyến phố đi bộ nằm trên địa bàn 1 thôn với 32 CSLT, 621 phòng, khoảng 20 cơ sở dịch vụ. Hệ thống giao thông tại 2 tuyến phố, có các tuyến đường liên kết với nhau, tạo điều kiện phát triển năng động cho các loại hình kinh doanh dịch vụ, thương mại, du lịch và phương tiện giao thông dễ dàng di chuyển.

Năm 2023, cùng với sự phát triển mạnh của du lịch đảo Quan Lạn - Minh Châu trong thời gian gần đây thì CSVC phục vụ du lịch cũng được chính quyền và người dân quan tâm đầu tư, cụ thể sẽ có những điểm mới như sau:

1. Hệ thống đèn điện chiếu sáng dọc theo tuyến đường trục chính xuyên đảo đã được hoàn thiện và đưa vào sử dụng. Điều này góp phần nâng cao sự an toàn, thuận tiện cho du khách khi đi lại trên đảo.

2. Tuyến phố đi bộ dài 1km chính thức đi vào hoạt động từ 30/4/2023 góp phần làm tăng trải nghiệm vui chơi, mua sắm của du khách khi đến với đảo.

3. Bến cảng cao cấp Ao Tiên - Vân Đồn (từ đất liền đi ra đảo) được khánh thành đưa vào sử dụng giúp du khách đi lại thuận tiện hơn.

4. Các nhà tàu đóng mới thêm 2 con tàu với sức chứa 100 khách để nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách ra đảo.

5. Khu Resort 5 sao Vân Hải được chính thức khánh thành, theo đó nơi đây sẽ cung cấp cho thị trường lưu trú trên đảo thêm 40 căn biệt thự đơn lập và 150 phòng khách sạn thuộc khối nhà cao tầng.

Khu du lịch Quan Lạn - Minh Châu được công nhận là Khu du lịch cấp tỉnh, qua đó khẳng định sức hút lớn hơn với lượng du khách ra thăm đảo ngày càng tăng. Theo Quyết định số 2717/QĐ-UBND (ngày 22/8/2016) của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2.000. Khu vực đảo Minh Châu - Quan Lạn, khu kinh tế Vân Đồn thành nhiều phân khu khác nhau. Trong đó, có thể kể đến như: Khu đô thị du lịch dịch vụ Quan Lạn, Khu công viên chuyên đề và Quảng trường lễ hội biển tại thôn Đông Nam (xã Quan Lạn), Khu du lịch dịch vụ và bảo tồn rừng tự nhiên, Khu DLST biển chất lượng cao thuộc xã Quan Lạn và xã Minh Châu, Công viên DLST ngập mặn, Khu công viên rừng tự nhiên...

3.2. Tiềm năng, hiện trạng phát triển du lịch đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

3.2.1. Vị trí địa lý

Quảng Ngãi, cách đất liền khoảng 15 hải lí (khoảng 28km tính từ cảng Sa Kỳ ra). Toàn bộ lãnh thổ của huyện đảo nằm trong khoảng 15°32'04'' - 15°38'14'' vĩ độ Bắc; 109°05'04'' - 109°14'12'' kinh độ Đông, là một điểm quan trọng trên đường cơ sở phân định ranh giới quốc gia trên biển của Việt Nam.

Toàn khu vực có 02 đảo: đảo Lớn (còn gọi là Cù lao Ré) và đảo Bé (Cù lao Bờ bãi), gồm 03 khu vực: An Vĩnh, An Hải và An Bình. Diện tích tự nhiên 10,32km^2, dân số năm 2023 là 24.418 người, với tổng số 6.170 hộ dân, mật độ dân số khoảng 2.134 người/km², thuộc nhóm cao nhất trong các huyện đảo của Việt Nam. Trong đó, có khoảng 60% hộ dân sống bằng nghề biển, 30% hộ dân sống bằng nghề nông (chủ yếu là trồng hành, tỏi, ngô) và 10% hộ dân sống bằng các ngành nghề khác. Huyện đảo Lý Sơn có lợi thế về PTDL vì có nhiều quang cảnh thiên nhiên đẹp, hoang sơ kỳ vĩ; nhiều di tích, tư liệu lịch sử và các lễ hội dân gian độc đáo mang bản sắc riêng, đặc biệt là truyền thống lịch sử đấu tranh, xây dựng bảo vệ và giữ gìn hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bằng nỗ lực, cách làm sáng tạo, Lý Sơn đã

quảng bá rộng khắp hình ảnh huyện đảo, tạo tiềm lực cho ngành dịch vụ du lịch từng bước phát triển và ngày một thêm khởi sắc [37].

3.2.2. Tài nguyên du lịch đảo Lý Sơn

a. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Đảo Lý Sơn có tài nguyên thiên nhiên, nét văn hóa địa phương tươi đẹp, phong phú. Các dạng TNDL đặc trưng của Lý Sơn phải kể đến như:

Địa chất - địa mạo phong phú, đa dạng

Khu vực quần thể các đảo thuộc đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) có lịch sử phát triển địa chất lâu dài và đa dạng từ thời kỳ Miocen (tức khoảng hơn 10 triệu năm đến nay), liên quan với quá trình hình thành Biển Đông, cùng với điều kiện cổ môi trường phong phú đã tạo nên những di sản địa chất địa mạo độc đáo, gắn liền với hoạt động phun trào núi lửa basalt và trầm tích – phun trào, hình thành khi núi lửa hoạt động trong môi trường biển nông trên thềm lục địa.

Ở vị trí tương tác giữa lục địa và đại dương, cùng những biến động lớn trong vận động của biển Đông trong hơn 10 triệu năm gần đây, Lý Sơn sở hữu phong phú, đa dạng các điểm và cụm di sản địa chất. Lý Sơn có 6 núi lửa ở đảo Lớn, 1 ở đảo Bé. Đảo Lý Sơn có 5 ngọn núi: Thới Lới, Hòn Tai, Hòn Sỏi, Giếng Tiên và Hòn Vung. Trong đó, núi Thới Lới chiếm diện tích lớn nhất. Đất đai Lý Sơn do tro núi lửa hình thành nên phì nhiêu, thuận lợi cho việc trồng và phát triển các giống cây có giá trị kinh tế cao như tỏi, hành, đậu xanh, dưa hấu, mè, tạo cảnh quan thiên nhiên đặc biệt trên đảo. Cùng với các miệng núi lửa, 3 vách đá ở Hang Câu, Chùa Hang, Giếng Tiền là các vách đá đẹp lạ thường, chứa đựng cả một trang sử sống động của khu vực biển đảo trải hơn 10 triệu năm tới nay. Kiến tạo địa chất đã tạo cho các vách kích cỡ lớn, dài hàng trăm mét, cao dựng đứng, tạo cảm giác choáng ngợp hùng vĩ. Ở khu vực các vách đá còn bắt gặp nhiều loại hình di sản địa chất quý hiếm khác. Trên đảo Lý Sơn còn có loại hình di sản hỗn hợp - di sản địa văn hóa. Đó là chùa Hang và các ruộng bậc thang xếp bằng đá núi lửa. Có thể nói TNDL địa chất - địa mạo ở Lý Sơn là các di sản địa chất - địa mạo đẹp và độc đáo cả về mặt khoa học cũng như cảnh quan [49].

Khí hậu

Khí hậu nhiệt đới gió mùa, nền nhiệt cao, mưa tương đối nhiều, nền bức xạ lớn, đặc điểm khí hậu thể hiện rõ hai mùa: Mùa nắng nóng từ tháng 3 đến tháng 9, mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 02 năm sau. Nhiệt độ: Những tháng có nhiệt độ cao là từ tháng 5 đến tháng 9, nhiệt độ khoảng 35° C, có những ngày nắng nóng oi bức nhiệt độ khoảng 38 - 40° C. Nhiệt độ thấp từ tháng 10 đến tháng 04 năm sau, khoảng 25 - 27° C, có những ngày lạnh nhiệt độ hạ xuống khoảng 18° C. Nhiệt độ trung bình cho cả năm là khoảng 25,7° C. Độ ẩm: Trung bình trên năm khá lớn khoảng 85%, độ ẩm trong năm có sự chênh lệch khá lớn giữa các mùa, mùa khô có độ ẩm thấp, nhưng tăng nhanh vào mùa mưa từ tháng 9 trở đi độ ẩm tăng nhanh, duy trì ẩm ướt đến tháng 3 năm sau. Lượng mưa: Từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau chiếm 75% lượng mưa cả năm và từ tháng 3 đến tháng 8 lượng mưa thấp chiếm khoảng 25%, chịu ảnh hưởng gió Tây Nam khô nóng. Bốc hơi: Lượng nước bốc hơi trung bình 600 - 900mm/năm vào các tháng mùa nóng, nhất là mùa lượng bốc hơi trung bình từ 119 - 163mm/tháng, đó là khoảng thời gian nắng nóng lớn và thường có gió tây nam khô nóng. Chế độ gió: Gió Đông Nam và Tây Nam thường thổi vào tháng 3 đến tháng 9. Còn hướng gió hình thành ở khu vực Tây Bắc và Đông Bắc thổi vào từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau. Hướng gió thổi chính là Bắc, Đông Bắc vào mùa Đông, Đông và Tây Nam vào mùa hè. Hàng năm, trên đảo có khoảng 130 ngày gió cấp 6 trở lên, do không có vật cản gió nên sóng biển thường xuyên cao từ 1m đến 3m ảnh hưởng rất lớn đến tuyến đường biển từ Đảo Lớn đi đảo Bé và ngược lại.

Tháng 6, tháng 7 là khoảng thời gian chính là mùa du lịch, du khách thích đến Lý Sơn vào thời điểm này vì đây là thời điểm có thể tham gia được nhiều HĐDL ngoài trời như: tắm nắng, tắm biển, lặn gắm san hô và tham gia các hoạt động trải nghiệm khác... Nhìn chung, khí hậu đảo Lý Sơn nắng ấm quanh năm, thời tiết ít biến động, thuận lợi thu hút KDL quốc tế.

Tài nguyên nước ngọt

Trên đảo không có hồ chứa nước ngọt quy mô lớn. Tuy nhiên, lượng mưa khá dồi dào (2.260mm/năm). Do được bao bọc xung quanh là biển nên Lý Sơn có điều kiện thuận lợi trong khai thác sử dụng nguồn tài nguyên biển. Theo tính toán, lượng nước mưa hàng năm trên đảo Lý Sơn

đạt 9 triệu m³. Nếu trừ lượng nước thấm vào đất và bốc hơi, còn khoảng 3 triệu m³ nước chảy tràn ra biển.

Do kết cấu nền địa chất đá, mà Đảo Bé không có mạch nước ngầm ngọt, nên bao đời, người dân nơi đây sử dụng nước mưa được tích trữ trong các lu, hồ khi mùa mưa đến và dùng cho cả năm. Trong lòng đất của Đảo Bé không có nước ngọt, nên người dân biết sử dụng tiết kiệm nước. Và đến năm 2012 công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp nặng DoosanVina tài trợ cho khu vực An Bình – đảo Lý Sơn nhà máy xử lý nước biển thành nước ngọt (kinh phí xây dựng nhà máy là 1 triệu USD), bổ sung thêm lượng nước trong sinh hoạt cuộc sống hằng ngày của cư dân địa phương. Hiện nay, lượng du khách đến Đảo Bé ngày càng nhiều, sử dụng nước ngọt càng lớn. Nước tại Đảo Bé không đủ cung cấp cho du khách, người dân mua thêm nước ngọt từ bên Đảo Lớn vận chuyển qua đảo Bé để cung cấp.

Tài nguyên sinh vật phục vụ du lịch

Trước những năm 1990, Lý Sơn có diện tích san hô và cỏ biển khá rộng, theo đó là rất nhiều loài hải sản như cá, tôm, cua có giá trị phát triển kinh tế. Theo đánh giá khảo sát năm 2011 của Viện Kỹ thuật Biển, số lượng loài mới được phát hiện nơi đây tăng nhiều. Trong đó, tổng cộng đã phát hiện được trên 700 loài động, thực vật với 200 loài cá, 137 loài rong biển, 70 loài thân mềm, 157 loài san hô, 96 loài giáp xác, 7 loài cỏ biển…, nhưng số lượng cá thể trong một số loài có giá trị cao rất ít, một số sinh vật biển quý hiếm cần được bảo vệ hầu như không còn. Tình trạng khai thác ồ ạt hiện nay đã làm giảm đi rất nhiều những loài có giá trị như trai tai tượng, cá mú… Ngoài ra còn có 25 loài nằm trong danh mục các loài thuỷ sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển. San hô tại Lý Sơn thường kết dính với nhau trải đều, đủ màu sắc, đủ loại, hình thù của từng cụm san hô lạ mắt. Các bãi san hô tuyệt đẹp ở Lý Sơn luôn là sức hút đối với những KDL thích khám phá những sinh vật dưới lòng đại dương.

Hệ thực vật tự nhiên trên đảo Lý Sơn không phong phú bằng các rừng tự nhiên hùng vĩ thường thấy. Nhưng nó cũng phong phú nhiều loại cây nhiều nhất là cây dứa dại mọc thành rừng dày đặc. Trước kia trên đảo khá nhiều dứa dại, nhưng khi cư dân phát triển trồng trọt thì phá rừng dứa để

trông hành, tỏi. Hiện nay, rừng dứa còn lại tập trung tại khu vực phía Đông của xã đảo. Ngoài dứa, Đảo Bé còn có các cây khác như dừa, nhãn, mận, chuối, cam đàng, phi lao, ướp lông, ướp trơn, cách, nhàu, bàng vuông, chân âm và nhiều cây bụi, các loài hoa như: hoa bông bụt, hoa tím, giấy và các loại hoa dại khác.

Hệ sinh thái dưới nước: Vùng biển ven bờ đảo Lý Sơn tập trung các hệ sinh thái điển hình một đảo gần bờ của vùng biển nhiệt đới bao gồm hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái cỏ biển và hệ sinh thái vùng triều. Hệ sinh thái cỏ biển và san hô trước năm 2005 khá phong phú và đa dạng về thành phần loài.

Hệ sinh thái san hô: Qua điều tra khảo sát, vùng biển Lý Sơn đã xác định được 157 loài san hô cứng tạo rạn thuộc 18 họ. San hô bao phủ hầu như khắp xung quanh đảo, độ bao phủ thấp dưới 50%. San hô sừng hươu họ *Acroporidae, Poritidae*, san hô hình bẹ lá, san hô khối họ *Poritidae, Faviidae* là những san hô phổ biến nhất Lý Sơn. Trong đó, họ *Acroporidae, Faviidae* chiếm ưu thế về diện tích cũng như thành phần loài. Phân bố ở các độ sâu từ 1m đến 30m, ngoài ra còn có một số loài san hô đen quý hiếm, chỉ mọc ở độ sâu từ 30m đến 100m. Đây là một loài san hô quý hiếm, có giá trị cao về mặt thẩm mỹ cũng như dược liệu, tuy nhiên số liệu còn rất ít do tình trạng khai thác quá mức. Hiện trạng hệ sinh thái san hô quanh đảo đang bị suy thoái nghiêm trọng do quá trình đánh bắt thủy sản bằng thuốc nổ, giã cào, do người dân bên đảo Lớn và các vùng khác đến khai thác. Ngoài ra, khách du lịch dẫm đạp và sóng biển đánh vỡ, biến đổi khí hậu cũng góp phần nguyên nhân làm suy giảm rạn san hô. Hiện tại, các loài san hô còn sống chủ yếu tập trung tại phía Bắc và phía Nam đảo dưới hình thức riêng lẻ từng khóm nhỏ không còn phân bố theo hệ thống rạn dày đặc nữa.

Hệ sinh thái cỏ biển: Theo kết quả điều tra khảo sát có 7 loài cỏ biển thuộc 2 họ khác nhau. Họ Cỏ Kiệu *Cymodoceaceae* gồm 4 loài*: Cymodocea rotundata, Halodule pinifolia, Syringodium isoetifolium* và *Halodule uninervis*. Họ thủy thảo *Hydrocharitaceae* có 2 loài: *Thalassia hemprichii, Halophila ovalis*. Cỏ biển chỉ phân bố ra đến bờ khoảng 50m trở lại, một vài khu vực phía đông, cỏ biển có thể mọc ra xa bờ đến 300m. Loài chiếm nhiều

nhất vùng biển Lý Sơn *Cymodocea rotundata,* tiếp đến là loài *Thalassia hemprichii*. Ước tính, tổng diện tích cỏ biển khoảng 100 ha.

Hệ sinh thái rong: Người dân Lý Sơn vẫn luôn tự hào về một vùng biển giàu có và phong phú, nguồn lợi thủy hải sản dồi dào. Các loại rong Mơ, rong Cau, rong Chân vịt xuất hiện hầu hết quanh năm. Trong đó, rong Chân vịt chiếm ưu thế về số lượng loài, 150 loài. Theo kết quả khảo sát, nơi đây có tổng cộng có 234 loài rong biển được định danh và xác định.

Quần xã cá biển qua khảo sát đánh giá khu hệ cá biển đã xác định được tại vùng biển Lý Sơn có 202 loài thuộc 36 họ. Trong đó, họ cá rô biển *Pomacentridae* chiếm ưu thế về thành phần loài với tổng cộng 35 loài chiếm 17,33 %, tiếp theo đến họ cá bàn chài *Labridae* 28 loài chiếm 13, 86%, họ cá bướm *Chaetodontidae* 23 loài chiếm 11,39%, tiếp theo đến các họ cá mú *Serranidae,* cá đuôi gai *Acanthuridae*…

Nằm cách đảo Lớn chừng 3 hải lý về phía Tây Bắc, đảo Bé vẫn còn nguyên nét hoang sơ mà tạo hóa ban tặng. Đảo Bé sở hữu một trong những rạn san hô đẹp nhất cả nước, không chỉ có màu sắc đa dạng mà còn có tuổi đời cao. Bãi rạn san hô này còn là nơi cư ngụ của một quần thể động thực vật thủy sinh phong phú, với nhiều màu sắc sặc sỡ và hình dáng đa dạng. Vì vậy, một trong những hoạt động được du khách ưa chuộng nhất tại đảo Bé là lặn biển khám phá hệ sinh vật biển phong phú, đa dạng với những đàn cá tung tăng bơi lội hay những dải san hô rực rỡ sắc màu…

Bãi biển

Lý Sơn được ví như "*thiên đường giữa biển khơi*" bởi cảnh quan biển tuyệt đẹp và bao bọc xung quanh là những bãi biển dành cho du khách. Có những bãi tắm đẹp như: bãi hang Câu, bãi trước chùa Hang, chùa Đục, bãi Sau ở đảo bé… với những ghềnh đá nhô ra bờ biển (cổng Tò Vò) tuyệt đẹp.

Giá trị cảnh quan thiên nhiên biển, đảo: Vẻ đẹp do thiên tạo với cấu trúc địa chất gắn liền với lịch sử hình thành vỏ trái đất tạo cho Lý Sơn sự độc đáo riêng. Núi lửa, thảm thực vật xanh và các vách núi xung quanh đảo giáp mặt nước biển... tạo nên vẻ đẹp diệu kì cho hòn đảo còn nguyên sơ này, rất thích hợp để trở thành nơi tham quan, nghỉ dưỡng cho du khách. Thắng cảnh nổi tiếng trên đảo như: Cờ tiên bàn Thạch, Thạch cổng Tò Vò, quần

cảnh Mù Cu, Suối Tiên - Đường Lội, Hang Câu Thạch động, núi lửa Giếng Tiền và Thới Lới, Dảo Bé (Cù lao Bờ Bãi - xã An Bình).

b. Đặc điểm kinh tế xã hội và tài nguyên du lịch văn hoá

Nằm cách đảo Lớn chừng 3 hải lý về phía Tây Bắc, đảo Bé vẫn còn nguyên nét hoang sơ mà tạo hóa ban tặng. Đảo Bé sở hữu một trong những rạn san hô đẹp nhất cả nước, không chỉ có màu sắc đa dạng mà còn có tuổi đời cao. Bãi rạn san hô này còn là nơi cư ngụ của một quần thể động thực vật thủy sinh phong phú, với nhiều màu sắc sặc sỡ và hình dáng đa dạng. Vì vậy, một trong những hoạt động được du khách ưa chuộng nhất tại đảo Bé là lặn biển khám phá hệ sinh vật biển phong phú, đa dạng với những đàn cá tung tăng bơi lội hay những dải san hô rực rỡ sắc màu…

Những năm gần đây, kinh tế của Lý Sơn ngày càng phát triển tích cực, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng bền vững, thu ngân sách tăng vượt bậc, thu nhập bình quân đầu người tăng lên rõ rệt, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng lên. Số liệu thống kê cập nhật đến thời điểm này cho thấy, tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế năm 2022 ước đạt 2.061 tỷ đồng, tăng gấp 23,97 lần so với năm 1993. Cơ cấu các ngành kinh tế: nông nghiệp và thủy sản chiếm 46,18%; thương mại, dịch vụ - du lịch chiếm 46,08%. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 37,5 triệu đồng/người/năm, tăng 192,3 lần so với khi mới thành lập.

Đảo Lý Sơn trồng hai loại cây trồng truyền thống chủ lực là tỏi và hành, bình quân của 5 năm gần đây, mỗi năm thu hoạch khoảng 2.500 tấn tỏi và 9.450 tấn hành. Năm 2020, tỏi Lý Sơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ khoa học và Công nghệ) công nhận cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý Tỏi Lý Sơn; Đảo đang thực hiện tốt chỉ dẫn này nhằm giữ vững thương hiệu Tỏi Lý Sơn trên thị trường.

Nghề trồng hành, tỏi của người dân Lý Sơn ngoài mang lại giá trị kinh tế cao, hai loại cây đặc sản này còn góp phần làm cho thảm thực vật xanh của đảo thêm phong phú và PTBV. Bên cạnh đó, đảo cũng đã triển khai nhiều dự án trồng rừng với hơn 90 ha rừng và 4.000 cây cảnh quan các loại, rừng khép tán, độ che phủ rừng đạt 10,35%.

Ngành thủy sản của Lý Sơn cũng đang phát triển mạnh, tại đảo có 549 chiếc tàu thuyền, với tổng công suất 81.373 CV, sản lượng thủy sản khai

thác năm 2022 ước đạt 28.640 tấn. Hoạt động nuôi trồng thủy sản tăng trưởng khá, hiện Lý Sơn có 51 lồng, bè nuôi trồng thủy sản; sản lượng nuôi trồng năm 2022 ước đạt 43,482 tỷ đồng. Các cơ sở chế biến hải sản thương phẩm quy mô như chả cá, nước mắm từng bước được hình thành, đặc biệt là thương hiệu chả cá Lý Sơn đã được du khách ưa chuộng.

Công tác giáo dục, y tế, đời sống văn hóa, xã hội ngày càng được nâng cao; giải quyết việc làm cho người lao động, giảm tỷ lệ hộ nghèo; an sinh xã hội được quan tâm đầy đủ. Lý Sơn đã được công nhận đô thị loại V, hiện nay, khu vực đang tiếp tục thực hiện hoàn thiện các tiêu chí để xây dựng đề án nâng hạng đô thị trong thời gian tới.

Sau quãng thời gian khó khăn do dịch bệnh gây ra, hiện nay, đảo Lý Sơn tiếp tục xác định tiếp tục đầu tư mạnh để PTDL, dịch vụ; từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Lý Sơn, làm hạt nhân cho PTDL của tỉnh Quảng Ngãi.

Nghị quyết 26 ngày 3/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định phát triển đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi trở thành trung tâm du lịch biển - đảo quốc gia.

Tiềm năng du lịch văn hóa

Đảo Lý Sơn được khai phá và cư trú cách đây khoảng 400 năm, dưới thời các Chúa Nguyễn. Với ngành nghề chính là đánh bắt thủy sản, mò ngọc trai và trồng tỏi… đã tạo nên một lịch sử và truyền thống văn hóa thể hiện qua các quần thể di tích lịch sử, các lễ hội mang đậm nét văn hóa của người Việt trên mảnh đất Lý Sơn.

Trên đảo hiện có các nền văn hóa cổ đã được xác định: Nền văn hóa Sa Huỳnh được minh chứng qua Di tích khảo cổ học Xóm Ốc, di tích khảo cổ học Suối Chình và Nền văn hóa Chăm Pa.

Trên Đảo phân bố mật độ dày đặc các di tích (có khoảng 50 điểm tham quan), đặc biệt là các di tích liên quan đến hải đội Hoàng Sa được thiết lập từ thời Chúa Nguyễn và Triều Nguyễn sau này như Âm Linh tự, mộ lính Hoàng Sa, nhà thờ Võ Văn Khiết… trong đó có 4 di tích cấp Quốc gia, 1 di tích phi vật thể cấp Quốc gia và 14 di tích lịch sử cấp tỉnh. Lý Sơn còn là nơi hội tụ của những di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng: Ba lớp cư dân Sa Huỳnh

– Chăm pa – Việt đã gắn bó chặt chẽ với sự hình thành, phát triển của đảo Lý Sơn; đồng thời, là nơi sản sinh và tiễn đưa những Hùng binh Hoàng Sa vâng mệnh triều đình ra đi làm nhiệm vụ đo đạc hải trình, dựng bia chủ quyền, khẳng định biên giới, cương vực quốc gia trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, sử sách còn lưu danh mãi ngàn đời. Hệ thống chùa chiền cổ kính, có 1 di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia (đình làng Anh Vũ) và 8 di tích di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Những di tích và danh lam thắng cảnh nổi bật phải kể đến như: Chùa Hang, chùa Đục, đình làng An Hải, đình làng An Vĩnh, Âm Linh Tự, Bảo tàng đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải, Nhà Trưng bày đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải, khu mộ gió cai đội Phạm Quang Ảnh và các dân binh… chính là những điểm đến thu hút KDL.

Về văn hóa phi vật thể, đảo là một bảo tàng sống động với sự phong phú đáng ngạc nhiên của kho tàng truyền thuyết, chuyện kể, dân ca, các lễ hội đua thuyền tứ linh, Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa được công bố trong danh mục văn hóa phi vật thể quốc gia, các lễ tín ngưỡng dân gian theo mùa, tục thời cá ông.... Ngoài ra, Lý Sơn còn có các lễ hội dân gian thu hút sự tham gia của đông đảo dân chúng như: lễ hội đình An Hải, Lễ dựng niêu vào tết nguyên đán, hội Dồi Bòng, trò diễn dân gian...

Thực tế, nhiều du khách đến Quảng Ngãi đã chọn đảo Lý Sơn là điểm đến đầu tiên vì ngoài những thắng cảnh, di tích văn hóa, lịch sử, đảo Lý Sơn còn có nhiều nông sản có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là cây tỏi. Đảo Lý Sơn nổi tiếng với nghề trồng tỏi từ lâu đời. Sau giải phóng, củ tỏi Lý Sơn theo thuyền những ngư dân đánh cá về đất liền và được người dân xứ Quảng ưa chuộng vì có hương vị lạ, thơm ngon hơn hẳn tỏi trồng ở đất liền. Vì thế, người dân mới khai hoang mở rộng diện tích trồng. Đến bây giờ tỏi đã trở thành sản vật nổi tiếng gắn với tên đảo Lý Sơn. Tuy nhiên, để cây tỏi bám rễ, sinh trưởng trên cát biển là cả một quá trình đổ mồ hôi của những người nông dân giữa biển.

Tỏi Lý Sơn còn được biết đến với cái tên "tỏi cô đơn", nức tiếng thơm ngon, mang hương vị đặc trưng của một vùng đất tiền tiêu của Tổ quốc. Tỏi cô đơn phát triển một cách tự nhiên, ngay cả người trồng cũng không thể tác động được. Do chỉ có một tép to nên tỏi cô đơn khá hiếm và giá cao gấp nhiều lần so với tỏi thường. Ngoài tỏi khô, thân cây tỏi tươi được chế biến

thành món ăn đặc sản ở đảo Lý Sơn. Đến Lý Sơn, du khách có thể ghé thăm các hộ nông dân trên đảo, tìm hiểu và trải nghiệm công đoạn trồng, thu hoạch hành tỏi rồi mua về làm quà.

Việc trồng tỏi ở Lý Sơn cũng đặc biệt, kỳ công. Bà con tận dụng từng khoảnh đất thịt và cát trắng lấy từ biển với sự tỉ mỉ, công phu để trồng tỏi. Công đoạn làm đất thì khá là vất vả. Ở Lý Sơn, cứ sau vài vụ tỏi, thậm chí là sau mỗi vụ, lại phải thay đất và cát. Những người nông dân miệt mài san nền ruộng dù cho trời nắng gay gắt. Họ dùng đầm nện đất phẳng lì trộn cát với đất đỏ tạo nên một loại đất phù hợp để trồng tỏi. Phần lớn các ruộng tỏi đã được lắp đặt hệ thống tưới phun sương. Vừa giúp người dân tiết kiệm nước vừa tăng được năng suất và chất lượng tỏi. Bởi vậy tỏi nơi đây tép nhỏ đều, trắng tinh, cay vừa phải và thơm dễ chịu. Hiện nay, tỏi Lý Sơn được xem như là "vàng trắng" của đảo bởi không chỉ là gia vị được ưa chuộng trong bữa ăn, chế biến thực phẩm mà có nhiều công dụng thần kỳ trong việc chữa bệnh. Đặc biệt là "tỏi cô đơn" trở thành đặc sản quý hiếm; giúp chữa nhiều bệnh. Tỏi cô đơn quý hiếm, giá mỗi cân từ 1 – 2 triệu đồng. Thương hiệu tỏi Lý Sơn hiện nay đã được khẳng định.

Trải qua thời gian dài, tỏi Lý Sơn đã trở thành thương hiệu với chất lượng tốt, hương vị đặc trưng và là vị thuốc chữa trị có hiệu quả một số bệnh. Cùng với cây tỏi, cây hành (củ hành tím) Lý Sơn cũng có thương hiệu bởi chất lượng và giá trị kinh tế cao.

Có thể nói lịch sử lối sống gắn với chinh phục biển, bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc... đã trao cho Lý Sơn sự kiêu hãnh và hấp dẫn lạ kì. Hình ảnh về "Vương quốc tỏi" và nghề đánh bắt hải sản đã làm cho Lý Sơn trở lên nổi tiếng, trở thành yếu tố hấp dẫn du khách mạnh mẽ.

Điểm nhấn thu hút ở Lý Sơn còn bởi nơi đây không chỉ có những bãi biển đẹp nức lòng người mà còn có những món ăn địa phương dân dã đặc trưng như: gỏi tỏi non, gỏi rau câu dòn, đồm độp (đồn đột), hải sản tươi ngon, điển hình là món của Huỳnh đế, ốc bàn tay, tôm hùm,... Đó là những món đặc sản thơm ngon nổi tiếng.

Đảo Lý Sơn ẩn chứa những vẻ đẹp tiềm ẩn kích thích du khách tìm tòi và khám phá. Vẻ đẹp của những bãi cát trắng mịn màng, làn nước biển trong veo xanh mát, những rạn đá ngầm bí ẩn cùng với những di tích lịch sử, văn

hóa khiến Lý Sơn thực sự là điểm đến tham quan du lịch và nghỉ dưỡng lý tưởng của nhiều KDL.

3.2.3. Hiện trạng phát triển du lịch đảo Lý Sơn

Hoạt động du lịch tại đảo Lý Sơn chính thức được khởi động vào năm 2007 khi tỉnh Quảng Ngãi chủ trương mở tuyến du lịch Quảng Ngãi - Mỹ Khê - Lý Sơn. Trong những năm qua, lượng KDL đến với Lý Sơn ngày càng tăng; chất lượng dịch vụ du lịch cũng từng bước được cải thiện. Theo số liệu từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi, năm 2007, Lý Sơn chỉ đón có hơn 2 ngàn lượt khách. Năm 2014 có 36.620 lượt du khách đến đảo (trong đó có 381 du khách quốc tế), tăng 26,3% so với 2013. Theo đó sức mua, tiêu dùng đã nâng mức dịch vụ bán lẻ hàng hóa năm 2014 lên 393,656 tỷ đồng, tăng 23,56% so với 2013 với 851 hộ kinh doanh, dịch vụ, tăng 40 hộ so với 2013, giải quyết được 1.198 lao động có thu nhập ổn định; các loại hình dịch vụ có bước phát triển mới, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch được đầu tư từng bước đáp ứng nhu cầu phục vụ du khách. Năm 2015, nhờ hệ thống dịch vụ được tiếp tục cải thiện như ăn uống, nhà nghỉ, khách sạn, các đội tàu biển chuyên phục vụ du khách và việc đi lại, mua sắm, vui chơi giải trí… thuận lợi, văn minh nên lượng du khách đến đảo tăng cao, đạt 95.035 lượt khách (trong đó có 495 du khách quốc tế) gấp 2,6 lần so với năm 2014 và gấp 10,8 lần so với năm 2010, bình quân tăng 60,9%/năm, doanh thu dịch vụ du lịch biển tăng bình quân 85%/năm. Năm 2016, Lý Sơn đã đón 164.900 lượt du khách, trong đó có 933 lượt du khách quốc tế, tăng 69.900 lượt du khách so với 2015. Đặc biệt, từ khi UBND tỉnh tổ chức Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa với quy mô cấp tỉnh (2014) và Lý Sơn có điện từ mạng lưới điện quốc gia (8-2014), lượng du khách đến Lý Sơn tăng đột biến. Năm 2018 tăng lên 230 ngàn lượt, năm 2019 đảo đón 265 ngàn lượt du khách trong và ngoài nước đến tham quan, du lịch. Năm 2023, tổng lượt khách ra tham quan Lý Sơn đạt 170 nghìn lượt, trong đó có gần 2.000 lượt khách quốc tế.

Về cơ sở lưu trú: Lý Sơn có 130 cơ sở lưu trú, trong đó có 23 khách sạn, 47 nhà nghỉ và 55 homestay, với trên 800 phòng nghỉ, đã tạo việc làm cho khoảng 1300 lao động trực tiếp và trên 5 ngàn lao động gián tiếp. Hiện đảo Lý Sơn đã thu hút trên 50 dự án đầu tư, với tổng vốn hơn 1.000 tỷ đồng.

Khách sạn Mường Thanh Lý Sơn holiday 4 sao được khánh thành vào năm 2016 thuộc tập đoàn Mường Thanh sở hữu là khách sạn lớn trên đảo. Còn lại một số khách sạn vừa và nhỏ do người dân Lý Sơn đầu tư. Nhà nghỉ và homestay là hai loại hình phổ biến đón khách du lịch lưu trú khi đến đảo. Với cơ sở lưu trú như vậy, các ngành dịch vụ của Lý Sơn có nhiều điều kiện phát triển và khẳng định vị thế ngành Du lịch trong cơ cấu kinh tế của đảo Lý Sơn.

Ban Quản lý cảng cá Lý Sơn cho biết: lượng khách đến với Lý Sơn ngày càng tăng. Hiện đảo Lý Sơn có 4 tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo: Đà Nẵng – Lý Sơn, vịnh An Hòa (Quảng Nam) – Lý Sơn, Cửa Đại (Quảng Nam) – Lý Sơn, Sa Kỳ - Lý Sơn (Quảng Ngãi). Trong đó, tàu cao tốc và siêu tốc là 14 chiếc, với sức chứa hơn 1.700 khách để phục vụ du khách. Từ thứ 2 đến thứ 6, bình quân có 9-10 lượt tàu ra vào đảo/ngày; riêng ngày thứ bảy, chủ nhật có từ 17-18 lượt tàu ra vào đảo/ngày. Khu vực đảo còn có gần 10 tàu đáy kính phục vụ du khách ngắm san hô; 80 xe du lịch từ 4 đến 16 ghế ngồi; 90 nhà hàng, quán ăn đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt, ăn nghỉ, đi lại của du khách; ngoài ra các dịch vụ kinh doanh internet, karaoke, dịch vụ vui chơi, giải trí khác cũng phát triển đảm bảo chất lượng.

Khách du lịch đến Đảo Bé phát sinh nhu cầu lặn ngắm san hô, các lứa thanh và trung niên trên đảo tham gia hoạt động, đưa du khách lặn ngắm san hô trực tiếp hoặc qua thuyền thúng. Tính đến tháng 2024 có 44 thành viên trong Tổ dịch vụ phục vụ khách du lịch. Các thành viên này hầu hết là người dân có hộ khẩu thường trú tại đảo Bé. Trước khi thành lập tổ dịch vụ, mỗi thúng tự nhận khách và đưa du khách đi lặn ngắm san hô, nhưng trong quá trình hoạt động không có sự công bằng và mất đi sự đoàn kết giữa các thành viên với nhau. Với thực trạng trên, chính quyền ủy ban nhân dân xã An Bình họp cùng đội thuyền thúng đưa các thành viên vào tổ cùng hoạt động. Mỗi du khách đi lặn ngắm một lần 60.000 nghìn đồng, bao gồm cả áo phao, kính, lặn tắm và chưa có quy định về thời gian.

Tại khu vực đảo đã xây dựng xong tuyến đường và hệ thống cấp thoát nước trung tâm đảo, bến neo đậu tàu thuyền, sửa chữa cầu cảng, triển khai dự án trồng rừng phòng hộ tạo cảnh quang môi trường trên đảo. Đặc biệt,

được Trung ương đầu tư, đã hoàn thành dự án cấp điện từ hệ thống điện quốc gia cho Lý Sơn bằng cáp ngầm. Điều này mở ra triển vọng mới cho dịch vụ du lịch biển, đảo Lý Sơn.

Lý Sơn đã tập trung đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, trọng tâm là đầu tư các tuyến đường giao thông, điện thắp sáng đến các điểm di tích, danh lam thắng cảnh; nâng cấp cầu Cảng giao thông; trùng tu, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử, văn hóa, quan tâm xử lý vấn đề vệ sinh, môi trường, công viên cây xanh. Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch theo hướng PTDL cộng đồng, lấy người dân là trung tâm của sự phát triển.

Những năm gần đây, Lý Sơn đã được đầu tư với nguồn vốn lớn, từng bước xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ về du lịch. Nổi bật là đầu tư các tuyến đường giao thông, điện lưới cáp ngầm xuyên biển, cảng giao thông Bến Đình, nhà trưng bày bộ xương cá ông lớn nhất Việt Nam (Lăng Tân), quảng trường, công viên, cột cờ. Chính quyền đảo Lý Sơn cũng tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân quan tâm đầu tư các CSLT, nhà hàng phục vụ PTDL.

Hoạt động vận tải biển có chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng phục vụ, hiện Lý Sơn có 7 tàu cao tốc phục vụ tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, 16 ca nô tuyến đảo Lớn – đảo Bé, rút ngắn đáng kể thời gian đi lại của người dân và du khách, từ đất liền ra đảo Lý Sơn chỉ mất 45 phút. Nhờ đó, số lượng KDL đến Lý Sơn tăng nhanh theo từng năm, du lịch, dịch vụ thật sự đã trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đảo, chiếm gần 50% tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế.

Trong thời gian cao điểm của mùa du lịch, các nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ homestay đều kín khách. Các dịch vụ vận chuyển đều chạy hết công suất mới có thể đáp ứng nhu cầu của khách.

Bởi vậy, nhờ có PTDL đã tạo việc làm và thu nhập cho khoảng 1.855 lao động trực tiếp và khoảng 5.000 lao động gián tiếp.

Năm 2019, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 39.600 triệu đồng/người/năm, tăng 16.300 triệu đồng so với năm 2016, và tăng khoảng 17 lần so với năm đầu thành lập đơn vị. Năm 2025 thu nhập bình quân đầu người ước đạt 50,8 triệu đồng/người/năm.

Bảng 3.1. Lượng khách nội địa, quốc tế đến đảo Lý Sơn giai đoạn 2015 – 2023.

Đơn vị tính: lượt khách

Tên đảo	2016		2018		2019		2023	
	Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế	Nội địa	Quốc tế
Lý Sơn	163.969	933	229.089	1.231	260.000	1500	170.000	2000

(Nguồn: Phòng Văn hóa thông tin huyện Lý Sơn)

Bảng 2.4. Tổng thu từ du lịch tại Lý Sơn giai đoạn 2015 – 2023

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm / Tên đảo	2015	2016	2018	2019	2020	2023
Lý Sơn	11,40	181,4	276,4	1100	1200	1.018

(Nguồn: Phòng Kinh tế huyện đảo Lý Sơn)

Tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế đạt 2.084,7 tỷ đồng, giảm 1,6% so với năm 2020. Trong đó, ngành thương mại - dịch vụ, du lịch đạt 870,1 tỷ đồng. Trong đó, sự phát triển nhanh của du lịch giúp tốc độ tăng trưởng du lịch huyện Lý Sơn từ năm 2017 đến năm 2020 đạt 23,31%; tỷ trọng ngành du lịch huyện đảo chiếm gần 50% tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế. Năm 2024, đảo Lý Sơn đã đón 181 nghìn lượt du khách đến trải nghiệm, tham quan, nghỉ dưỡng. Qua đó, góp phần đưa tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ năm 2024 ước đạt 1.097 tỷ đồng, tăng gần 7% so với năm 2023.

Năm 2019, khu vực có 712 lao động tham gia kinh doanh dịch vụ phục vụ du lịch. Nguồn lao động du lịch tại đảo Lý Sơn chủ yếu là người nhập cư làm du lịch và cộng đồng dân cư địa phương tham gia phục du du lịch với các hoạt động: hướng dẫn trải nghiệm du lịch (lặn biển, tham gia trông và thu hoạch nông sản, tỏi, thực vật biển...), cho thuê phương tiện vận chuyển,

phục vụ tại các CSLT, tại các điểm du lịch và nhà hàng. Tuy nhiên, nguồn nhân lực tại địa phương còn thiếu về số lượng, còn yếu về năng lực và nghiệp vụ du lịch. Tuy nhiên, trình độ lao động du lịch thấp chủ yếu là lao động phổ thông chưa qua đào tạo nghề. Điều này đòi hỏi khu vực cần có chiến lược phù hợp để đào tạo nguồn nhân lực du lịch trong tương lai.

Huyện đảo tiếp tục kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào du lịch, nâng cao chất lượng các cơ sở dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, bảo vệ và tôn tạo các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh.

** Một số hạn chế gây ảnh hưởng tới môi trường du lịch đảo Lý Sơn*

Theo nhận định của nguyên Giám đốc Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, ông cho rằng: du lịch Lý Sơn phát triển là điều ai cũng nhận thấy, song cơ hội đến quá nhanh và bất ngờ khiến ngành du lịch nơi đây bị động dẫn đến những hạn chế như: khu dịch vụ mọc lên tùy tiện, "Nhà bám vào đường, quay lưng ra biển và một số đã biến thành homestay, tự phát chẳng khác nào nhà trọ cấp thấp ở đất liền, đê chắn sóng che hết tầm nhìn của du khách làm mất đi sự hưởng thụ thú vị đối với nét đẹp tự nhiên bao la của biển cả". Bên cạnh đó, một số di tích còn có nhiều quán xá tạm bợ mọc lên, lụp xụp gây phản cảm cho du khách. Trong khi đó, chuyên gia Viện Địa chất lo lắng tình trạng TNDL địa chất, địa mạo ở Lý Sơn đang bị xâm hại. "Việc nâng cao, mở rộng bãi tắm, đổ đất đá làm đường, xây kè, xây công trình cao tầng trong khu vực di sản hoặc cận kề di sản đã phá vỡ giá trị di sản, hạ cấp di sản, làm hỏng nguồn TNDL độc đáo, hiếm có". Nguyễn Đăng Vũ, Giám đốc Sở VH-TT-DL Quảng Ngãi, cũng cho rằng việc xây dựng các công trình dân dụng, dân sinh, dịch vụ con thiếu quy hoạch làm cho di sản địa chất trên đảo Lý Sơn bị biến dạng.

Lượng KDL tập trung với mật độ cao vào mùa du lịch gây nguy cơ vượt quá "sức tải" về mặt tự nhiên, môi trường.

Việc khai thác thủy hải sản đã làm tổn hại tới cảnh quan biển, làm suy giảm độ đa dạng sinh học, phá hủy cảnh quan san hô. Nhân lực và vật chất phục vụ du khách lặn biển ngắm san hô còn hạn chế.

Hiện nay, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch ở Lý Sơn chưa được đầu tư bài bản; các tuyến đường chính còn nhỏ hẹp, đường vào các điểm du lịch chưa thuận lợi; các phương tiện đưa đón khách thô sơ, lạc hậu; nhà hàng, khách

sạn, nhà nghỉ chưa được đầu tư nhiều, phục vụ chưa chuyên nghiệp; tình trạng ô nhiễm môi trường gia tăng tại điểm du lịch, bến cập tàu, bãi biển; Quy hoạch các khu dân sinh và khu nghĩa trang chưa hợp lý, SPDL còn đơn điệu… làm ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ du khách. Du lịch phát triển mạnh, xây dựng khách sạn, nhà hàng gia tăng, quỹ đất tự nhiên trên đảo có hạn, khiến giá đất ở Lý Sơn tăng mạnh, người dân trên đảo vốn nghèo khó, thiếu cơ hội lưu giữ và duy trì đất nông nghiệp địa phương, sinh kế người dân bị ảnh hưởng trông thấy. Đặc biệt, trong 2 năm trở lại đây, đảo Lý Sơn bị "bê tông hóa" khi các khách sạn, nhà nghỉ và công trình cao tầng cấp tập mọc lên. Điều này khiến nhiều ý kiến lo ngại Lý Sơn dần mất đi vẻ nguyên sơ, là điểm quyến rũ du khách, đồng thời xâm phạm đến cảnh quan, môi trường và các di sản thiên nhiên.

Đa phần các TNDL đều ở dạng tiềm năng, chưa được đầu tư khai thác tốt nên doanh thu từ hoạt động tham quan du lịch chưa cao. Hầu hết các điểm tham quan là các điểm du lịch tham quan, còn mang nặng tính tự phát, chưa được quy hoạch hoạt động theo các tour du lịch đặc thù, điển hình để phục vụ PTDL. Hệ thống CSLT và dịch vụ du lịch đều còn ở dạng tự phát, quy mô nhỏ bé.

Và hiện tại dân cư trên đảo phần lớn còn nghèo khó, chất lượng cuộc sống thấp, nguồn lợi trực tiếp thu được từ du lịch không đáng kể.

3.3. Sử dụng ma trận SWOT đánh giá tiềm năng phát triển du lịch đảo

3.3.1 Trường hợp đảo Quan Lạn

Nhận định tổng quát về HĐDL của đảo Quan Lạn hiện nay được thể hiện qua ma trận SWOT sau:

Trên cơ sở khảo sát, đánh giá toàn diện về các mặt tự nhiên, kinh tế, dịch vụ, văn hóa,… của đảo Quan Lạn đã rút ra điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức cho PTDL đảo Quan Lạn thể hiện như sau:

Bảng 3.2. Phân tích SWOT đánh giá về HĐDL trên đảo Quan Lạn

	CƠ HỘI (O)	THÁCH THỨC (T)
	– O1: Sự quan tâm sát sao của chính quyền các cấp Tỉnh, huyện đảo về PTDL. Cơ sở hạ tầng kém phát triển, đặc biệt là các tuyến đường giao thông di chuyển đến các địa điểm du lịch trên đảo. – O2: Đảo Quan Lạn được đưa vào quy hoạch PTDL trọng tâm của Tỉnh Quảng Ninh. – O3: Nhu cầu về du lịch biển đảo, du lịch xanh sinh thái, du lịch trải nghiệm tự nhiên, văn hoá ở cả du khách nước ngoài và du khách trong nước đều gia tăng. - O4: Quan Lạn được lựa chọn là địa bàn thí điểm phát triển DLST trong khuôn khổ dự án tăng trưởng xanh giữa tỉnh Quảng Ninh và tổ chức JICA	- T1: Thời tiết khí hậu biến đổi bất thường, HĐDL diễn biến ngày càng phức tạp. – T2: Cạnh tranh giữa các điểm du lịch biển đảo với nhau đòi hỏi phải tự nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo ra SPDL đặc thù và quảng bá hình ảnh. – T3: Việc coi trọng PTDL cũng dẫn đến việc bản sắc văn hóa địa phương và tài nguyên thiên nhiên khu vực bị tác động, chuyển biến. – T4: Việc PTDL chưa có quy hoạch mà mang tính tự phát. Du lịch đảo mang tính mùa vụ, có nguy cơ thời điểm mùa hè đông khách, dẫn đên quá tải sức chịu tải

	Nhật Bản. – O5: Hệ thống du lịch lữ hành đang phát triển mạnh. – O6: thuộc tỉnh Quảng Ninh, trung tâm hút KDL nội địa và quốc tế của miền Bắc, tỉnh phát triển mạnh du lịch.	của Đảo, thời điểm ít khách sẽ ảnh hưởng đến sinh kế của đảo. - T5: Nhận thức của KDL, đặc biệt là KDL trong nước về DLST và bảo tồn thiên nhiên chưa cao.
ĐIỂM MẠNH (S) – S1: Thiên nhiên biển đảo Quan Lạn hấp dẫn, mang nhiều nét nguyên sơ, nét văn hoá – lịch sử đặc trưng của đảo, có nhiều điểm du lịch hấp dẫn du khách; Có nhiều tiềm năng PTDL, và đặc biệt là DLST tự nhiên, DLST nhân văn, du lịch cộng đồng, du lịch giáo dục và trải nghiệm. - S2: Hệ thống tàu cao tốc được thiết kế thuận lợi để KDL dễ dàng đến đảo; đường nội bản được bê tông hoá tạo thuận lợi cho việc tham quan của du khách. - S3: Hạ tầng du lịch cơ bản đã có, các nhà hàng, khách sạn, homestay hình thành, thu hút và đáp ứng dịch vụ của du khách. - S4: Dân số trên đảo có nghề nông, ngư nghiệp truyền thống, sinh sống hầu hết vẫn lưu giữ nguyên các nét văn hóa truyền thống của đảo. Người dân sống hài hoà, thân thiện, bản sắc văn hóa đặc trưng.	**KẾT HỢP (SO)** - S1,S2,S3, S4 + O3,O6: TNDL hấp dẫn KDL trong nước và quốc tế. - S1, S4 + O1,O3: xây dựng các SPDL hấp dẫn, đặc thù của địa phương; - S4,S6 + O1,O2: Hỗ trợ và khuyến khích người dân tham gia vào HĐDL, học hỏi các mô hình thành công tương ứng trong nước và trên thế giới; - S1,S2,S3,S4,S6 + O1,O2,O3,O5,O6: Đẩy mạnh công tác quảng bá, PTDL địa phương.	**KẾT HỢP (ST)** - S1,S2,S4,S5 + T3,T4: Tập trung PTDL địa phương theo hướng bền vững; - S1,S3,S4,S5, + T2,T4: Thiết kế SPDL mang tính đặc trưng, có điểm nhấn nhằm cạnh tranh với các SPDL thuộc điểm du lịch khác cùng loại; - S1,S2,S5 + T4,:Tích cực giáo dục ý thức cho người dân về việc PTDL song hànhh bảo vệ môi trường và cảnh quan du lịch địa phương;

- S4: Lực lượng lao động phổ thông tương đối dồi dào. - S5: Môi trường tự nhiên chưa bị ô nhiễm, con khá hoang sơ, nguyên vẹn. - S6: Sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của lãnh đạo Tỉnh, huyện đảo và UBND xã Quan Lạn thực hiện PTDL của đảo.		- S2,S3,S4 + T2,T4: Đầu tư và hỗ trợ về vốn, trang thiết bị, kỹ thuật để kích thích người dân cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu của KDL.
ĐIỂM YẾU (W) - W1: Chưa có SPDL đặc sắc, cao cấp; Sản phẩm còn đơn điệu, chưa đa dạng góc độ khai thác. - W2: Hoạt động bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa còn thụ động; các dịch vụ du lịch còn hạn chế; - W3: Hạ tầng du lịch, CSVCKT còn nhỏ lẻ, nghèo nàn, nhất là tuyến đường giao thông du chuyển đến các địa điểm du lịch trên đảo; - W4: Việc duy trì và phát huy các giá trị tự nhiên, văn hóa truyền thống sau khi được bảo tồn, phục dựng hiệu quả chưa cao. Việc bảo tồn, phát huy phong tục tập quán cư dân trên đảo gắn với PTDL chưa thường xuyên, ẩm thực truyền thống và nghệ thuật trình diễn dân gian chưa đa dạng.... – W5: Chưa có cơ chế đầy đủ cho người dân tham gia và PTDL xanh, đặc biệt du lịch cộng đồng tại đảo. – W6: Nhận thức người dân, cán bộ quản lý du lịch về việc	**KẾT HỢP (WO)** - W1, W9 + O1,O2,O3, O4: Xúc tiến quảng bá hình du lịch điểm đến Đảo Quan Lạn; - W2,W3,W4 + O2,O4: Đầu tư trang thiết bị, CSVC phù hợp phục vụ cho du lịch biển đảo; - W2,W4,W5 + O2,O4: Dựa vào nguồn TNDL kết hợp PTDL xanh, du lịch cộng đồng. - W7 + O1,O2,O3,O4: Mở lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho nguồn nhân lực phục vụ du lịch của địa phương và cả người dân;	**KẾT HỢP (WT)** - W1,W2, W4 + T2,T4: Chọn lựa được SPDL đặc trưng và nổi bật nhất của địa phương, bảo tồn TNDL; - W3+T4: Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng, CSVCKT phù hợp, đảm bảo hài hoà với môi trường tự nhiên. - W1,W2,W4,W7 + T3, T4: Tạo sự liên kết, phối hợp giữa chính quyền địa phương và tư nhân tham gia du lịch;

thực hiện và cách làm du lịch chưa cao, nhất là kỹ năng quản lý, kỹ năng cung cấp dịch vụ, làm tour cho du khách. - W7: Nguồn nhân lực phục vụ du lịch tại đảo Quan Lạn còn rất hạn chế, hầu hết chưa qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, tính chuyên nghiệp chưa cao, đặc biệt nguồn nhân lực có trình độ cao còn hạn chế. - W8: Khí hậu biến động, thời kỳ mưa bão nguy hiểm. là một điểm du lịch mang tính thời vụ từ tháng tư đến tháng chín hàng năm. Thời vụ ngắn trong du lịch tại đây làm cho việc sử dụng TNDL, CSVCKT và lao động không hết công suất gây lãng phí lớn. - W9: Hoạt động quảng bá, xúc tiến hạn chế và đơn giản. Hầu hết các hoạt động quảng bá chưa được đầu tư, KDL ít biết đến.	- W6,W8 + O4, O5: Tạo được sự liên kết giữa chính quyền địa phương và tư nhân tham gia vào HĐDL của huyện đảo. - W8 + O6: Chú trọng các quy luật tự nhiên, bảo vệ TNDL, phòng tránh thiên tai và BĐKH. - W7, W8+O1, O2: Có chiến lược phát triển đội ngũ nhân lực du lịch phù hợp, đảm bảo đáp ứng được lượng KDL vào mùa cao điểm và không quá dư thừa vào mùa thấp điểm.	- W9 + T2: Đẩy mạnh công tác quảng bá hình ảnh du lịch đảo và SPDL đặc thù gắn với tài nguyên thiên nhiên; -W6, W7 + T2,T4: Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực du lịch địa phương; nâng cao nhận thức cho người dân địa phương về cách làm du lịch. - W1,W2,W4 + T1,T3,T4: Đầu tư để làm gia tăng chất lượng sản phẩm dịch vụ du lịch.

3.3.2. Trường hợp đảo Lý Sơn

Tiềm năng PTDLBV của đảo Lý Sơn hiện nay được thể hiện qua ma trận SWOT sau:

Trên cơ sở khảo sát, đánh giá toàn diện về các mặt tự nhiên, kinh tế, dịch vụ, văn hóa của đảo Lý Sơn đã rút ra điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và chiến lược cho PTDL đảo Lý Sơn thể hiện như sau:

Bảng 3.3. Phân tích SWOT đánh giá về hoạt động du lịch trên đảo Lý Sơn.

	CƠ HỘI (O)	THÁCH THỨC (T)
	- O1: Sự quan tâm sát sao của chính quyền các cấp Tỉnh, huyện đảo về PTDL. - O2: Đảo Lý Sơn được đưa vào quy hoạch PTDL trọng tâm của Tỉnh Quảng Ngãi. - O3: Nhu cầu về du lịch biển đảo, DLST, du lịch trải nghiệm tự nhiên, văn hoá ở cả du khách nước ngoài và du khách trong nước đều gia tăng. - O4: Nhiều nhà đầu tư muốn đến đầu tư du lịch tại đảo. - O5: Hệ thống du lịch lữ hành đang phát	- T1: Thời tiết khí hậu biến đổi bất thường, HĐDL diễn biến ngày càng phức tạp. - T2: Cạnh tranh giữa các điểm du lịch biển đảo với nhau đòi hỏi phải tự nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo ra SPDL đặc thù, SPDL xanh và quảng bá hình ảnh. Nhu cầu KDL ngày càng khó tính. - T3: Việc coi trọng PTDL cũng dẫn đến việc bản sắc văn hóa địa phương, TNDL văn hoá và tài nguyên thiên nhiên, hoạt động sản xuất KT-XH bị tác động, chuyển biến. - T4: Việc PTDL có quy hoạch nhưng vẫn mang tính tự phát. Du lịch đảo mang tính mùa vụ, có thời điểm mùa hè đông khách, dẫn đên

	triển mạnh.	quá tải sức chịu tải của Đảo, thời điểm ít khách sẽ ảnh hưởng đến sinh kế của đảo. - T5: Nhận thức của KDL, đặc biệt là KDL trong nước về DLST và bảo tồn thiên nhiên chưa cao.
ĐIỂM MẠNH (S) – S1: Thiên nhiên biển đảo Lý Sơn đặc sắc, hấp dẫn, mang nhiều nét nguyên sơ, nét văn hoá – lịch sử đặc sắc, đặc trưng của đảo tiền tiêu, có nhiều điểm du lịch hấp dẫn du khách; Có nhiều tiềm năng PTDL, và đặc biệt là SPDL chất lượng: DLST tự nhiên, DLST nhân văn, DL cộng đồng, du lịch giáo dục và trải nghiệm. - S2: Hệ thống tàu cao tốc được thiết kế thuận lợi để KDL dễ dàng đến đảo; đường nội bản được bê tông hoá tạo thuận lợi cho việc tham quan của du khách. - S3: Hạ tầng du lịch cơ bản đã có, các nhà hàng, khách sạn, homestay hình thành, thu hút và đáp ứng dịch vụ của du khách. - S4: Dân số trên đảo có nghề nông, ngư nghiệp truyền thống, sinh sống hầu hết vẫn lưu giữ nguyên các nét văn hóa truyền thống của đảo. Người dân sống hài hoà, thân thiện, bản sắc văn hóa đặc trưng. - S5: Lực lượng lao động phổ thông tương đối dồi dào. - S6: Môi trường tự nhiên chưa bị ôn nhiễm, con khá hoang sơ,	**KẾT HỢP (SO)** - S1,S2,S3, S4 + O1,O2,O3: TNDL hấp dẫn KDL trong nước và quốc tế. - S1, S2, S6, S7 + O1,O2,O3: xây dựng các SPDL hấp dẫn, đặc thù, bền vững của địa phương; - S4,S5,S7 + O1,O2: Hỗ trợ và khuyến khích người dân tham gia vào HĐDL, học hỏi các mô hình thành công phù hợp với đặc	**KẾT HỢP (ST)** - S1,S4,S6 + T3,T4: Tập trung PTDL địa phương theo hướng bền vững; - S1,S3,S4,S5, + T2,T4: Thiết kế SPDL biển đảo mang tính đặc trưng, bền vững, có điểm nhấn nhằm cạnh tranh với các SPDL thuộc điểm du lịch khác cùng loại; - S1,S4,S5 + T3,T4,T5: Tích cực giáo dục ý thức cho người dân về việc PTDL song hànhh bảo vệ môi trường và cảnh quan du lịch địa phương; - S2,S3,S7 + T2,T4: Đầu tư

nguyên vẹn. - S7: Sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của lãnh đạo Tỉnh, huyện đảo và UBND huyện đảo Lý Sơn và tỉnh Quảng Ngãi.	thù của địa phương và tạo được sức cạnh tranh; - S1,S2,S6,S7 + O3,O4,O5: Đẩy mạnh công tác quảng bá, PTDL địa phương.	và hỗ trợ về vốn, trang thiết bị, kỹ thuật để kích thích người dân cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch chất lượng, bền vững nhằm đáp ứng nhu cầu của KDL. - S4, S5 + T6: Nguồn nhân lực chưa được đào tạo đầy đủ về DLBV và PTDLBV.
ĐIỂM YẾU (W) - W1: Chưa có SPDL đặc sắc, cao cấp; Sản phẩm du lịch đảo còn đơn điệu, chưa đa dạng góc độ khai thác, chưa mang màu sắc đặc trưng. - W2: Hoạt động bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa còn thụ động; các dịch vụ du lịch còn hạn chế; - W3: Hạ tầng du lịch còn nhỏ lẻ, nghèo nàn, nhất là tuyến đường giao thông du chuyển đến các địa điểm du lịch trên đảo; Các phương tiện vận chuyển còn mỏng, chất lượng thấp. - W4: Việc duy trì và phát huy các giá trị tự nhiên, văn hóa truyền thống sau khi được bảo tồn, phục dựng hiệu quả chưa cao. Việc bảo tồn, phát huy phong tục tập quán cư dân trên đảo gắn với PTDL chưa thường xuyên, ẩm thực truyền thống và nghệ thuật trình diễn dân gian chưa đa dạng....	**KẾT HỢP (WO)** - W1,W9+ O1,O2,O3: Xúc tiến quảng bá hình du lịch điểm đến Bản Thắm, xã Bản Hon (Tam Đường) ; - W2,W3 + O2,O4: Đầu tư trang thiết bị, CSVC phục vụ cho du lịch cộng đồng; - W4,W5 + O2,O3: Dựa vào nguồn TNDL kết hợp PTDL cộng đồng.	**KẾT HỢP (WT)** - W2,W3,W4 + T2,T3: Chọn lựa được SPDL đặc trưng và nổi bật, SPDL xanh, du lịch văn hoá, trải nghiệm của địa phương; - W2,W3,W4,W6 + T3, T4,: Tạo sự liên kết, phối hợp giữa chính quyền địa phương và tư nhân tham gia du lịch; - W2, W4 + T2: Đẩy mạnh công tác quảng bá hình ảnh du lịch đảo Lý Sơn và SPDL đặc trưng gắn với tài nguyên

- W5: Chưa có cơ chế đầy đủ cho người dân tham gia vào PTDL đặc biệt du lịch cộng đồng tại đảo. - W6: Nhận thức người dân, cán bộ quản lý du lịch về việc thực hiện và cách làm du lịch chưa cao, nhất là kỹ năng quản lý, kỹ năng cung cấp dịch vụ, làm tour cho du khách. - W7: Nguồn nhân lực phục vụ du lịch tại đảo Lý Sơn còn hạn chế, hầu hết chưa qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, tính chuyên nghiệp chưa cao, đặc biệt nguồn nhân lực có trình độ cao còn hạn chế. - W8: Khí hậu biến động, thời kỳ mưa bão nguy hiểm, là một điểm du lịch mang tính thời vụ từ tháng tư đến tháng chín hàng năm. Thời vụ ngắn trong du lịch tại đây làm cho việc sử dụng TNDL, CSVCKT và lao động không hết công suất gây lãng phí lớn. - W9: Hoạt động quảng bá, xúc tiến hạn chế và đơn giản. Hầu hết các hoạt động quảng bá chưa được đầu tư, KDL ít biết đến. Các hoạt động quảng bá chưa xứng với tiềm năng vốn có của đảo Lý Sơn.	- W6,W7 + O3,O4: Mở lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho nguồn nhân lực phục vụ du lịch của địa phương và cả người dân; - W6,W8 + O4: Tạo được sự liên kết giữa chính quyền địa phương và tư nhân tham gia vào HĐDL của huyện đảo. - W8+O3: PTDL gắn liền bảo vệ tài nguyên và bảo vệ môi trường.	thiên nhiên và bản tồn văn hoá; -W5,W6,W7+T4: Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực du lịch địa phương; nâng cao nhận thức cho người dân địa phương trên đảo về cách làm du lịch. - W1,W2,W4,W9 + T4,T5: Đầu tư để làm gia tăng chất lượng sản phẩm dịch vụ du lịch. - W8+T1: PTDL cần chú ý có giải pháp thích ứng và giảm nhẹ những tác động của thiên tai và BĐKH trong PTDL.

Từ kết quả nghiên cứu và kết quả phân tích cho thấy, đảo Lý Sơn hiện đã bước vào giai đoạn phát triển du lịch rõ rệt với hệ thống dịch vụ, cơ sở hạ tầng và nhận diện điểm đến đang dần được hình thành và củng cố. Trong khi đó, đảo Quan Lạn vẫn còn ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển du lịch, với nhiều tiềm năng chưa được khai thác hiệu quả và hạ tầng còn hạn chế. Chính sự khác biệt này dẫn đến định hướng phát triển du lịch bền vững tại hai đảo có những điểm riêng.

Với đảo Lý Sơn, trọng tâm chiến lược là điều chỉnh và định hình lại hoạt động du lịch theo hướng kiểm soát chất lượng và bảo tồn tài nguyên, tránh phát triển kinh doanh du lịch ồ ạt, tự phát gây quá tải. Điều này bao gồm việc xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng, mang bản sắc biển đảo, kết hợp bảo tồn văn hóa – lịch sử với phát triển kinh tế địa phương. Song song, Lý Sơn cần tập trung xử lý các vấn đề về mùa vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ và trình độ nhân lực để giữ vững vị thế cạnh tranh với các điểm đến khác.

Ngược lại, Quan Lạn đang trong quá trình định hình nền tảng du lịch bền vững, nên định hướng chủ đạo là phát triển du lịch một cách cẩn trọng, gắn với gìn giữ thiên nhiên nguyên sơ và văn hóa truyền thống. Quan Lạn có cơ hội xây dựng mô hình du lịch sinh thái, cộng đồng và trải nghiệm, với sự tham gia chủ động của người dân địa phương và hỗ trợ từ chính quyền cũng như các tổ chức quốc tế. Chiến lược phát triển ở đây nhấn mạnh vào việc xây dựng nhận thức và năng lực, song hành với đầu tư cơ sở vật chất, quảng bá hình ảnh để từng bước định vị thương hiệu điểm đến.

Tóm lại, Lý Sơn cần tập trung vào quản trị phát triển, điều chỉnh lại tốc độ và chất lượng du lịch, trong khi Quan Lạn cần chú trọng vào thiết lập nền móng, hướng tới phát triển du lịch bền vững ngay từ đầu để tránh lặp lại những hệ lụy mà Lý Sơn đang phải đối mặt.

3.4. Đánh giá mức độ bền vững du lịch đảo Quan Lạn và đảo Lý Sơn

3.4.1. Hiện trạng phát triển du lịch bền vững của ngành du lịch tại 2 đảo

Kết quả từ phỏng vấn các nhà quản lý địa phương, quản lý du lịch; kết quả điều tra phỏng vấn từ KDL và cộng đồng địa phương cho thấy:

** Tiêu chí đánh giá mức độ phát triển du lịch bền vững tại 2 đảo dưới góc độ kinh tế*

Chỉ số về thu nhập du lịch và tỷ trọng du lịch trong cơ cấu kinh tế:

- Doanh thu du lịch: Tốc độ tăng trưởng doanh thu du lịch của đảo Lý Sơn và đảo Quan Lạn có mức tăng trưởng cao trong giai đoạn 2015 - 2023. Trừ 02 năm chịu tác động của đại dịch COVID 19 (năm 2020, 2021), tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu du lịch, đảo Lý Sơn giai đoạn 2015 – 2019 và 2023 luôn đạt trên 20%/năm. Tăng trưởng của đảo Quan Lạn thấp hơn ở giai đoạn 2015 – 2017, đạt trên 13,5%, tuy nhiên năm 2018, 2019, 2023, 2024 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu du lịch cao, trên 20%, sau 03 năm chịu tác động của đại dịch, năm 2023 Quan Lạn đã trở lại là điểm đến hấp dẫn và thu hút KDL tại đảo. Song so với tốc độ tăng bình quân thu nhập du lịch chung của cả nước trong cùng giai đoạn thì tăng trưởng doanh thu của du lịch đảo Lý sơn và đảo Quan Lạn đạt thấp hơn (tổng hợp của tác giả theo số liệu từ nguồn website của Tổng cục du lịch Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2019 tăng trưởng bình quân thu nhập du lịch cả nước đạt 23,38%/năm). Tăng trưởng doanh thu du lịch không đều và chưa ổn định qua các năm.

- Giá trị tăng thêm ngành du lịch: Giá trị tăng thêm doanh thu ngành du lịch 2 đảo có xu hướng tăng, với tăng trưởng bình quân cả giai đoạn 2015 - 2023 là trên 10%. Tốc độ tăng tỷ trọng du lịch trong cơ cấu kinh tế đại phương được đánh giá tăng ở mức cao.

Mặc dù cả doanh thu du lịch và giá trị tăng thêm du lịch đều có tốc độ tăng trưởng trung bình cả giai đoạn khá cao, song tốc độ tăng trưởng bình quân của giá trị tăng thêm thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng bình quân của doanh thu (16,01% so với 20,52%). Tương quan giữa 2 chỉ số này có sự biến động lớn qua các năm, trong phần lớn các năm tốc độ tăng trưởng của giá trị tăng thêm thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng của doanh thu (các năm 2010, 2011, 2012, 2014, 2016-2019, 2023), một số năm khác của giai đoạn cho kết quả ngược lại (2007, 2013, 2015, 2020, 2021, 2022) do khủng hoảng kinh tế hoặc do đại dịch. Điều này cho thấy hiệu quả tăng trưởng không ổn định và nhìn chung là thấp.

Tuy nhiên, việc xây dựng và phát triển SPDL của 2 đảo còn những hạn chế: Số điểm hút khách đã được tạo dựng, tuy nhiên hình ảnh, thương hiệu còn ít so với tiềm năng tài nguyên; tính đa dạng, đặc trưng, khác biệt của sản phẩm không cao, các dịch vụ bổ sung trên đảo nhằm tăng sức hấp

dẫn của sản phẩm ít và chưa có nhiều điểm nhấn hoặc sản phẩm thương hiệu, có bản sắc riêng, chưa tạo được sức hút bền vững riêng của đảo đối với du khách.

Do xác định ngành du lịch là ngành kinh tế trọng điểm, nguồn vốn từ ngân sách nhà nước chiếm trên 40% trong tổng vốn đã đầu tư. Vốn ngân sách chủ yếu sử dụng cho công tác quy hoạch du lịch, đầu tư hạ tầng nền tảng như giao thông, điện, nước, xây dựng một số công trình cơ bản, thiết yếu hoặc công trình công cộng khó có thể thu hút nguồn lực xã hội hóa được trong các khu, điểm du lịch. Các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách bám sát nội dung phân kỳ đầu tư trong các quy hoạch du lịch và quy hoạch chuyên ngành khác liên quan, thứ tự ưu tiên đầu tư cơ bản phù hợp với định hướng PTDL ở từng giai đoạn. Tuy nhiên, do ngân sách hạn hẹp nên lượng vốn đầu tư tập trung từ ngân sách cho du lịch còn hạn chế, phân bổ vốn đầu tư cho một số công trình nhỏ giọt, công tác giải ngân của một số dự án chậm, chưa đáp ứng yêu cầu tiến độ đặt ra.

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư du lịch có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó tỷ trọng vốn xã hội hóa ngày càng tăng. Đây là xu hướng huy động nguồn lực có tính bền vững, phù hợp chủ trương tái cơ cấu vốn đầu tư của Nhà nước. Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước tập trung cho xây dựng quy hoạch và các dự án hạ tầng du lịch trọng điểm, tạo nền tảng hoặc điểm nhấn cho PTDL lâu dài. Cơ cấu đầu tư từ nguồn ngân sách, do đó phù hợp với quan điểm về PTBV và định hướng tái cơ cấu nền kinh tế của Nhà nước. Vốn đầu tư từ nguồn xã hội chủ yếu tập trung vào các dự án nhằm thu lợi nhuận nhanh trước mắt, chưa góp phần tích cực vào việc đa dạng hóa và nâng cao chất lượng SPDL để hướng đến chiến lược phát triển lâu dài. Cơ cấu đầu tư từ nguồn lực xã hội như vậy chưa thật sự bền vững.

Theo sự phát triển của nền kinh tế và chuyển đổi cơ chế, các cơ sở kinh doanh thuộc sở hữu của nhà nước đã dần được chuyển đổi hình thức sở hữu, đồng thời các cơ sở kinh doanh du lịch thuộc nhiều thành phần được hình thành và gia tăng hàng năm. Chất lượng CSVC được cải thiện từng bước, nhìn chung cơ bản đáp ứng các nhu cầu lưu trú, ăn uống, sinh hoạt thông thường của KDL. Tuy nhiên, CSVCKT du lịch của đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn chưa nhiều về số lượng, chất lượng chưa cao, khả năng đáp ứng

nhu cầu cao cấp của KDL kém. Hiệu suất sử dụng CSVC du lịch chưa cao và không ổn định.

- Cơ cấu vốn đầu tư: Như đã phân tích ở trên, các số liệu về cơ cấu vốn đầu tư cho thấy cơ cấu đầu tư từ nguồn ngân sách đã tập trung cho các dự án hạ tầng trọng điểm. Từ đó, tạo nền tảng cho phát huy tiềm năng du lịch của địa phương để PTDL trong dài hạn, cũng chính là tạo nền tảng, điều kiện cho việc chuyển dịch cơ cấu ngành du lịch theo hướng phù hợp và gắn với định hướng tái cơ cấu nền kinh tế của Nhà nước. Vốn đầu tư từ nguồn xã hội phần lớn tập trung vào các dự án nhằm thu lợi nhuận nhanh trước mắt, chủ yếu là các khách sạn, nhà hàng, chưa góp phần tích cực vào việc đa dạng hóa và nâng cao chất lượng SPDL, chưa tạo được điều kiện tích cực, chuyển dịch cơ cấu ngành du lịch.

- Thực trạng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực du lịch: Số lượng lao động phục vụ PTDL đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn có xu hướng gia tăng qua các năm. Song hiệu quả sử dụng nhân lực du lịch còn những hạn chế: Cơ cấu lao động theo loại hình dịch vụ còn những bất cập: Số lao động trong CSLT thấp so với số buồng (0,62 người/phòng), trong khi lao động dịch vụ gián tiếp khác khá nhiều. Đây là bất cập ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ nhưng phản ánh đúng thực tế: tại đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn tỷ lệ KDL trong ngày không sử dụng dịch vụ lưu trú lớn hơn nhiều so với số khách lưu trú. Tỷ lệ lao động có trình độ đại học còn thấp, số lao động phổ thông chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số lao động du lịch. Số lao động phổ thông này hầu như chưa qua trường lớp chuyên môn du lịch. Trong số lao động du lịch có qua đào tạo, lao động được đào tạo qua trường lớp chuyên ngành về du lịch cũng chiếm tỷ lệ thấp (khoảng 31% lao động trong các cơ sở du lịch có bằng hoặc chứng chỉ chuyên ngành du lịch ở các cấp độ). Số lao động có trình độ ngoại ngữ thực sự đáp ứng được yêu cầu giao tiếp, phục vụ KDL quốc tế thấp và phần lớn đều theo chuyên ngành tiếng Anh, số ít chuyên ngành tiếng Trung Quốc, Hàn Quốc và một số ngoại ngữ khác. Chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, hiệu suất lao động, tính chuyên nghiệp, kỷ luật còn thấp, kiến thức về du lịch chưa đáp ứng yêu cầu PTDL biển đảo bền vững. 84,5% KDL đánh giá thái độ phục vụ và tính chuyên nghiệp của nhân viên du lịch chỉ từ mức trung bình và khá tốt.

- Việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong các cơ sở kinh doanh du lịch ở đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn có chuyển biến. Một số cơ sở du lịch trên đảo đã từng bước áp dụng công nghệ xây dựng thân thiện với môi trường trong đầu tư hạ tầng, trang thiết bị phục vụ du lịch; ứng dụng công nghệ thông tin (có sử dụng các phần mềm khách sạn chuyên dụng – với khách sạn có quy mô trung bình trở lên, mạng Internet, mạng xã hội,...) trong quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, trong quản lý tổ chức nhân sự, giao dịch hợp đồng, liên kết kinh doanh... Trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, hoạt động ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ quản lý du lịch thể hiện tập trung ở việc từng bước đầu tư và sử dụng trang bị, nâng cao chất lượng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, tổ chức, liên kết thông tin, truyền thông, kết nối quan hệ, xây dựng phát triển các trang thông tin mạng phục vụ quảng bá, xúc tiến đầu tư, giới thiệu hình ảnh, SPDL ra thị trường.

Số cơ sở kinh doanh du lịch ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường trong đầu tư dự án du lịch còn rất ít và chưa mang tính chủ động. Ít cơ sở quan tâm sử dụng các trang thiết bị điện, điện tử thân thiện với môi trường. Chưa có đơn vị nào ứng dụng công nghệ cho việc xử lý chất thải, rác thải mà đều thải trực tiếp ra môi trường hoặc xử lý bằng biện pháp thủ công vẫn gây ô nhiễm (như đốt, chôn lấp rác...)

- Chỉ số về khách du lịch: từ điều tra thực tế và cộng đồng địa phương đảo Quan Lạn cho thấy, các chỉ số: Tốc độ tăng trưởng lượng khách du lịch, Tốc độ tăng mức chi tiêu trung bình, Tỷ lệ khách du lịch quay trở lại, Tỷ lệ hài lòng của du khách du lịch đạt ở mức cao, riêng Tốc độ tăng số ngày lưu trú trung bình đạt ở mức khá cao. Tuy nhiên việc gia tăng này ở mức tăng trưởng nóng, theo trào lưu. Với đảo Lý Sơn, các chỉ số Tốc độ tăng trưởng lượng khách du lịch, Tốc độ tăng mức chi tiêu trung bình, Tỷ lệ khách du lịch quay trở lại, Tỷ lệ hài lòng của du khách du lịch, Tốc độ tăng số ngày lưu trú trung bình đều đạt ở mức khá cao trên nền khách đã gia tăng nhanh. Trong quá trình phát triển du lịch bền vững của các đảo, cần chú ý kiểm soát các chỉ số nhằm đáp ứng sức chứa du lịch, đảm bảo và bảo vệ môi trường du lịch của đảo.

Thời gian lưu trú trung bình của khách lưu trú qua đêm rất thấp, chưa có chiều hướng phát triển ổn định. Thời gian lưu trú trung bình của khách lưu trú nội địa qua đêm năm 2023 là > 1,7 ngày/khách.

Chi tiêu bình quân của KDL: Chi tiêu bình quân của du khách cũng có xu hướng tăng hàng năm. Theo thống kê của ngành du lịch, chi tiêu bình quân của KDL tăng từ 320.000 đồng/lượt khách năm 2010 lên 750.000 đồng/lượt khách năm 2023 đảo Quan Lạn và từ 420 đồng/lượt khách năm 2010 lên 910.000 đồng/lượt khách năm 2023 đảo Lý Sơn, trong đó chi tiêu bình quân của khách có sử dụng dịch vụ lưu trú quốc tế tăng từ khoảng 50 USD/lượt khách năm 2010 lên khoảng 130 - 170 USD/lượt khách năm 2019, 2022.

Mức độ hài lòng của du khách: Theo kết quả khảo sát thực tế, mức độ hấp dẫn của SPDL, mức độ hài lòng của du khách về một số loại dịch vụ và giá cả dịch vụ tại các điểm du lịch của đảo; cơ sở hạ tầng, CSVCKT tại các điểm du lịch của đảo; nhân viên phục vụ nhiệt tình, thân thiện và lịch sự tại các điểm du lịch của đảo; về các vấn đề môi trường tại các điểm du lịch của đảo từ mức khá hài lòng trở lên tuy khá cao (>80% KDL đánh giá mức độ thân thiện của người dân địa phương ở mức khá hài lòng trở lên, tuy nhiên số lượng ở mức rất hài lòng và hài lòng ở mức trên 45% KDL đánh giá). Tuy nhiên, du khách đánh giá khá cao chất lượng SPDL của đảo Quan Lạn trong đó đánh giá cao sự hấp dẫn, sự độc đáo và sự đa dạng nhưng tỷ lệ lượng khách có nhu cầu quay trở lại ở mức khá chưa thực sự thuyết phục với mong muốn chắc chắn quay trở lại. Số ít khách quốc tế quay trở lại hầu hết là vì lý do công vụ, nghiên cứu thị trường đầu tư, nghiên cứu văn hóa.

** Tiêu chí đánh giá mức độ phát triển du lịch bền vững các đảo Quan Lạn, Lý Sơn dưới góc độ xã hội*

Với đảo Quan Lạn và đảo Lý Sơn, các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển du lịch bền vững dưới góc độ xã hội đều đạt ở mức khá cao. Cụ thể:

- Đóng góp của tăng trưởng kinh tế ngành du lịch vào tạo cơ hội việc làm, tăng thu nhập và xoá đói giảm nghèo. Số việc làm được tạo ra từ du lịch có xu hướng tăng hàng năm. Khảo sát thực tế (năm 2022, 2023) cho thấy trong số lao động du lịch trực tiếp, lao động du lịch là người bản địa ở mức khá cao, chiếm tỷ lệ > 65,0%. Kết quả tạo việc làm cho cộng đồng từ

du lịch được trên 80% người dân trong cộng đồng ghi nhận. Bên cạnh đó, tăng trưởng du lịch còn mở ra cơ hội việc làm, tăng thêm thu nhập cho lao động của một số ngành nghề liên quan (như sản xuất và cung ứng sản phẩm nông nghiệp, đánh bắt, nuôi trồng hải sản hàng lưu niệm, thủ công mỹ nghệ...).

Một số doanh nghiệp khi đầu tư dự án du lịch mới đã cam kết ưu tiên tuyển dụng lao động tại chỗ, hỗ trợ chi phí đào tạo và quan tâm tuyển dụng người lao động bị thu hồi đất vào làm việc. Một số doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch có tham gia, đóng góp ở các mức độ khác nhau cho công tác xã hội tại địa phương bằng các hoạt động như hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, đóng góp cho quỹ vì người nghèo, quỹ khuyến học, đỡ đầu các gia đình chính sách... Qua khảo sát, so sánh, đánh giá thực tế có thể ghi nhận du lịch đóng góp nhất định cho công tác giảm nghèo và mức độ đóng góp có xu hướng gia tăng.

Tuy nhiên, công tác giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất phục vụ PTDL trong một số dự án cụ thể chủ yếu được thực hiện thông qua việc hỗ trợ bằng tiền để người dân tự chuyển đổi việc làm, chưa gắn với việc đáp ứng hoặc hỗ trợ trực tiếp nhu cầu việc làm của người lao động có đất đã bị thu hồi. Do quy mô của ngành du lịch đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn nhỏ nên tổng số lượng lao động trực tiếp được tạo ra từ du lịch chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lao động của nền kinh tế. Cũng vì quy mô du lịch nhỏ nên xét về tổng thể, mức độ đóng góp của du lịch cho công tác giảm nghèo chung của địa phương chưa cao, lại chịu ảnh hưởng sâu sắc của tính thời vụ và mùa vụ trong du lịch. Khảo sát cũng cho thấy chỉ 46% người dân ghi nhận từ mức trung bình trở lên về những đóng góp của dự án du lịch cho công tác xóa đói, giảm nghèo tại địa phương.

- Thực trạng thu hút sự tham gia của cộng đồng và tạo cơ hội cho cộng đồng được hưởng lợi từ sự PTDL. Tăng trưởng du lịch đã tác động đến công bằng xã hội và các vấn đề xã hội tại đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn. Thực hiện chủ trương của Trung ương, trên địa bàn 2 đảo đã thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu các doanh nghiệp nhà nước đồng thời thực hiện xã hội hoá HĐDL, khuyến khích, tạo môi trường cho các thành phần kinh tế và cộng đồng dân cư địa phương tham gia PTDL, tham gia vào chuỗi cung ứng dịch

vụ, hàng hóa và kinh doanh du lịch. Tương ứng với sự gia tăng nhanh chóng về số lượng các cơ sở kinh doanh của tư nhân, hộ cá thể trong lĩnh vực hoạt động thương mại, du lịch, vốn đầu tư và thu nhập từ các khu vực này cũng tăng nhanh. Một số hộ gia đình, cộng đồng đã trực tiếp tham gia vào các hoạt động phục vụ khách, xây dựng homestay.

Các hoạt động bảo tồn văn hóa gắn với PTDL sinh thái, du lịch cộng đồng được triển khai đạt kết quả nhất định; phục dựng nguyên bản các lễ hội truyền thống và phát huy vai trò cộng đồng trong khâu tổ chức lễ hội như: lễ hội khao lề thế lính Lý Sơn, lễ hội đình làng Quan Lạn… Tuy nhiên, việc thu hút sự tham gia của cộng đồng vào HĐDL còn những hạn chế, bất cập: Việc lấy ý kiến tham gia của cộng đồng trước khi xúc tiến dự án đầu tư còn hạn chế, qua khảo sát, có tới trên 40% số người dân được hỏi khẳng định không biết trước về chủ trương đầu tư, rất ít hoặc hầu như chưa bao giờ được tham gia ý kiến vào các quy hoạch PTDL. Một số ít dự án du lịch đã quy hoạch chi tiết hoặc triển khai mặt bằng nhưng chậm đầu tư và quá trình đầu tư ảnh hưởng đến sinh kế, môi trường sống của cộng đồng bản địa gây bức xúc cho người dân. Các hộ gia đình, các nhóm cộng đồng tham gia HĐDL phần lớn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, không ổn định, ít có sự hướng dẫn, tập huấn từ cơ quan chức năng nên hiệu quả kinh tế chưa cao và cũng không đóng góp nhiều cho việc đa dạng hóa, nâng cao chất lượng SPDL.

Ý thức bảo vệ TNDL, bảo vệ môi trường của người dân trong quá trình tham gia HĐDL còn hạn chế, một số hoạt động gây tác động tiêu cực đến TNDL (làm suy giảm chất lượng nguồn nước ngọt, tác động gây hại đến cảnh quan, sinh thái tại điểm đến du lịch...). Trong các lễ hội, tại các khu du lịch, vẫn còn hiện tượng kinh doanh theo kiểu chụp giật, "chặt, chém, bắt chẹt" khách, ảnh hưởng đến hình ảnh thân thiện của điểm đến du lịch, tác động không tốt đến PTDLBV (16% du khách được hỏi cho rằng vẫn có hiện tượng chèo kéo, ép giá ở các mức độ khác nhau ở điểm du lịch). Số lượng KDL đến Đảo Lý Sơn đã khá đông, gây áp lực của KDL đến đảo trong thời gian cao điểm du lịch, ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân. Tuy nhiên, lượng KDL đến đảo Quan Lạn chưa nhiều, cơ bản chưa làm xáo trộn nhiều đến cấu trúc xã hội truyền thống và tập tục sinh hoạt của cộng đồng ở các điểm du lịch.

Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội ở các khu, điểm du lịch không có những diễn biến quá bất thường, không gây tác động đến an ninh trật tự so với thực tế khi không có HĐDL. Trên 88% người dân được khảo sát cho rằng du lịch không làm ảnh hưởng bất thường đến diễn biến an ninh ở khu, điểm du lịch; 86% du khách ghi nhận yên tâm về an ninh trật tự tại điểm đến du lịch. Mức độ hài lòng của cộng đồng địa phương đối với HĐDL khá cao (tổng số gần 90% người dân được khảo sát ghi nhận hài lòng từ mức trung bình trở lên trong đó >45% đánh giá ở các mức độ cao và khá cao.

** Tiêu chí đánh giá mức độ phát triển du lịch bền vững các đảo dưới góc độ môi trường*

Do đặc thù TNDL Đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn, các TNDL tự nhiên, nhân văn, nhất là những di tích lịch sử, giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan địa chất kiến tạo… Bởi vậy, chủ trương chung nhất quán từ nhiều năm nay của Đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn là gắn PTDL về mặt kinh tế với bảo tồn, phát huy các giá trị tư nhiên, truyền thống văn hóa lịch sử và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Đây là chủ trương phù hợp với quan điểm PTDLBV và việc thực hiện đã đạt nhiều kết quả tích cực:

- TNDL nhân văn được khai thác sử dụng cho PTDL tại 2 đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn (tiêu biểu là hệ thống các di tích lịch sử văn hoá và một số lễ hội truyền thống, yếu tố văn hoá truyền thống gắn với lịch sử định cư và bảo vệ vùng đất biển đảo thiêng liêng của tổ quốc) đều đã được hệ thống hóa, lập hồ sơ khoa học tổng thể và theo nhóm (các di sản có giá trị cao đã được lập hồ sơ khoa học riêng, tất cả các di tích được xếp hạng đều đã có hồ sơ khoa học), xây dựng kế hoạch bảo vệ, bảo tồn gắn với phát huy giá trị sử dụng cả ở góc độ di sản tự nhiên, di sản văn hóa cũng như du lịch và đã từng bước phát huy hiệu quả sử dụng.

- Nhiều hoạt động thu hút du lịch, các sự kiện phục vụ chương trình, hành trình du lịch cũng chính là các hoạt động thực hành nghi lễ, tín ngưỡng, các lễ hội truyền thống (như các nghi thức lễ hội đến, chùa; nghi thức tín ngưỡng). Qua đó, các TNDL nhân văn nhất là các giá trị văn hóa truyền thống vừa được phát huy giá trị, vừa được phục dựng, bảo tồn, giới thiệu, lan tỏa, thu hút sự quan tâm của xã hội, tránh bị mai một (như bảo tồn

hệ thống các đình, đền; khôi phục một số lễ hội truyền thống, nghi thức truyền thống...).

- Thu ngân sách từ du lịch những năm qua đã góp phần đầu tư trực tiếp trở lại cho công tác bảo vệ di sản, tu bổ, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa trên đảo.

Bên cạnh mặt tích cực, hoạt động kinh doanh du lịch ở đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn cũng gây những tác động ảnh hưởng không tốt đến TNDL nhân văn, cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng lượng khách khá cao, nhanh chóng trong các năm qua, cộng với tính mùa vụ rõ rệt của du lịch đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn đã tạo sức ép lớn lên TNDL của đảo trong một số thời gian của năm, biểu hiện rõ nét nhất là vào mùa hè hoặc mùa lễ hội. Trong thời gian cao điểm, lượng khách tham quan tập trung với mật độ cao. Sức ép lên các TNDL đặc biệt ở khu vực, phần lớn các điểm đến đều có tổng diện tích chỉ khoảng gần 3ha, tình trạng quá tải về sức chứa thường xuyên diễn ra vào thời gian này, tác động xấu đến việc khai thác các nguồn lực trong PTDL.

- Ở một số sự kiện văn hóa, du lịch, việc bảo vệ, tôn trọng giá trị văn hóa truyền thống chưa được chú ý đúng mức, có biểu hiện suy giảm hoặc xa rời giá trị nguyên bản như: Thái độ của du khách trong thực hành nghi lễ ở một số lễ hội văn hóa, du lịch truyền thống; các hành vi tranh cướp có tính bạo lực, phản cảm.

Thực trạng tăng trưởng kinh tế du lịch gắn với bảo vệ TNDL tự nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Công tác quy hoạch và đầu tư tôn tạo các vùng, khu, điểm TNDL Trong những năm qua, UBND tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ngãi, huyện đảo Vân Đồn (gồm đảo Quan Lạn), huyện đảo Lý Sơn đã chỉ đạo phối hợp giữa các ngành trong việc xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH. Trong quy hoạch, địa phương chú trọng phát triển từng lĩnh vực. Đồng thời, chỉ đạo các ngành tăng cường phối hợp trong xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên. Các TNDL giá trị cơ bản đạt được đồng thuận chung về quan điểm sử dụng gắn với bảo vệ, phát triển.

- Công tác quy hoạch vùng, khu, điểm TNDL: Vì là những huyện đảo trọng điểm trong PTDL của tỉnh, công tác quy hoạch du lịch được thực hiện nghiêm túc.

- Công tác bố trí vốn đầu tư tôn tạo tài nguyên ở các khu, điểm du lịch đã quy hoạch: Ngân sách địa phương có bố trí kinh phí cho công tác bảo vệ, tôn tạo tài nguyên ở các khu, điểm du lịch đang tiến hành khai thác. Kinh phí đầu tư, tôn tạo, bảo vệ tài nguyên được lồng ghép với các nguồn vốn đầu tư và vốn sự nghiệp, đáp ứng yêu cầu PTDL ở khu du lịch.

- Việc đảm bảo giới hạn sức chứa, cường độ hoạt động và áp lực lên môi trường tại các khu, điểm du lịch: Quy mô kinh doanh du lịch Đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn còn nhỏ, do vậy phần lớn thời gian trong năm không xảy ra tình trạng vượt quá sức chứa tại các điểm du lịch, cường độ hoạt động và áp lực lên môi trường tại các khu, điểm du lịch cơ bản nằm trong giới hạn an toàn. Tuy nhiên tính thời vụ của du lịch thể hiện khá rõ, vào thời gian cao điểm du lịch (ở Đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn, nhất là dịp kỳ hè và mùa lễ hội), đảo nhỏ, đón lượng khách tăng đột biến 3-4 lần, có khi tập trung cùng khoảng thời gian ngắn. Tình trạng vượt giới hạn về sức chứa cũng diễn ra ở các cơ sở lưu trú vào cuối tuần, xả thải lượng rác thải lớn, bừa bãi và áp lực thiếu nước ngọt. Ngoài ra, lượng khách đông khiến các điểm du lịch chật chội, gây mất mỹ quan và phản cảm với KDL trong quá trình tham quan.

- Chất lượng môi trường tại các khu, điểm du lịch; ý thức trách nhiệm của KDL và cộng đồng bản địa với tài nguyên, môi trường tại khu, điểm du lịch: Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn giai đoạn 2015-2022 cho thấy dù chính quyền đã có một số giải pháp tích cực bảo vệ môi trường, song môi trường ở các khu, điểm du lịch bị ảnh hưởng không nhỏ từ HĐDL (rác thải từ KDL mới chỉ thu gom được 63%, các cơ sở kinh doanh hầu hết xả nước thải trực tiếp ra môi trường, ô nhiễm không khí, tiếng ồn vào thời gian cao điểm của mùa du lịch...). Do quy mô du lịch còn nhỏ nên môi trường ở các khu, điểm du lịch chưa bị suy giảm quá mức, nhưng xu hướng diễn biến chất lượng môi trường du lịch như vậy chưa có tính bền vững lâu dài. Theo báo cáo tổng kết công tác du lịch hàng năm của địa phương, nhìn chung KDL chấp hành các nội dung chính của nội quy, quy định tại các khu, điểm du lịch, không xảy ra các vụ việc du khách vi

phạm quy định về bảo vệ tài nguyên, môi trường đến mức phải xử lý trách nhiệm hình sự do vi phạm quy định về bảo vệ tài nguyên.

Quan sát thực tế cho thấy ý thức của một số KDL chưa cao, tình trạng xả rác bừa bãi, bẻ cành cây diễn ra không ít và là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến chất lượng môi trường tại các khu, điểm du lịch. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, có tới 22,5% du khách tự đánh giá chưa hoặc ít quan tâm đến các quy định về bảo vệ tài nguyên, môi trường khi tham gia HĐDL tại địa phương; 18,5% thừa nhận ý thức chấp hành các quy định về xả rác thải đúng nơi quy định chưa cao. Cộng đồng bản địa nhìn chung có ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường ở điểm đến du lịch, song còn tồn tại không ít tình trạng người dân, hộ dân kinh doanh ăn uống xả rác thải, nước thải không đúng quy định, ảnh hưởng đến môi trường du lịch. Khảo sát cũng cho thấy, còn 9,5% người dân ít hoặc chưa quan tâm đến các quy định của địa phương hoặc nội quy của khu, điểm du lịch về bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- Ý thức trách nhiệm của cơ sở kinh doanh du lịch với TNDL và môi trường: Các khu, điểm du lịch đều có xây dựng quy chế quản lý các hoạt động khai thác tài nguyên và quy chế bảo vệ môi trường, tuy nhiên chưa công khai tại một số khu, điểm du lịch. Trên thực tế, trong quá trình xây dựng các công trình lưu trú, các quy chuẩn về môi trường trong xây dựng cơ bản đã được chú trọng (như sử dụng các loại vật liệu gạch không nung, thực hiện các giải pháp thi công giảm thiểu ô nhiễm, có nơi lắp đặt các thiết bị sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường...). Tuy nhiên, ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh của các cơ sở du lịch còn khá nhiều hạn chế, vướng mắc:

+ Các quy chế, cam kết bảo vệ môi trường tuy đã được ban hành hoặc ký kết nhưng việc thực hiện ở đa phần các cơ sở kinh doanh lưu trú, ăn uống, song một số nội dung quy chế bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh chưa được các cơ sở du lịch quan tâm thực hiện (như các quy định về có đầy đủ thiết bị, dụng cụ thu gom, tập trung chất thải; có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường và được vận hành thường xuyên; đáp ứng các yêu cầu bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường).

+ Nước thải ở các khu, điểm du lịch, các cơ sở kinh doanh du lịch đều chưa được thu gom xử lý mà xả trực tiếp ra môi trường gây ô nhiễm nguồn nước mặt và suy giảm chất lượng nước ngầm, tiềm ẩn nguy cơ suy giảm đa dạng sinh học. Ít cơ sở quan tâm sử dụng các thiết bị điện, điện tử thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng.

+ Rác thải phát sinh từ HĐDL được thu gom tập trung để xử lý chỉ mới đạt 65%. Số còn lại tồn tại ngoài môi trường ảnh hưởng tới môi trường đất, không khí và cảnh quan.

- Đóng góp từ tăng trưởng kinh tế du lịch cho công tác bảo tồn, tôn tạo tài nguyên, bảo vệ môi trường: Đóng góp từ tăng trưởng kinh tế du lịch cho phát triển văn hóa xã hội, bảo tồn, tôn tạo tài nguyên và bảo vệ môi trường chủ yếu thông qua việc thực hiện nghĩa vụ tài chính (thuế, phí) hoặc đóng góp tự nguyện của các cơ sở kinh doanh du lịch, trên cơ sở đó ngân sách điều tiết trở lại cho bảo tồn, tôn tạo tài nguyên, bảo vệ môi trường. Thực tế nguồn ngân sách chi cho công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch hàng năm (bao gồm cả chi đầu tư cho tôn tạo cảnh quan, sinh thái trong các dự án đầu tư PTDL) đều lớn hơn số thu nói trên. Tuy nhiên tốc độ tăng chi từ ngân sách cho công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường nói chung, bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch nói riêng của tỉnh đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn không vượt quá tốc độ tăng thu bình quân hàng năm (trong giai đoạn 2015 - 2022, tốc độ tăng thu bình quân chỉ đạt <10%/năm), thấp hơn nhiều tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành du lịch cùng thời kỳ (12-17%/năm), chưa đạt yêu cầu PTDLBV về khía cạnh môi trường

Đánh giá trên khía cạnh môi trường tại các đảo:

Một vùng đất muốn PTDLBV cần đòi hỏi môi trường phải luôn sạch sẽ từ trong nhà, ra đường đến các nơi công cộng. Du khách đi du lịch luôn đánh giá vấn đề môi trường là một trong những yếu tố hàng đầu. Tùy mỗi khu vực mà có nhiều loại rác thải, chất thải tác động trực tiếp đến môi trường vùng đó. Đảo Quan Lạn, đảo Lý Sơn hiện nay gặp phải các vấn đề đáng lưu tâm: rác thải từ sản xuất nông nghiệp (Đảo Lý Sơn vào mùa thu hoạch, thân cây hành, tỏi bốc mùi khó chịu; đất thải để thay đất mới); nước thải sinh hoạt của hộ gia đình và hoạt động du lịch; rác thải trôi nổi từ bờ ra đảo, HĐDL và nước biển dâng.

Theo báo cáo của Tổng cục môi trường, định mức lượng rác thải phát sinh hằng ngày của một người ở khu vực nông thôn khoảng 0,7 – 0,8 kg/người. Định mức lượng rác thải phát sinh của mỗi du khách đến đảo là 0,7 kg/người/ngày. Lượng khách trung bình tham quan đảo hàng ngày tăng nhanh và lượng phát sinh rác thải lớn. Rác thải từ đảo Lớn dạt vào bãi biển: 20-30 kg/ngày. Thành phần rác thải du lịch chủ yếu là bao bì giấy bánh kẹo, vỏ chai nhựa, bao bì nilon, các loại bao bì nước giải khát, thức ăn thừa của khách. Trong đó, rác hữu cơ dễ phân huỷ chiếm 40%, rác vô cơ dễ phân huỷ là 30%, rác tái chế chiếm tỷ lệ 30%:

- Rác hữu cơ dễ phân hủy là các loại rác thải có khả năng tự phân hủy trong môi trường tự nhiên sau một thời gian ngắn, như: lá cây, rau quả, vỏ trái cây, xác động vật, phân động vật,...

- Rác vô cơ khó phân hủy là các loại rác thải có khả năng tồn lưu trong môi trường tự nhiên rất lâu, như: vải vụn, chai nhựa, bóng đèn, tóc, thùng xốp, giấy kẹo, giầy da, xốp, túi nilon, hộp sữa, bao mì tôm, ống hút...

- Rác tái chế: Các chất thải có thể tái chế được gia đình giữ lại để bán cho các cơ sở mua bán phế liệu như đồ nhựa, đồng, sắt, nhôm, giấy, bình ắc quy....

Rác thải hộ gia đình trên 2 đảo hiện nay chưa ứng dụng mô hình phân loại rác tại nguồn, nên các loại rác khó phân hủy, dễ phân hủy và hữu cơ đều dồn chung vào một thùng rác.

Trên đảo Quan Lạn, công trình lò đốt rác thải bằng không khí tự nhiên được xây dựng trên diện tích hơn 10.000m². Tại Thôn Sơn Hào, Xã Quan Lạn, công trình xử lý rác thải bằng lò đốt khí tự nhiên bao gồm các hạng mục công trình như khu tập kết rác thải, gian thao tác lò đốt và các công trình phụ trợ khác với tổng mức đầu tư cho giai đoạn đầu 1 là hơn 6 tỷ đồng, công suất trên 10 tấn/ngày đêm. Việc đưa lò đốt rác sinh hoạt tại thôn Sơn Hào vào hoạt động nhằm xử lý lượng rác thải sinh hoạt thu gom trên địa bàn bằng công nghệ thiêu đốt. Từ đó, giải quyết được tình trạng ứ đọng rác gây ô nhiễm môi trường tại địa phương, cải thiện môi trường sống cho người dân, đồng thời góp phần gìn giữ và phát huy các tiêu chí đã đạt trong thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

Kết quả quan trắc môi trường nước biển dành cho HĐDL của Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường Quảng Ninh tại các bãi tắm, khu du lịch ven biển cho thấy, đa số các thông số đều chưa vượt quá giới hạn cho phép của môi trường nước biển dành cho HĐDL. Tuy nhiên, đã có một số thông số gần tới và có nguy cơ vượt quá giới hạn quy định cho phép như thông số nhu cầu ô xy (DO), hàm lượng chất rắn lơ lửng (TSS) trong nước biển ven bờ. Đồng thời, kết quả cũng cho thấy các điểm thực hiện quan trắc đều phát hiện thấy nguy cơ của sự ô nhiễm dầu mỡ của nước biển. Tại các điểm Cầu Cảng Cái Rồng, Bờ biển Ngọc Vừng, Bờ biển Minh Châu, hàm lượng dầu mỡ trong nước biển đã vượt quá tiêu chuẩn cho phép của QCVN 10: 2008/BTNMT về nước biển ven bờ cho hoạt động du lịch tắm biển, với nguyên nhân chính do hoạt động của tàu thuyền chuyên chở KDL, tầu đánh bắt thủy hải sản... thuyền viên, KDL và cộng đồng đã thải hoặc làm rơi rớt các chất thải lỏng, dầu mỡ, nước thải và rác thải xuống trực tiếp nước biển, một phần ô nhiễm từ lượng nước thải từ các HĐDL, khu dân cư không qua xử lý thải đổ ra biển. Như vậy, với sự phát triển nhanh chóng của lượng KDL hàng năm, đã làm cho môi trường biển đảo đang có nguy cơ và đối mặt với sự phát triển thiếu tính bền vững dưới góc độ môi trường.

Trên Đảo Lý Sơn, dân số khá đông và lượng KDL tăng nhanh qua các năm. 10km² khu vực đảo Lý Sơn đang bị ô nhiễm trầm trọng vì rác thải được vứt vô tư xuống biển, khiến cho nguồn san hô, tảo biển và nguồn thủy hải sản ven đảo bị chết, có nguy cơ cạn kiệt.

Do không có bãi xử lý rác thải trên đảo nên dân cư địa phương cùng với du khách mỗi lần đổ rác đều xả thẳng xuống biển. Ước tính mỗi ngày có đến hàng chục tấn rác bị ném xuống. Khu vực Lý Sơn đã vận động người dân chôn rác thải hoặc tự thiêu hủy trong vườn nhà. Tuy nhiên, người dân vẫn chưa thực hiện triệt để vì dân số đông, diện tích chật hẹp và thói quen xả rác thải ra biển đã từ nhiều năm qua, khó thay đổi.

Đội thu gom xử lý rác thải hoạt động ở địa bàn xã An Vĩnh. Đội thu gom này thu gom "cuốn chiếu" từ thôn Đông đến thôn Tây. Phải mất 2 ngày, đội thu gom này mới di chuyển đến tất cả địa bàn hai thôn của xã An Vĩnh để thu gom. Riêng xã An Hải là địa phương chưa có đội thu gom rác thải

hoạt động, hàng ngày trên 10 tấn rác thải sinh hoạt được người dân xã An Hải đưa xuống biển làm ô nhiễm môi trường biển nghiêm trọng.

Tháng 6/2015, nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Người dân trên đảo kỳ vọng nhà máy sẽ khắc phục được tình trạng ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt chưa được xử lý. Thế nhưng sau khi vận hành, mỗi ngày nhà máy xử lý tối đa chỉ đạt… 1,5 tấn rác thải, còn quy trình phân loại, xử lý rác đều bằng phương pháp thủ công.

Vì tình trạng này nên hòn đảo thiên đường luôn xuất hiện rác thải, nước thải. Đảo Lý Sơn ngập tràn rác thải sinh hoạt, nhất là trong mùa cao điểm du lịch, tạo hình ảnh phản cảm với du khách, và ảnh hưởng sức khỏe của người dân. Không những thế, trước tình hình du lịch trên đảo được đẩy mạnh, lượng KDL ngày càng đông, vấn đề rác thải lại thêm nghiêm trọng do một số du khách thiếu ý thức và có hành động phản cảm. Nếu kéo dài tình trạng này, lượng khách đến với đảo những lần kế tiếp sẽ giảm sút, kéo theo nguồn thu nhập từ du lịch sẽ bị giảm đáng kể.

Nước thải sinh hoạt hộ gia đình xả trực tiếp ra đất, ở đảo vẫn chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Với Đảo nguồn nước ngọt rất quý, nếu có hệ thống thu gom và tái chế nguồn nước để dùng lại là một điều rất hay và có ý nghĩa với đảo. Rác thải và nước thải du lịch chủ yếu tập trung tại bãi Hang (Bãi Tắm Tiên). Khu vực Bãi Hang có 12 nhà hàng, rác thải chủ yếu là vỏ dừa, xác mía, chai lọ và rác hữu cơ từ nguồn thực phẩm, đồ ăn cho du khách như rau, củ quả, xương cá… Vào buổi chiều sau một ngày phục vụ du khách, người dân thu gom lại và đốt. Việc đốt rác trên nền đất đá bazan làm ảnh hưởng các giá trị về di sản địa chất và bề mặt đá bị tác động.

Nước thải từ các hoạt động nấu nướng, rửa chén bát và nước cho khách du lịch tắm sau khi tắm biển được xả trực tiếp xuống bề mặt đất đá. Khu vực này sát bãi biển, nên việc xả nước trực tiếp xuống đất, lâu ngày sẽ ngấm và ảnh hưởng khu vực xung quanh bãi biển làm ô nhiễm môi trường nước và đất.

Hai đảo đang hướng đến PTDL sinh thái, là những hòn đảo xanh, sạch, đẹp, là thiên đường du lịch lý tưởng. Tuy nhiên, thiếu nguồn nhân lực đội thu gom rác, chưa thực hiện thu gom rác hàng ngày, kinh phí đầu tư xử

lý rác thải, nước thải thấp, người dân phải đốt rác ngoài bãi biển, đốt trên di sản địa chất, khiến cho hình ảnh Đảo trong mắt du khách không được như mong đợi, đặc biệt đối với du khách nước ngoài.

** An ninh trật tự trên địa bàn đảo Quan Lạn, đảo Lý Sơn*

Để đảm bảo an ninh trật tự trên đảo cho người dân và du khách, chính quyền địa phương đã chỉ đạo công an (đảo Quan Lạn), công an phối hợp với dân quân tự vệ và đồn biên phòng (Đảo Lý Sơn) thực hiện các chức năng của mình. Công an xã phối hợp với dân quân tự vệ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong khu dân cư và khu vực có du khách. Công an xã thực hiện kế hoạch quản lý việc khai báo tạm trú du khách ở lại qua đêm trên đảo. Tình hình trật tự trên địa bàn đảo tương đối tốt, ít có các vụ ẩu đả giữa người dân hay du khách. Đây là một tín hiệu vui cho ngành du lịch của đảo.

** Vấn đề biến đổi khí hậu và du lịch đảo, trường hợp đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn*

Biến đổi khí hậu là hiện hữu và tác động đến du lịch. Các tác động của HĐDL thể hiện [56],[62]:

- Tác động đến tài nguyên du lịch

Hệ thống đảo Việt Nam, trường hợp đảo Quan Lạn, đảo Lý Sơn chịu tác động mạnh của BĐKH, đặc biệt là các vùng trũng ven biển. Sự gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan (mưa lớn, bão, lốc và lũ lụt) cộng với mực nước biển dâng cao gây xói mòn, rửa trôi, sạt lở đất và lũ lụt ở các vùng ven biển. Các bãi biển đẹp như Sơn Hào, Minh Châu, Quan Lạn… (Quan Lạn), bãi tắm hang Câu, bãi trước chùa Hang, chùa Đục, bãi Sau ở đảo bé (đảo Lý Sơn) và các bãi cát nhỏ ven đảo có nguy cơ bị mất, một số bãi khác bị nước biển xâm thực vào đất liền làm tăng chi phí đầu tư xây dựng, tôn tạo, bảo vệ các vùng ven biển. Một số địa hình có cảnh quan độc đáo, có sức hấp dẫn lớn đối với du khách như khu vực rừng tự nhiên ven biển (rừng trâm - Quan Lạn), cảnh quan ven biển bị biến đổi theo hướng tiêu cực.

Bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào đảo Việt Nam tuỳ theo từng vùng là khác nhau. Thường từ tháng 4 – tháng 11, ở Quan Lạn là hình thái thời tiết nguy hiểm xuất hiện. Thông thường bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào Quan Lạn tập trung vào các tháng 4, 5, 7, 8 trong năm. Mùa bão ở đây trùng với thời kỳ hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới. Khi đó, sự kết hợp của bão, áp

thấp nhiệt đới với các hình thái thời tiết khác nhau như không khí lạnh và dải hội tụ nhiệt đới tiếp tục gây mưa lớn, làm tổn hại TNDL... Mùa bão ở Lý Sơn thường kéo dài từ tháng 8 – tháng 11, vào thời kỳ này, thời tiết biến động, sóng biển lớn gây khó khăn cho việc di chuyển, lưu trú, tổ chức các HĐDL.

Biến động lượng mưa tại các đảo dẫn đến thay đổi chế độ dòng chảy, cường độ lũ, tần suất và tính chất hạn hán. Ngoài ra, biến động nhiệt, mưa khiến trữ lượng nước ngầm giảm, làm thay đổi mực nước ngầm và từ đó ảnh hưởng đến khả năng khai thác nước ngọt phục vụ HĐDL trên đảo.

Bên cạnh đó, nước biển dâng làm tăng khả năng xâm nhập mặn vào nội địa, đồng thời làm giảm trữ lượng nước ngọt phục vụ sản xuất, dân sinh và du lịch biển đảo nói riêng, suy thoái nguồn nước ngọt cả về số lượng và chất lượng. Trong bối cảnh du lịch phát triển ồ ạt, vượt quá sức chứa của đảo, nguy cơ thiếu hụt và ô nhiễm nguồn nước ngọt là rất cao.

Các đảo có các di tích văn hóa vật thể lâu đời: đình, đền, nhà cổ…; tuy nhiên, hầu hết các di tích này đều phân bố ở vùng ven biển, đây là vùng sẽ chịu ảnh hưởng lớn của mưa bão, giông, lốc, sạt lở đất bất ngờ. Nhìn chung, BĐKH đã tác động tiêu cực đến tài nguyên, thậm chí hủy hoại chúng, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển của HĐDL.

- *Tác động đến cơ sở hạ tầng, CSVCKT của ngành du lịch*

Biến đổi khí hậu và thiên tai tác động xấu, gia tăng rủi ro, phá hủy hệ thống đường ven biển, đường thông tin liên lạc, điện, phương tiện tàu thuyền, phương tiện chở khách, các tài sản phục vụ ngành du lịch như tàu du lịch, dịch vụ lữ hành. Trong thời kỳ mưa bão, các CSVCKT phục vụ du lịch như hệ thống khách sạn, nhà hàng, cơ sở mua sắm, bưu điện, ngân hàng… trong vùng ngập có nguy cơ bị ngập. Thời tiết khắc nghiệt có thể ảnh hưởng đến giao thông, mạng lưới năng lượng và hệ thống truyền tải điện, đặc biệt là trong mùa mưa. Trong cơn bão, việc tiếp cận hệ thống truyền dẫn để sửa chữa khó khăn, mất nhiều thời gian để khắc phục. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động của các cơ sở du lịch, làm giảm chất lượng phục vụ du khách. Đối với các cơ sở lớn có thể sử dụng các thiết bị, máy móc dự phòng làm tăng chi phí hoặc có thể gây tác động xấu đến môi trường (sử dụng máy phát điện dự phòng gây tiếng ồn, khí thải gây hiệu ứng nhà kính).

Mùa du lịch tại các đảo có khi kéo dài hoặc tập trung vào tháng 4 - 8 (đảo Quan Lạn), tháng 4 - 10 (đảo Lý Sơn) và tránh thời gian ảnh hưởng của bão. Trong giai đoạn này, do ảnh hưởng của BĐKH, xuất hiện nắng nóng, giao nhiệt độ tăng khiến đa dạng sinh học giảm sút, một số loài đặc hữu tại một số điểm DLST có thể biến mất, rạn san hô có thể bị suy thoái, giảm sức hấp dẫn du lịch.

- *Tác động đến hoạt động lữ hành và du lịch*

Hoạt động du lịch trên các đảo (Quan Lạn, Lý Sơn…) bao gồm các giai đoạn xây dựng, bán và thực hiện một phần hoặc toàn bộ chương trình du lịch cho KDL. Nếu TNDL bị ảnh hưởng bởi BĐKH thì HĐDL sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp. Điều này có nghĩa là một trong những chức năng quan trọng nhất của du lịch là "tạo ra một chương trình du lịch" sẽ bị ảnh hưởng bởi các tác động của BĐKH thông qua TNDL.

Bên cạnh tác động đến tài nguyên, BĐKH còn tác động đến cơ sở hạ tầng, CSVCKT du lịch như đã đề cập và điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc tổ chức, thực hiện các chương trình du lịch, đến các điểm du lịch tự nhiên hoặc nhân văn. Đặc biệt, trong các LHDL trên đảo như du lịch nghỉ dưỡng, DLST, du lịch khám phá, du lịch biển… thì du lịch biển chịu ảnh hưởng nặng nề nhất.

Ngoài ra, khi có bão, khả năng tiếp cận du lịch đến hệ thống ĐVB (Quan Lạn, Lý Sơn…) cũng sẽ giảm do các chuyến tàu, tour, sự kiện du lịch diễn ra trong thời gian này sẽ bị hủy, hoãn. Đặc biệt, trước hiện tượng giông lốc, gió giật mạnh cấp 6 trở lên và biển động, các tàu du lịch nghỉ đêm trên Vịnh Hạ Long ngừng hoạt động, các tuyến du lịch biển đảo không được cấp phép cho tàu du lịch… vì cần đảm bảo an toàn tính mạng cho du khách. Khi có bão, mưa lớn, tàu thuyền ngừng hoạt động, mất điện gây khó khăn cho HĐDL, lưu trú, ăn uống của du khách, du khách không thể vào bờ đúng giờ. Ngoài ra, mỗi cơn bão đi qua, môi trường cảnh quan du lịch lại bị xuống cấp, các vấn đề về môi trường bị đe dọa, ảnh hưởng đến HĐDL của địa phương. Điều này cho thấy tiềm ẩn nhiều rủi ro do bão ảnh hưởng đến du lịch biển đảo.

Biến động của khí hậu càng lớn thì thiệt hại càng lớn do SPDL không thể bảo quản, di chuyển dễ bị hư hỏng. Việc hủy, hoãn, chậm kế hoạch du

lịch sẽ ảnh hưởng đến nhiều khâu, bộ phận của ngành du lịch. Khi sự cường độ biến đổi gia tăng, tính thụ động của ngành du lịch cũng tăng theo. Những tác động này đã làm cho quy mô khách bị biến động (có lúc tăng cao, có lúc lại giảm đột ngột), doanh thu không ổn định, các chi phí phát sinh trong khai thác để khắc phục thiệt hại do mất thu nhập không ổn định. Diễn biến thất thường, cực đoan của thiên tai làm gia tăng rủi ro trong du lịch như bão, lũ, sạt lở đất… cũng ảnh hưởng lớn đến tâm lý, tính mạng của du khách.

- Tác động tích cực đến ngành du lịch

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tiêu cực của BĐKH, ngành du lịch cũng có những cơ hội và điều kiện tốt để phát triển nếu có những giải pháp, phương án thích ứng với BĐKH, khai thác các khía cạnh khác, nổi lên từ những tác động của BĐKH. Nhiệt độ tăng và các hiện tượng thời tiết cực đoan cục bộ ở các vùng khác nhau như nắng nóng kéo dài, hạn hán kéo dài sẽ dẫn đến nhu cầu di chuyển đến những nơi có thời tiết dễ chịu hơn đến vùng biển để tắm biển, nghỉ dưỡng biển. Những năm gần đây, những đợt nắng nóng bất thường khiến hàng triệu du khách tập trung rất đông đến các bãi biển đẹp ở Quan Lạn.

Bên cạnh đó, hạn hán kéo dài, mùa hè ít mưa, nắng nóng kéo dài đồng nghĩa với việc kéo dài mùa du lịch. Du lịch thường diễn ra khi không có mưa và trong mùa khô. Vì vậy, khi nắng nóng kéo dài, ít mưa sẽ làm cho HĐDL diễn ra thuận lợi, sôi động, dễ dàng, thu hút một lượng lớn KDL vào thời điểm này [4].

HĐDL thu hút được nhiều dự án hỗ trợ cộng đồng địa phương nâng cao năng lực cảnh bảo thiên tai, thích ứng với HĐDL.

3.4.2. Đánh giá tổng hợp thực trạng phát triển du lịch Đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn theo các tiêu chí đánh giá PTDLBV

** Kết quả đánh giá tổng hợp PTDLBV*

Căn cứ vào thực trạng PTDL tỉnh Đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn, đối chiếu với các tiêu chí đã đề xuất, đánh giá mức độ PTDLBV ở tỉnh Đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn trên cơ sở nghiên cứu kết quả khảo sát thực tế các đối tượng KDL, doanh nghiệp du lịch, cộng đồng dân cư nơi có điểm TNDL hoặc nơi diễn ra HĐDL cho thấy:

- Đánh giá theo phương pháp tính toán, quy đổi, so sánh điểm số bình quân: Với các câu hỏi được thiết kế nhằm đánh giá mức độ PTDLBV ở đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn, đa số câu trả lời khi tổng hợp và quy đổi theo thang điểm Likert chỉ tương ứng với điểm số trung bình (trong khoảng từ 2 - 4 điểm so với điểm số tối đa là 5 điểm, 1 - 3 thang điểm 4), phản ánh những đánh giá của đối tượng khảo sát về sự PTDLBV của tỉnh Đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn nhìn chung chỉ ở mức độ trung bình hoặc khá cao.

- Đánh giá theo phương pháp tính toán và so sánh tỷ lệ phần trăm (%): Nhiều câu hỏi nhận được phương án trả lời theo hướng tích cực (rất tốt, rất nhiều, rất hài lòng, rất cao...) thấp hơn so với phương án trả lời không tích cực (yếu, rất kém, rất không hài lòng...).

Tổng hợp đánh giá sự phát triển của ngành du lịch đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn theo các tiêu chí PTDLBV đồng thời đối chiếu với kết quả khảo sát thực tế cho thấy, sự phát triển của du lịch tỉnh đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn các năm qua vẫn tồn tại các yếu tốt chưa bền vững.

** Hạn chế, yếu kém*

- Về tăng trưởng kinh tế: Có thể đánh giá tổng quát về hạn chế trong PTDL đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn là tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, chất lượng tăng trưởng thấp, biểu hiện qua các chỉ số và dấu hiệu sau:

+ Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm thấp hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu của ngành du lịch.

+ Các SPDL có giá trị gia tăng cao còn thấp và mức độ đa dạng hóa sản phẩm thấp, chưa tương xứng với tiềm năng TNDL.

+ Thu từ các dịch vụ quan trọng như lưu trú, chi tiêu của KDL tuy có tăng nhưng giá trị tuyệt đối còn thấp.

+ Tổng lượng khách tăng nhanh nhưng thời gian lưu trú trung bình và chi tiêu bình quân đạt thấp. Lượng khách quốc tế ít, tăng trưởng thấp.

+ Chưa thu hút được các nhà đầu tư có năng lực tài chính vào du lịch.

- Về tăng trưởng kinh tế đồng thời thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội ngày càng cao và gắn liền với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa.

+ Đóng góp của du lịch vào nâng cao đời sống và xóa đói giảm nghèo chưa tương xứng với tiềm năng PTDL: Tổng lượng lao động trực tiếp được

tạo ra từ du lịch chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lao động của nền kinh tế; xét tổng thể, mức độ đóng góp của du lịch cho công tác giảm nghèo chung của cả tỉnh không nhiều.

+ Việc thu hút sự tham gia của cộng đồng vào HĐDL còn hạn chế, bất cập, chưa có những giải pháp phù hợp để huy động sự tham gia rộng rãi của người dân địa phương vào trong các HĐDL.

+ PTDL ở một số nơi ảnh hưởng công bằng xã hội và góp phần làm gia tăng chênh lệch giàu nghèo những năm gần đây; do thu hồi đất cho một số dự án du lịch mà người dân bị ảnh hưởng việc làm, đền bù không thỏa đáng làm giảm thu nhập và ảnh hưởng sinh kế của họ.

- Về tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái

+ Chất lượng quy hoạch hạn chế: Một số quy hoạch đã phải chỉnh sửa, bổ sung nhiều lần; có quy hoạch đến nay nội dung đã không còn đồng bộ với các chủ trương, quy hoạch tổng thể về KT-XH mới ban hành hoặc đã bất cập so với thực tế nhưng chưa được rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp nên đã gây khó khăn đối với công tác quy hoạch khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

+ Sức chứa, cường độ hoạt động và áp lực lên môi trường tại các khu, điểm du lịch có những thời điểm vượt giới hạn, gây ảnh hưởng đến TNDL và ô nhiễm môi trường.

+ Ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh của các cơ sở du lịch còn khá nhiều hạn chế: Việc thực hiện các quy chế, cam kết bảo vệ môi trường ở đa phần các CSLT, ăn uống chưa tốt; nước thải ở các khu, điểm du lịch, các cơ sở kinh doanh du lịch đều chưa được thu gom xử lý mà xả trực tiếp ra môi trường; đa số các dự án du lịch, các cơ sở du lịch, trong quá trình xây dựng đều chưa tuân thủ đầy đủ các quy định cụ thể về bảo vệ môi trường.

+ Đầu tư bảo vệ môi trường từ thu nhập của ngành du lịch còn hạn chế: Tốc độ tăng đầu tư cho bảo vệ môi trường thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng du lịch, chưa đạt yêu cầu PTDLBV nhìn từ góc độ bảo vệ môi trường.

** Nguyên nhân của thực trạng chưa bền vững và những hạn chế, yếu kém trong phát triển du lịch của Đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn*

Trên cơ sở vận dụng các nội dung lý luận về PTDLBV, có thể nêu ra những nguyên nhân sau đây dẫn đến tình trạng chưa bền vững và những hạn chế, yếu kém trong PTDL của đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn những năm qua:

- Quản lý nhà nước về du lịch ở tỉnh đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn còn những hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu PTDLBV.

+ Đội ngũ cán bộ, quản lý làm công tác quản lý du lịch số lượng ít, chuyên môn về du lịch chưa sâu, kinh nghiệm và kiến thức về PTBV hạn chế, chưa phát huy được đúng mức vai trò của quản lý nhà nước về du lịch theo yêu cầu PTBV. Đây chính là nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế và yếu kém trong tất cả các nội dung của quản lý nhà nước về PTDL ở địa phương.

+ Chất lượng một số quy hoạch cần được chú trọng, thể hiện ở các khía cạnh: các nguyên tắc PTDLBV về xã hội và môi trường chưa được tuân thủ đúng mức, cân đối với các nguyên tắc PTDLBV về kinh tế; công tác dự báo và tính ổn định thấp, có những định hướng đòi hỏi sự ổn định lâu dài nhưng trên thực tế lại sớm bộc lộ bất cập. Ngược lại, có những nội dung đã không còn phù hợp nhưng chậm được điều chỉnh, thiếu tính khả thi.

+ Nội dung của một số chính sách khuyến khích, ưu đãi, tạo môi trường, điều kiện cho việc huy động nguồn lực, thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng, phát triển SPDL... cho đến nay vẫn chưa cụ thể hoặc chưa thật sự có đột phá mạnh về điều kiện, cơ chế đặc thù để khuyến khích, tạo thuận lợi và thúc đẩy được sự phát triển mạnh mẽ, bứt phá hơn trong phát triển du.

+ Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cơ sở kinh doanh du lịch, người dân, KDL và các đối tượng liên quan đến HĐDL về nội dung, ý nghĩa của DLBV, về vai trò, trách nhiệm của các chủ thể tham gia HĐDL chưa được chú trọng thường xuyên, đầy đủ. Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền và người dân về DLBV chưa sâu sắc, chưa có được sự thống nhất và đồng thuận cao, phần lớn quan tâm đến HĐDL từ góc độ kinh tế. Các khía cạnh về văn hóa xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường trong PTDL chưa được chú trọng đúng mức, vì vậy chưa tạo được sức mạnh tổng hợp để PTDL theo hướng bền vững, dài hạn.

+ Công tác kiểm tra, đôn đốc hoạt động kinh doanh của các cơ sở kinh doanh du lịch theo đúng pháp luật chưa được thực hiện thường xuyên. Một số vi phạm quy định của pháp luật trong kinh doanh khách sạn, nhà hàng và quy định về bảo vệ tài nguyên, môi trường trong kinh doanh hoặc tham gia HĐDL tại 02 đảo chưa được phát hiện, xử lý nghiêm và kịp thời.

+ Sự phối hợp giữa các ngành còn yếu, thiếu liên kết chặt chẽ giữa ngành du lịch và các ngành nông, lâm nghiệp, công nghiệp. Phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong xúc tiến, thu hút, kiểm tra, thẩm định, quản lý đầu tư một số dự án và phối hợp quản lý TNDL tự nhiên thiếu đồng bộ, dẫn đến một số dự án không khả thi, một số TNDL tự nhiên có nguy cơ suy giảm nhưng chưa có được giải pháp khắc phục hiệu quả.

- Nền tảng KT-XH tuy đã dần được nâng lên nhưng vẫn còn thấp; các nguồn lực phát triển thiếu và chưa được khai thác một cách hiệu quả:

+ Là địa phương có kinh tế còn hạn chế, xuất phát điểm về KT-XH khó khăn, quy mô kinh tế nhỏ, nền tảng hạ tầng thấp kém, CSVCKT du lịch thiếu và yếu kém. Với nội lực của đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn, khó khăn để bố trí được các nguồn ngân sách quy mô lớn và tập trung trong thời gian ngắn cho đầu tư hạ tầng du lịch.

+ Thu hút đầu tư từ các nguồn lực ngoài ngân sách còn hạn chế: Các doanh nghiệp địa phương của đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn số lượng ít, quy mô nhỏ, rất nhỏ, năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh thấp, ít có năng lực đầu tư chiến lược, vì vậy khả năng xã hội hóa nguồn lực tại chỗ cho các dự án PTDL dài hạn không nhiều thuận lợi. Các nhà đầu tư chiến lược, có năng lực tài chính và kế hoạch đầu tư lâu dài đến với đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn còn ít.

+ Cơ cấu đầu tư từ nguồn xã hội chưa thực sự đáp ứng yêu cầu bền vững. Các dự án từ nguồn lực xã hội đa phần tập trung vào các nội dung, lĩnh vực đem lại hiệu quả ngay cho bản thân nhà đầu tư; những nội dung đầu tư khác (xây dựng các hạng mục tổng hợp để hình thành khu, điểm du lịch, khu vui chơi giải trí) hướng tới việc đa dạng hóa và nâng cao chất lượng SPDL chiếm tỷ lệ nhỏ.

+ Do đặc thù của nguồn TNDL nhân văn nên ảnh hưởng của tính thời vụ đối với du lịch đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn cao, chưa thể khắc phục trong

ngắn hạn. SPDL tuy thu hút ngày càng đông KDL trong nước, song chưa hấp dẫn, cuốn hút được nhiều lượng KDL quốc tế.

+ Chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, tính chuyên nghiệp, kỷ luật còn thấp, kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm HĐDL chưa đáp ứng yêu cầu chuyên môn và yêu cầu PTBV.

- Do tổng hợp các yếu tố liên quan đến nguồn lực nên SPDL của đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn chưa có nhiều điều kiện để đa dạng hóa. Bởi vậy khả năng thu hút và đa dạng hóa nguồn KDL, tạo sức hấp dẫn, kéo dài thời gian lưu trú và tiêu dùng sản phẩm của KDL chưa cao.

- Nhận thức, ý thức trách nhiệm, năng lực kinh doanh của một số doanh nghiệp kinh doanh du lịch còn chưa cao. Ý thức trách nhiệm của một bộ phận KDL đối với bảo vệ tài nguyên, môi trường tại các đảo chưa cao. Trình độ dân trí cũng như ý thức trách nhiệm của dân cư vùng đảo chưa đồng đều nên sự tham gia góp phần của người dân để PTDLBV hạn chế.

- Một số nội dung, phương pháp, cách thức xúc tiến, quảng bá du lịch chưa phù hợp, còn chậm trong đổi mới; phần lớn doanh nghiệp chưa coi trọng và đầu tư thỏa đáng cho hoạt động này; một số ít cơ sở du lịch tính trung thực, trách nhiệm trong quảng bá chưa cao, ảnh hưởng đến niềm tin của du khách và những nỗ lực giới thiệu, quảng bá du lịch chung của tỉnh. Do vậy hiệu quả và sức lan tỏa tổng thể của hoạt động xúc tiến, quảng bá chưa cao, ảnh hưởng đến việc thu hút và mở rộng nguồn khách.

- Liên kết trong HĐDL của tỉnh đảo Lý Sơn, đảo Quan Lạn với các tỉnh chưa chặt chẽ, còn phiến diện và chưa cụ thể. Sự liên kết PTDL mới dừng lại ở các cơ quan quản lý nhà nước trong một số nội dung nhất định (chủ yếu là các thỏa thuận chung liên quan đến công tác quảng bá, kết nối tour tuyến du lịch); liên kết giữa các doanh nghiệp của địa phương với doanh nghiệp các tỉnh bạn còn yếu kém

- Hội nhập kinh tế quốc tế và trong nước tạo ra áp lực cạnh tranh về thu hút các nguồn lực cho PTDL, du khách và các dịch vụ du lịch ngày càng gay gắt.

Chương 4
MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH BIỂN ĐẢO, CÁC ĐẢO VEN BỜ VIỆT NAM

4.1. Cơ sở và định hướng đề xuất giải pháp

4.1.1. Chiến lược phát triển du lịch biển đảo Việt Nam

Việt Nam là một trong những quốc gia được đánh giá có nhiều tiềm năng, thế mạnh để PTDL biển đảo. Du lịch biển đảo cùng với nét đặc sắc về văn hóa và ẩm thực đã tạo nên những khác biệt giữa SPDL Việt Nam với các quốc gia khác. Trong chiến lược định hướng phát triển KT-XH của mình, mục tiêu được đặc ra là chú trọng vào việc PTDL, đặc biệt là du lịch biển đảo. Với tiềm năng, lợi thế sẵn có, du lịch, dịch vụ biển được xác định: ngành kinh tế biển phát triển thành công và đột phá theo thứ tự ưu tiên hàng đầu tại Nghị quyết 36-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XII ngày 22-12-2018 về "Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045".

Đồng thời, du lịch biển đảo cũng được xác định là một trong 4 dòng sản phẩm chủ đạo, có lợi thế của du lịch Việt Nam, trong Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22-1-2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược PTDL Việt Nam đến năm 2030. Vị thế, vai trò của PTDL biển đảo tiếp tục được khẳng định là một trong những nội dung góp phần hình thành các khu kinh tế biển trọng điểm tại Chiến lược PTBV kinh tế biển Việt Nam.

Thời gian qua, các HĐDL biển đảo chiếm khoảng 70% hoạt động của ngành du lịch Việt Nam. Trong giai đoạn 2010 - 2019, lượng khách đến các địa phương ven biển tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước với 13,6%/năm đối với khách quốc tế và 12,3% đối với khách nội địa. Chỉ tính riêng năm 2019 đã đạt trên 34 triệu lượt khách quốc tế và 145,6 triệu lượt khách nội địa, mang lại tổng thu từ du lịch đạt 508 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 67,3% của cả nước.

4.1.2. Định hướng phát triển chủ yếu

4.1.2.1. Định hướng phát triển du lịch gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng

- Cần có sự tham gia tích cực của ngành quốc phòng trong quá trình lập kế hoạch, quy hoạch PTDL biển - đảo, để đảm bảo cơ sở hạ tầng không chỉ phát huy hiệu quả trong điều kiện thời bình mà cả trong trường hợp xảy ra chiến tranh, cũng như để đảm bảo các HĐDL được phát triển trong điều kiện tốt nhất về an ninh quốc phòng.

- Mọi phương án khai thác tài nguyên phục vụ PTDL, cũng như phục vụ phát triển KTXH trên huyện đảo đều phải được cân nhắc kĩ trên cơ sở những luận cứ khoa học vững chắc có tính đến mối quan hệ với các ngành có liên quan và tác động đến môi trường tự nhiên và KTXH của khu vực.

- PTDL trên đảo này còn mang ý nghĩa khẳng định chủ quyền trên biển và tạo điều kiện để người dân sống trên các đảo có thêm cơ hội việc làm, tăng thu nhập và vì vậy họ có thể yên tâm định cư trên đảo, góp phần tích cực vào sự nghiệp bảo vệ biển đảo, bảo vệ chủ quyền quốc gia.

4.1.2.2. Định hướng tổ chức không gian

Báo cáo tổng hợp "Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045" chỉ rõ không gian PTDL biển đảo Việt Nam:

(1) Vùng biển và hải đảo Đồng bằng sông Hồng:

- Đối với các mục đích bảo tồn, bảo vệ các HST, đa dạng sinh học: Năm 2020, đã có 04 KBTB đã được thành lập bao gồm Đảo Cát Bà, Đảo Bái Tử Long, Bạch Long Vỹ, Đảo Trần và Cô Tô. Ngoài ra, các đối tượng khác được quan tâm bao gồm: *(i)* Khu Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long - Bái Tử Long; *(ii)* 03 vườn quốc gia ven biển (Cát Bà, Bái Tử Long và Xuân Thủy); *(iii)* 02 Khu DLST Cát Bà và Châu thổ Sông Hồng.

- Đối với du lịch: Trong 5 địa phương ven biển, Quảng Ninh, Hải Phòng trong nhóm địa phương thu hút KDL nội địa lớn nhất cả nước (lần lượt là 8,3 và 8,1 triệu lượt khách), đứng thứ 4, thứ 5 (sau Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu và Thanh Hóa). Địa bàn trọng điểm du lịch của vùng biển Bắc Bộ là Hạ Long - Cát Bà - Đồ Sơn, với các LHDL biển ưu thế hiện đang phát triển là: *(i)* Du lịch tham quan thắng cảnh, đặc biệt là vịnh Hạ

Long; *(ii)* Du lịch tắm và nghỉ dưỡng biển; *(iii)* Du lịch văn hóa; *(iv)* Du lịch sinh thái; *(v)* Du lịch thể thao (trên biển và trên các đảo); và *(vi)* Du lịch MICE. Địa bàn Hạ Long - Cát Bà - Đồ Sơn nói riêng và Hải Phòng - Quảng Ninh nói chung chiếm 11,8% tổng số buồng lưu trú của toàn vùng ven biển cả nước; đã thu hút khoảng 19,4% tổng lượng khách quốc tế, 11,4% tổng khách nội địa; đạt 9,8% tổng thu nhập du lịch.

(2) Vùng biển và hải đảo Bắc Trung bộ, Duyên hải miền Trung

Hầu hết các địa phương trong vùng đều là những điểm đến hấp dẫn cả thị trường KDL quốc tế và trong nước của Việt Nam. Trong khi Quảng Nam, Đà Nẵng, Khánh Hòa thuộc tốp 5 địa phương hàng đầu của cả nước thu hút khách quốc tế (lần lượt đứng thứ 3, 4, 5) thì Thanh Hóa là địa phương thu hút khách nội địa thứ hai của cả nước (sau Tp. Hồ Chí Minh). Đây cũng là những địa phương có số CSLT thuộc tốp lớn nhất cả nước. Đối với vùng ven biển Bắc Trung Bộ, các điểm phát triển mạnh du lịch nghỉ dưỡng biển là Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Đồng Hới, ngoài ra còn nhiều bãi biển khác cũng như hệ thống đầm phá tại tỉnh Thừa Thiên Huế đang ngày càng thu hút nhiều KDL hơn. Các LHDL biển ưu thế đang phát triển ở khu vực này bao gồm: *(i)* Nghỉ dưỡng biển - đảo; *(ii)* Tham quan cảnh quan Lăng Cô, Hải Vân, Non Nước, v.v.; *(iii)* DLST tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn tự nhiên; *(iv)* Tham quan nghiên cứu các di sản văn hoá truyền thống, di sản văn hoá nhà Nguyễn, di sản văn hoá Chăm, di tích chiến tranh; *(v)* Du lịch thể thao biển, núi; *(vi)* Du lịch MICE. Hiện nay, khu vực Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam thu hút khoảng 26,2% số khách quốc tế; 7,3% khách nội địa; chiếm 12,3% tổng thu nhập du lịch; 18,0% tổng số buồng lưu trú và 10,1% số lao động trực tiếp trên toàn vùng ven biển Việt Nam. Đối với vùng ven biển Nam Trung Bộ, địa bàn trọng điểm PTDL là Văn Phong - Nha Trang - Ninh Chữ. Trong khu vực này hiện có một số địa phương có du lịch đã phát triển hết sức mạnh mẽ là Đà Nẵng và Khánh Hòa, Quảng Nam, ngoài ra du lịch Bình Thuận cũng là một điểm đến của du lịch biển đảo rất quan trọng. Các địa phương khác cũng đang có những bước phát triển mạnh mẽ như Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận. Các LHDL biển ưu thế hiện đang phát triển ở khu vực này là: *(i)* Du lịch nghỉ dưỡng biển; *(ii)* Du lịch tham quan thắng cảnh biển đảo; *(iii)* DLST biển đảo, đặc biệt là lặn tham quan san

hô; *(iv)* Du lịch thể thao biển; *(v)* Du lịch MICE; *(vi)* Du lịch tham quan di sản. Hiện nay khu vực Văn Phong - Đại Lãnh nói riêng và Khánh Hoà - Ninh Thuận nói chung thu hút 10,7% tổng số lượt khách quốc tế, 4,0% tổng số lượt khách nội địa; chiếm 8,4% tổng thu nhập du lịch; 13,3% tổng buồng lưu trú và 5,1% số lao động trực tiếp trên toàn vùng ven biển Việt Nam.

(3) Vùng biển và hải đảo Đông Nam Bộ: Du lịch Vũng Tàu – Bà Rịa là một trong những thương hiệu du lịch biển đảo lâu đời nhất tại Việt Nam. Du lịch phát triển mạnh suốt dọc Vũng Tàu về phía Bắc tới Bình Thuận. Côn Đảo cũng là một điểm đến đặc biệt quan trọng và có nhiều giá trị sinh thái, lịch sử quan trọng. Khu vực Cần Giờ của thành phố Hồ Chí Minh là khu vực có nhiều tiềm năng PTDL sinh thái, vui chơi giải trí. Các LHDL biển ưu thế hiện đang phát triển tại Vùng ven biển Đông Nam Bộ bao gồm: *(i)* Du lịch nghỉ dưỡng biển – đảo; *(ii)* Du lịch tắm biển cuối tuần; *(iii)* Du lịch tham quan cảnh quan, các di tích lịch sử văn hoá; *(iv)* Du lịch MICE; và *(v)* Du lịch sinh thái. Về các chỉ tiêu PTDL, khu vực này đứng đầu trong toàn vùng ven biển với tỷ trọng khá cao: 26,4% tổng số lượt khách quốc tế, 33,0% tổng số lượt khách nội địa; chiếm 46,3% tổng thu nhập du lịch; 15,8% tổng số buồng lưu trú và 20,6% số lao động trực tiếp của toàn vùng ven biển.

(4) Vùng biển và hải đảo Đồng bằng sông Cửu Long: Do có 9 cửa sông lớn của sông Mê Kông, các cửa sông của hệ thống sông Vàm Cỏ, hầu như toàn bộ khu vực này không có bãi biển có chất lượng, ngoại trừ khu vực Hà Tiên, Kiên Lương và các đảo thuộc tỉnh Kiên Giang. Mũi Cà Mau là một điểm đến đặc biệt quan trọng của du lịch Việt Nam, được coi là một trong năm đỉnh của đất nước. Phú Quốc đã dần khẳng định vị trí là một trung tâm du lịch quan trọng của vùng và cả nước. Các LHDL biển ưu thế ở khu vực này bao gồm: *(i)* Du lịch sông nước, miệt vườn; *(ii)* Du lịch nghỉ dưỡng biển đảo; *(iii)* Du lịch tham quan cảnh quan, các di tích lịch sử văn hoá; *(iv)* Du lịch sinh thái; và *(v)* Du lịch thể thao biển. Hiện lượng khách đến khu vực này so với toàn vùng ven biển còn hạn chế, theo đó: 7,6% tổng số lượt khách quốc tế, 12,4% tổng số lượt khách nội địa; chiếm 5,2% tổng thu nhập du lịch; 9,2% tổng số buồng lưu trú; và 6,3% số lao động trực tiếp trong du lịch của toàn vùng ven biển.

4.1.3. Một số định hướng khác

** Định hướng thị trường khách*

Đẩy mạnh khai thác thị trường khách quốc tế gắn với việc chú trọng thị trường KDL nội địa. Trong từng giai đoạn, xác định một số thị trường du lịch trọng điểm từ khách châu Âu, khách Châu Á… nhằm định hướng quảng bá, xúc tiến du lịch đạt hiệu quả.

Thị trường quốc tế: Ưu tiên thị trường gần và chú trọng thị trường có khả năng chi trả cao, theo đó các thị trường chủ yếu bao gồm: ASEAN; Đông Bắc Á (Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc); Úc; New Zealand; Châu Âu (Đức, Anh, Pháp, hà Lan, Đan Mạch, Thụy Điển, Nga); Bắc Mỹ (Mỹ, Canada);

Thị trường nội địa chủ yếu: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các thành phố, đô thị lớn ven biển.

** Định hướng phát triển loại hình du lịch*

Căn cứ tiềm năng TNDL biển đảo và các điều kiện về CSVCKT trên địa bàn lãnh thổ, những LHDL biển đảo chủ yếu của có thể tổ chức được bao gồm:

- Du lịch nghỉ dưỡng biển (du lịch tham quan, nghỉ dưỡng biển, tắm biển và tham gia các hoạt động thể thao biển, vui chơi giải trí)

- DLST vùng biển đảo (du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hoá bản địa gắn với giáo dục môi trường, bảo tồn, PTBV với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương).

- Du lịch văn hoá vùng biển đảo (du lịch gắn với việc tìm hiểu các giá trị di sản văn hoá hoặc trực tiếp tham gia vào các hoạt động văn hóa như các Lễ hội, Làng nghề vùng biển).

- Du lịch thể thao, lặn biển ngắm san hô (du lịch gắn với các sự kiện thể thao và các hoạt động thể thao trên các bãi biển, trên các vùng hải đảo).

- Du lịch hội nghị, hội thảo vùng biển (tổ chức hội nghị, hội thảo kết hợp tham quan du lịch). Đây là loại hình mới phát triển nhưng cần được đầu tư bởi khách tham dự thường có địa vị xã hội nhất định và khả năng chi trả tương đối cao, mặt khác hội nghị hội thảo là dịp tốt để tuyên truyền cho du lịch của tỉnh.

** Xúc tiến quảng bá du lịch biển*

Tập trung chủ đề về du lịch biển trong các hoạt động xúc tiến quảng bá của Việt Nam; chọn lọc, tập trung nguồn lực thực hiện hoạt động xúc tiến du lịch ở một số thị trường trọng điểm về du lịch biển của Việt Nam; Xây dựng thương hiệu du lịch biển Việt Nam.

** Phát triển nguồn nhân lực du lịch biển*

Đầu tư, nâng cấp và xây mới hệ thống cơ sở đào tạo du lịch tại một số địa bàn trọng điểm du lịch ven biển: Quảng Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh và Kiên Giang; Chú trọng tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng về quản lý, kỹ năng nghề, kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, đào tạo nhân lực du lịch chuyên biệt phục vụ PTDL biển, tiếp cận với trình độ khu vực và quốc tế.

** Đầu tư phát triển du lịch biển*

Các lĩnh vực ưu tiên đầu tư bao gồm: Đầu tư nâng cấp và phát triển hạ tầng du lịch biển, chú trọng hệ thống cảng du lịch; Đầu tư xây dựng một số khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia, đô thị du lịch ở vùng ven biển; Đầu tư phát triển nguồn nhân lực du lịch; Đầu tư phát triển các khu vui chơi giải trí, dịch vụ du lịch ở vùng ven biển; Đầu tư tôn tạo và bảo tồn các giá trị di sản, ưu tiên các di sản thế giới ở vùng ven biển; Đầu tư thực hiện các biện pháp ứng phó (thích ứng và giảm nhẹ) tác động của HĐDL, đặc biệt là mực nước biển dang ở các địa bàn trọng điểm du lịch biển và các đảo du lịch; Đầu tư xây dựng thương hiệu du lịch biển quốc gia và đẩy mạnh hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch biển Việt Nam.

** Phát triển du lịch biển gắn với đảm bảo an ninh – quốc phòng*

Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, các doanh nghiệp và các đối tác tham gia HĐDL về tầm quan trọng của đảm bảo an ninh quốc phòng đối với HĐDL; Tăng cường chặt chẽ giữa ngành du lịch và ngành quốc phòng trong các hoạt động: Điều tra cơ bản phục vụ PTDL; quy hoạch PTDL ở vùng ven biển và hải đảo; tổ chức các tour du lịch ra các đảo xa bờ như Bạch

Long Vĩ, Hoàng Sa, Trường Sa; nâng cấp và xây dựng hạ tầng du lịch ở vùng ven biển, hải đảo.

4.2. Một số định hướng cơ bản phát triển DLBV đảo Quan Lạn, tỉnh Quảng Ninh và đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

4.2.1. Một số định hướng cơ bản phát triển du lịch bền vững đảo Quan Lạn

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU về PTDL tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2013-2020, định hướng 2030, kế hoạch số 5828/KH-UBND ngày 28/10/2013 triển khai các nhiệm vụ cụ thể theo từng giai đoạn, Quy hoạch PTDL tỉnh Quảng Ninh định hướng đến 2030;

Nhằm tạo điều kiện để Quảng Ninh trở thành địa phương nằm trong nhóm đứng đầu cả nước; giữ vững vai trò, vị trí cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc, với mô hình PTKT hiệu quả, bền vững, ngày 11/02/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 80/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các quan điểm, mục tiêu và giải pháp liên quan đến du lịch, PTKT đảo như sau:

- Ngành dịch vụ:

Phát triển dịch vụ tổng hợp hiện đại ngày càng giữ vai trò chủ đạo; phát triển Quảng Ninh là trung tâm logistics, cửa ngõ trung chuyển vận tải đa phương thức kết nối với Trung Quốc, Đông Bắc Á và ASEAN; sân bay quốc tế Vân Đồn thành một trung tâm logitics của Việt Nam, hướng tới là điểm trung chuyển cho khu vực Đông Nam Á. Du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn với hệ thống dịch vụ chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế, giá trị gia tăng lớn; Quảng Ninh là đầu tàu du lịch quốc gia, trung tâm du lịch quốc tế; đón khách quanh năm, phấn đấu đến năm 2030 đón khoảng 25 triệu lượt du khách (trong đó khoảng 8 triệu lượt khách quốc tế), đạt tốc độ tăng trưởng du khách bình quân khoảng 6%/năm.

- Kinh tế biển:

Xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành một trung tâm kinh tế biển bền vững của cả nước trên cơ sở PTDL - dịch vụ kết nối khu vực và quốc tế; đầu tư xây dựng hệ thống cảng biển nước sâu, các âu tàu du lịch đẳng cấp quốc tế gắn với PTKT chuỗi khu kinh tế, khu đô thị biển - ven biển cận kề

và là một trong những trung tâm logistics trọng điểm của cả nước. Quy hoạch không gian ven biển, ven bờ (ven đảo lớn) cho PTDLBV kết hợp phát triển các lĩnh vực kinh tế - dịch vụ dựa vào bảo tồn biển là thế mạnh vượt trội ở Quảng Ninh. PTKT biển gắn với bảo vệ nguồn tài nguyên, môi trường sinh thái, đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo; đồng thời giữ gìn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa biển đặc trưng Quảng Ninh để PTDLBV. Phát triển và quản lý bền vững kinh tế biển của tỉnh theo phương thức quản trị biển dựa vào không gian, liên ngành với sự tham gia thực chất của các cộng đồng dân cư và doanh nghiệp.

- Các khu chức năng của đảo Quan Lạn:

+ Khu vực đảo Minh Châu – Quan Lạn vào khoảng 4.360ha, trong đó 724ha thuộc xã Minh Châu và 3.636ha thuộc xã Quan Lạn. Quy mô dân số khoảng 43.000 người. Mục tiêu quy hoạch là nhằm phát triển đảo Minh Châu – Quan Lạn trở thành trung tâm dịch vụ hậu cần, dịch vụ tập trung, đầu mối hỗ trợ của quần đảo Vân Hải; Kết hợp giữa cải tạo chỉnh trang hiện trạng và phát triển mới để tạo động lực PTBV, phù hợp với chiến lược phát triển chung khu kinh tế Vân Đồn.

Đồng thời xây dựng đảo Minh Châu – Quan Lạn trở thành khu du lịch văn hoá, sinh thái biển đảo, khu dân cư đô thị có chất lượng cao, gắn kết với hệ sinh thái vịnh Bái Tử Long, hệ thống các đảo và đồi núi, tạo nên trung tâm dịch vụ công cộng, du lịch văn hoá trên biển; Trở thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp gắn với cảnh quan sinh thái và văn hoá đặc trưng tại khu vực.

Theo đó, khu vực nghiên cứu lập quy hoạch được chia làm 8 phân khu chức năng, bố trí trọng tâm tại các trục mở rộng, hướng ra biển. Bao gồm: khu dịch vụ, văn hoá Quan Lạn (khu vực dân cư hiện trạng trong đê Quan Lạn), phát triển các chức năng dân cư đô thị, hỗ trợ nhu cầu cải tạo và bổ sung dịch vụ tại khu vực; hình thành tuyến phố du lịch, văn hoá du lịch truyền thống gắn với lịch sử lâu đời. Diện tích khu vực này là 414,6ha, dân số 3.000 người, tầng cao tối đa công trình là 6 tầng, mật độ xây dựng trung bình 30 – 60%;

+ Khu trung tâm dịch vụ du lịch, đô thị sinh thái biển Quan Lạn và bến thuyền Quan Lạn mở rộng: phát triển thành trung tâm dịch vụ du lịch,

tổng hợp hậu cần cảng của quần đảo Vân Hải, khu đô thị sinh thái biển kết nối liên kết với trung tâm xã hiện có. Diện tích là 401,6ha, dân số 15.000 người, tầng cao tối đa 12 tầng, mật độ xây dựng trung bình khoảng 40%;

+ Khu du lịch cao cấp thuộc khu vực đồi núi phía Nam đảo. Tại đây sẽ hình thành các điểm DLST, du lịch cao cấp gắn với bảo tồn rừng; bảo vệ sinh thái tự nhiên ven các bãi đá và điểm du lịch Eo Gió. Diện tích 478,8ha, dân số khoảng 2.200 người, tầng cao tối đa là 8 tầng, mật độ xây dựng trung bình 25%;

+ Khu trung tâm hỗ trợ vùng (khu vực trung tâm đảo) có vai trò kết nối các hoạt động trên đảo và hỗ trợ cho cả quần đảo Vân Hải. Theo quy hoạch, tại đây sẽ phát triển khu công viên lễ hội trung tâm, trung tâm giáo dục, hậu cần sản xuất chế biến sạch, khu vực sân bay trực thăng vận chuyển và cứu hộ. Diện tích khoảng 294,7ha. Dân số khoảng 2.100 người, tầng cao tối đa 7 tầng, mật độ xây dựng trung bình 25%;

+ Khu DLST biển cao cấp ven biển phía Đông, ưu tiên phát triển các khu du lịch, dịch vụ cao cấp, phát triển thành khu DLST biển chất lượng cao. Diện tích khoảng 682ha. Dân số khoảng 11.200 người, tầng cao tối đa 7 tầng, mật độ xây dựng trung bình là 25%;

+ Khu đô thị, dịch vụ du lịch Minh Châu nằm tại trung tâm xã Minh Châu, phát triển các trung tâm dịch vụ công cộng hỗn hợp phục vụ chung cho khu vực; kết hợp cải tạo chỉnh trang hiện trạng, sắp xếp tái định cư và xây dựng các dự án mới, hình thành không gian đô thị đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sử dụng trước mắt và trong các giai đoạn phát triển tiếp theo. Diện tích khu vực này là 316,2ha. Dân số khoảng 7.600 người, tầng cao tối đa 7 tầng, mật độ xây dựng trung bình khoảng 40%;

+ Khu bảo tồn sinh thái rừng thuộc phía Bắc xã Minh Châu: có hệ sinh thái rừng trâm, bãi sá sùng và bãi rùa đẻ cần được bảo vệ. Các công trình xây dựng tại khu vực chủ yếu là cơ quan quản lý và an ninh quốc phòng. Diện tích khu bảo tồn vào khoảng 200,7ha, tầng cao tối đa là 3 tầng, mật độ xây dựng trung bình 20%;

Cuối cùng là khu bảo tồn văn hoá lịch sử, du lịch biển đảo, gồm các đảo dọc phía Tây (đảo Mang, đảo Hòn Giai, hòn Ba Sao, bến Cái Làng….) sẽ phát triển các điểm du lịch nhỏ, du lịch trải nghiệm gắn với

phát huy bảo tồn văn hoá lịch sử thương cảng Vân Đồn. Diện tích 1.571,3 ha, dân số khoảng 3000 người, tầng cao 1-3 tầng, mật độ xây dựng trung bình khoảng 20%.

** Hoạt động giáo dục và thuyết minh môi trường*

Hoạt động giáo dục và diễn giải môi trường tại các điểm du lịch là nguyên tắc hoạt động cơ bản của DLST, hoạt động này tại đảo Quan Lạn đã có và gắn kết chặt chẽ với VQG Bái Tử Long. Vườn thường xuyên mở các khóa học nâng cao nhận thức về "bảo tồn rùa biển" cho các thầy cô dạy môn sinh vật và làm công tác Đoàn, Đội của huyện đảo Vân Đồn cũng như các ngư dân đang sinh sống vãng lai và nuôi trồng thủy sản trong VQG. Trung tâm giáo dục cộng đồng do Fronter – Việt Nam đã tài trợ xây dựng phòng trưng bày tại xã Minh Châu, du khách có thể tìm hiểu giá trị tự nhiên, lịch sử cũng như những loài động thực vật quý hiếm của Vườn tại đây. Bên cạnh đó, hai xã Quan Lạn và Minh Châu cũng đã mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng du lịch cho một số nhà nghỉ, khách sạn và khóa học tiếng anh, bồi bàn, buồng phòng, nấu bếp, hướng dẫn viên nhưng số lượng người tham gia còn hạn chế.

** Hỗ trợ cộng đồng địa phương*

Du lịch tại đảo Quan Lạn đã bước đầu mang lại lợi ích xã hội cho người đân địa phương, giảm tỷ lệ thất nghiệp bằng việc tạo cơ hội việc làm tại các khu du lịch, resort, cơ sở kinh doanh lưu trú và ăn uống với các công việc cụ thể như quản lí nhà nghỉ, khách sạn, chạy xe túc túc đưa đón KDL, mở quán ăn, lễ tân, hướng dẫn viên, bán hải sản, cho thuê xe máy,… Dựa trên kết quả điều tra xã hội học tại đảo Quan Lạn, nhóm tác giả đã thu thập được thông tin về mức độ tham gia của cộng đồng địa phương trong HĐDL.

Du lịch đã thu hút số hộ nhất định tham gia, có gia đình tới 5/7 người làm dịch vụ du lịch, các hình thức tham gia khá đa dạng, sự phân hóa giữa xã Quan Lạn và Minh Châu. Dịch vụ tham gia phổ biến của người dân xã Quan Lạn là kinh doanh lưu trú, cho thuê xe máy xe đạp, còn với xã Minh Châu là dịch vụ hướng dẫn viên, lái xe túc túc, xe điện và bán hải sản khô.

** Định hướng phát triển các SPDL*

- Phát triển các SPDL xanh đặc thù:

Để đáp ứng yêu cầu cấp thiết – PTBV du lịch của một huyện đảo, đảo Quan Lạn tập trung nguồn lực đầu tư phát triển các SPDL xanh, đồng thời cần phát triển những SPDL bổ trợ để gia tăng sự phong phú cho hệ thống sản phẩm.

- Phát triển các SPDL khác

+ Một số LHDL gắn với sinh thái khác như vui chơi giải trí, dã ngoại, thể thao biển

+ Du lịch công vụ, gắn với sự kiện (MICE) như thể thao, hội nghị, hội thảo, hội chợ v.v... Các sản phẩm, LHDL trên là những SPDL bổ trợ, góp phần làm đa dạng hóa SPDL và kéo dài thời gian lưu trú của KDL.

4.2.2. Định hướng phát triển du lịch bền vững đảo Lý Sơn

Năm 2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết về "*Phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*". Theo đó, xác định quy hoạch Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi trở thành trung tâm du lịch biển, đảo.

Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đang trình trung ương phê duyệt) định hướng phát triển Lý Sơn thành trung tâm du lịch biển, đảo (trong đó có nội dung mở rộng đảo trên 430ha), làm hạt nhân trung tâm thúc đẩy phát triển lĩnh vực dịch vụ, du lịch của toàn tỉnh. Khai thác và sử dụng bền vững không gian và tài nguyên biển phục vụ PTDL; lấy PTDLBV gắn liền với văn hoá, lịch sử, giá trị di sản cốt lõi của Quảng Ngãi, du lịch địa chất làm trọng tâm để tạo ra các SPDL đặc trưng; PTDLBV sinh thái làm nền tảng cho sự PTBV.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng định hướng xây dựng hình ảnh Lý Sơn là biểu tượng lịch sử, là bảo tàng sống chứng minh chủ quyền Việt Nam đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tỉnh đề ra mục tiêu phấn đấu năm 2025, Lý Sơn đón khoảng 700 - 800 nghìn lượt khách, trong đó có khoảng 30 - 40 nghìn lượt khách quốc tế (tăng gấp 3 lần so với năm 2019); tổng doanh thu từ du lịch đạt khoảng 1.500 - 2.000 tỷ đồng; giải quyết việc làm cho 6.000 - 7.000 lao động trực tiếp. Phấn đấu đến năm 2030, Lý Sơn đón khoảng 1,5 - 1,6 triệu lượt khách, trong đó có khoảng 100 - 150 nghìn lượt khách quốc tế; tổng doanh thu từ du lịch 3.000 - 3.500 tỷ đồng; giải quyết việc làm cho 20 - 25 nghìn lao động trực tiếp.

Hiện nay, tỉnh đang xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 26 với nhiệm vụ trọng tâm là phát triển huyện đảo Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển, đảo. Có 5 nhóm giải pháp trọng tâm được tỉnh đề ra nhằm thu hút nguồn lực phát triển huyện đảo. Đó là, tập trung thực hiện tốt công tác quy hoạch, cùng với nguồn lực từ ngân sách, đẩy mạnh huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ phục vụ PTDL. Đặc biệt là việc đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Lý Sơn trong tương lai sẽ là đòn bẩy tạo sự bứt phá trong thu hút nguồn lực đầu tư PTDL biển đảo; đưa Lý Sơn trở thành điểm đến của du khách trong nước và quốc tế.

* *Định hướng SPDL chính huyện đảo*:

- Du lịch biển: Nghỉ dưỡng theo mô hình resort. Đối tượng phục vụ chủ yếu là các KDL cao cấp trong và ngoài nước. Các hoạt động lặn biển, tắm biển, câu cá; các loại hình thể thao biển như lặn biển, lướt sóng, du thuyền…

- Du lịch homestay: Được xác định là LHDL chính ở Lý Sơn. KDL sẽ "cùng ăn, cùng ở, cùng du lịch" với người dân bản địa, trải nghiệm cùng nông dân thu hoạch, trồng tỏi, cùng người ngư dân đảo đi thuyền thúng đánh bắt cá rồi mang về tự chế biến, nấu nướng như những dân làng chài thực sự.

- Du lịch văn hóa: Tham quan di tích lịch sử văn hóa, tìm hiểu về biển đảo Tổ quốc, các di tích tiêu biểu như di tích lưu giữ dấu ấn của đội hùng binh Hoàng Sa giữ nước từ ngàn xưa, chùa Hang, di tích Âm Linh tự, nhà trưng bày Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải; tham quan các nhà cổ tại Lý Sơn; du lịch lễ hội và nghiên cứu văn hóa đời sống dân cư.

- Du lịch sinh thái: DLST gắn với biển bao gồm các hoạt động tham quan hệ sinh thái biển, khám phá những bãi biển dưới chân núi lửa (rạn san hô, phong cảnh biển…); DLST nông nghiệp như tham quan các cánh đồng tỏi; du lịch tham quan các cảnh quan tự nhiên như cổng Tò vò đá, hang động, rạn đá ngầm xung quanh đảo…

Sản phẩm bổ trợ:

Du lịch mua sắm, vui chơi giải trí: Mua sắm các sản vật địa phương như tỏi, các đồ thủ công mỹ nghệ làm từ ốc biển, san hô đen. Vui chơi giải

trí theo mô hình công viên chuyên đề tại các khu, điểm du lịch; các cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí ở các khu trung tâm dịch vụ.

Du lịch ẩm thực: nghiên cứu và thưởng thức các đặc sản ẩm thực của Lý Sơn.

** Định hướng phát triển hệ thống CSVC phục vụ du lịch*

- Hệ thống CSLT: Xây dựng khách sạn loại 1 - 3 sao tại khu du lịch trung tâm huyện đảo Lý Sơn, khu dịch vụ bến tàu. Xây dựng khách sạn cao cấp loại 4 - 5 sao tại khu du lịch biển tổng hợp phía Bắc Lý Sơn, khu du lịch du thuyền An Hải, khu nghỉ dưỡng An Bình. Xây dựng biệt thự du lịch, villa nghỉ dưỡng, Bungalow tại khu nghỉ dưỡng Hang Câu, khu nghỉ dưỡng nổi An Vĩnh. Các loại hình khác như CSLT theo mô hình homestay, các nhà nghỉ.

- Hệ thống các cơ sở phục vụ ăn uống: Tập trung phát triển tại khu vực tại các khu du lịch, hệ thống các cơ sở dịch vụ ẩm thực theo mô hình nhà hàng, chợ tập trung phát triển ở khu vực trung tâm đón tiếp khách.

- Hệ thống cơ sở vui chơi giải trí: Hệ thống cơ sở vui chơi giải trí tập trung phát triển theo mô hình câu lạc bộ vui chơi giải trí cao cấp tại khu du lịch biển tổng hợp Bắc Lý Sơn, khu nghỉ dưỡng An Bình, khu du lịch du thuyền An Hải, khu du lịch dịch vụ Nam An Hải, khu du lịch trung tâm huyện đảo Lý Sơn. Công viên chuyên đề tại khu nghỉ dưỡng An Bình.

- Hệ thống cơ sở dịch vụ khác: Xây dựng trung tâm thương mại tại khu du lịch biển tổng hợp Bắc Lý Sơn, khu du lịch Hang Câu, khu du lịch biển An Bình và tại khu vực trung tâm. Hệ thống các cơ sở phục vụ nhu cầu thể thao phát triển ở khu du lịch du thuyền An Hải. Các loại hình dịch vụ thể thao khác như sân tennis, bể bơi…phát triển ở các khu du lịch.

** Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng ảnh hưởng đến du lịch*

Giao thông đường bộ: Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống giao thông khu vực Trung tâm và đường cơ động xung quanh đảo kết hợp với kè biển, đê biển; Giao thông đường thủy: Phát triển đội tàu cao tốc phục vụ cho nhân dân và khách tham quan du lịch bằng hình thức kêu gọi đầu tư từ các nhà đầu tư để đầu tư mới 02 chiếc tàu cao tốc 200 chỗ ngồi. Nâng cấp, mở rộng cảng Lý Sơn hiện tại để phục vụ cho việc đi lại của nhân dân và khách tham quan du lịch trong giai đoạn cảng Bến Đình chưa xây dựng.

- Về đường hàng không: Nghiên cứu khôi phục sân bay Lý Sơn phục vụ các loại máy bay trực thăng đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân và du khách.

- Hệ thống cấp điện: Hệ thống cáp ngầm đã được đưa ra đảo đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu phát triển KTXH của địa phương.

- Hệ thống cấp nước: Nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất được lấy từ các nguồn sau: Xây dựng Nhà máy cung cấp nước sạch cho đảo Lớn với công suất 1000m³ /ngày đêm với nguồn nước từ các hồ chứa nước và các giếng ngầm trên đảo. Hồ chứa nước Thới Lới có dung tích 270.000m³, đảm bảo tưới cho 60 ha đất nông nghiệp, cấp nước sạch cho 1000 dân (100m³/ngày đêm) và cung cấp nước cho 300 tàu thuyền. Hồ chứa nước Giếng Tiền có dung tích 80.000m³, cung cấp nước sinh hoạt cho 2000 dân (200m³ /ngày đêm).

- Thoát nước và vệ sinh môi trường: Thoát nước mặt, nước thải: Hệ thống thoát nước mặt và nước thải được bố trí song song với các tuyến đường giao thông theo quy hoạch. Nhà máy xử lí rác thải đang được đầu tư xây dựng sẽ đáp ứng nhu cầu xử lí rác thải tại Lý Sơn, vị trí tại khu đồng Trên với diện tích 2ha.

4.3. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện và phát triển bền vững du lịch các đảo ven bờ Việt Nam

Để PTDLBV tại vùng đảo (xét trường hợp đảo Quan Lạn, đảo Lý Sơn) có ba nhóm giải pháp chính là: nhóm giải pháp PTDLBV về kinh tế - chính trị, nhóm giải pháp PTDLBV về môi trường và nhóm giải pháp PTDLBV về xã hội.

** Nhóm giải pháp phát triển DLBV về chính sách, kinh tế*

- Tại các Đảo và huyện đảo: Thường xuyên nâng cao nhận thức cho các đối tượng về kết hợp phát triển du lịch biển gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới biển. Các dự án phát triển du lịch biển, đảo, đặc biệt là những sản phẩm du lịch tại các khu vực nhạy cảm về quốc phòng, an ninh nhất thiết phải có ý kiến thẩm định của các cơ quan chức năng có thẩm quyền. Những sản phẩm, dự án du lịch đáp ứng yêu cầu mới được phép triển khai thực hiện; kiên quyết đình chỉ những hoạt động du lịch gây ảnh hưởng tiêu cực tới quốc phòng, an ninh khu vực biên giới biển; Thực hiện tốt việc

kiểm tra, kiểm soát các hoạt động du lịch. Cần tăng cường kiểm tra, kiểm soát là biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn các hành vi vi phạm.

- Tăng cường sự đóng góp của ngành du lịch vào kinh tế của các đảo và huyện đảo; cần tiếp tục đầu tư, duy trì và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại và tôn trọng môi trường cho ngành du lịch;

- Kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư PTDL, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư toàn bộ hay tham gia đầu tư, thu hút sự tham gia của cộng đồng bằng các nguồn lực khác nhau (vốn, lao động) trong việc khai thác, PTDL trọng tâm, trọng điểm, không vì phát triển ồ ạt mà bỏ qua tác động môi trường.

- Quy hoạch, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch:

Công tác quy hoạch là một trong những yếu tố quan trọng đầu tiên đảm bảo cho PTDLBV. Chúng ta không thể đầu tư xây dựng bất cứ khu du lịch nào nếu thiếu quy hoạch. Nhà nước cần phải quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư PTDL và chỉ cho phép đầu tư khi đã có quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt. Trong quá trình quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết, lập các dự án khả thi đầu tư PTDL, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các chuyên gia quy hoạch du lịch với các chuyên gia ở những lĩnh vực có liên quan, với chính quyền và cộng đồng địa phương.

** Nhóm giải pháp PTDLBV về văn hóa – xã hội.*

Nâng cao nhận thức và khuyến khích cộng đồng dân cư địa phương tích cực tham gia vào các HĐDL. Sự tham gia của cộng đồng vào PTDL có ý nghĩa quan trọng trong việc PTDLBV. Dân cư ở đây đa số đời sống còn khó khăn, kinh tế chậm phát triển, trình độ dân trí nói chung và nhận thức về du lịch, nhất là DLBV nói riêng còn rất thấp. Trước khi lôi kéo sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các HĐDL thì việc nâng cao nhận thức cho cộng đồng về PTDL biển đảo quan trọng: Lồng ghép việc nâng cao nhận thức cho cộng đồng về PTDL vào các chương trình, dự án du lịch; nâng cao hiểu biết cho cộng đồng dân cư địa phương và KDL trong việc bảo tồn, tôn tạo phát triển các TNDL. Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia tích

cực vào HĐDL; vào nỗ lực bảo vệ, tôn tạo và phát triển TND, bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa vùng đảo.

** Giải pháp về nâng cao tính bền vững cho nhóm tiêu chí Cộng đồng & PTDL*

- Để thu hút du khách, mỗi đảo đều xây dựng những sản phẩm độc đáo, mang đậm bản chất văn hóa của địa phương mình. Cần xác định rõ các SPDL đặc trưng của từng đảo để phát triển các sản phẩm theo thứ tự ưu tiên; cần phát triển tour du lịch lặn ngắm san hô và câu cá trên biển tại đảo có điều kiện tài nguyên, phát triển... Vì vậy, cần phải có sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc xây dựng quy hoạch, chiến lược PTDL có liên quan đến cộng đồng địa phương;

- Cần có thái độ ứng xử thân thiện, tôn trọng và hỗ trợ du khách trong quá trình tham quan, tìm hiểu tại địa phương; hiểu biết về nguồn tài nguyên và giới thiệu đến với du khách; tham gia HĐDL một cách có tổ chức, tránh tình trạng tự phát, gây lộn xộn, thiếu văn minh,…Bên cạnh đó, cộng đồng cần tham gia vào tất cả các giai đoạn của việc lập kế hoạch và thực thi PTDL, bao gồm: việc đánh giá nguồn lợi, xác định các vấn đề, định nghĩa những hành động để giải quyết chúng.

- Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực du lịch phải hướng đến 2 mục tiêu cơ bản là giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, thái độ giao tiếp ứng xử với các tổ chức, cá nhân liên quan đến HĐDL cho đội ngũ cán bộ, công chức và việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về du lịch đảo bền vững, kỹ năng kinh doanh cho lao động du lịch trực tiếp và cộng đồng địa phương nhằm thực hiện phương châm "mỗi người dân là một đại sứ du lịch của đảo".

- Để PTDLBV cần phải kết hợp hai mục tiêu bảo tồn các tài nguyên thiên nhiên với phát triển cộng đồng. Vì vậy, cần phải tăng cường thực hiện hiệu quả hoạt động liên kết giữa các bên liên quan: nhà nước, doanh nghiệp du lịch và cộng đồng địa phương. Cần nâng tầm từ "hỗ trợ lẫn nhau" thành "lợi ích cùng nhau";

** Nhóm giải pháp PTDLBV về tài nguyên, môi trường*

Phát triển và bảo vệ tài nguyên du lịch:

- Trên cơ sở danh mục TNDL đã được xác định, tiếp tục thường xuyên rà soát, đánh giá, kiểm kê thực trạng, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ về TNDL; Xây dựng quy hoạch sử dụng, bảo vệ hệ thống tài nguyên trên địa bàn đảo. Khoanh định các tài nguyên có tính đa dạng cao như các khu vực cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái rừng, các di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng... dễ bị tổn thương, ảnh hưởng do tác động của các HĐDL, do HĐDL và các hoạt động kinh tế khác

- Các khu vực tài nguyên quý hiếm, các khu vực có nguy cơ suy thoái hoặc có khả năng chịu ảnh hưởng cao của các tác động xấu do hoạt động khai thác của con người đều phải được xác định, khoanh vùng dưới sự kiểm soát chặt chẽ để có biện pháp nghiêm ngặt và giải pháp xử lý phù hợp nhằm bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh du lịch áp dụng công nghệ ít tiêu thụ năng lượng, thân thiện với môi trường trong đầu tư và hoạt động (như sử dụng các giải pháp thiết kế phù hợp để tránh tiêu tốn năng lượng khi vận hành; sử dụng hệ thống pin mặt trời để cung cấp nước nóng…).

- Đối với các TNDL nhân văn, cần nghiên cứu, xác định được giới hạn áp lực của HĐDL lên tài nguyên để có biện pháp duy trì áp lực và cường độ sử dụng trong giới hạn an toàn cho tài nguyên. Thực hiện các biện pháp cụ thể như xây dựng quy chế quản lý KDL, nội quy lễ hội, các bộ quy tắc ứng xử..., tuyên truyền để du khách tôn trọng và có thái độ ứng xử văn hoá với các TNDL nhân văn (tôn trọng di sản, tôn trọng truyền thống văn hoá, chuẩn mực văn hoá, đạo đức của cộng đồng địa phương nơi có HĐDL); đồng thời nâng cao nhận thức, ý thức giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống, môi trường xã hội truyền thống của cộng đồng khi tham gia HĐDL.

Phát triển và bảo vệ môi trường du lịch:

- Thực hiện nghiêm quy định về khảo sát, đánh giá tác động môi trường khi đầu tư dự án du lịch. Đầu tư, tăng cường quảng bá cho các LHDL thân thiện với môi trường. Hoàn thiện hệ thống nội quy, quy chế, quy định về bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch. Tổ chức cho các cơ sở kinh doanh học tập và ký cam kết thực hiện quy chế. Đôn đốc, giám sát thường

xuyên các cơ sở thực hiện đầy đủ các quy định, quy chế bảo vệ môi trường trong các HĐDL.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra định kỳ, xác định các nguồn gây tác động môi trường để kịp thời ngăn chặn: Thường xuyên kiểm tra hệ thống nước thải, thu gom và xử lý rác thải, các địa điểm có HĐDL và xây dựng. Hệ thống nước thải bắt buộc phải được xử lý theo đúng tiêu chuẩn vệ sinh các chất thải của ngành môi trường, trước khi xả thải.

- Giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường tại các điểm du lịch, bãi biển,... bằng việc triển khai nhiều biện pháp làm sạch, đẹp môi trường, đặc biệt là môi trường biển; thực hiện nghiêm các biện pháp chế tài trường hợp gây ô nhiễm môi trường, lấn chiếm trái phép; Đồng thời, phải xử lý và hạn chế chất thải; giảm thiểu ô nhiễm bằng việc sử dụng hóa chất, nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, tăng cường bán SPDL xanh …

- Cần xây dựng kế hoạch PTDL gắn với điều kiện HĐDL ngày càng tiêu cực đang diễn ra tại các hệ thống đảo như: sự xâm nhập mặn, mực nước biển tăng cao, ...

- Đánh giá chất lượng các dự án ảnh hưởng tới môi trường du lịch; kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công nghệ, thiết bị, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và khả năng ứng phó với sự cố môi trường của các cơ sở kinh doanh du lịch;

- Các nhà khoa học, thanh tra, quản lý phải thường xuyên thực hiện đánh giá chất lượng vệ sinh môi trường của địa phương, đảm bảo vận hành tốt hệ thống xử lý chất thải, các chỉ tiêu môi trường nằm ở mức cho phép và khắc phục được các sự cố môi trường một cách kịp thời;

- Trong tương lai khi hạ tầng cơ sở đổi mới và hiện đại, các đảo nên có hướng PTDL dựa vào các nguồn năng lượng tái tạo, áp dụng công nghệ hiện đại giám sát và quản lý môi trường.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch. Phát triển các chương trình giáo dục toàn dân và giáo dục trong các trường học về bảo vệ tài nguyên, môi trường. Lồng ghép nội dung giáo dục về môi trường trong chương trình của hệ thống các cấp độ đào tạo du lịch cũng như đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục qua phương tiện thông tin đại chúng. Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp, các đối tượng tham

gia kinh doanh lịch, KDL, cộng đồng dân cư trong nỗ lực chung để đảm bảo môi trường cho PTDL.

PTDL gắn liền với việc bảo vệ môi trường sinh thái biển đảo, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Nâng cao nhận thức của người dân và KDL về việc bảo vệ môi trường sinh thái biển đảo. Hiện nay, trên đảo đã thực hiện công tác bảo vệ môi trường này với khẩu hiệu "không túi nilông", và cần nhân rộng đến các vùng biển đảo khác để KDL, cộng đồng hưởng ứng. Đặc biệt vấn đề bảo vệ môi trường trên những tàu thuyền thuyền du lịch cần được chú trọng phát triển.

- Theo đánh giá của các chuyên gia du lịch hàng đầu thế giới, trong điều kiện HĐDL toàn cầu đang diễn ra như hiện nay, du lịch biển trên thế giới sẽ có bước phát triển đột phá về quy mô và doanh thu trong những thập kỷ tới. Do đó, yếu tố quan trọng để PTDL sẽ thuộc về các quốc gia có tiềm năng và lợi thế về du lịch biển, vì vậy việc PTDL biển đảo cũng cần có những chính sách phù hợp để khai thác tốt giá trị các TNDL biển đảo.

** Tăng cường bố trí nguồn lực, thu hút vốn đầu tư; đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH phục vụ PTDLBV*

Chú trọng đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông, điện, nước, môi trường, bưu chính viễn thông, hạ tầng các ngành, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến PTDL như ngân hàng, tài chính, tín dụng, y tế. Trong số hạ tầng nói trên, các công trình kết cấu hạ tầng then chốt như giao thông, điện, cấp thoát nước và xử lý môi trường

Nguồn thu từ nội bộ ngân sách huyện đảo còn thấp, vì vậy, để huy động được các nguồn đầu tư tập trung cho xây dựng kết cấu hạ tầng, cần thực hiện các giải pháp tăng tích luỹ từ nội bộ; thực hiện thu phí bảo vệ môi trường huyện đảo với mức phí thu đề xuất dự kiến trong khoảng 30.000đ-50.000đ/du khách.

Ưu tiên cho các dự án đầu tư hạ tầng du lịch ở các địa bàn có tiềm năng phát triển thành điểm, tuyến du lịch hút khách. Cụ thể cần chú trọng triển khai, phối hợp triển khai hoặc tạo điều kiện cho việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư sau:

- Các dự án phát triển giao thông trên đảo, xây dựng tuyến đường sinh thái có kết cấu, kiến trúc hải hoà, thân thiện với môi trường tạo kết nối giao thông du lịch trên đảo thuận lợi.

- Đẩy mạnh đầu tư, tôn tạo và bảo vệ các công trình thuộc di sản văn hoá, lịch sử, các điểm nhấn văn hóa, lễ hội về với văn hoá đặc trưng của huyện đảo.

- Đối với hệ thống CSVC vui chơi giải trí cần ưu tiên đầu tư xây dựng các loại hình giải trí quy mô phù hợp, hiện đại, các hoạt động thể thao biển cảm giác mạnh, dã ngoại kết hợp với việc đầu tư khai thác các trò chơi dân gian trong các lễ hội đặc trưng vùng biển của điểm du lịch.

- Đầu tư hệ thống thu gom nước thải, rác thải ở các khu, điểm du lịch, kết nối đến các các điểm tập kết, xử lý chất thải tập trung đã được quy hoạch.

** Nâng cao chất lượng lao động du lịch biển đảo*

- Đào tạo nguồn nhân lực: Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lí và người lao động trong du lịch theo hướng tăng cả số lượng lẫn chất lượng, đồng thời tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lí hiện tại được nâng cao trình độ chuyên môn, nhận thức về du lịch thông qua các chương trình phối hợp với các cơ sở đào tạo trong nước cũng như tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm trong nước và nước ngoài. Thu hút nguồn nhân lực trẻ và có năng lực thông qua chế độ đãi ngộ thỏa đáng…

- Nâng cao tính chuyên nghiệp của nhân viên và sự thân thiện, hiếu khách của người dân địa phương để phục vụ KDL đến với vùng biển đảo (đặc biệt như tại các làng nghề, các khu homestay trên đảo .....). Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ huấn luyện viên chuyên nghiệp, nguồn lao động tại địa phương thực sự am hiểu hệ sinh thái và nắm bắt những kỹ năng cơ bản phục vụ du khách khi tham gia vào các SPDL biển đảo như lặn biển ngắm san hô, sinh thái biển đảo…

- Giáo dục cộng đồng: Nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư về lợi ích và vai trò của du lịch như những công cụ phương hướng phát triển có vai trò quan trọng trong tăng thu nhập, PTKT. Giáo dục bồi dưỡng những kiến thức về văn minh thương mại, văn minh du lịch cho cộng đồng dân cư, tạo ra những hành vi ứng xử phù hợp với các HĐDL…

** Phát triển các hình thức xúc tiến, quảng bá du lịch, phát triển thị trường*

Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch và phát triển thị trường của du lịch tại các khu vực đảo nói chung, đảo Quan Lạn, đảo Lý Sơn nói riêng những năm tới cần đẩy mạnh, phục vụ tốt hơn cho sự PTDL, tập trung vào các giải pháp:

- Cần triển khai ngay việc xây dựng chiến lược, các chương trình, kế hoạch dài hạn, hàng năm về xúc tiến, quảng bá du lịch; đẩy mạnh các nội dung xúc tiến, quảng bá riêng của tỉnh đồng thời gắn với xúc tiến, quảng bá du lịch khu vực và cả nước tạo hiệu quả tổng hợp trong xúc tiến, quảng bá. Xây dựng hình ảnh du lịch xanh, sạch, thân thiện đảo, tiếp tục lan tỏa mạnh mẽ hình ảnh du lịch đảo xanh.

- Tăng cường cung cấp thông tin, hướng dẫn về DLBV cho KDL; đầu tư đổi mới thiết kế, hình thức các ấn phẩm du lịch xanh bền vững như: Bản đồ du lịch, cẩm nang du lịch, đĩa DVD, VCD, bản tin du lịch…

- Thực hiện các chương trình thông tin tuyên truyền, quảng bá rộng rãi về những sự kiện sẽ diễn ra hàng năm trên địa bàn các đảo như lễ Khao tề thế lính (đảo Lý Sơn) và các lễ hội truyền thống trên đảo…

- Tổ chức thường xuyên các hoạt động tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức, văn hóa phục vụ KDL của doanh nghiệp và cộng đồng dân cư; phát động chiến dịch làm sạch môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm cho KDL...

- Đẩy mạnh các chương trình hợp tác, liên kết quảng bá, giới thiệu, xúc tiến du lịch trong nước với các địa phương khác trong vùng và cả nước, nhất là các thị trường chính như: Châu Âu, Thái Lan, Hàn Quốc…

** Hoàn thiện và cải tiến các SPDL biển đảo hiện có theo hướng bền vững*

Các SPDL biển đảo chính đang được khai thác và phát triển ở vùng biển đảo hiện nay như: du lịch nghỉ dưỡng biển đảo, du lịch lặn biển ngắm san hô, du lịch thể thao biển đảo, du lịch văn hóa vùng biển đảo, DLST biển đảo, mỗi một sản phẩm có những đặc trưng riêng, có sức hấp dẫn riêng thu hút KDL. Để KDL thực sự hài lòng với những SPDL biển đảo, bên cạnh những sản phẩm chất lượng cao, dịch vụ đa dạng, cần đem đến cho KDL những giá trị gia tăng về thưởng ngoạn những nét văn hóa truyền thống, các chương trình tham quan tìm hiểu cuộc sống thường ngày của người dân địa

phương, các nét độc đáo về ẩm thực, di tích lịch sử, những lời ca, điệu múa, làng nghề…

Bên cạnh việc hoàn thiện và cải tiến chất lượng SPDL biển đảo, việc nghiên cứu phát triển, mở rộng địa bàn cho các SPDL biển đảo mới ở hiện nay là những việc làm cần thiết tạo sự cân bằng trong PTDL, tạo nên những nét mới lạ, sự kích thích, ham muốn của KDL khi họ đến lần đầu tiên, hứa hẹn sẽ trở lại lần tiếp theo. Các giải pháp phát triển và mở rộng địa bàn SPDL biển đảo mới tại vùng biển đảo như:

- Giải pháp phát triển và mở rộng địa bàn cho SPDL nghỉ dưỡng biển đảo: SPDL nghỉ dưỡng biển đảo đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp thu hút KDL nhiều hơn. Ngoài ra, có thể phát triển các dịch vụ phục vụ cho sức khỏe như: spa, chăm sóc sắc đẹp, tắm bùn khoáng… dành cho những KDL tham gia các SPDL nghỉ dưỡng biển đảo.

- Giải pháp phát triển và mở rộng địa bàn cho SPDL lặn biển ngắm san hô: Hiện nay, SPDL lặn biển ngắm san hô nên việc phát triển và mở rộng địa bàn đến khu vực huyện đảo... Bên cạnh đó, tạo ra những dịch vụ câu mực ban đêm hoặc câu cá trên tàu ở các vùng biển đảo có những điều kiện thuận lợi. Vì vậy, phát triển và mở rộng địa bàn cho SPDL này thì cần phải đầu tư hệ thống tàu thuyền hiện đại, an toàn, trang thiết bị đầy đủ, lực lượng phục vụ phải am hiểu vùng biển, nắm bắt được quy luật của thiên nhiên vùng biển…

- Phát triển các loại hình trải nghiệm biển

Giải pháp phát triển và mở rộng địa bàn cho SPDL thể thao biển đảo, du lịch văn hóa vùng biển đảo, DLST biển đảo: Với SPDL thể thao biển đảo cần mở rộng và phát triển, bằng những sự đầu tư về CSVC, kỹ thuật, các công trình phục vụ cho sự phát triển của sản phẩm (các khu vui chơi trên biển, các hoạt động thể thao cảm giác mạnh…).

Tuy nhiên, hiện nay, theo kết quả khảo sát từ KDL, các nhà cung cấp, đơn vị quản lý cho thấy vùng biển đảo vẫn còn những hạn chế để đáp ứng nhu cầu của KDL về TNDL biển đảo; về cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật dịch vụ môi trường; về tuyên truyền quảng bá sản phẩm; về những giá trị trải nghiệm của KDL… Vì vậy, từ những hiện trạng về sự phát triển của các SPDL biển đảo hiện nay, với mục đích nâng cao chất lượng, đa dạng hóa

SPDL biển đảo thu hút KDL đến nhiều hơn, cần có các biện pháp chính, hoàn thiện và cải tiến các SPDL biển đảo.

Phát triển SPDL xanh biển đảo giáo dục vào bảo vệ môi trường: Du lịch xanh là LHDL dựa vào tự nhiên, văn hóa, có giáo dục môi trường, đóng góp cho nỗ lực bảo tồn, PTBV và thu hút sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương. Có thể nói, PTDL xanh là chìa khóa PTDL có trách nhiệm, đảm bảo DLBV. Cốt lõi của du lịch xanh là SPDL xanh. Và đảm bảo là SPDL xanh, cần đạt các tiêu chí: (1) sản phẩm được tạo ra từ các vật liệu thân thiện với môi trường; (2) sản phẩm đem đến những giải pháp an toàn đối với môi trường và sức khỏe; (3) trong quá trình sử dụng, sản phẩm giảm tác động đến môi trường; (4) sản phẩm thân thiện và an toàn đối với sức khỏe. Như vậy, tất cả các dịch vụ, SPDL như tour, sản phẩm, dịch vụ của khách sạn, nhà hàng muốn được công nhận là SPDL xanh đều phải đạt (thực hiện) được các nội dung cơ bản của các tiêu chí trên. Mức độ "xanh" của một SPDL sẽ phụ thuộc nhiều vào mức độ thân thiện môi trường của những yếu tố tham gia vào việc hình thành nên SPDL. Với cách tiếp cận trên, SPDL xanh được hiểu là những SPDL có hàm lượng cao các yếu tố đặc biệt là dịch vụ thân thiện môi trường, được phát triển phù hợp với các nguyên tắc bảo vệ môi trường và PTBV [58].

Theo khảo sát DLBV trên trang Booking.com, các xu hướng du lịch xanh và bền vững được thể hiện qua các thông tin: đa số du khách có ý định lưu trú ít nhất một lần tại cơ sở thân thiện với môi trường. Tỷ lệ này tăng qua các năm (62% năm 2016, 68% năm 2018, 73% năm 2019, 76% năm 2024). 70% du khách cho biết khả năng cao họ sẽ đặt phòng tại CSLT xanh (2019). 60% du khách muốn DLBV vì họ ấn tượng với cảnh quan thiên nhiên trong các chuyến đi (2018); 52% du khách chuyển sang phương thức đi lại thân thiện với môi trường hơn như đi bộ, đạp xe hoặc đi bộ đường dài; 68% mong muốn chi tiêu du lịch của họ giúp ích cho cộng đồng địa phương (2019); 67% du khách sẵn sàng chi trả thêm ít nhất 5% cho chuyến du lịch của mình, trải nghiệm du lịch xanh, hạn chế tác động môi trường khi có thể.

Du lịch xanh không những là sự bảo đảm cho PTDLBV, mà còn là giải pháp giúp gia tăng lượng khách có mức chi tiêu cao và có ý thức, hành

động văn minh khi tham gia du lịch. Với xu hướng "sống xanh" trong cuộc sống hiện đại, ngày càng nhiều du khách muốn được trở về với cuộc sống ít xô bồ, náo nhiệt. Họ mong muốn tìm đến những SPDL xanh, tăng khả năng trải nghiệm, bảo vệ môi trường. Đại dịch covid 19 đã tác động đến tâm lý KDL (KDL). KDL lựa chọn đi du lịch nhóm nhỏ hơn, tăng cường trải nghiệm xanh, thiên nhiên trong sạch và bảo vệ môi trường. Du lịch xanh là một biểu hiện đầy hứa hẹn của hoạt động khởi nghiệp ở các vùng nông thôn. PTDL xanh đã được chứng minh như một phương thức giúp nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế của người dân nông thôn, là SPDL thúc đẩy sự bền vững trong tương lai. Đây là cơ hội quan trọng thúc đẩy phát triển các SPDL xanh, tạo sức hút mới cho ngành du lịch và đảm bảo cho sự PTDLBV của mỗi địa phương. Mô hình du lịch xanh và phát triển SPDL xanh đã được triển khai thực hiện ở nhiều địa phương khách nhau và đem lại hiệu quả.

Trong bối cảnh HĐDL đang phát triển nóng, các điểm đến du lịch biển, đảo nói chung và Quan Lạn, Lý Sơn nói riêng cần đặc biệt chú ý PTDLBV [7]. Với tiềm năng hiện có, nơi đây có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển SPDL xanh (SPDLX). Trong định hướng PTDL huyện đảo, đảo Quan Lạn, đảo Lý Sơn đã chú trọng lựa chọn LHDL xanh như là một trong những giải pháp tiên quyết phát triển bền vững (PTBV) KT-XH và bảo vệ môi trường huyện đảo.

Theo kết quả điều tra từ khách du lịch và chính quyền địa phương, các sản phẩm du lịch xanh được đề xuất phát triển:

Phát triển các SPDL xanh, đặc thù đảo Quan Lạn: Dựa trên nguồn tài nguyên sẵn có, trên cơ sở kết quả tham vấn của các chuyên gia, các nhà quản lý du lịch, SPDL xanh Quan Lạn được đề xuất bao gồm 04 sản phẩm:

Sản phẩm 1: ***DLST, trải nghiệm biển xanh***: Các bãi tắm tự nhiên: Minh Châu, Cồn Khơi, Sơn Hào, Quan Lạn nằm dọc theo chiều dài đảo, mỗi bãi tắm mang một nét tự nhiên riêng biệt nhưng đều có chung đặc điểm là đẹp hoang sơ, chưa bị tác động nhiều của các yếu tố nhân tạo. Trong số các bãi tắm này, có bãi tắm Minh Châu từng lọt vào danh sách 10 bãi biển đẹp nhất Việt Nam

Sản phẩm 2: ***Du lịch khám phá hệ sinh thái tự nhiên kết hợp giáo dục về môi trường***: Các bãi tắm tự nhiên: Minh Châu, Cồn Khơi, Sơn Hào,

Quan Lạn nằm dọc theo chiều dài đảo, mỗi bãi tắm mang một nét tự nhiên riêng biệt nhưng đều có chung đặc điểm là đẹp hoang sơ, chưa bị tác động nhiều của các yếu tố nhân tạo. Trong số các bãi tắm này, có bãi tắm Minh Châu từng lọt vào danh sách 10 bãi biển đẹp nhất Việt Nam; tham quan học tập tại bãi rùa đẻ, bãi sá sùng, và khu rừng Trâm nguyên sơ trên đảo

Sản phẩm 3: ***Trải nghiệm "Một ngày làm ngư dân trên đảo Quan Lạn"*** với các hoạt động trải nghiệm đánh cá truyền thống cùng với người dân địa phương. Hoạt động chính của cuộc trải nghiệm này là cùng với ngư dân Quan Lạn đi cào ngao, sò trên bãi biển Đầu Dộc. Đây là hoạt động mưu sinh hàng ngày của người dân trên đảo. Tham gia chuyến trải nghiệm, du khách được hoà mình với người dân, trực tiếp đi đánh bắt cùng ngư dân là một trải nghiệm thật đáng nhớ. Qua trải nghiệm thực tế, mọi người sẽ hiểu hơn công việc mưu sinh vất vả của ngư dân Quan Lạn.

Sản phẩm 4: ***DLST nhân văn kết hợp với du lịch văn hóa, lịch sử***: khu Đình-Chùa-Miếu, thương cảng cổ Vân Đồn, lễ hội Quan Lạn…

Phát triển các SPDL xanh, đặc thù đảo Lý Sơn:

Dựa trên nguồn tài nguyên sẵn có của đảo Lý Sơn, trên cơ sở kết quả tham vấn của các chuyên gia, các nhà quản lý du lịch, SPDL xanh Lý Sơn được đề xuất bao gồm 04 sản phẩm: Du lịch địa chất; du lịch trải nghiệm biển xanh; du lịch trải nghiệm xanh "*1 ngày là công dân Vương quốc Tỏi*", Du lịch văn hóa biển đảo gắn liền với chủ quyền quốc gia. SPDL được thể hiện:

Sản phẩm 1: ***Du lịch địa chất tại công viên địa chất đảo Lý Sơn***: Huyện đảo Lý Sơn là một trong 4 tuyến du lịch chủ đạo nằm trong khuôn viên Công viên địa chất Lý Sơn - Sa Huỳnh. Đây là tuyến du lịch phía Đông với tên gọi "*Bí ẩn nơi đảo thiêng*". Tour du lịch tham quan sẽ đưa du khách tham quan và lắng nghe những chia sẻ về đặc điểm lịch sử địa chất, giải mã quá trình hình thành 5 ngọn núi lửa, hồ nước ngọt trên núi lửa, nham thạch và các dạng địa hình đẹp, kỳ thú trên đảo qua tuyến du lịch với 30 điểm di sản địa chất, văn hóa đan xen và tích hợp lẫn nhau: vách đá Hang Cau, miệng núi lửa Thới Lới, Giếng Tiền, cổng Tò Vò…; đảo Lý Sơn còn là nơi lưu giữ nhiều vết tích của cư dân Sa Huỳnh 2.500 năm trước....

Sản phẩm 2: ***Du lịch trải nghiệm biển xanh***: Du khách có nhiều trải nghiệm với LHDL này: (1) Lặn ngắm san hô: Du khách có thể lựa chọn lặn

ngắm san hô bằng gương đơn giản hoặc bằng bình hơi. Nước ở Lý Sơn xanh trong thuận lợi cho du khách có thể nhìn thấy toàn bộ sinh vật sống dưới mặt biển, san hô, thủy tảo như một khu vườn rực rỡ, trải dài như thảm lụa đa sắc màu,… Địa điểm lặn ngắm thường ở Đảo Bé (2) Hoạt động tắm biển tại các bãi biển xanh trong: Biển xanh, cát trắng, nắng vàng cùng với làn nước trong vắt, cảnh quan đáy biển đa dạng, nhiều màu sắc khiến du khách thoải mái thư giãn. (3) trải nghiệm đánh bắt cá, câu cá: Nếu du khách ở lại các homestay tại Đảo Bé, trải nghiêm bắt cua dẹt có phần vất vả nhưng sẽ là hoạt động hấp dẫn và vui vẻ. (4) trải nghiệm thể đốt lửa trại ngoài biển, cùng nhau chuẩn bị hải sản nướng BBQ. Và trong suốt hành trình du lịch trải nghiệm, du khách sẽ được tham gia trải nghiệm hoạt động nhặt rác tại các bờ biển nhằm bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường vùng biển. Đó sẽ là những trải nghiệm mà nhiều du khách không thể nào quên.

Sản phẩm 3: ***Du lịch trải nghiệm xanh "một ngày là công dân Vương quốc Tỏi"***: Lý Sơn khiến du khách choáng ngợp với màu xanh mát mắt của những cánh đồng tỏi và hành trên nền cát trắng, phủ kín khắp đảo. KDL đến Lý Sơn có thể tham gia trải nghiệm từng khâu từ trồng, chăm sóc, thu hoạch tỏi, cảm nhận nỗi khó nhọc cũng như niềm vui của người dân lao động khi nhìn thấy thành quả của chính mình. Họ sẽ được thưởng thức các đặc sản được chế biến từ tỏi, nếm và cảm nhật vị cay giòn, thơm đậm đà của tỏi Lý Sơn. Đồng thời lúc ra về, cũng có thể mua những món quà về nhà: hành, tỏi và các sản phẩm chế biến từ tỏi (tỏi đen).

Sản phẩm 4: ***Du lịch văn hóa biển đảo gắn liền với chủ quyền quốc gia***: Đến Lý Sơn, cảm nhận sự thiêng liêng của mảnh đất hải đảo, du khách sẽ tham quan cột cờ Lý Sơn, chiêm ngưỡng toàn quang cảnh Lý Sơn lúc bình minh; viếng Âm Linh tự, mộ gió; tham quan tượng đài lính Hoàng Sa, bảo tàng Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải. Vào thời điểm lễ Khao lề tế lính diễn ra, du khách có cơ hội tham gia và quan sát các hoạt động trong lễ của người dân đảo, cùng lắng nghe những câu chuyên anh hùng từ người dân đảo Lý Sơn. Hoạt động này góp phần giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ, với mong muốn tiếp tục gìn giữ chủ quyền biển đảo Việt Nam như ông cha đã từng làm từ hàng trăm năm trước.

- Tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các đối tượng như học sinh, sinh viên được đến trải nghiệm các sản phẩm du lịch xanh, học tập, tìm hiểu, qua đó truyền đạt cho các em những vấn đề về giáo dục môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên vùng biển đảo.

** Một số giải pháp khác*

- *Với khách du lịch*: Phát huy vai trò, ý thức trách nhiệm của KDL

Đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ TNDL, tuyên truyền về quyền gắn với trách nhiệm của KDL nhằm nâng cao ý thức tự giác của du khách về bảo vệ TNDL, bảo vệ môi trường, ý thức tôn trọng cộng đồng, tôn trọng văn hóa bản địa. Hướng dẫn du khách tự giác thực hiện các nội quy, quy chế, các bộ quy tắc ứng xử khi tham gia du lịch.

Tổ chức thường xuyên các hoạt động bảo vệ tài nguyên, môi trường ở điểm đến du lịch, mời KDL tham gia (như tổ chức trồng cây và gắn biển tên cho khách tham gia, hướng dẫn khách cùng thử nghiệm các kỹ năng đan lát, thêu dệt có thưởng bằng chính sản phẩm làm ra...).

Thực hiện việc bình chọn, ghi danh, trao quà lưu niệm cho các du khách có đóng góp tích cực cho bảo vệ tài nguyên, môi trường trong hành trình du lịch, tổ chức các gói du lịch giảm giá, khuyến mại gắn với trách nhiệm tiêu dùng các sản phẩm địa phương, với mức độ hiểu biết của khách về văn hóa bản địa...

Thực hiện các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự, môi trường xã hội an toàn cho KDL ở điểm đến; đồng thời nhắc nhở, chấn chỉnh những du khách vi phạm nội quy, quy định, ứng xử thiếu văn hóa bằng các biện pháp cần thiết. Xử lý các trường hợp lợi dụng HĐDL tổ chức, tham gia các tệ nạn xã hội, gây mất an ninh trật tự, mất an toàn giao thông theo quy định của pháp luật.

- *Với cơ sở kinh doanh du lịch*: Khuyến khích, hỗ trợ nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm trong kinh doanh du lịch:

Nâng cao ý thức cộng đồng trách nhiệm, nhận thức về kinh doanh DLBV, văn hóa kinh doanh cho các cơ sở kinh doanh du lịch và người lao động du lịch. Thực hiện tốt và đồng bộ các giải pháp ổn định giá cả, chăm sóc khách hàng, khuyến mại phù hợp... kích thích tăng nhu cầu tiêu dùng và

giảm tính thời vụ của du lịch, giảm áp lực lên TNDL, bảo đảm việc làm cho người lao động du lịch.

Quản lý chặt chẽ các hoạt động kinh doanh, không để xảy ra tình trạng bắt chẹt, lừa dối khách; phát hiện và xử lý nghiêm vi phạm.

- *Với cộng đồng địa phương*: cộng đồng tham gia vào PTDLBV; phát huy vai trò, trách nhiệm của cộng đồng và phát triển cộng đồng

Có cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ (bằng việc sử dụng các đòn bẩy vật chất, hỗ trợ đào tạo, tập huấn…), tạo môi trường thuận lợi cho cộng đồng tham gia đầu tư kinh doanh du lịch. Các lĩnh vực kinh doanh cần tăng cường thu hút, khuyến khích cộng đồng tham gia đầu tư là: Đầu tư các dự án xây dựng CSLT chất lượng cao, dự án xây dựng các khu vui chơi giải trí, hoạt động lữ hành, các dịch vụ phục vụ hành trình du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch làng nghề.

+ Hướng dẫn, phát huy trí tuệ và khả năng của các cá nhân trong cộng đồng trong việc phát triển đa dạng các loại hàng hoá, sáng tạo ra các dịch vụ mới, tạo sự độc đáo trong phong cách phục vụ; khuyến khích sự tham gia, sáng tạo của cộng đồng, khôi phục các sản phẩm đặc sản truyền thống và tạo nên các sản phẩm hàng hoá, các dịch vụ có thương hiệu gắn với du lịch đảo… từ đó đa dạng hoá SPDL.

Khuyến khích, hỗ trợ cộng đồng bản địa phát huy bản sắc, truyền thống văn hoá, sử dụng các yếu tố văn hoá truyền thống của cộng đồng, trực tiếp tạo ra các dịch vụ thu hút KDL (như hỗ trợ thành lập các câu lạc bộ hướng dẫn trải nghiệm đảo xanh, trải nghiệm hoạt động nông nghiệp…; câu lạc bộ hướng dẫn du lịch trải nghiệm lặn biển, ngắm san hô).

Có cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch đào tạo, sử dụng nguồn lao động tại địa phương, giải quyết việc làm cho cộng đồng bản địa.

Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư địa phương về ý thức giữ gìn, bảo vệ TNDL tự nhiên, ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá, thuần phong mỹ tục, các nét kiến trúc làng cổ, nét đẹp nguyên bản của các lễ hội…

Dựa trên chiến lược PTDL biển đảo Việt Nam; chiến lược phát triển KT-XH, du lịch và những hiện trạng về du lịch biển đảo thời kỳ 2021 -

2030, định hướng 2050, những đánh giá và nhận định từ KDL, các nhà đầu tư, các nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ nhằm tạo ra sự phong phú đa dạng của SPDL biển đảo, tạo động lực thúc đẩy du lịch có tính đột phá.

* Liên kết và mở rộng với các khu vực lân cận PTDL biển đảo

Mở rộng và liên kết những tuyến du lịch biển đảo với các trung tâm du lịch lớn lân cận, giữa du lịch đảo và đất liền. Xác định xây dựng tuyến du lịch xanh, du lịch trách nhiệm, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm biển đảo bền vững.

Như vậy, có thể nhận thấy, nghiên cứu PTDL biển đảo ven bờ Việt Nam, thí điểm với đảo Quan Lạn và đảo Lý Sơn đã đạt được những kết quả cụ thể. Một số kết quả như sau:

- Việt Nam có nhiều tiềm năng về du lịch biển đảo khi sở hữu đường bờ biển dài hơn 3.260 km và hơn 3.000 hòn đảo, với những bờ cát trắng, vịnh biển hoang sơ, những hòn đảo nhiệt đới quanh năm tươi tốt… Chiến lược biển Việt Nam xác định: du lịch biển, đảo là một trong 05 lĩnh vực kinh tế biển, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự PTKT biển nói riêng, kinh tế đất nước nói chung. Thực hiện chủ trương đó, những năm qua, ngành du lịch biển được ưu tiên đầu tư phát triển và đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển, tạo nhiều việc làm cho nhân dân các địa phương ven biển, bảo vệ tài nguyên, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh ven biển, trên biển, đảo. Hiện nay, Việt Nam còn nhiều khu vực trọng điểm ưu tiên PTDL thuộc vùng ven biển chưa được đầu tư, khai thác tương xứng với tiềm năng, lợi thế, nhất là hệ thống đảo ven bờ. Đề tài thực hiện nghiên cứu cụ thể PTDL ở đảo Quan Lạn và đảo Lý Sơn.

- Kết quả đánh giá SWOT cho thấy đảo Quan Lạn, đảo Lý Sơn có nhiều điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong PTDL. Từ đó, xác định những chiến lược cụ thể trong PTBVDL đảo Quan Lạn, đảo Lý Sơn.

- Đánh giá mức độ bền vững du lịch Việt Nam trên khía cạnh tự nhiên, KT-XH, môi trường tại đảo Quan Lạn và đảo Lý Sơn. Kết quả đánh giá cho thấy hiện Quan Lạn đang trong giai đoạn đầu PTDL, tài nguyên du lịch chưa chịu nhiều tác động, đảo trong giai đoạn đầu đầu tư PTDL, môi trường tự nhiên chưa chịu nhiều tác động. Đảo Lý Sơn trong những năm gần đây (ngoại trừ 2 năm covid - năm 2020, 2021) KDL đến tham quan ngày một

đông, số lượng lớn trong điều kiện cơ sở hạ tầng, CSVCKT chưa đáp ứng kịp, dẫn đến tác động nhiều đến môi trường, tự nhiên, KT-XH, trong đó vượt quá sức tải du lịch và thời kỳ cao điểm, chất lượng nhân lực du lịch thấp, chưa có kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ PTDLBV.

Từ những tồn tại, khó khăn trong PTDLBV, những giải pháp được đề xuất cho PTDLBV tập trung vào công tác quản lý du lịch, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch, nâng cao năng lực của cộng đồng cư dân địa phương, tập trung phát triển các SPDL xanh, đặc thù bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Lê Đức An (1999), "Nghiên cứu hệ thống đảo ven bờ phục vụ quản lý tổng hợp vùng biển Việt Nam", đề tài KT .03. 12, Tuyển tập báo cáo khoa học tập 2, *Hội nghị khoa học công nghệ toàn quốc lần thứ IV*, Hà Nội, tr. 725-729.
2. Lê Anh (2022). *Phát triển du lịch theo hướng thống nhất, xanh và bền vững*. Truy cập tại https://dangcongsan.vn/kinh-te/phat-trien-du-lich-theo-huong-thong-nhat-xanh-va-ben-vung-628704.html
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2009. *Báo cáo tổng hợp Quy hoạch phát triển kinh tế đảo Việt Nam đến năm 2020*, 157 tr.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), Kịch bản biến đổi khí hậu Việt Nam.
5. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, 2013. Quyết định số 2782/QĐ-BVHTTDL ngày 15/8/2013 về việc Phê duyệt Đề án "Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020".
6. Vũ Tuấn Cảnh và nnk (1991), *Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam*, Viện NCPT Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
7. Lê Chí Công (2013), *"Luận bàn về quan điểm phát triển du lịch bền vững và không bền vững"*, Kỷ yếu hội thảo khoa học Phát triển bền vững du lịch biển Nha Trang - Khánh Hòa, *Trường Đại học Nha Trang, Nha Trang.*
8. Ngô Quang Duy (2008), P*hát triển du lịch biển đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh*, luận văn thạc sĩ Du lịch, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn.
9. Trần Tiến Dũng (2006), *Phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha - Kẻ Bàng,* Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

10. Đỗ Trọng Dũng (Chủ biên) (2011), *Phát triển du lịch sinh thái bền vững ở Tây Bắc Việt Nam trên phương diện đánh giá điều kiện tự nhiên*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
11. Nguyễn Văn Đức (2013), *Tổ chức các hoạt động du lịch tại một số di tích lịch sử - văn hóa quốc gia của Hà Nội theo hướng phát triển bền vững*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
12. ESRT (2015), "Bộ công cụ về du lịch có trách nhiệm tại Việt Nam", *http://esrt.vn*.
13. Nguyễn Xuân Hoà (Chủ nhiệm) (2009), *Nghiên cứu phát triển du lịch sinh thái cộng đồng trên quan điểm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tại vùng đệm khu BTTN Tiền Hải - huyện Tiền Hải - tỉnh Thái Bình*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Nghiên cứu Môi trường và Phát triển bền vững.
14. Nguyễn Đình Hoà, Vũ Văn Hiến (2001), *Du lịch bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
15. Nguyễn Văn Hợp (2014), *Giải pháp quản lý và khai thác du lịch sinh thái ở các vườn quốc gia Việt Nam theo hướng phát triển bền vững (Nghiên cứu điểm vườn quốc gia Cúc Phương),* Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Hà Nội.
16. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Dương Hoài Hương (2017), *Phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Phú Thọ*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
18. Nguyễn Đình Hòe (2006), *Môi trường và Phát triển bền vững*, NXB Giáo dục.
19. ITDR, JICA (2013), *Cẩm nang thực tiễn phát triển du lịch nông thôn Việt Nam*, Hà Nội.

20. Ngô Hải Ninh (2017), *Phát triển du lịch bền vững tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh biến đổi khí hậu*, Luận án tiến sĩ, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn.
21. Nguyễn Thị Hồng Ngọc (2017), *Quản lý Nhà nước về Môi trường trên địa bàn huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi*, Luận văn Thạc sỹ, Học viện hành chính quốc gia.
22. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị về "Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn".
23. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về "Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045".
24. Phạm Trung Lương (2008), *Cơ sở khoa học phát triển du lịch đảo ven bờ vùng du lịch Bắc Trung Bộ*, Đề tài khoa học cấp ngành, Hà Nội.
25. Nguyễn Tư Lương (2016), *Chiến lược phát triển du lịch bền vững tỉnh Nghệ An đến năm 2020,* Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Thương mại Hà Nội, Hà Nội.
26. Phạm Trung Lương (2002), *Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*, Đề tài cấp Viện NCPT Du lịch, Tổng cục Du lịch.
27. UBND tỉnh Quảng Ninh (2009), Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, Quảng Ninh, 252 tr.
28. Quốc hội Việt Nam (2017). *Luật số 09/2017/QH14: Luật Du lịch*, ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2017.
29. UBND huyện Lý Sơn (2015 – 2024), Niên giám thống kê các năm.
30. UBND tỉnh Quảng Ngãi (2022), Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Lý Sơn mạnh về kinh tế, vững chắc về quốc phòng, an ninh đến năm 2020, Quảng Ngãi.

31. UBND tỉnh Quảng Ngãi (2022), Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 2030, tầm nhìn 2050, Quảng Ngãi.
32. UBND tỉnh Quảng Ngãi (2014), Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kì đầu (2011-2015) huyện Lý Sơn, Quảng Ngãi..
33. UBND tinh Quang Ninh (2009), "*Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh*", Quang Ninh.
34. UBND huyện Quan Lạn (Lạn giai đoạn 2015 – 2024), Báo cáo kết quả phát triển du lịch huyện Quan.
35. UBND xã Minh Châu (2024), Báo cáo KT-XH xã Minh Châu, Quảng Ninh.
36. UBND xã Quan Lạn (2024), "*Báo cáo công tác du lịch và giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch trên địa bàn xã Quan Lạn*", Quảng Ninh.
37. UBND huyện Lý Sơn (Lạn giai đoạn 2015 – 2024), Báo cáo kết quả phát triển du lịch huyện Lý Sơn.
38. Trần Đức Thanh và nnk (2023), *Nhập môn khoa học Du lịch*, NXB ĐHQGHN.
39. Vũ Văn Thành (2006), "Tiềm năng phong phú của du lịch Vân Đồn", Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế "Nâng cao nhận thức và năng lực phát triển du lịch bền vững trong thời đại toàn cầu hóa", Hạ Long, tr.125-137.
40. Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (1999), *Tổ chức lãnh thổ du lịch*, NXB Giáo dục.
41. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 147/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030*, Hà Nội

42. Hội nghị Trung ương 8 khóa XII (2018), *Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22-10-2018, của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII, "Về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"*, Hà Nội.

43. Chính phủ (2022), *Quyết định số 150/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt* Chiến lược phát triển *nông nghiệp và nông thôn* bền vững giai đoạn *2021* - 2030, *tầm nhìn đến* năm 2050, Hà Nội.

44. Chính phủ (2024), *Quyết định số 509/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045,* Hà Nội..

45. Chính phủ (2010). *Quyết định số 568/QĐ-TTg, ngày 28/4/2010 về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế đảo Việt Nam đến năm 2020*, Hà Nội.

46. Chính phủ (2018). *Nghị* quyết *36-NQ/TW năm 2018 về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm* 2045, Hà Nội.

47. Phạm Quang Tuấn, Duong Thị Thủy, Lê Phương Thúy (2015), "Tiềm năng tài nguyên và giải pháp phát triển du lịch sinh thái đảo Quan Lạn, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường*, Tập 31, So 2.

48. Nguyễn Thanh Tưởng (2013), "Đánh giá SWOT đối với phát triển du lịch ở các đảo từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi", *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quảng Nam*, (03), tr.109-119.

49. Nguyễn Thanh Tưởng (2018), *Phát triển du lịch bền vững đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi*, Luận án tiến sĩ, Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.

50. Tổng cục Du lịch Việt Nam (2000), *Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động môi trường cho phát triển du lịch*, Hà Nội.

51. Mai Anh Vũ, Nguyễn Xuân Hiếu (2020), **"***Những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững"*, Tạp chí *Công Thương, Số T7***.**

52. Bùi Thị Hải Yến (2007), *Quy hoạch du lịch*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
53. Bùi Thị Hải Yến, Phạm Hồng Long (2007), *Tài nguyên du lịch*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
54. Bùi Thị Hải Yến (2012), *Du lịch cộng đồng*, Nxb giáo dục Việt Nam.
55. Bùi Thị Hải Yến (2012), *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, Nxb giáo dục Việt Nam.

II. Tài liệu tiếng Anh

56. M. Azam and T.Sarker. Green tourism in the context of climate change towards sustainable economic development in the South Asian Region. Journal of Environmental Management and Tourism, 2(3), pp.06-15, 2011.
57. Al-mughrabi, Abeer (2007), *Ecotourism: A Sustainable Approach of Tourism in Jordan*, The University of Arizona, USA, https://arizona.openrepository.com.
58. Hasan, Ali, "Green Tourism", Media Wisata, Vol. 12, No.1, 2014.
59. Agyeiwaah, E., McKercher, B., Suntikul W., 2017. Identifying core indicators of sustainable tourism: A path forward? Tour.Manag. Perspect. 24, 26-33. https://doi.org/10.1016/j.tmp.2017.07.005.
60. Asmelash, A.G., Kumar, S., 2019. Assessing progress of tourism sustainability: Developing and validating sustainability indicators. Tour. Manag. 71, 67-83.
61. Amerson, A., & Parsons, E. C. M. (2018). Evaluating the sustainability of the gray-whale-watching industry along the Pacific coast of North America. Journal of Sustainable Tourism, 26(8), 1362–1380, https://doi.org/10.1080/09669582.2018.1449848.
62. Anastasia Arabadzhyan, Paolo Figini, Carmen García, Matías M. González, Yen E. Lam-González & Carmelo J. León (2021*) Climate change, coastal tourism, and impact chains – a literature review,* Current Issues in Tourism, 24:16, 2233-2268, doi: 10.1080/13683500.2020.1825351

63. Amuzu, J., Jallow, B.P., Kabo-Bah, A.T., Yaffa, S., 2018. The Socio-Economic Impact of Climate Change on the Coastal Zone of the Gambia.

64. Atkinson, A.L., Baldock, T.E., Birrien, F., Callaghan, D.P., Nielsen, P., Beuzen, T., et al., 2018. *Laboratory investigation of the Bruun Rule and beach response to sea level rise*. Coast. Eng. 136, 183–202.

65. Butler R.W., Nelson J. G. & Wall G.(eds.) (1993), *Tourism and Sustainable Development: Monitoring. Planning, Managing,* Waterloo: Heritage Resources Centre, University of Waterloo.

66. V. O. Boiko, "Green tourism as a prospective direction for rural entrepreneurship development". *Scientific approaches to modernizing the economic system: vector of development: collective monograph,* Lviv-Toruń: Liha-Pres, pp.1-18, 2020.

67. David L. Edgell (2006) *Managing Sustainable Tourism: A Legacy for the Future*, Routledge, London.

68. Daniela Drumbrăveanu (2004), "Principles and practice of sustainable tourism planning", in: *Nationala pentru Turism, Strategia de ecoturism a Romaniei: cadru theoretic de dezvoltare,* Bucuresti, Romania. pp. 77-80.

69. Duxbury, N., Bakas, F. E., Vinagre de Castro, T., & Silva, S. (2020). Creative tourism development models towards sustainable and regenerative tourism. Sustainability, 13 (1), 2. https://doi.org/10.3390/su13010002

70. Engelbert Ruoss, Loredana Alfarè (2013), "Sustainable tourism as driving force for cultural heritage sites development", Project CHERPLAN (EU), *http://www.cherplan.eu*.

71. Greg Richards, Derek Hall (2000), *Tourism and sustainable community development,* Routledge, London.

72. A. Furqan, A. P. M. Som and R. Hussin, "Promoting green tourism for future sustainability". *Theoretical and empirical researches in urban management,* 5(8 (17), pp.64-74, 2010.

73. S. Ibnou-Laaroussi, H. Rjoub and W. K. Wong (2020), “Sustainability of green tourism among international tourists and its influence on the achievement of green environment: Evidence from North Cyprus”, *Sustainability*, 12(14), 5698, 2020.
74. O. V. Kovalova, V. V. Samsonova, and T. O. Gakal (2020), "The recovery of rural green tourism in COVID-19 conditions as an instrument for the renovation of the agrarian economy." *Business Inform*, pp. 155-162, 2020.
75. Jeffrey D. Kline (2001), “Tourism and Natural Resource Management: A General Overview of Research and Issues”, http://www.fs.fed.us
76. Liu, Z. (2003), “Sustainable tourism development: a critique”, *Journal of Sustainable Tourism*, pp. 459-475, https://pure.strath.ac.uk.
77. Luigi Cabrini (2011), “The Global Sustainable Tourism Criteria”, pp.3-6, http://www.gstcouncil.org.
78. Lee, T.H., Hsieh, H.-P (2016), Indicators of sustainable tourism: a case study from a Taiwan's wetland. Ecol. Indic. 67, 779–787
79. Lim, C., McAleer, M. (2005), Ecologically sustainable tourism management. Environ. Model Softw. 20, 1431–1438.
80. Martha Honey (2008), *Ecotourism and Sustainable Development: Who Owns Paradise?* (2nd ed), Island Press, London.
81. Murphy, P. E. (1998), ‘Tourism and sustainable development’, in: W.F. Theobald (ed.), *Global Tourism*, Butterworth-Heinemann, Oxford, pp. 173-190.
82. I. K. Suwena, I. K. suwena, N. K. Arismayanti, S. S. T. Par and N. K. Arismayanti (2017), Green Tourism Development as a Community Empowerment Efforts in Pemuteran Village, Buleleng, Bali. Udayana Journal of Social, Sciences, and Humanities, if(1), pp.108-120.
83. P.P. Wong (1991), Coastal Toursim in Southeart Asia, United States Coastal Resources Management Project, 40 pages.

84. UNCED (1992), *Agenda 21*, Rio de Janeiro, Brasil.
85. UNEP (2009), Sustainable Coastal Tourism: an Integrated Planning and Management approach. UNEP Manual on Sustainable Tourism
86. UNWTO (2013), Sustainable Tourism Governance and Management in Coastal Areas of Africa
87. UNWTO, DG DEVCO/EuropeAid (2013), "Sustainable Tourism for Development Guidebook", http://icr.unwto.org.
88. UNWTO (2019), *Tourism Highlights: 2019 Edition*.UNWTO (2004), *Indicators of Sustainable Development for Tourism Destinations*, Madrid, Spain.
89. Valeriu, Elena-Manuela (2007), "Cultural tourism and sustainable development", *Romanian Journal of Economic Forecasting*, Vol 1, pp. 89-96, *http://www.ipe.ro*.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: PHỤ LỤC ẢNH

Hình 1: Du khách trải nghiệm bắt quéo cùng người dân địa phương tại đảo Quan Lạn (Nguồn: internet)

Hình 2: Du khách trải nghiệm tour Một ngày làm ngư dân tại đảo Quan Lạn (Ảnh: Việt Anh)

Hình 3: Ngôi nhà cổ của vợ chồng bà Vũ Thị Dược ở Quan Lạn

Hình 4: Trải nghiệm làm ngư dân ở Quan Lạn

Hình 5: Bãi tắm Minh Châu

Hình 6: Đảo Lý Sơn nhìn từ trên cao

a) Cảng Sa Kỳ

b) Điểm du lịch Hang Câu

c) checkin cột cờ Tổ quốc Lý Sơn

d) Chèo thuyền thúng, ngắm san hô

Hình 8 (a,b,c,d): Thực tế tiềm năng du lịch đảo Lý Sơn

(Nguồn ảnh: Tác giả và trang thông tin địa phương, năm 2019, 2022)

PHỤ LỤC 2: PHỤ LỤC XỬ LÝ PHIẾU ĐIỀU TRA

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KHÁCH DU LỊCH ĐẢO QUAN LẠN

Đặc điểm	Mẫu n=120	
	Tần số	Tỷ lệ %
Giới tính		
Nam	56	46,4
Nữ	64	53,6
Tuổi		
<18	8	6,3
18-34	29	24,4
35-55	52	43,6
>55	31	25,7
Học vấn		
THPT	50	41,3
TC-CĐ	33	27,4
ĐH	26	21,3
SĐH	12	10
Nghề nghiệp		
Doanh nhân	22	18,3
CBVC	31	26,1
Học sinh	15	12,4
Lao động phổ thông	9	7,2
Hưu trí	34	28,5
Khác	9	7,5

Tổng thể mẫu khảo sát chính thức của nghiên cứu được phát ra là 120 khách du lịch, thu về 120, loại đi các phiếu trả lời không đạt yêu cầu và làm sạch dữ liệu, mẫu nghiên cứu đưa vào phân tích là 120 với một số đặc điểm chính như sau:

- ***Giới tính***: có 56 du khách là nam (46,4%); 64 du khách là nữ (53,6%).

- ***Tuổi***: có 8 du khách là dưới 18 tuổi (6,3%); 29 du khách là từ 18-34 tuổi (24,4%); 52 du khách là từ 35-55 tuổi (43,6%); 31 du khách là trên 55 tuổi (25,7%).

- ***Học vấn:*** có 50 du khách là trình độ THPT (41,3%); có 33 du khách là trình độ trung cấp, cao đẳng (27,4%); có 26 du khách là trình độ đại học (21,3%); có 12 du khách là trình độ sau đại học (10,0%).

- **Nghề nghiệp:** có 22 du khách là kinh doanh (18,3%); có 31 du khách là viên chức (26,1), 15 học sinh (12,4%) và 9 lao động phổ thông (7,2%); có 34 du khách là cán bộ hưu (28,5%), 09 làm các ngành nghề khác (7,5%).

TT	CÂU HỎI	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Mức đánh giá
I.	**PHIẾU: PHỎNG VẤN KHÁCH DU LỊCH ĐẢO QUAN LẠN**			
1	***Đây là lần thứ bao nhiêu anh/chị đi du lịch đến đảo Quan Lạn?***			
	Lần đầu tiên	78	70,0	KC
	Lần thứ hai	26	15,8	RT
	Lần thứ ba	19	9,2	RT
	Lần thứ tư trở lên	7	5,0	RT
2	***Mục đích của anh/chị khi đi du lịch đảo Quan Lạn?***			
	Du lịch tham quan tự nhiên	113	94,2	C
	Du lịch tắm biển	115	95,8	C
	Du lịch trải nghiệm văn hóa	76	63,3	KC
	Du lịch nghỉ dưỡng	96	80,0	KC
	Du lịch sinh thái	82	68,3	KC
	Du lịch kết hợp với các mục đích khác	4	3,3	RT
3	***Trước khi đến đảo Quan Lạn, anh/chị đã từng biết những điểm du lịch nào ở đây?***			

	Khu Bãi tắm sơn Hào/ Khu bãi tắm Minh Châu/ Bãi biển Quan Lạn	117	97,5	C
	Bãi Gót – Eo gió	92	76,7	KC
	Quần thể di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia đình - chùa - miếu - nghè Quan Lạn	102	85,0	C
	Miếu thờ Trần Khánh Dư	37	30,8	T
	Vườn quốc gia Ba Mùn	66	55,0	TB
	Nhà cổ Quan Lạn	21	6,6	RT
4	***Trong chuyến du lịch lần này anh/chị tham quan những điểm du lịch nào ở đảo Quan Lạn?***			
	Khu Bãi tắm sơn Hào/ Khu bãi tắm Minh Châu/ Bãi biển Quan Lạn	118	98,3	C
	Bãi Gót – Eo gió	103	85,8	C
	Quần thể di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia đình - chùa - miếu - nghè Quan Lạn	98	81,7	C
	Miếu thờ Trần Khánh Dư	37	30,8	T
	Vườn quốc gia Ba Mùn	87	72,5	KC
	Nhà cổ Quan Lạn	32	26,7	T
13	***Đi du lịch đảo Quan Lạn, chuyến đi của anh/chị kéo dài trong bao lâu?***			
	Môt ngày	9	7,5	RT
	Hai ngày	17	14,2	RT
	Ba ngày	87	72,5	KC
	Trên ba ngày	7	5,8	RT
14	***Sau chuyến du lịch, anh/chị có muốn quay trở lại đảo Quan Lạn hay không?***			
	Chắc chắn có	66	55,0	TB
	Có thể có	21	17,5	RT
	Không biết	17	14,2	RT
	Có thể không	12	10,0	RT
	Chắc chắn không	4	3,3	RT

TT	CÂU HỎI	Điểm tối đa	Kết quả theo từng cấp độ, tương ứng với số điểm: Ghi chú: Rất hấp dẫn: 4 điểm; khá hấp dẫn 3 điểm, bình thường: 2 điểm, Kém hấp dẫn: 1 điểm// Rất tốt: 4 điểm; Tốt 3 điểm, Khá tốt: 2 điểm, Không tốt: 1 điểm// Rất cao: 4 điểm; Cao 3 điểm, Trung bình: 2 điểm, Thấp: 1 điểm//										Tổng số phiếu	Điểm trung bình	Mức đánh giá
			Mức điểm: 5		Mức điểm: 4		Mức điểm: 3		Mức điểm: 2		Mức điểm: 1				
			Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn			
I.	**PHIẾU: PHỎNG VẤN KHÁCH DU LỊCH ĐẢO QUAN LẠN**														
5	***Theo anh/chị, mức độ hấp dẫn của SPDL đảo Quan Lạn hiện nay như thế nào?***	4	-	-	41	164	53	159	23	46	3	3	120	3,1	C
6	***Đánh giá của anh/chị về các dịch vụ du lịch của đảo Quan Lạn,***														
	Lưu trú	4	-	-	35	140	41	123	38	76	6	6	120	2,89	KC
	Ẩm thực	4	-	-	38	152	42	126	35	70	5	5	120	2,94	KC
	Hướng dẫn tham quan du lịch suốt tuyến	4	-	-	26	104	42	126	45	90	7	7	120	2,73	KC
	Thuyết minh viên du lịch tại điểm	4	-	-	16	64	33	99	45	90	26	26	120	2,33	KC

	Hàng lưu niệm du lịch và đặc sản địa phương	4	-	-	19	76	28	84	49	98	24	24	120	2,35	KC
7	***Anh/chị hãy cho biết mức độ hài lòng về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tại các điểm du lịch của đảo***														
	Cơ sở hạ tầng														
	Phương tiện vận chuyển chất lượng, an toàn	5	24	120	27	108	31	93	27	54	11	11	120	3,22	KC
	Bến tàu đến rộng rãi, sạch sẽ	5	21	105	32	128	29	87	26	52	12	12	120	3,20	KC
	Tuyến đường giao thông đảm bảo, chất lượng	5	24	120	26	104	31	93	28	56	11	11	120	3,2	KC
	Cơ sở lưu trú														
	Phòng ở sạch sẽ, thoáng mát, tiện nghi	5	27	135	28	112	32	96	21	42	12	12	120	3,31	KC
	Chất lượng phục vụ tốt	5	21	105	23	92	37	111	32	64	7	7	120	3,16	KC
	Vị trí thuận lợi, cảnh quan đẹp	5	24	120	25	100	36	108	27	54	8	8	120	3,25	KC
	Các yếu tố khác														
	Hệ thống điện, năng lượng đảm bảo	5	24	120	25	100	36	108	27	54	8	8	120	3,25	KC

	Có đầy đủ tiện nghi (wifi, điều hoà…)	5	19	95	26	104	38	114	25	50	12	12	120	3,13	KC
	Dịch vụ vui chơi, giải trí	5	19	95	29	116	31	93	30	60	11	11	120	3,13	KC
8	***Anh/chị hãy cho biết mức độ hài lòng về một số loại dịch vụ và giá cả dịch vụ tại các điểm du lịch của đảo:***														
	Dịch vụ														
	Dịch vụ ăn uống đa dạng và phong phú	5	25	125	24	96	26	78	37	74	8	8	120	3,18	KC
	Dịch vụ mua sắm đa dạng và phong phú	5	24	120	21	84	37	111	35	70	3	3	120	3,23	KC
	Dịch vụ vui chơi giải trí đa dạng và phong phú	5	19	95	23	92	23	69	27	54	28	28	120	2,82	TB
	Giá cả dịch vụ														
	Giá cả ăn uống	5	26	130	25	100	30	90	32	64	7	7	120	3,26	KC
	Giá cả phí tham quan	5	27	135	29	116	31	93	24	48	9	9	120	3,34	KC
	Giá cả vui chơi giải trí, mua sắm	5	26	130	34	136	27	81	26	52	7	7	120	3,38	KC
	Giá cả lưu trú	5	28	140	32	128	29	87	26	52	5	5	120	3,43	KC
	Giá cả vận chuyển	5	25	125	25	100	27	81	31	62	12	12	120	3,17	KC

9	***Anh/chị hãy cho biết mức độ hài lòng về nhân viên phục vụ nhiệt tình, thân thiện và lịch sự tại các điểm du lịch của đảo?***														
	Nhân viên vận chuyển	5	37	185	48	192	21	63	11	22	3	3	120	3,88	KC
	Nhân viên phục vụ tại các điểm du lịch	5	28	140	34	136	29	87	22	44	7	7	120	3,45	KC
	Nhân viên nhà hàng	5	21	105	32	128	29	87	30	60	8	8	120	3,23	KC
	Nhân viên tại cơ sở lưu trú	5	21	105	24	96	35	105	27	54	13	13	120	3,11	KC
	Hướng dẫn viên du lịch	5	23	115	31	124	27	81	26	52	13	13	120	3,21	KC
10	***Anh/chị hãy cho biết mức độ hài lòng về các vấn đề an ninh trật tự và an toàn xã hội tại các điểm du lịch của đảo?***														
	Tình trạng chèo kéo, giành giật, cò mồi khách	5	27	135	31	124	35	105	21	42	6	6	120	3,43	KC
	Tình trạng ăn xin	5	24	120	21	84	38	114	29	58	8	8	120	3,20	KC
	Tình trạng trộm cắp, cướp giật	5	21	105	32	128	29	87	30	60	8	8	120	3,23	KC
	Tình trạng đeo bám, cò mồi khách	5	18	90	26	104	34	102	31	62	11	11	120	3,08	KC
	Tình trạng thách giá, "chặt chém"	5	18	90	26	104	27	81	33	66	16	16	120	2,98	TB
11	***Anh/chị hãy cho biết mức độ hài lòng về các vấn đề môi trường tại các điểm du lịch của đảo?***														
	Chất lượng không khí	5	34	170	39	156	24	72	19	38	4	4	120	3,67	KC

	Nguồn nước sinh hoạt	5	36	180	39	156	23	69	18	36	4	4	120	3,71	KC
	Chất lượng ước biển	5	41	205	35	140	21	63	21	42	2	2	120	3,77	KC
	Rác thải ô nhiễm	5	17	85	35	140	31	93	26	52	11	11	120	3,18	KC
	Bãi biển xanh, sạch đẹp	5	35	175	38	152	24	72	18	36	5	5	120	3,67	KC
15	***Theo anh/chị, chất lượng SPDL của đảo Quan Lạn như thế nào?***														
	Sự đa dạng	5	31	155	45	180	38	114	31	62	6	6	120	4,31	C
	Sự độc đáo	5	33	165	47	188	39	117	31	62	3	3	120	4,46	C
	Sự hấp dẫn	5	35	175	49	196	34	102	31	62	5	5	119	4,50	C
	Thái độ phục vụ của người làm du lịch	5	29	145	38	152	49	147	25	50	8	8	120	4,18	C
	Sự chuyên nghiệp trong phục vụ du khách	5	26	130	31	124	43	129	31	62	6	6	111	3,76	KC
	Giá cả	5	29	145	32	128	48	144	31	62	7	7	118	4,05	C
16	***Đánh của anh/chị về một số sản phẩm/dịch vụ du lịch của đảo Quan Lạn?***														
	Du lịch tham quan tự nhiên	5	26	130	31	124	46	138	34	68	9	9	120	3,91	KC

	Du lịch tắm biển	5	27	135	49	196	36	108	29	58	6	6	120	4,19	C
	Du lịch văn hóa	5	21	105	25	100	46	138	39	78	10	10	120	3,59	KC
	Du lịch nghỉ dưỡng	5	23	115	41	164	37	111	32	64	10	10	120	3,87	KC
	Du lịch thể thao mạo hiểm	5	12	60	16	64	39	117	51	102	14	14	120	2,98	TB
	Du lịch trải nghiệm	5	27	135	43	172	40	120	21	42	16	16	120	4,04	C
	Du lịch kết hợp với các mục đích khác	5	17	85	25	100	35	105	53	106	7	7	120	3,36	KC
17	***Theo anh/chị, du lịch đảo Quan Lạn cần làm gì để phát triển bền vững?***														
	Gửi khách guidebook, tờ rơi, bộ quy tắc ứng xử hướng dẫn tham quan an toàn, bảo vệ môi trường, hướng dẫn du lịch bền vững	4	-	-	29	116	33	99	49	98	9	9	120	2,68	KC
	Đa dạng hóa sản phẩm/dịch vụ/tour du lịch thân thiện môi trường, bảo tồn giá trị di sản	4	-	-	27	108	29	87	52	104	12	12	120	2,59	KC
	Xây dựng SPDL đặc thù	4	-	-	24	96	27	81	57	114	12	12	120	2,53	KC

	Xây dựng SPDL xanh	4	-	-	19	76	21	63	67	134	13	13	120	2,38	KC
	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	4	-	-	19	76	28	84	59	118	14	14	120	2,43	KC
	Bảo tồn và phát huy giá trị sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn	4	-	-	24	96	39	117	39	78	18	18	120	2,58	KC
	Xúc tiến, Quảng bá du lịch	4	-	-	23	92	36	108	42	84	19	19	120	2,53	KC
19	***Du lịch xanh không những là sự bảo đảm cho phát triển du lịch bền vững, mà còn là giải pháp giúp gia tăng lượng khách có mức chi tiêu cao và có ý thức, hành động văn minh khi tham gia du lịch, Các SPDL đặc thù, du lịch xanh đề xuất tại đảo Quan Lạn đề xuất phát triển phục vụ phát triển du lịch bền vững là:***													
	Sản phẩm 1: ***Du lịch sinh thái, trải nghiệm biển xanh***	4	-	-	83	332	21	63	16	32	0	0	120	3,56	C
	Sản phẩm 2: ***Du lịch khám phá hệ sinh thái tự nhiên kết hợp giáo dục về môi trường***	4	-	-	86	344	19	57	15	30	0	0	120	3,59	C
	Sản phẩm 3: Trải nghiệm "***Một ngày làm ngư dân trên đảo Quan Lạn***"	4	-	-	84	336	21	63	14	28	1	1	120	3,57	C
	Sản phẩm 4: ***Du lịch sinh thái nhân văn kết hợp với du lịch văn hóa, lịch sử***	4	-	-	81	324	18	54	17	34	4	4	120	3,47	C

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KHÁCH DU LỊCH ĐẢO LÝ SƠN

Bảng 3.1. Đặc điểm mẫu khảo sát khách su lịch đảo Lý Sơn

Đặc điểm	Mẫu n=200	
	Tần số	Tỷ lệ %
Giới tính		
Nam	83	41,4
Nữ	117	58,6
Tuổi		
<18	8	3,9
18-34	32	15,6
35-55	117	58,6
>55	43	21,9
Học vấn		
THPT	87	43,7
TC-CĐ	52	26,2
ĐH	46	22,7
SĐH	15	7,4
Nghề nghiệp		
Doanh nhân	42	21,4
CBVC	48	23,9
Học sinh	19	9,4
Lao động phổ thông	12	5,8
Hưu trí	72	35,9
Khác	7	3,6

Tổng thể mẫu khảo sát chính thức của nghiên cứu được phát ra là 200 khách du lịch, thu về 200, loại đi các phiếu trả lời không đạt yêu cầu và làm sạch dữ liệu, mẫu nghiên cứu đưa vào phân tích là 200 với một số đặc điểm chính như sau:

- ***Giới tính***: có 83 du khách là nam (41,4%); 117 du khách là nữ (58,6%).

- ***Tuổi***: có 8 du khách là dưới 18 tuổi (3,9%); 32 du khách là từ 18-34 tuổi (15,6%); 117 du khách là từ 35-55 tuổi (58,6%); 43 du khách là trên 55 tuổi (21,9%).

- ***Học vấn:*** có 87 du khách là trình độ THPT (43,7%); có 52 du khách là trình độ trung cấp, cao đẳng (26,2%); có 46 du khách là trình độ đại học (22,7%); có 15 du khách là trình độ sau đại học (7,4%).

- **Nghề nghiệp:** có 42 du khách là kinh doanh (21,4%); có 48 du khách là viên chức (23,9), 19 học sinh (9,4%) và 12 lao động phổ thông (5,8%); có 72 du khách là cán bộ hưu (35,9%), 7 người làm các ngành nghề khác (3,6%).

TT	CÂU HỎI	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Mức đánh giá
II.	**PHIẾU: PHỎNG VẤN KHÁCH DU LỊCH ĐẢO LÝ SƠN**			
1	***Đây là lần thứ bao nhiêu anh/chị đi du lịch đến đảo Lý Sơn?***			
-	*Lần đầu tiên*	145	72,5	KC
-	*Lần thứ hai*	37	18,5	RT
-	*Lần thứ ba*	31	15,5	RT
-	*Lần thứ tư trở lên*	7	3,5	RT
2	***Mục đích của anh/chị khi đi du lịch đảo Lý Sơn?***			
-	Du lịch tham quan tự nhiên	187	93,5	C
-	Du lịch tắm biển	188	94,0	C
-	Du lịch trải nghiệm văn hóa	146	73,0	KC
-	Du lịch nghỉ dưỡng	179	89,5	C
-	Du lịch sinh thái	157	78,5	KC
-	Du lịch kết hợp với các mục đích khác	14	7,0	RT
3	***Trước khi đến đả Lý Sơn, anh/chị đã từng biết những điểm du lịch nào ở đây?***			

-	Hang Câu	187	93,5	C
-	Cổng Tò Vò	173	86,5	C
-	Bãi Ngang	46	23,0	T
-	Chùa Hang	168	84,0	C
-	Chùa Đục và đình Liêm Tự	169	84,5	C
-	Âm Linh Tự	158	79,0	KC
-	Đỉnh núi Thới Lới	187	93,5	C
-	Khu du lịch Hoàng Sa và ngọn hải đăng Mù Cu	137	68,5	KC
-	Cánh đòng trồng tỏi	186	93,0	C
-	Đảo bé - Hòn Mù Cu	185	92,5	C
-	Làng bích họa	159	79,5	KC
4	***Trong chuyến du lịch lần này anh/chị tham quan những điểm du lịch nào ở đảo Lý Sơn?***			
-	Hang Câu	171	85,3	C
-	Cổng Tò Vò	179	89,4	C
-	Bãi Ngang	152	75,9	KC
-	Chùa Hang	178	88,8	C
-	Chùa Đục và đình Liêm Tự	184	92,2	C
-	Âm Linh Tự	179	89,7	C
-	Đỉnh núi Thới Lới	174	86,9	C
-	Khu du lịch Hoàng Sa và ngọn hải đăng Mù Cu	153	76,6	KC
-	Cánh đồng trồng tỏi	197	98,4	C
-	Đảo bé - Hòn Mù Cu	179	89,7	C
-	Làng bích họa	167	83,4	c
12	***Đi du lịch đảo Lý Sơn, chuyến đi của anh/chị kéo dài trong bao lâu?***			
-	Một ngày	0	0,0	RT

-	Hai ngày	48	24,0	T
-	Ba ngày	133	66,5	KC
-	Trên ba ngày	19	9,5	RT
13	***Sau chuyến du lịch, anh/chị có muốn quay trở lại đảo Lý Sơn hay không?***			
-	Chắc chắn có	127	63,5	KC
-	Có thể có	43	21,5	T
-	Không biết	31	15,5	RT
-	Có thể không	17	8,5	RT
-	Chắc chắn không	2	1,0	RT

TT	CÂU HỎI	Điểm tối đa	Kết quả theo từng cấp độ, tương ứng với số điểm: Ghi chú: Rất hấp dẫn: 4 điểm; khá hấp dẫn 3 điểm, bình thường: 2 điểm, Kém hấp dẫn: 1 điểm// Rất tốt: 4 điểm; Tốt 3 điểm, Khá tốt: 2 điểm, Không tốt: 1 điểm// Rất cao: 4 điểm; Cao 3 điểm, Trung bình: 2 điểm, Thấp: 1 điểm										Tổng số phiếu	Điểm trung bình	Mức đánh giá
			Mức điểm: 5		Mức điểm: 4		Mức điểm: 3		Mức điểm: 2		Mức điểm: 1				
			Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn			
I.	**PHIẾU: PHỎNG VẤN KHÁCH DU LỊCH ĐẢO LÝ SƠN**														
5	***Theo anh/chị, mức độ hấp dẫn của SPDL đảo Lý Sơn hiện nay như thế nào?***	4	-	-	61	244	73	219	43	86	23	23	200	2,86	KC
6	***Đánh giá của anh/chị về các dịch vụ du lịch của đảo Lý Sơn***														
-	Lưu trú	4	-	-	55	220	61	183	58	116	26	26	200	2,73	KC
-	Ẩm thực	4	-	-	58	232	62	186	55	110	25	25	200	2,77	KC
-	Hướng dẫn tham quan du lịch suốt tuyến	4	-	-	56	224	62	186	65	130	17	17	200	2,79	KC
-	Thuyết minh viên du lịch tại điểm	4	-	-	36	144	53	159	65	130	46	46	200	2,40	KC

-	Hàng lưu niệm du lịch và đặc sản địa phương	4	-	-	39	156	48	144	69	138	44	44	200	2,41	KC
7	***Anh/chị hãy cho biết mức độ hài lòng về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tại các điểm du lịch của đảo***														
	Cơ sở hạ tầng														
-	Phương tiện vận chuyển chất lượng, an toàn	5	44	220	47	188	51	153	42	84	16	16	200	3,31	KC
-	Bến tàu đến rộng rãi, sạch sẽ	5	41	205	47	188	43	129	46	92	23	23	200	3,19	KC
-	Tuyến đường giao thông đảm bảo, chất lượng	5	44	220	48	192	46	138	41	82	21	21	200	3,27	KC
	Cơ sở lưu trú														
-	Phòng ở sạch sẽ, thoáng mát, tiện nghi	5	42	210	48	192	54	162	34	68	22	22	200	3,27	KC
-	Chất lượng phục vụ tốt	5	46	230	49	196	47	141	43	86	15	15	200	3,34	KC
-	Vị trí thuận lợi, cảnh quan đẹp	5	46	230	43	172	51	153	43	86	17	17	200	3,29	KC
	Các yếu tố khác														
-	Hệ thống điện, năng lượng đảm bảo	5	39	195	41	164	55	165	49	98	16	16	200	3,19	KC

-	Có đầy đủ tiện nghi (wifi, điều hoà…)	5	35	175	43	172	51	153	46	92	25	25	200	3,09	KC
-	Dịch vụ vui chơi, giải trí	5	36	180	38	152	53	159	51	102	22	22	200	3,08	KC
8	***Anh/chị hãy cho biết mức độ hài lòng về một số loại dịch vụ và giá cả dịch vụ tại các điểm du lịch của đảo:***														
	Dịch vụ														
-	Dịch vụ ăn uống đa dạng và phong phú	5	42	210	39	156	46	138	52	104	21	21	200	3,15	KC
-	Dịch vụ mua sắm đa dạng và phong phú	5	41	205	36	144	57	171	52	104	14	14	200	3,19	KC
-	Dịch vụ vui chơi giải trí đa dạng và phong phú	5	36	180	38	152	43	129	43	86	40	40	200	2,94	TB
	Giá cả dịch vụ														
-	Giá cả ăn uống	5	43	215	49	196	50	150	42	84	16	16	200	3,31	KC
-	Giá cả phí tham quan	5	54	270	44	176	51	153	34	68	17	17	200	3,42	KC
-	Giá cả vui chơi giải trí, mua sắm	5	43	215	49	196	47	141	37	74	24	24	200	3,25	KC
-	Giá cả lưu trú	5	45	225	47	188	49	147	37	74	22	22	200	3,28	KC
-	Giá cả vận chuyển	5	42	210	40	160	47	141	46	92	25	25	200	3,14	KC

9	***Anh/chị hãy cho biết mức độ hài lòng về nhân viên phục vụ nhiệt tình, thân thiện và lịch sự tại các điểm du lịch của đảo***														
-	Nhân viên vận chuyển	5	54	270	53	212	41	123	11	22	3	3	162	3,15	KC
-	Nhân viên phục vụ tại các điểm du lịch	5	45	225	49	196	49	147	22	44	7	7	172	3,10	KC
-	Nhân viên nhà hàng	5	38	190	47	188	49	147	30	60	8	8	172	2,97	TB
-	Nhân viên tại cơ sở lưu trú	5	38	190	39	156	45	135	27	54	13	13	162	2,74	TB
-	Hướng dẫn viên du lịch	5	40	200	46	184	47	141	26	52	13	13	172	2,95	TB
10	***Anh/chị hãy cho biết mức độ hài lòng về các vấn đề an ninh trật tự và an toàn xã hội tại các điểm du lịch của đảo***														
-	Tình trạng chèo kéo, giành giật, cò mồi khách	5	44	220	46	184	55	165	36	72	19	19	200	3,30	KC
-	Tình trạng ăn xin	5	41	205	36	144	58	174	44	88	21	21	200	3,16	KC
-	Tình trạng trộm cắp, cướp giật	5	38	190	47	188	49	147	45	90	21	21	200	3,18	KC
-	Tình trạng đeo bám, cò mồi khách	5	36	180	41	164	54	162	46	92	23	23	200	3,11	KC
-	Tình trạng thách giá, “chặt chém”	5	35	175	40	160	47	141	48	96	30	30	200	3,01	KC
11	***Anh/chị hãy cho biết mức độ hài lòng về các vấn đề môi trường tại các điểm du lịch của đảo***														
-	Chất lượng không khí	5	41	205	54	216	44	132	39	78	22	22	200	3,27	KC

-	Nguồn nước sinh hoạt	5	53	265	54	216	43	129	36	72	14	14	200	3,48	KC
-	Chất lượng ước biển	5	58	290	49	196	41	123	36	72	16	16	200	3,49	KC
-	Rác thải ô nhiễm	5	34	170	48	192	58	174	41	82	19	19	200	3,19	KC
-	Bãi biển xanh, sạch đẹp	5	52	260	53	212	54	162	35	70	6	6	200	3,55	KC
15	***Theo anh/chị, chất lượng SPDL của đảo Lý Sơn như thế nào?***														
-	Sự đa dạng	5	48	240	57	228	48	144	37	74	10	10	200	3,48	KC
-	Sự độc đáo	5	51	255	59	236	49	147	36	72	5	5	200	3,58	KC
-	Sự hấp dẫn	5	52	260	61	244	44	132	38	76	5	5	200	3,59	KC
-	Thái độ phục vụ của người làm du lịch	5	31	155	32	128	61	183	42	84	34	34	200	2,92	TB
-	Sự chuyên nghiệp trong phục vụ du khách	5	31	155	38	152	59	177	57	114	15	15	200	3,07	KC
-	Giá cả	5	46	230	53	212	51	153	37	74	13	13	200	3,41	KC
16	***Đánh của anh/chị về một số sản phẩm/dịch vụ du lịch của đảo Quan Lạn?***														
-	Du lịch tham quan tự nhiên	5	43	215	31	124	56	168	49	98	21	21	200	3,13	KC
-	Du lịch tắm biển	5	44	220	49	196	46	138	43	86	18	18	200	3,29	KC

-	Du lịch văn hóa	5	38	190	25	100	66	198	43	86	28	28	200	3,01	KC
-	Du lịch nghỉ dưỡng	5	40	200	41	164	47	141	47	94	25	25	200	3,12	KC
-	Du lịch thể thao mạo hiểm	5	37	185	16	64	49	147	67	134	31	31	200	2,81	TB
-	Du lịch trải nghiệm	5	44	220	43	172	50	150	38	76	25	25	200	3,22	KC
-	Du lịch kết hợp với các mục đích khác	5	34	170	25	100	45	135	68	136	28	28	200	2,85	TB
17	***Theo anh/chị, du lịch đảo Lý Sơn cần làm gì để phát triển bền vững?***														
-	Gửi khách guidebook, tờ rơi, bộ quy tắc ứng xử hướng dẫn tham quan an toàn, bảo vệ môi trường, hướng dẫn du lịch bền vững	4	-	-	49	196	43	129	79	158	29	29	200	2,56	KC
-	Đa dạng hóa sản phẩm/dịch vụ/tour du lịch thân thiện môi trường, bảo tồn giá trị di sản	4	-	-	47	188	49	147	72	144	32	32	200	2,56	KC
-	Xây dựng SPDL đặc thù	4	-	-	44	176	47	141	77	154	32	32	200	2,52	KC
-	Xây dựng SPDL xanh	4	-	-	49	196	41	123	79	158	31	31	200	2,54	KC
-	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	4	-	-	49	196	48	144	75	150	28	28	200	2,59	KC

-	Bảo tồn và phát huy giá trị sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn	4	-	-	44	176	59	177	59	118	38	38	200	2,55	KC
-	Xúc tiến, Quảng bá du lịch	4	-	-	43	172	56	168	62	124	39	39	200	2,52	KC
19	***Du lịch xanh không những là sự bảo đảm cho phát triển du lịch bền vững, mà còn là giải pháp giúp gia tăng lượng khách có mức chi tiêu cao và có ý thức, hành động văn minh khi tham gia du lịch, Các SPDL đặc thù, du lịch xanh đề xuất tại đảo Lý Sơn đề xuất phát triển phục vụ phát triển du lịch bền vững là:***														
-	Sản phẩm 1: Du lịch địa chất tại công viên địa chất đảo Lý Sơn	4	-	-	165	660	24	72	11	22	0	0	200	3,77	C
-	Sản phẩm 2: Du lịch trải nghiệm biển xanh	4	-	-	174	696	24	72	2	4	0	0	200	3,86	C
-	Sản phẩm 3: Du lịch trải nghiệm xanh"1 ngày là công dân Vương quốc Tỏi"	4	-	-	171	684	23	69	6	12	0	0	200	3,83	C
-	Sản phẩm 4: Du lịch văn hóa biển đảo gắn liền với chủ quyền quốc gia	4	-	-	146	584	25	75	18	36	11	11	200	3,53	C

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CỘNG ĐỒNG ĐẢO QUAN LẠN

Đặc điểm	Mẫu n=100	
	Tần số	Tỷ lệ %
Giới tính		
Nam	49	49
Nữ	51	51
Tuổi		
<18	5	5
18-34	27	27
35-55	45	45
>55	23	23

TT	CÂU HỎI	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Mức đánh giá
I.	**PHIẾU: PHỎNG VẤN CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG ĐẢO QUAN LẠN: 100 PHIẾU**			
1	***Ở địa phương Cô/Bác/Anh/Chị có những điểm du lịch nào thu hút du khách?***			
-	Khu Bãi tắm sơn Hào/ Khu bãi tắm Minh Châu/ Bãi biển Quan Lạn	92	92	C
-	Bãi Gót – Eo gió	87	87	C
-	Quần thể di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia đình - chùa - miếu - nghè Quan Lạn	89	89	C
-	Miếu thờ Trần Khánh Dư	85	85	C
-	Vườn quốc gia Ba Mùn	88	88	C
-	Nhà cổ Quan Lạn	86	86	C
4	***Theo Cô/Chú/Anh/Chị, khách du lịch đến tham quan địa phương vì lý do gì?***			
-	Cảnh quan hấp dẫn	91	91	C
-	Di tích lịch sử có giá trị	89	89	C
-	Bãi biển đẹp	94	94	C
-	Tất cả các ý trên	92	92	C

5	***Mức độ cảm nhận của Cô/Bác/Anh/Chị khi có khách du lịch tới địa phương?***			
-	Rất vui	79	79	KC
-	Vui	9	9	RT
-	Bình thường	5	5	RT
-	Không vui	4	4	RT
-	Không quan tâm	3	3	RT
6	***Cô/Bác/Anh/Chị lo ngại nhất về vấn đề gì khi có nhiều khách du lịch đến địa phương?***			
-	Ô nhiễm môi trường	24	24	T
-	Xáo trộn cuộc sống	43	43	TB
-	Ảnh hưởng đến văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng	46	46	TB
-	Chi phí đời sống gia tăng, quỹ đất đắt đỏ	37	37	T
7	***Hiện nay, Cô/Bác/Anh/Chị có tham gia hoạt động du lịch ở địa phương không?***			
-	Có	67	67	KC
-	Không	33	33	T
8	***Cô/Bác/Anh/Chị đang kinh doanh dịch vụ nào?***			
-	Hoạt động hướng dẫn, dẫn đường cho khách	67	67	KC
-	Hướng dẫn trải nghiệm	38	38	TB
-	Mang vác hành lý	35	35	TB
-	Cho thuê phương tiện vận chuyển	57	57	KC
-	Dịch vụ lưu trú	54	54	KC
-	Dịch vụ ẩm thực	47	47	KC
-	Trình diễn nghệ thuật dân gian	27	27	T
-	Dịch vụ bổ sung, bán hàng lưu niệm	49	49	KC
-	Hướng kinh doanh khác	48	48	KC
9	***Theo Cô/Bác/Anh/Chị, lý do chính người dân địa phương muốn tham gia hoạt động du lịch là:***			
-	Tạo thêm việc làm và việc làm mới	65	65	KC
-	Tăng thu nhập cho bản thân và gia đình	66	66	KC
-	Giúp công việc buôn bán được thuận lợi	72	72	KC
-	Gia tăng tiêu thụ sản phẩm nông, ngư nghiệp của	86	86	C

	địa phương			
-	Sử dụng tốt hơn các nguồn lực của gia đình	84	84	C
-	Hỗ trợ phát triển, bảo tồn nghề truyền thống tại địa phương	69	69	KC
-	Quảng bá, giới thiệu vẻ đẹp tự nhiên, văn hoá đến du khách	83	83	C
-	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, truyền thống của địa phương	78	78	KC
10	***Hoạt động du lịch tại địa phương của Cô/Bác/Anh/Chị được quảng bá qua những kênh thông tin nào?***			
-	Ti vi/ Radio	88	88	C
-	Báo chí	83	83	C
-	Website du lịch	86	86	C
-	Mạng xã hội	84	84	C
-	Công ty du lịch	81	81	C
-	Bạn bè/người thân	75	75	KC
11	***Để thu hút du khách, theo Cô/Bác/Anh/Chị, người dân địa phương cần làm gì?***			
-	Sửa chữa nhà cửa đủ tiêu chuẩn đón khách du lịch	94	94	C
-	Tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ du lịch	89	89	C
-	Thái độ thân thiện, nồng hậu	92	92	C
-	Giữ gìn vệ sinh môi trường	94	94	C
-	Giao tiếp được bằng ngoại ngữ	91	91	C
-	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, truyền thống của địa phương	93	93	C
12	***Cô/Bác/Anh/Chị muốn được trợ giúp về lĩnh vực nào khi tham gia vào hoạt động du lịch tại địa phương?***			
-	Vốn đầu tư	88	88	C
-	Xúc tiến, quảng bá SPDL	94	94	C
-	Hướng dẫn cách thức đón tiếp và phục vụ khách du lịch	92	92	C
13	***Theo Cô/Bác/Anh/Chị, tác động tích cực của phát triển du lịch đến kinh tế - xã hội?***			

-	Du lịch phát triển đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân	92	92	C
-	Du lịch phát triển đã đưa đến nhiều cơ hội đầu tư cho huyện đảo	93	93	C
-	Thu nhập của người dân huyện đảo được cải thiện nhờ du lịch phát triển	88	88	C
-	Du lịch phát triển đã đưa đến sự cải thiện cơ sở hạ tầng cho huyện đảo	93	93	C
-	Tạo điều kiện cho giới trẻ cơ hội hiểu biết thêm về văn hoá, bảo vệ nét đẹp truyền thống qua việc tổ chức các lễ hội	86	86	C
-	Đưa đến sự đa dạng, phong phú thêm về văn hoá	91	91	C
-	Tạo sự giao lưu, gặp gỡ du khách từ mọi miền trong nước và thế giới làm phong phú thêm những hiểu biết của người dân địa phương.	92	92	C

TT (câu)	CÂU HỎI	Điểm tối đa	Kết quả theo từng cấp độ, tương ứng với số điểm: Ghi chú: Rất hấp dẫn: 4 điểm; khá hấp dẫn 3 điểm, bình thường: 2 điểm, Kém hấp dẫn: 1 điểm// Rất tốt: 4 điểm; Tốt 3 điểm, Khá tốt: 2 điểm, Không tốt: 1 điểm// Rất cao: 4 điểm; Cao 3 điểm, Trung bình: 2 điểm, Thấp: 1 điểm										Tổng số phiếu	Điểm trung bình	Mức đánh giá
			Mức điểm: 5		Mức điểm: 4		Mức điểm: 3		Mức điểm: 2		Mức điểm: 1				
			Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn			
I.	**PHỎNG VẤN TẠI ĐẢO QUAN LẠN**														
2	***Mức độ thu hút du khách của những điểm du lịch đó?***														
-	Khu Bãi tắm sơn Hào/ Khu bãi tắm Minh Châu/ Bãi biển Quan Lạn	4	-	-	74	296	12	36	12	24	2	2	100	3,58	C
-	Bãi Gót – Eo gió	4	-	-	62	248	23	69	13	26	2	2	100	3,45	C
-	Quần thể di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia đình - chùa - miếu - nghè Quan Lạn	4	-	-	65	260	18	54	13	26	4	4	100	3,44	C
-	Miếu thờ Trần Khánh Dư	4	-	-	68	272	16	48	15	30	1	1	100	3,51	C
-	Vườn quốc gia Ba Mùn	4	-	-	66	264	17	51	14	28	3	3	100	3,46	C
-	Nhà cổ Quan Lạn	4	-	-	62	248	21	63	16	32	1	1	100	3,44	C

14	**Đề xuất của Cô/Bác/Anh/Chị về việc phát triển du lịch bền vững đảo Quan Lạn trong thời gian tới**													
-	Đào tạo và nâng cao nhận thức về DLCĐ cho cộng đồng địa phương	5	65	325	27	108	5	15	2	4	1	1	100	4,53	C
-	Tổ chức các khoá tập huấn về DLBV và thực hiện DLBV	5	63	315	20	80	11	33	3	6	3	3	100	4,37	C
-	Xây dựng SPDL xanh/ đặc thù bền vững với môi trường, bảo tồn di sản	5	64	320	29	116	4	12	1	2	2	2	100	4,52	C
-	Tăng cường sự tham gia của cộng đồng về PT DLBV	5	63	315	18	72	10	30	5	10	4	4	100	4,31	C
-	PTDL đi đôi với bảo tồn và tôn tạo tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường	5	52	260	24	96	16	48	5	10	3	3	100	4,17	C
-	Đầu tư CSHT, CSVCKT phục vụ du lịch, đặc biệt là nguồn nước ngọt sinh hoạt	5	44	220	27	108	15	45	9	18	5	5	100	3,96	KC
-	Chi sẻ lợi ích từ nguồn thu du lịch để hỗ trợ	5	52	260	24	96	12	36	7	14	5	5	100	4,11	C

	phát triển cộng đồng														
-	Xây dựng hệ thống xử lý rác thải, thu gom rác thải, đặc biệt vào mùa cao điểm khách du lịch và mùa thu hoạch hành, tỏi	5	54	270	26	104	12	36	7	14	1	1	100	4,25	C
-	Xây dựng hành lang cây xanh, gia tăng cảnh quan xanh, gia tăng cây trồng đặc trưng, thích nghi với khí hậu đảo (cây bàng vuông, hoa giấy…)	5	57	285	27	108	8	24	4	8	4	4	100	4,29	C
11	***Tiêu chí đánh giá mức độ phát triển du lịch bền vững huyện đảo Quan Lạn***														
11.1	*Tiêu chí đánh giá mức độ phát triển du lịch bền vững huyện đảo Quan Lạn dưới góc độ kinh tế*														
	1. Chỉ số về thu nhập du lịch và tỷ trọng du lịch trong cơ cấu kinh tế														
-	Tốc độ tăng trưởng doanh thu du lịch	4	-	-	64	256	19	57	16	32	1	1	100	3,46	C
-	Tốc độ tăng tỷ trọng du lịch trong cơ cấu kinh tế đại phương	4	-	-	67	268	18	54	12	24	3	3	100	3,49	C
	2, Chỉ số về khách du lịch														
-	Tốc độ tăng trưởng lượng khách du lịch	4	-	-	39	156	34	102	26	52	1	1	100	3,11	C

-	Tốc độ tăng mức chi tiêu trung bình	4	-	-	46	184	32	96	18	36	4	4	100	3,2	C
-	Tốc độ tăng số ngày lưu trú trung bình	4	-	-	32	128	41	123	22	44	5	5	100	3	KC
-	Tỷ lệ khách du lịch quay trở lại	4	-	-	33	132	41	123	22	44	4	4	100	3,03	C
-	Tỷ lệ hài lòng của du khách du lịch	4	-	-	38	152	38	114	23	46	1	1	100	3,13	C
	3, Tính trách nhiệm trong hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch														
-	Mức độ chính xác của thông tin quảng bá so với thực tế	4	-	-	46	230	32	96	20	40	2	2	100	3,68	C
-	Tỷ lệ hiện diện trong các sự kiện truyền thông Du lịch	4	-	-	44	220	31	93	22	44	3	3	100	3,6	C
	4, Chất lượng nguồn lao động du lịch được nâng lên														
-	Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia vào các khoá đào tạo	4	-	-	18	72	23	69	37	74	22	22	100	2.37	TB
-	Tốc độ gia tăng lực lượng lao động tham gia các khoá đào tạo hàng năm	4	-	-	18	72	20	60	38	76	24	24	100	2.32	TB
	5, Đầu tư cho du lịch														
-	Tổng lượng vốn đầu tư cho du lịch	4	-	-	47	188	31	93	22	44	0	0	100	3,25	C
-	Tỷ lệ cơ cấu nguồn	4	-	-	49	196	26	78	20	40	5	5	100	3,19	C

	vốn đầu tư cho du lịch														
11.2	*Tiêu chí đánh giá mức độ phát triển du lịch bền vững huyện đảo Quan Lạn dưới góc độ xã hội*														
	1, Tốc độ phát triển các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ														
-	Tốc độ phát triển các cơ sở kinh doanh vận chuyển	4	-	-	48	192	29	87	23	46	0	0	100	3,25	C
-	Tốc phát triển các cơ sở kinh doanh lưu trú	4	-	-	42	168	32	96	25	50	1	1	100	3,15	C
-	Tốc độ phát triển các cơ sở kinh doanh ăn uống	4	-	-	50	200	34	102	16	32	0	0	100	3,34	C
	2, Mức độ hài lòng của cộng đồng địa phương đối với HĐDL														
-	Tỷ lệ công đồng địa phương có tham gia xây đựng, đóng góp ý kiến và giám sát thực hiện các dự án đầu tư, phát triển du lịch tại địa phương	4	-	-	37	148	31	93	30	60	2	2	100	3,03	C
-	Mức độ hài lòng chung của cộng đồng địa phương đối với HĐDL	4	-	-	34	136	34	102	26	52	6	6	100	2,96	KC
	3, Tạo việc làm cho người dân địa phương														
-	Tỷ lệ việc làm trong ngành du lịch danh cho	4	-	-	32	128	49	147	16	32	3	3	100	3,10	C

	người dân địa phương trên tổng số lao động địa phương														
-	- Tốc độ tăng tỷ lệ việc làm trong du lịch	4	-	-	60	240	26	78	12	24	2	2	100	3,44	C
	4, Về công tác đảm bảo an toàn, an ninh trật tự, an toàn xã hội														
-	Các rủi ro về sức khoẻ (bệnh tật, tai nạn) do du lịch đối với du khách	4	-	-	16	64	18	54	36	72	50	50	120	2.00	TB
-	Số lượng các vụ trộm cắp, cướp giật liên quan đến khách du lịch	4	-	-	14	56	19	57	37	74	50	50	120	1.98	TB
-	Số lượng các hiện tượng ăn xin, bán hàng rong đeo bám, giành giật khách du lịch	4	-	-	16	64	17	51	38	76	49	49	120	2.00	TB
11.3	*Tiêu chí đánh giá mức độ phát triển du lịch bền vững huyện đảo Quan Lạn dưới góc độ môi trường*														
-	**1, Tỷ lệ các khu, điểm du lịch được đầu tư tôn tạo và bảo tồn**	4	-	-	27	108	28	84	37	74	8	8	100	2,74	KC
-	**2, Tỷ lệ các khu, điểm du lịch được quy hoạch**	4	-	-	29	116	32	96	31	62	8	8	100	2,82	KC
-	**3, Tỷ lệ đóng góp từ**	4	-	-	32	128	29	87	30	60	9	9	100	2,84	KC

	thu nhập du lịch cho công tác bảo tồn, phát triển tài nguyên và bảo vệ môi trường													
	4, Quản lý và hạn chế các áp lực lên môi trường tại các khu, điểm du lịch													
-	Tỷ lệ các khu, điểm du lịch có bản quy định nội quy tham quan, bảo vệ môi trường	4	-	-	29	116	34	102	36	72	1	1	100	2,91	KC
-	Tỷ lệ các khu, điểm du lịch có thu gom rác thải hàng ngày	4	-	-	22	88	38	114	37	74	3	3	100	2,79	KC
-	- Tỷ lệ các khu, điểm du lịch có giới hạn sức chứa khách du lịch	4	-	-	14	56	32	96	46	92	8	8	100	2,52	KC
-	Tỷ lệ các khu, điểm du lịch có thùng đựng rác chuẩn	4	-	-	19	76	31	93	49	98	1	1	100	2,68	KC
-	Tỷ lệ các cơ sở lưu trú có hệ thống thu gom và xử lý chất thải đạt chuẩn	4	-	-	21	84	32	96	36	72	11	11	100	2,63	KC
-	- Lượng nước sử dụng trung bình tính trên mỗi du khách một	4	-	-	17	68	25	75	31	62	27	27	100	2,32	KC

	ngày đêm nghỉ ở cơ sở lưu trú (lít)														
-	Chất lượng môi trường (nước sạc, không khí, rác thải, tiếng ồn…) tại các khu, điểm du lịch	4	-	-	34	136	37	111	21	42	8	8	100	2,97	KC
	5, Ý thức bảo vệ môi trường														
-	Du khách có ý thức trong tham gia bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên và phát triển du lịch	4	-	-	30	120	31	93	34	68	5	5	100	2,86	KC
-	Cư dân địa phương có ý thức trong tham gia bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên và phát triển du lịch	4	-	-	26	104	27	81	41	82	6	6	100	2,73	KC
-	Các cơ sở kinh doanh du lịch có ý thức trong tham gia bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên và phát triển du lịch (*đánh giá chéo*)	4	-	-	26	104	32	96	34	68	8	8	100	2,76	KC

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐẢO LÝ SƠN

Đặc điểm	Mẫu n=100	
	Tần số	Tỷ lệ %
Giới tính		
Nam	44	44
Nữ	56	56
Tuổi		
<18	4	4
18-34	35	35
35-55	40	40
>55	21	21

TT	CÂU HỎI	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Mức đánh giá
I.	**PHIẾU: PHỎNG VẤN CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG ĐẢO LÝ SƠN: 100 PHIẾU**			
1	***Ở địa phương Cô/Bác/Anh/Chị có những điểm du lịch nào thu hút du khách?***			
-	Hang Câu	93	93	C
-	Cổng Tò Vò	92	92	C
-	Bãi Ngang	93	93	C
-	Chùa Hang	94	94	C
-	Chùa Đục và đình Liêm Tự	91	91	C
-	Âm Linh Tự	92	92	C
-	Đỉnh núi Thới Lới	87	87	C
-	Khu du lịch Hoàng Sa và ngọn hải đăng Mù Cu	88	88	C
-	Cánh đồng trồng tỏi	84	84	C
-	Đảo bé - Hòn Mù Cu	95	95	C
-	Làng bích họa	86	86	C
4	***Theo Cô/Chú/Anh/Chị, khách du lịch đến tham quan địa phương vì lý do gì?***			

-	Cảnh quan hấp dẫn	94	94	C
-	Di tích lịch sử có giá trị	89	89	C
-	Bãi biển đẹp	96	96	C
-	Tất cả các ý trên	94	94	C
5	***Mức độ cảm nhận của Cô/Bác/Anh/Chị khi có khách du lịch tới địa phương?***			
-	Rất vui	82	82	C
-	Vui	6	6	RT
-	Bình thường	2	2	RT
-	Không vui	0	0	RT
-	Không quan tâm	0	0	RT
6	***Cô/Bác/Anh/Chị lo ngại nhất về vấn đề gì khi có nhiều khách du lịch đến địa phương?***			
-	Ô nhiễm môi trường	37	37	KT
-	Xáo trộn cuộc sống	57	57	TB
-	Ảnh hưởng đến văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng	54	54	TB
-	Chi phí đời sống gia tăng, quỹ đất đắt đỏ	86	86	C
7	***Hiện nay, Cô/Bác/Anh/Chị có tham gia hoạt động du lịch ở địa phương không?***			
-	Có	74	74	KC
-	Không	26	26	KT
8	***Cô/Bác/Anh/Chị đang kinh doanh dịch vụ nào?***			
-	Hoạt động hướng dẫn, dẫn đường cho khách	74	74	KC
-	Hướng dẫn trải nghiệm	45	45	TB
-	Mang vác hành lý	47	47	TB
-	Cho thuê phương tiện vận chuyển	76	76	KC
-	Dịch vụ lưu trú	63	63	KC
-	Dịch vụ ẩm thực	72	72	KC
-	Trình diễn nghệ thuật dân gian	32	32	T
-	Dịch vụ bổ sung, bán hàng lưu niệm	48	48	TB

-	Hướng kinh doanh khác	42	42	TB
9	***Theo Cô/Bác/Anh/Chị, lý do chính người dân địa phương muốn tham gia hoạt động du lịch là:***			
-	Tạo thêm việc làm và việc làm mới	75	75	KC
-	Tăng thu nhập cho bản thân và gia đình	73	73	KC
-	Giúp công việc buôn bán được thuận lợi	73	73	KC
-	Gia tăng tiêu thụ sản phẩm nông, ngư nghiệp của địa phương	89	89	C
-	Sử dụng tốt hơn các nguồn lực của gia đình	84	84	C
-	Hỗ trợ phát triển, bảo tồn nghề truyền thống tại địa phương	82	82	C
-	Quảng bá, giới thiệu vẻ đẹp tự nhiên, văn hoá đến du khách	89	89	C
-	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, truyền thống của địa phương	88	88	C
10	***Hoạt động du lịch tại địa phương của Cô/Bác/Anh/Chị được quảng bá qua những kênh thông tin nào?***			
-	Ti vi/ Radio	92	92	C
-	Báo chí	84	84	C
-	Website du lịch	93	93	C
-	Mạng xã hội	94	94	C
-	Công ty du lịch	88	88	C
-	Bạn bè/người thân	82	82	C
12	***Để thu hút du khách, theo Cô/Bác/Anh/Chị, người dân địa phương cần làm gì?***			
-	Sửa chữa nhà cửa đủ tiêu chuẩn đón khách du lịch	93	93	C
-	Tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ du lịch	93	93	C
-	Thái độ thân thiện, nồng hậu	94	94	C
-	Giữ gìn vệ sinh môi trường	96	96	C
-	Giao tiếp được bằng ngoại ngữ	93	93	C
-	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, truyền thống của địa phương	92	92	C
13	***Cô/Bác/Anh/Chị muốn được trợ giúp về lĩnh vực nào khi tham gia vào hoạt động du lịch tại địa phương?***			

-	Vốn đầu tư	94	94	C
-	Xúc tiến, quảng bá SPDL	95	95	C
-	Hướng dẫn cách thức đón tiếp và phục vụ khách du lịch	97	87	C
14	***Theo Cô/Bác/Anh/Chị, tác động tích cực của phát triển du lịch đến kinh tế - xã hội?***			
-	Du lịch phát triển đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân	92	92	C
-	Du lịch phát triển đã đưa đến nhiều cơ hội đầu tư cho huyện đảo	91	91	C
-	Thu nhập của người dân huyện đảo được cải thiện nhờ du lịch phát triển	89	89	C
-	Du lịch phát triển đã đưa đến sự cải thiện cơ sở hạ tầng cho huyện đảo	92	92	C
-	Tạo điều kiện cho giới trẻ cơ hội hiểu biết thêm về văn hoá, bảo vệ nét đẹp truyền thống qua việc tổ chức các lễ hội	89	89	C
-	Đưa đến sự đa dạng, phong phú thêm về văn hoá	93	93	C
-	Tạo sự giao lưu, gặp gỡ du khách từ mọi miền trong nước và thế giới làm phong phú thêm những hiểu biết của người dân địa phương.	91	91	C

TT	Câu hỏi	Điểm tối đa	Kết quả theo từng cấp độ, tương ứng với số điểm: Ghi chú: Rất hấp dẫn: 4 điểm; khá hấp dẫn 3 điểm, bình thường: 2 điểm, Kém hấp dẫn: 1 điểm// Rất tốt: 4 điểm; Tốt 3 điểm, Khá tốt: 2 điểm, Không tốt: 1 điểm// Rất cao: 4 điểm; Cao 3 điểm, Trung bình: 2 điểm, Thấp: 1 điểm										Tổng số phiếu	Điểm trung bình	Mức đánh giá
			Mức điểm: 5		Mức điểm: 4		Mức điểm: 3		Mức điểm: 2		Mức điểm: 1				
			Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn	Số phiếu	Điểm cộng dồn			
I.	**PHỎNG VẤN TẠI ĐẢO LÝ SƠN**														
2	***Mức độ thu hút du khách của những điểm du lịch đó?***														
-	Hang Câu	4			43	172	32	96	22	44	3	3	100	2,62	KC
-	Cổng Tò Vò	4			42	168	30	90	21	42	7	7	100	2,55	KC
-	Bãi Ngang	4			34	136	29	34	31	62	6	6	100	1,98	TB
-	Chùa Hang	4			33	132	32	96	29	58	6	6	100	2,43	KC
-	Chùa Đục và đình Liêm Tự	4			42	168	32	96	21	42	5	5	100	2,59	KC
-	Âm Linh Tự	4			37	148	31	34	29	58	3	3	100	2,02	KC
-	Đỉnh núi Thới Lới	4			43	172	32	96	22	44	3	3	100	2,62	KC
-	Khu du lịch Hoàng Sa và ngọn hải đăng Mù Cu	4			42	168	30	90	21	42	7	7	100	2,55	KC
-	Cánh đồng trồng tỏi	4			38	152	32	34	26	52	4	4	100	2,01	KC
-	Đảo bé - Hòn Mù Cu	4			42	168	30	90	21	42	7	7	100	2,55	KC

-	Làng bích họa	4			34	136	29	34	31	62	6	6	100	1,98	TB
15	***Đề xuất của Cô/Bác/Anh/Chị về việc phát triển du lịch bền vững đảo Lý Sơn trong thời gian tới (5 mức)***														
-	Đào tạo và nâng cao nhận thức về DLCĐ cho cộng đồng địa phương	5	37	185	32	128	16	48	11	22	4	4	100	3,22	KC
-	Tổ chức các khoá tập huấn về DLBV và thực hiện DLBV	5	38	190	31	124	16	48	12	24	3	3	100	3,24	KC
-	Xây dựng SPDL xanh/ đặc thù bền vững với môi trường, bảo tồn di sản	5	42	210	32	128	15	45	8	16	3	3	100	3,35	KC
-	Tăng cường sự tham gia của cộng đồng về PT DLBV	5	39	195	31	124	14	42	11	22	5	5	100	3,23	KC
-	PTDL đi đôi với bảo tồn và tôn tạo tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường	5	42	210	29	116	16	48	11	22	2	2	100	3,31	KC
-	Đầu tư CSHT, CSVCKT phục vụ du lịch, đặc biệt là nguồn nước ngọt sinh hoạt	5	33	165	29	116	21	63	10	20	7	7	100	3,09	KC
-	Chi sẻ lợi ích từ nguồn thu du lịch, hỗ trợ phát triển cộng đồng	5	37	185	33	132	16	48	13	26	1	1	100	3,26	KC

-	Xây dựng hệ thống xử lý rác thải, thu gom rác thải, đặc biệt vào mùa cao điểm khách du lịch và mùa thu hoạch hành, tỏi	5	28	140	29	116	21	63	17	34	5	5	100	2,98	TB
-	Xây dựng hành lang cây xanh, gia tăng cảnh quan xanh, gia tăng cây trông đặc trưng, thích nghi với khí hậu đảo (cây bàng vuông, hoa giấy…)	5	38	190	27	108	21	63	11	22	3	3	100	3,21	KC
11	***Tiêu chí đánh giá mức độ phát triển du lịch bền vững huyện đảo Lý Sơn***														
11.1	*Tiêu chí đánh giá mức độ phát triển du lịch bền vững huyện đảo Lý Sơn dưới góc độ kinh tế*														
	1, Chỉ số về thu nhập du lịch và tỷ trọng du lịch trong cơ cấu kinh tế														
-	Tốc độ tăng trưởng doanh thu du lịch	4	-	-	42	168	39	117	15	30	4	4	100	2,65	KC
-	Tốc độ tăng tỷ trọng du lịch trong cơ cấu kinh tế đại phương	4	-	-	41	164	34	102	21	42	4	4	100	2,6	KC
	2, Chỉ số về khách du lịch														
-	Tốc độ tăng trưởng lượng khách du lịch	4	-	-	41	164	56	168	3	6	0	0	100	2,81	KC
-	Tốc độ tăng mức chi tiêu trung bình	4	-	-	41	164	52	156	7	14	0	0	100	2,78	KC

-	Tốc độ tăng số ngày lưu trú trung bình	4	-	-	42	168	41	123	15	30	2	2	100	2,69	KC
-	Tỷ lệ khách du lịch quay trở lại	4	-	-	36	144	44	132	16	32	4	4	100	2,6	KC
-	Tỷ lệ hài lòng của du khách du lịch	4	-	-	48	192	37	111	13	26	2	2	100	2,76	KC
	3, Tính trách nhiệm trong hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch														
-	Mức độ chính xác của thông tin quảng bá so với thực tế	4	-	-	34	136	41	123	19	38	6	6	100	2,53	KC
-	Tỷ lệ hiện diện trong các sự kiện truyền thông Du lịch	4	-	-	32	128	48	144	19	38	1	1	100	2,59	KC
	4, Chất lượng nguồn lao động du lịch được nâng lên														
-	Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia vào các khoá đào tạo	4	-	-	32	128	39	117	26	52	3	3	100	2,5	KC
-	Tốc độ gia tăng lực lượng lao động tham gia các khoá đào tạo hàng năm	4	-	-	43	172	49	147	8	16	0	0	100	2,79	KC
	5, Đầu tư cho du lịch														
-	Tổng lượng vốn đầu tư cho du lịch	4	-	-	36	144	39	117	22	44	3	3	100	2,57	KC
-	Tỷ lệ cơ cấu nguồn vốn đầu tư cho du lịch	4	-	-	41	164	46	138	11	22	2	2	100	2,72	KC

11.2	*Tiêu chí đánh giá mức độ phát triển du lịch bền vững huyện đảo Lý Sơn dưới góc độ xã hội*														
	1, Tốc độ phát triển các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ														
-	Tốc độ phát triển các cơ sở kinh doanh vận chuyển	4	-	-	41	164	52	156	7	14	0	0	100	2,78	KC
-	Tốc phát triển các cơ sở kinh doanh lưu trú	4	-	-	51	204	46	138	3	6	0	0	100	2,9	KC
-	Tốc độ phát triển các cơ sở kinh doanh ăn uống	4	-	-	52	208	46	138	2	4	0	0	100	2,92	KC
	2, Mức độ hài lòng của cộng đồng địa phương đối với HĐDL														
-	Tỷ lệ công đồng địa phương có tham gia xây đựng, đóng góp ý kiến và giám sát thực hiện các dự án đầu tư, phát triển du lịch tại địa phương	4	-	-	27	108	39	117	27	54	7	7	100	2,38	KC
-	Mức độ hài lòng chung của cộng đồng địa phương đối với HĐDL	4	-	-	31	124	34	102	31	62	4	4	100	2,43	KC
	3, Tạo việc làm cho người dân địa phương														
-	Tỷ lệ việc làm trong ngành du lịch danh cho người dân địa	4	-	-	46	184	42	126	12	24	0	0	100	2,78	KC

	phương trên tổng số lao động địa phương														
-	Tốc độ tăng tỷ lệ việc làm trong du lịch	4	-	-	40	160	44	132	16	32	0	0	100	2,7	KC
	4, Về công tác đảm bảo an toàn, an ninh trật tự, an toàn xã hội														
-	Các rủi ro về sức khoẻ (bệnh tật, tai nạn) do du lịch đối với du khách	4	-	-	18	72	21	63	35	70	26	26	100	1,93	TB
-	Số lượng các vụ trộm cắp, cướp giật liên quan đến khách du lịch	4	-	-	15	60	19	57	41	82	25	25	100	1,87	TB
-	Số lượng các hiện tượng ăn xin, bán hàng rong đeo bám, giành giật khách du lịch	4	-	-	16	64	22	66	35	70	27	27	100	1,89	TB
11.3	*Tiêu chí đánh giá mức độ phát triển du lịch bền vững huyện đảo Lý Sơn dưới góc độ môi trường*														
	1, Tỷ lệ các khu, điểm du lịch được đầu tư tôn tạo và bảo tồn	4	-	-	27	108	23	69	39	78	11	11	100	2,21	KC
	2, Tỷ lệ các khu, điểm du lịch được quy hoạch	4	-	-	29	116	27	81	34	68	10	10	100	2,29	KC

	3, Tỷ lệ đóng góp từ thu nhập du lịch cho công tác bảo tồn, phát triển tài nguyên và bảo vệ môi trường	4	-	-	32	128	24	72	33	66	11	11	100	2,31	KC
	4, Quản lý và hạn chế các áp lực lên môi trường tại các khu, điểm du lịch														
-	Tỷ lệ các khu, điểm du lịch có bản quy định nội quy tham quan, bảo vệ môi trường	4	-	-	29	116	30	90	36	72	5	5	100	2,36	KC
-	Tỷ lệ các khu, điểm du lịch có thu gom rác thải hàng ngày	4	-	-	29	116	38	114	31	62	2	2	100	2,45	KC
-	Tỷ lệ các khu, điểm du lịch có giới hạn sức chứa khách du lịch	4	-	-	14	56	32	96	46	92	8	8	100	2,1	KC
-	Tỷ lệ các khu, điểm du lịch có thùng đựng rác chuẩn	4	-	-	19	76	33	99	43	86	5	5	100	2,22	KC
-	Tỷ lệ các cơ sở lưu trú có hệ thống thu gom và xử lý chất thải đạt chuẩn	4	-	-	21	84	32	96	36	72	11	11	100	2,19	KC
-	Lượng nước sử dụng trung bình tính trên mỗi du khách một	4	-	-	42	168	33	99	21	42	4	4	100	2,60	KC

	ngày đêm nghỉ ở cơ sở lưu trú (lít)													
-	Chất lượng môi trường (nước sạc, không khí, rác thải, tiếng ồn…) tại các khu, điểm du lịch	4	-	-	34	136	38	114	21	42	7	7	100	2,49	KC
	5, Ý thức bảo vệ môi trường													
-	Du khách có ý thức trong tham gia bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên và phát triển du lịch	4	-	-	30	120	31	93	36	72	3	3	100	2,4	KC
-	Cư dân địa phương có ý thức trong tham gia bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên và phát triển du lịch	4	-	-	26	104	27	81	42	84	5	5	100	2,28	KC
-	Các cơ sở kinh doanh du lịch có ý thức trong tham gia bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên và phát triển du lịch (*đánh giá chéo*)	4	-	-	22	88	30	90	41	82	7	7	100	2.22	KC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
Địa chỉ: Tổ 54, Phường Phan Đình Phùng - Tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại: 0208 3546116; Fax: 0208 3840017
Website: nxb.tnu.edu.vn * E-mail: nxb.dhtn@gmail.com

PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI CÁC ĐẢO VEN BỜ VIỆT NAM (Xét trường hợp đảo Quan Lạn và đảo Lý Sơn)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. PHẠM QUỐC TUẤN
Giám đốc - Tổng biên tập

Biên tập:	HOÀNG ĐỨC NGUYÊN
Thiết kế bìa:	LÊ THÀNH NGUYÊN
Sửa bản in:	QUÁCH THÙY LINH
Trình bày:	LÊ THÀNH NGUYÊN

Đối tác liên kết xuất bản
Trường Đại học Khoa học
(Tổ 54, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên)

***

Số đăng kí kế hoạch xuất bản: 4354-2025/CXBIPH/08-130/ĐHTN
Số quyết định xuất bản: 91LK-TC/QĐ-NXBĐHTN, ngày 07/11/2025
Nộp lưu chiểu quý IV năm 2025
Mã ISBN: ***978-604-350-618-1***

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được sao chép hay phát hành dưới bất kì hình thức hoặc phương tiện nào nếu không được sự cho phép của Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên